**VIỆN ALBERT EINSTEIN**

# Tiến Hành Đấu Tranh Bất Bạo Động

**Gene Sharp**

**Nguyễn văn Thái, PhD., chuyển ngữ**

Đây là những trích đoạn trong cuốn ***Tiến Hành Đấu Tranh Bất Bạo Động (Waging Nonviolent Struggle)*** của GS. Gene Sharp dành cho độc giả của cuốn ***Tự Giải Phóng (Self-Liberation)*** cũng của GS. Gene Sharp. Bản Việt ngữ do GS. Nguyễn văn Thái chuyển ngữ.

# Chương Một

# Đối Diện với Những Xung Đột Nghiêm Trọng

**Không phải mọi xung đột đều có cùng tầm quan trọng ngang nhau**

Chúng ta sống trong một thế giới có nhiều xung đột, và chúng ta có bổn phận phải đối đầu với nhiều cuộc xung đột trong số những xung đột này.

Không phải tất cả mọi xung đột đều có cùng tầm quan trọng ngang nhau. Một vài cuộc xung đột quan trọng hơn những cuộc xung đột khác rất nhiều, và trong một vài xung đột, những vấn đề tranh chấp khó được giải quyết ổn thoả hơn là những vấn đề tranh chấp trong những vụ xung đột khác.

Nơi nào mà những vấn đề tranh chấp chỉ có tầm quan trọng giới hạn thì nơi đó thường ít có khó khăn trong việc đi đến một giải pháp. Chúng ta có thể có tiềm năng chia sẻ sự khác biệt, có thể đồng ý về một giải pháp thứ ba, hay là hoãn lại một vài vấn đề tranh cãi để giải quyết sau. Dù vậy, ngay cả đối với những xung khắc ít quan trọng này, nhóm khiếu nại vẫn cần phải có những phương tiện có hiệu lực để thúc đẩy các yêu sách của mình. Nếu không thì đối phương có rất ít lí do để xét đến những yêu sách này một cách đúng đắn.

Tuy nhiên có nhiều cuộc xung khắc mà trong đó những vấn đề tranh cãi bị đe doạ, hay là được tin là bị đe doạ. Những cuộc xung khắc này không thích hợp cho việc giải quyết bằng bất cứ phương pháp nào liên quan đến thoả hiệp. Đây là trường hợp của những “xung đột nghiêm trọng.”

## 14 TĂNG CƯỜNG BẰNG KHẢ NĂNG ĐẤU TRANH

### Xúc tiến những cuộc đấu tranh nghiêm trọng

Trong những vụ xung đột nghiêm trọng, ít nhất có một phe xem việc tiến hành đấu tranh chống lại những đối thủ thù nghịch là cần thiết và tốt, vì những vấn đề tranh chấp được xem là đang bị đe doạ. Người ta thường tin là phải tiến hành đấu tranh để thúc đẩy và bảo vệ tự do, công lí, tôn giáo, nền văn minh, hay người dân. Các giải pháp đề nghị đòi hỏi những thỏa hiệp căn bản về những vấn đề nền tảng này hiếm khi được chấp nhận. Cũng trong chiều hướng này, chịu khuất phục đối phương, hay bị đối phương đánh bại, được xem là một thảm hoạ. Mặc dù vậy, người ta thường tin rằng cần phải thỏa hiệp hay nhượng bộ để có được những giải pháp hoà bình cho những xung đột nghiêm trọng. Nhưng vì đây không phải là những giải pháp có thể chấp nhận được đối với các phe liên hệ, do đó người ta tin là cần phải xúc tiến cuộc đấu tranh bằng cách áp dụng những phương tiện mạnh nhất có thể có được. Những phương tiện này thường bao gồm một vài hình thức bạo động.

### Có những giải pháp thay thế

Bạo lực, tuy vậy, không phải là khả năng độc nhất. Chiến tranh và những hình thức bạo động khác, lâu nay không phải là phổ quát trong việc tiến hành những xung đột nghiêm trọng. Trong rất nhiều hoàn cảnh khác nhau, suốt hằng thế kỉ và vượt qua những bức tường văn hoá, một kĩ thuật đấu tranh khác đã có lần được áp dụng. Kĩ thuật này được đặt trên cơ sở của khả năng kiên trì, khước từ hợp tác, bất tuân, và sự cương quyết chống lại đối phương cường bạo.

Dọc dài lịch sử loài người, và trong một số rất lớn những cuộc xung đột, một phe đã từng chọn đấu tranh bằng những phương pháp tâm lí, xã hội, kinh tế, hoặc chính trị, hay là hỗn hợp của những phương pháp này. Đã nhiều lần phương pháp đấu tranh này được áp dụng khi những vấn đề tranh chấp căn bản bị đe doạ, và khi đối phương tàn ác, sẵn sàng và có khả năng áp dụng đàn áp khắc nghiệt. Những đàn áp này gồm có đánh đập, bắt bớ, tù tội, hành quyết, và sát hại tập thể. Bất kể những đàn áp như thế, nếu những người đối kháng kiên trì, chỉ đấu tranh bằng "vũ khí bất bạo động" đã chọn thì có lúc họ đã thắng.

Kĩ thuật thay thế này được gọi là hành động bất bạo động hay là đấu tranh bất bạo động. Đây là một "giải pháp thay thế tối hậu được cổ xuý."

Trong một vài xung đột nghiêm trọng, kĩ thuật này đã từng được sử dụng thay thế cho đấu tranh bạo động.

Trong trí óc của nhiều người, đấu tranh bất bạo động thường được gắn liền mật thiết với những người như là Mohandas K. Gandhi và Martin Luther King, Jr. Công việc và các hoạt động của cả hai người và những phong trào mà họ lãnh đạo hay đóng một vai trò then chốt, rất quan trọng. Tuy nhiên, những phong trào này không thực sự tượng trưng cho mọi hành động bất bạo động. Thực ra, công việc của các vị này, trong những ý nghĩa quan trọng, không tiêu biểu cho sự thực hành tổng quát của đấu tranh bất bạo động trong mấy thập kỉ vừa qua và chắc là suốt cả hằng mấy thế kỉ nay. Những cuộc đấu tranh bất bạo động theo lịch sử không phải là mới mẻ. Chúng đã từng xảy ra suốt nhiều thế kỉ nay, nhưng thường không được lịch sử chú trọng mấy.

## Đấu tranh bất bạo động lan rộng

Đấu tranh bất bạo động đã xảy ra trong những nền văn hoá, những giai đoạn lịch sử, và những điều kiện chính trị rất khác nhau. Nó đã từng xảy ra ở phương Tây cũng như phương Đông. Hành động bất bạo động đã xảy ra tại những quốc gia đã được kĩ nghệ hoá cũng như những quốc gia chưa được kĩ nghệ hoá. Nó đã từng được thi hành tại những nền dân chủ lập hiến và đã từng được sử dụng để chống lại những đế quốc, chống ngoại xâm, và các hệ thống độc tài. Đấu tranh bất bạo động đã từng được tiến hành nhân danh hằng hà sa số những lí tưởng đấu tranh và phe nhóm, và ngay cả để tranh thủ những mục tiêu mà nhiều người chống đối. Nó đã từng được sử dụng để ngăn cản, cũng như để cổ võ thay đổi. Việc sử dụng đấu tranh bất bạo động đôi khi được trộn lẫn với hành động bạo động có giới hạn, nhưng thường thì nó đã được sử dụng nhiều lần với rất ít hay là không có bạo động.

Những vấn đề tranh cãi hệ trọng trong những cuộc xung đột này thường có nhiều nguồn gốc khác biệt nhau. Chúng bao gồm những vấn đề xã hội, kinh tế, sắc tộc, tôn giáo, quốc gia, nhân đạo, và chính trị; từ những vấn đề tầm thường đến những vấn đề cơ bản.

Mặc dù các sử gia thường hay lơ là về loại đấu tranh này, nhưng rõ ràng đây là một hiện tượng rất cổ. Hầu hết lịch sử về kĩ thuật này hẳn đã bị thất lạc, và những gì còn lại thì hầu hết bị lãng quên.

Nhiều trường hợp về việc sử dụng đấu tranh bất bạo động có rất ít hay không liên quan gì đến các chính quyền. Những trường hợp ngày nay thì bao gồm những xung khắc về quản lí lao động và về những nỗ lực nhằm áp đặt hay chống đối những áp lực bắt tuân thủ quy ước xã hội. Hành động bất bạo động cũng còn được sử dụng trong những xung khắc về sắc tộc và tôn giáo và trong nhiều hoàn cảnh khác, như những tranh chấp giữa sinh viên và các ban quản trị đại học. Những xung khắc quan trọng giữa dân sự và chính quyền mà một phe sử dụng hành động bất bạo động cũng đã từng xảy ra nhiều nơi. Những thí dụ sau đây thuộc về loại này.

## Những trường hợp đấu tranh bất bạo động

Từ cuối thế kỉ thứ mười tám đến suốt thế kỉ thứ hai mươi, kĩ thuật đấu tranh bất bạo động đã được sử dụng nhiều trong những cuộc nổi dậy của thuộc địa, trong những xung đột quốc tế về chính trị và kinh tế, trong những xung khắc về tôn giáo, và những đối kháng chống nô lệ.[1] Kĩ thuật này đã nhắm đến bảo đảm quyền công nhân được tổ chức, các quyền của phụ nữ, quyền phổ thông đầu phiếu khi đến tuổi, và quyền đầu phiếu của phụ nữ. Loại đấu tranh này đã từng được sử dụng để giành độc lập quốc gia, để phát động những thắng lợi kinh tế, để chống lại nạn diệt chủng, để lật đổ các nền độc tài, để giành quyền công dân, để chấm dứt phân biệt đối xử, và để chống ngoại xâm và những cuộc đảo chánh.

Vào thế kỉ thứ hai mươi, đấu tranh bất bạo động đã vươn lên đến một ý nghĩa chính trị chưa từng thấy trên thế giới. Những người sử dụng kĩ thuật này đã thâu góp được những thành quả to lớn, và, dĩ nhiên là đôi khi cũng đã kinh qua thất bại. Người ta đã tranh thủ được thù lao cao hơn và điều kiện làm việc được cải tiến. Những truyền thống và hành động áp bức được huỷ bỏ. Cả nam lẫn nữ giới đều được quyền bỏ phiếu tại nhiều quốc gia, một phần nhờ sử dụng kĩ thuật này. Các chính sách của chính quyền được sửa đổi, những điều luật được huỷ bỏ, luật lệ mới được ban hành, và những cải cách chính quyền được định chế hoá. Những kẻ xâm lược nản lòng và những quân đội đã phải chiến bại. Một đế quốc bị tê liệt,

---

[1]Phần thư tịch bằng Anh ngữ về những trường hợp như thế này, yêu cầu xem Ronald M. McCarthy và Gene Sharp, với sự phụ trợ của Brad Bennett, *Hành Động Bất Bạo Động, Cẩm Nang Nghiên Cứu* [*Nonviolent Action, A Research Guide*], (New York and London, nhà Xuất Bản Garland, 1997).

những cuộc đảo chánh bị đập vỡ, và những nền độc tài bị sụp đổ. Đấu tranh bất bạo động đã được sử dụng để chống lại những nền độc tài khắc nghiệt, bao gồm cả hai hệ thống Đức Quốc Xã lẫn Cộng sản.

Những trường hợp sử dụng kĩ thuật này vào khoảng đầu thế kỉ thứ hai mươi gồm có những yếu tố trọng đại của cuộc Cách Mạng Nga năm 1905. Ở tại những quốc gia khác nhau, những công đoàn đang lớn mạnh đã sử dụng đình công và tẩy chay kinh tế ở nhiều nơi. Những vụ tẩy chay các sản phẩm của Nhật do người Trung Hoa thực hiện đã xảy ra vào những năm 1908, 1915 và 1919. Người Đức đã dùng đối kháng bất bạo động để chống lại cuộc đảo chánh Kapp năm 1920 và để chống lại việc người Pháp và người Bỉ chiếm đóng vùng Ruhr năm 1923. Trong những thập niên 1920 và 1930, những người quốc gia Ấn đã dùng đấu tranh bất bạo động trong những cuộc đấu tranh của họ chống lại nền cai trị của người Anh, dưới sự lãnh đạo của Mohandas K. Gandhi. Cũng trong chiều hướng này, những người Hồi giáo Pahstun, lúc bấy giờ thuộc Tỉnh Biên Giới Tây-Bắc Ấn Độ thuộc Anh (bây giờ là Pakistan), cũng sử dụng đấu tranh bất bạo động chống lại nền cai trị của người Anh, dưới sự lãnh đạo của Khan Abdul Ghaffar Khan.

Từ năm 1940 đến năm 1945, dân tại nhiều quốc gia Âu châu, nhất là tại Na Uy, Đan Mạch, và Phần Lan đã sử dụng đấu tranh bất bạo động để chống lại sự chiếm đóng và cai trị của Đức Quốc Xã. Hành động bất bạo động đã được sử dụng để cứu người Do Thái khỏi vụ Tàn Sát ở Berlin, Bulgaria, Đan Mạch, và những nơi khác. Những nhà độc tài quân phiệt của Salvador và Guatemala đã bị lật đổ trong những cuộc đấu tranh bất bạo động ngắn ngủi vào mùa xuân năm 1944. Những cuộc đấu tranh bất bạo động cho dân quyền của người Mỹ chống lại phân biệt chủng tộc, đặc biệt vào những thập niên 1950 và những thập niên 1960, đã thay đổi luật lệ và những chính sách đã được thiết lập lâu đời tại miền Nam Hoa Kì. Vào tháng Tư năm 1961, sự bất hợp tác của những tân binh Pháp tại thuộc địa Pháp ở Algeria, kết hợp với những cuộc biểu tình của quần chúng tại Pháp cùng với sự thách thức bởi chính quyền Debré-de Gaulle, đã đánh bại cuộc đảo chánh của quân đội tại Algiers trước khi một cuộc đảo chánh liên hệ được tung ra ở Paris.

Vào năm 1968 và 1969, tiếp theo vụ xâm lăng dựa theo Thoả Ước Warsaw, Người Tiệp và Slovak đã chận được sự kiểm soát trọn vẹn của người Nga trong tám tháng bằng đấu tranh bất bạo động ứng biến và bằng khước từ cộng tác. Từ 1953 đến 1991, những nhà li khai tại những

quốc gia bị cộng sản cai trị ở Đông Âu, đặc biệt là Đông Đức, Ba Lan, Hung Gia Lợi, Estonia, Latvia, và Lithuania, đã liên tục sử dụng những cuộc đấu tranh bất bạo động để giành độc lập mỗi lúc một nhiều hơn. Cuộc đấu tranh của Công Đoàn Đoàn Kết tại Ba Lan bắt đầu vào năm 1980 với những cuộc biểu tình hỗ trợ cho yêu sách về một công đoàn tự do hợp pháp, và đã kết thúc vào năm 1989 chấm dứt chế độ Cộng sản Ba Lan. Những vụ chống đối bất bạo động và đối kháng của quần chúng cũng hết sức quan trọng trong việc xói mòn các chính sách phân biệt chủng tộc và sự thống trị của Âu châu tại Nam Phi, đặc biệt là giữa những năm 1950 và 1990. Nền độc tài Marcos đã bị đập vỡ bằng một cuộc nổi dậy bất bạo động vào năm 1986.

Tháng Bảy và tháng Tám năm 1988, những nhà dân chủ Miến Điện chống lại nền độc tài quân phiệt bằng những cuộc đi bộ và thách thức và đã lật đổ ba chính phủ, nhưng cuộc đấu tranh này đã bị đánh gục bởi một cuộc đảo chánh quân sự mới và vụ tàn sát tập thể. Năm 1989, sinh viên Trung Hoa và những người khác từ hơn ba trăm thành phố (gồm cả Quảng Trường Thiên An Môn, Bắc Kinh) đã tiến hành những chống đối có tính biểu tượng chống tham nhũng và đàn áp, nhưng những cuộc chống đối này phải chấm dứt sau những vụ tàn sát tập thể của quân đội.

Đấu tranh bất bạo động đã dứt điểm được các nền độc tài tại Ba Lan và Tiệp Khắc năm 1989 và tại Đông Đức, Estonia, Latvia, và Lithuania năm 1991. Cuộc đảo chánh bất thành theo “đường lối cứng rắn” của KGB, của Đảng Cộng sản, và của quân đội Sô Viết, đã bị chính bất hợp tác và thách thức chống lại và do đó chặn đứng được sự chiếm đoạt bất thành của Nhà Nước Sô Viết.

Tại Kosovo, dân chúng Albanian giữa những năm 1990 và 1999 đã tiến hành một chiến dịch bất hợp tác rộng lớn chống lại nền cai trị áp bức của người Serb. Khi chính phủ “trên thực tế” của Kosovo thiếu một chiến lược bất bạo động để giành độc lập “trên căn bản pháp lí”, thì Quân Đội Giải Phóng Du Kích Kosovo đã khởi động bạo lực. Tiếp theo đó là sự đàn áp khắc nghiệt của người Serb và những vụ tàn sát tập thể được gọi là “rửa sạch chủng tộc”, đưa đến việc NATO dội bom và can thiệp. Bắt đầu vào tháng Mười Một năm 1996, người dân Serb đã tiến hành những cuộc diễn hành và chống đối hằng ngày tại Belgrade và những thành phố khác, chống lại nền cai trị độc đoán của Tổng Thống Milosevic và sửa sai gian lận bầu cử vào giữa tháng Giêng năm 1997. Tuy nhiên, lúc bấy giờ, các nhà dân chủ Serb thiếu một chiến lược để thúc đẩy cuộc đấu tranh đi xa hơn và đã thất bại trong việc tung ra một chiến dịch lật đổ nền độc tài

Milosevic. Vào đầu tháng Mười năm 2000, phong trào Otpor (Đối Kháng) cùng với những nhà dân chủ khác đã lại nổi dậy chống Milosevic trong một cuộc đấu tranh bất bạo động được thiết kế cẩn thận và nền độc tài đã sụp đổ.

Vào đầu năm 2001, Tổng thống Estrada, người bị tố cáo tham nhũng, đã bị người dân Phi Luật Tân lật đổ trong chiến dịch "Sức Mạnh Nhân Dân Số Hai".

Còn nhiều thí dụ quan trọng khác trong thế kỉ vừa qua, và việc thực hành đấu tranh bất bạo động vẫn tiếp tục.

## Những phương pháp đấu tranh bất bạo động

Có vô số phương pháp cụ thể về đấu tranh bất bạo động, hay là vũ khí bất bạo động. Cho đến ngày hôm nay, người ta đã nhận dạng được gần hai trăm phương pháp, và chắc chắn là, hiện tại cũng đang có cả hàng chục phương pháp nữa, và nhiều phương pháp khác sẽ xuất hiện trong những vụ xung đột trong tương lai. Các phương pháp này được mô tả chi tiết ở Chương Bốn.

Những phương pháp đấu tranh bất bạo động bao gồm những cuộc đi bộ chống đối, giăng cờ bị cấm, tập họp quần chúng, đêm không ngủ, hàng rào cản, tẩy chay xã hội, tẩy chay kinh tế, đình công lao động, bác bỏ tính hợp pháp, bất tuân dân sự, tẩy chay những chức vụ chính quyền, tẩy chay những cuộc bầu cử gian lận, công chức đình công, cảnh sát bất hợp tác, bất tuân không cần giám sát trực tiếp, nổi loạn, biểu-tình-ngồi, tuyệt thực, ngồi giữa đường, lập các cơ chế thay thế, chiếm giữ các văn phòng, và thiết lập chính quyền song hành.

Những phương pháp này có thể được sử dụng để chống đối có tính cách biểu tượng, để chấm dứt hợp tác, hay là để phá rối sự điều hành của một hệ thống hiện hành. Từ góc cạnh này, có ba loại phương pháp bất bạo động lớn: ***phản đối và thuyết phục bất bạo động, bất hợp tác,*** và ***can thiệp bất bạo động***.

Những vụ chống đối có tính biểu tượng, mặc dù phần nào nhẹ nhàng trong hầu hết mọi hoàn cảnh, có thể chứng tỏ rõ ràng là một phần dân số chống đối chế độ hiện hành và có thể đóng góp vào việc làm mất đi tính hợp pháp của chế độ. Bất hợp tác về xã hội, kinh tế, và chính trị, một khi thực hành mạnh mẽ và lâu đủ, có thể làm suy yếu sự kiểm soát, tài sản, sự thống trị, và quyền lực của đối phương, và có tiềm năng gây nên tê

liệt. Các phương pháp can thiệp bất bạo động -- thường phá rối trật tự hiện hành bằng những phương pháp tâm lí, xã hội, kinh tế, vật chất, hay chính trị -- có thể đe doạ sự kiểm soát của đối phương một cách trầm trọng.

Có những cá nhân hay phe nhóm có thể có những ý kiến khác biệt nhau về sự hữu dụng chính trị tổng quát và về việc có thể chấp nhận được hay không, trên quan điểm đạo đức, những phương pháp đấu tranh bất bạo động. Tuy nhiên tất cả mọi người đều có thể hưởng lợi nhờ kiến thức và sự thông hiểu nhiều hơn về cách sử dụng và về việc cẩn trọng xét định sự thích dụng và hiệu lực của những phương pháp này.

## Một chọn lựa thực tiễn

Đấu tranh bất bạo động được nhận dạng bởi những gì người ta làm, chứ không phải bởi những gì người ta tin tưởng. Trong nhiều trường hợp, những người sử dụng các phương pháp bất bạo động này đã từng tin là bạo lực có thể hoàn toàn biện minh được trên căn bản đạo đức hay tôn giáo. Tuy nhiên, đối với cuộc xung đột cụ thể mà họ đang đối diện thì họ lại chọn, vì những lí do thực tiễn, sử dụng những phương pháp không bao gồm bạo lực.

Chỉ trong những trường hợp hiếm hoi lắm của lịch sử mới có một nhóm người hay một nhà lãnh đạo có một niềm tin riêng tư bác bỏ bạo lực trên nguyên tắc. Nhưng dù sao thì, ngay cả trong những trường hợp này, một cuộc đấu tranh bất bạo động, đặt cơ sở trên những ưu tư thực tiễn, thường vẫn được xem là có giá trị đạo đức cao hơn.

Tuy nhiên, niềm tin là bạo lực vi phạm nguyên tắc đạo đức và tôn giáo không đưa đến hành động bất bạo động[2]. Và cũng như chỉ sự thiếu vắng đơn thuần của bạo lực không có nghĩa là đấu tranh bất bạo động đang xảy ra. Chỉ có loại hành động mới là chỉ dấu của kĩ thuật đấu tranh bất bạo động, chứ không phải niềm tin đằng sau hành động.

Mức độ đấu tranh bất bạo động, được chọn lựa một cách có ý thức thay cho bạo lực, khác nhau rất nhiều qua những thí dụ trong lịch sử. Trong nhiều trường hợp trong quá khứ, đấu tranh bất bạo động tỏ ra ít nhiều đã được khởi động một cách đột nhiên, rất ít được thảo luận. Trong

[2] Nên lưu ý là một vài người tin "bất bạo động dựa trên căn bản đạo đức" đã từng *bác bỏ* đấu tranh bất bạo động vì đó là một cách tiến hành xung đột (mà họ không đồng ý).

những trường hợp khác, việc chọn lựa một phương pháp bất bạo động nào đó – như một cuộc đình công lao động, chẳng hạn – đã được thực hiện trên cơ sở đặc thù của hoàn cảnh đó mà thôi, chứ không có một lượng giá đối chiếu hơn thiệt giữa đấu tranh bất bạo động và đấu tranh bạo động. Nhiều ứng dụng về đấu tranh bất bạo động hình như chỉ là bắt chước những hành động của những nơi khác.

Mức độ hiểu biết về sự hiện hữu của một kĩ thuật đấu tranh bất bạo động tổng quát và mức độ kiến thức có trước đó về cách điều hành kĩ thuật này của những người trong những cuộc xung đột như thế khác biệt nhau rất nhiều.

Trong hầu hết những trường hợp này, những phương tiện bất bạo động được chọn tỏ ra là vì những xét định về hiệu quả dự tính sẽ đạt được. Trong một vài trường hợp thì hình như những động lực lẫn lộn với nhau, với những động lực thực tiễn chiếm ưu thế, nhưng tương đối cũng có khuynh hướng đạo đức thiên về những phương tiện bất bạo động.

**Nên dùng những từ ngữ nào?**

Loại đấu tranh trong những trường hợp này và những trường hợp khác đã được mang nhiều tên khác nhau, một số thì hữu ích nhưng một số khác thì lại không thích hợp. Những tên này gồm có “đối kháng bất bạo động”, “đối kháng dân sự”, “đối kháng thụ động”, “bất bạo động”, “sức mạnh nhân dân”, “thách thức chính trị”, hay là “hành động tích cực”. Việc sử dụng cụm từ “bất bạo động” thật ra không may, vì đã làm lẫn lộn những hình thái hoạt động của quần chúng với những niềm tin về bất bạo động có tính đạo đức và tôn giáo (“bất bạo động có nguyên tắc”). Những niềm tin này có những giá trị của chúng, nhưng là những hiện tượng khác và thường không liên quan đến những cuộc đấu tranh của quần chúng được tiến hành bởi những người không cùng chia sẻ những niềm tin đó. Để nhận dạng được phương pháp này, chúng tôi dùng ở đây và đề nghị cụm từ ***hành động bất bạo động*** hay là ***đấu tranh bất bạo động***.

Bởi vì sự thiếu chính xác và lúng túng cứ tiếp tục trong vấn đề nên dùng từ nào, cho nên trong vài thập niên vừa qua người ta thấy cần phải thanh lọc lại từ ngữ hiện hữu để mô tả và thảo luận về hành động như thế, và ngay cả để đặt thêm từ và cụm từ mới. Do đó, một bảng liệt kê thuật ngữ đã được thêm vào ở cuối sách để tiện việc tra cứu.

## Phơi bày các quan điểm sai lầm

Ngoài những quan điểm sai lầm do từ ngữ không thích hợp gây nên, cũng còn có những lãnh vực rối trí khác trong lãnh vực đấu tranh bất bạo động nữa. Dù có những nghiên cứu mới trong những thập niên vừa qua, thiếu chính xác và hiểu lầm vẫn còn phổ biến. Sau đây là những sửa đổi cho một số sai lầm này:

(1) Đấu tranh bất bạo động không liên quan gì đến thụ động, khuất phục, và hèn nhát. Cũng như trong hành động bạo lực, những điều này trước tiên phải được phủ nhận và thắng lướt trước khi có thể tiến hành cuộc đấu tranh.

(2) Đấu tranh bất bạo động là một phương tiện để tiến hành những cuộc xung đột và có thể có sức mạnh vũ bão, nhưng là một hiện tượng hết sức khác với bạo động dưới mọi hình thức.

(3) Đấu tranh bất bạo động không nên được xem như là sự thuyết phục bằng lời nói hay là những ảnh hưởng tâm lí thuần tuý, mặc dù kĩ thuật này đôi khi bao gồm hành động ứng dụng những áp lực tâm lí nhằm thay đổi thái độ. Hành động bất bạo động là một kĩ thuật đấu tranh đòi hỏi sử dụng sức mạnh tâm lí, xã hội, kinh tế, và chính trị trong việc tranh đua của các lực lượng trong cuộc xung đột

(4) Đấu tranh bất bạo động không dựa vào giả thuyết là con người vốn dĩ "tốt lành". Những tiềm năng "thiện" và "ác" của con người đều được nhận chân, bao gồm cả những quá khích về tàn ác và vô nhân đạo.

(5) Để thực thi đấu tranh bất bạo động, người ta *không* cần phải là những người theo chủ nghĩa hoà bình hay là những vị thánh. Đấu tranh bất bạo động đã từng được thực hành thành công phần lớn do những người "bình thường."

(6) Thành công trong đấu tranh bất bạo động không đòi hỏi những phe tranh chấp cùng chia sẻ những tiêu chuẩn hay nguyên tắc như nhau (mặc dù cũng có thể hữu ích), hay đòi hỏi một mức độ cao về những quyền lợi chung hay về những cảm xúc về sự gần gũi tâm lí. Nếu đối phương không xúc động bởi đối kháng bất bạo động đang phải chịu đựng đàn áp tàn bạo, và do đó không sẵn lòng đồng ý với những mục tiêu của nhóm đấu tranh bất bạo động, thì những người đối kháng có thể áp dụng những biện pháp cưỡng ép bất bạo động. Những khó khăn về việc thi hành luật pháp, những mất mát về kinh tế, và sự tê liệt về chính trị không đòi hỏi người ta phải cảm nhận sự đồng ý của đối phương.

(7) Đấu tranh bất bạo động ít ra cũng là một hiện tượng của Tây phương cũng như của Đông phương. Đúng ra thì có lẽ nó có tính Tây phương hơn, nếu tính đến việc sử dụng phổ quát những cuộc đình công, những vụ tẩy chay kinh tế trong những phong trào lao động, những cuộc đấu tranh bất hợp tác của các quốc gia nô thuộc Âu châu, và những cuộc đấu tranh chống lại những nền độc tài.

(8) Trong đấu tranh bất bạo động, không có giả định là đối phương sẽ ngừng sử dụng bạo lực chống lại những người đối kháng bất bạo động. Thật ra thì kĩ thuật này có khả năng chống lại bạo lực.

(9) Không có gì trong đấu tranh bất bạo động ngăn cản việc sử dụng kĩ thuật này cho cả những mục tiêu "tốt" lẫn những mục tiêu "xấu". Tuy nhiên, những hậu quả về xã hội của việc dùng kĩ thuật này cho một mục tiêu "xấu" khác hẳn những hậu quả của bạo lực được sử dụng cho cùng một mục đích "xấu".

(10) Đấu tranh bất bạo động không chỉ được giới hạn cho những xung đột quốc nội trong khuôn khổ của một hệ thống dân chủ. Để có được cơ hội thành công, cuộc đấu tranh *không* khẩn thiết phải được tiến hành chống lại những đối phương tương đối hoà nhã và tự chế. Đấu tranh bất bạo động đã từng được sử dụng một cách phổ quát chống lại những chính quyền hùng mạnh, chống ngoại xâm, những chế độ chuyên chế, những chính quyền bạo ngược, những đế quốc, những nền độc tài tàn bạo, và những hệ thống toàn trị. Những cuộc đấu tranh bất bạo động khó khăn này chống lại những đối thủ hung dữ đôi khi cũng đã thành công.

(11) Một trong nhiều huyền thoại được người ta tin tưởng nhiều về xung đột là bạo lực sẽ giải quyết nhanh chóng, và đấu tranh bất bạo động phải cần một thời gian lâu dài mới đem lại kết quả. Điều này *không* đúng. Một vài cuộc chiến tranh và những đấu tranh bằng bạo lực khác đã phải tốn nhiều năm, ngay cả nhiều thập kỉ. Một vài cuộc đấu tranh bất bạo động đã mang lại chiến thắng rất nhanh, ngay cả chỉ trong vài ngày hay vài tuần. Lượng thời gian cần có để chiến thắng bằng kĩ thuật này tuỳ thuộc vào nhiều nhân tố khác nhau – bao gồm cả sức mạnh của những người đối kháng bất bạo động và sự khôn ngoan trong những hành động của họ.

## Còn bản tính con người thì sao?

Mặc dù loại xung khắc này xảy ra rất phổ quát, nhưng người ta vẫn nghĩ là đấu tranh bất bạo động đi ngược lại "bản tính con người". Thường thường người ta cho rằng việc thi hành phổ quát kĩ thuật này sẽ đòi hỏi hoặc là một sự thay đổi cơ bản nơi con người hay là một sự chấp nhận một hệ thống niềm tin sắt đá mới về tôn giáo hay về ý thức hệ. Các quan điểm này không được chứng minh bởi thực tế của những cuộc xung đột trong quá khứ được tiến hành bằng cách sử dụng kĩ thuật này.

Thực ra thì việc thực hành loại đấu tranh này không đặt trên cơ sở niềm tin là "đưa má bên kia" hay là yêu kẻ thù. Thay vì như thế, việc thực hành phổ quát kĩ thuật này thường được đặt trên cơ sở về khả năng kiên trì không thể phủ nhận được của con người, về khả năng làm điều gì mình muốn hay là khả năng khước từ làm những gì bị ra lệnh phải làm, bất kể niềm tin của họ là gì đối với việc sử dụng hay không sử dụng bạo lực. Sự kiên trì tập thể đem lại những thành quả chính trị lớn lao.

Dù sao thì quan điểm cho rằng đấu tranh bất bạo động không thể thực hiện được ngoại trừ trong những điều kiện thực hiếm hoi là trái với thực tế. Điều gì đã từng xảy ra trong quá khứ thì có thể xảy ra trong tương lai.

Xúc tiến đấu tranh bất bạo động ở một bình diện hết sức rộng lớn có thể thực hiện được bởi vì kĩ thuật này thích hợp với bản chất sức mạnh chính trị và với những chỗ dễ tấn công của các hệ thống hệ đẳng. Những hệ thống này và tất cả mọi chính quyền đều phải lệ thuộc vào dân chúng, vào các nhóm, và vào các cơ chế thống thuộc để được cung cấp các nguồn sức mạnh cần có của mình. Do đó trước khi tiếp tục xét định kĩ thuật đấu tranh bất bạo động, thiết yếu cần phải tìm hiểu có chiều sâu bản chất của sức mạnh của những cơ chế nổi bật cũng như của tất cả các loại chính quyền. Sự phân tích này sẽ chiếu rọi ánh sáng vào hiện tượng là bằng cách nào mà đấu tranh bất bạo động có thể hữu hiệu trong việc chống lại những chế độ đàn áp và tàn ác.

Những chế độ này có những chỗ dễ bị tấn công.

# Chương Hai

# Khai Thác Những Cội Nguồn của Sức Mạnh

### Những vấn đề của con người và sự phân phối quyền lực

Suốt thế kỉ vùa qua đã có nhiều tiến bộ quan trọng trong việc đáp ứng những nhu cầu của con người và trong việc cải tiến tự do và công lí trên khắp toàn cầu. Tuy nhiên vẫn còn những vấn đề trầm trọng chưa có cách giải quyết dễ dàng. Những tranh chấp lâu đời, những bất công, áp bức, và bạo lực vẫn tiếp tục và ngay cả mang những hình thái mới.

Nhiều vấn đề trong số những vấn đề này đã được tạo ra và duy trì bởi những hành động của những người hay nhóm người quản lí bộ máy Nhà Nước của xã hội của họ bằng cách sử dụng những tài nguyên bao la, các cơ quan hành chánh, cảnh sát, và quân đội, để thực thi và áp đặt ý đồ của họ. Tại nhiều nước, nhóm thống trị thường được xem là có quá nhiều quyền lực đến độ họ có thể không đếm xỉa gì đến phúc lợi của những người họ thống trị để đạt những mục tiêu của họ.

Trong những trường hợp khác, những nhóm quyền lực tạo ra những phương tiện kiềm chế và đàn áp của chính họ, và đã từng áp đặt ý đồ của họ bằng bạo lực bên ngoài guồng máy của chính quyền.

---

Để có đầy đủ hơn những phân tách về quyền lực và các nguồn suy tư trong chương này, hãy xem Gene sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action*], (Boston, Porter Sargent, 1973), tt. 7-62, và Gene sharp, *Sức Mạnh Xã Hội và Tự Do Chính Trị* [*Social Power and Political Freedom*], (Boston: Porter Sargent, 1980), tt. 21-67 và 309-387.

Việc tập trung quyền lực và quyền kiểm soát vào Nhà Nước trong một vài hoàn cảnh có thể được áp dụng với một sự tàn ác ghê rợn chống lại người dân tự thấy mình rõ ràng là bất lực. Một Nhà Nước như thế có thể áp đặt chuyên chế, gây chiến tranh, tạo dựng và duy trì áp bức, nhồi sọ dân chúng, và phạm tội diệt chủng. Chính guồng máy của những kiểm soát hỗn hợp trung ương và bạo lực được cơ chế hoá đã làm cho chuyên chế hiện đại có thể hiện hữu[1].

Khi chống lại những đối thủ có những phương tiện kiềm chế và đàn áp mạnh mẽ, những người thường xem mình là nạn nhân của áp bức, của bất công, và của độc tài thường cảm thấy mình yếu và bất lực, không thể chống lại những sức mạnh đang khống chế mình. Những nhóm người bị khống chế này có thể là những tầng lớp kinh tế bị bóc lột, những thiểu số tôn giáo bị sách nhiễu, dân chúng của những quốc gia bị tấn công hay chiếm đóng, nạn nhân của mưu toan diệt chủng, những người sống dưới các nền độc tài, những quốc gia đang bị nô lệ ngoại bang, hay là các nhóm chủng tộc hay sắc tộc bị khinh miệt, và vân vân. Trong tất cả những trường hợp như thế này thì vấn đề là ở chỗ một nhóm người có quyền lực áp đặt ý đồ của mình lên một nhóm khác yếu thế hơn.

Khi đối diện với một Nhà Nước mạnh như thế, quyền lực được nhìn thấy là phát sinh từ một số ít người chỉ huy hệ thống hành chánh và những cơ chế có thể áp dụng bạo lực cho các mục đích chính trị. Dân chúng do đó bị tin là hoàn toàn yếu thế trước những nhà cai trị có thể dẹp qua một bên những cơ chế dân chủ và nhân quyền và dễ trở nên những nhà chuyên chế. Họ không bao giờ tin là họ có thể có đủ sức mạnh để cải tiến cuộc đời của họ và để thay đổi những tương quan xã hội.

## Sức mạnh chính trị được xem như là phát sinh từ bạo lực

Nếu dân chúng tin một cách phổ quát rằng sức mạnh thực sự trong chính trị phát sinh từ bạo lực, rằng sức mạnh này "phát xuất từ nòng súng", thì bất cứ ai có nhiều súng nhất và súng lớn hơn cả sẽ thấy việc kiềm chế dân chúng dễ dàng hơn rất nhiều.

Hầu hết các dân chúng như thế sẽ khuất phục một cách thụ động. Tuy nhiên, đôi khi những người từng không chấp nhận chế độ hiện hành vì áp

[1] Để thảo luận thêm về điểm phân tích này, yêu cầu xem Gene Sharp, *Sức Mạnh Xã Hội và Tự Do Chính Trị* [*Social Power and Political Freedom*], tt. 285-305.

bức và từng thấy sức mạnh của bạo lực dàn trận chống lại họ đã kết luận là họ phải sử dụng bất cứ thứ bạo lực nào mà họ có thể thu góp được để chống lại kẻ áp bức. Điều này có thể mang hình thái những cuộc nổi loạn bạo động, những vụ ám sát, khủng bố, hay là chiến tranh du kích. Kết quả của những hành động này đối với dân chúng thường không được tích cực bao nhiêu. Quân phiến loạn bạo động khó mà thành công chống lại một sức mạnh quá chênh lệch và đại bộ phận quần chúng hẳn sẽ phải chịu những tổn thất nặng nề.

Trong trường hợp khó xảy ra là quân phiến loạn bạo động thành công trong việc đánh bại những nhà cai trị áp bức, thì có lẽ những kẻ phiến loạn này sẽ chỉ đặt mình lên làm tập đoàn cai trị mới kiểm soát bộ máy Nhà Nước. Bạo lực đôi khi có thể dẹp bỏ những nhà cai trị hay nhóm thống trị trước đây rồi thay thế họ bằng những người khác hay nhóm khác. Tuy nhiên mối liên hệ giữa tập đoàn thống trị và người dân bị trị có lẽ sẽ không được thay đổi một cách căn bản bằng cách dùng bạo lực. Thực ra thì bạo lực có khuynh hướng đóng góp vào việc tập trung quyền lực và vào việc sử dụng bạo lực vào những mục tiêu chính trị nhiều hơn.

Giải phóng thực sự và lâu bền đòi hỏi những thay đổi quan trọng trong những tương quan quyền lực trong xã hội, chứ không phải chỉ thay thế nhân viên. Giải phóng phải có nghĩa là các thành viên trong dân chúng bị thống trị và yếu đuối trước đây nay tranh thủ được quyền kiểm soát lớn hơn đối với đời sống của họ và nhiều khả năng ảnh hưởng đến các diễn biến hơn.

Nếu chúng ta ước mong tạo dựng một xã hội mà trong đó người dân thực sự tự gầy dựng cuộc đời và tương lai của họ, và trong đó không thể có áp bức, thì chúng ta cần phải khai phá những phương cách khác thay thế hầu đáp ứng nhu cầu cơ bản của xã hội về những phương tiện sử dụng quyền lực. Chúng ta cần tìm hiểu các nguồn gốc của sức mạnh chính trị ở một bình diện căn bản hơn nhiều.

## Sức mạnh chính trị như là một biến số

Những quan điểm cho rằng sức mạnh phát sinh từ khả năng sử dụng bạo lực và quyền lực của các nhà cai trị vững chãi và tương đối lâu bền là không đúng. Những tương quan sức mạnh không cố định và không phải là không thay đổi được. Ngược lại, những khả năng quyền lực của Nhà

## 28 TĂNG CƯỜNG BẰNG KHẢ NĂNG ĐẤU TRANH

Nước và của những thể chế khác trong xã hội thường biến đổi và được phát sinh từ sự tương tác của

- những mức độ biến đổi của sức mạnh được các nhóm trong xã hội sử dụng;

- mức độ các nhóm huy động tiềm năng sức mạnh của mình thành sức mạnh hữu hiệu;

- mức độ mà những thể chế xã hội, kinh tế, và chính trị của Nhà Nước và của những cơ chế mạnh khác có thể uyển chuyển và đáp ứng được nguyện vọng của những khu vực khác nhau trong dân chúng.

Sự phân phối quyền lực hiện hữu trong xã hội là rất thực, nhưng nó không vĩnh hằng và sẽ không duy trì được trong mọi điều kiện. Thực vậy, sự phân phối này có khi đã thay đổi rất nhiều và rất nhanh chóng.

Một thay đổi lớn trong việc phân phối quyền lực xảy ra khi những nguồn sức mạnh mà những nhà cai trị sẵn có bị làm suy yếu đi hay là bị rút mất, do đó làm giảm sức mạnh hữu hiệu của họ. Những tương quan quyền lực cũng thay đổi nếu những nhóm yếu trước đây huy động được tiềm năng sức mạnh chưa sử dụng của họ thành sức mạnh hữu hiệu.

Trừ phi những nguồn sức mạnh của các nhóm thống trị bị giới hạn lại hay bị cắt đứt, hoặc những nguồn sức mạnh của nhóm yếu được huy động và tăng cường, hay là trừ phi cả hai đều xảy ra, thì các nhóm tùng phục và bị áp bức hiển nhiên là sẽ vẫn ở trong một vị trí quyền lực chủ yếu tương đối y như cũ. Điều này đúng dù cho có những thay đổi được thực hiện trong xã hội hay dù có hay không có những thay đổi nơi bản thân của những người cai trị.

Một sự thông hiểu quán triệt hơn về bản chất của sức mạnh chính trị sẽ giúp chúng ta hiểu được làm thế nào để những tương quan quyền lực có thể được thay đổi tận gốc rễ. Đối nghịch lại với quan điểm độc tôn cho sức mạnh chính trị là vững chắc và rất lâu bền và chỉ có thể bị làm suy yếu hay đập vỡ bằng bạo lực có sức tiêu huỷ lớn lao mà thôi, thì nhận định sau đây chính xác hơn. Nhận định này cũng còn cho ta hiểu cách làm thế nào để kiềm chế một cách hữu hiệu những nhà cai trị có khả năng trở thành những kẻ áp bức.

## Quan điểm xã hội về quyền lực

Quan điểm xã hội về quyền lực cho thấy là các nhà cai trị hay những hệ thống chỉ huy khác, bất kể hình thể bên ngoài, đều lệ thuộc vào thiện ý, quyết định, và hỗ trợ của dân chúng. Theo đó, thì quyền lực liên tục xuất phát từ nhiều bộ phận của xã hội. Sức mạnh chính trị do đó rất mong manh. Để có sức mạnh và để tồn tại, quyền lực phải lệ thuộc vào các nguồn cung cấp qua sự hợp tác của nhiều cơ chế và nhiều người -- một sự hợp tác không cần phải được tiếp tục.

Để kiềm chế quyền lực của các nhà cai trị, những nguồn sức mạnh được các nhóm người và các cơ chế trong xã hội cung ứng cần phải được nhận dạng. Lúc bấy giờ dân chúng, khi cần, sẽ có thể siết lại hay cắt đứt sự cung cấp các nguồn sức mạnh này.

## Các nguồn sức mạnh chính trị

Những người mà ở một thời điểm nào đó đã từng là những nhà cai trị tự bản thân họ không sở hữu quyền kiểm soát, quyền quản lí, và quyền đàn áp mà họ sử dụng. Bao nhiêu quyền lực mà họ có tuỳ thuộc vào bấy nhiêu quyền lực mà xã hội ban bố cho họ. Sáu trong số những nguồn sức mạnh chính trị này là:

***(1) Uy quyền**:* Điều này có thể được gọi là tính hợp pháp . Đó là phẩm chất khiến người ta chấp nhận cái quyền của những người hay những nhóm người được lãnh đạo, chỉ huy, hướng dẫn, và được nghe và được tuân phục bởi những người khác. Uy quyền được người ta tự nguyện chấp nhận, do đó hiện hữu mà không cần phải áp đặt các chế tài (hay trừng phạt). Những nhân vật uy quyền không khẩn thiết thực sự phải hơn người. Chỉ cần nhân vật đó hay nhóm đó được nhận thấy và chấp nhận hơn người là đủ. Dù không hoàn toàn đồng nghĩa với quyền lực, uy quyền dầu sao rõ ràng vẫn là một nguồn sức mạnh chính yếu.

***(2) Nhân lực:*** Quyền lực của các nhà cai trị chịu ảnh hưởng bởi số người tuân phục họ, hợp tác với họ, hoặc cung ứng cho họ những hỗ trợ đặc biệt; cũng như chịu ảnh hưởng bởi tỉ lệ những người như thế so với dân số, và bởi mức độ và hình thái của những tổ chức của những người này.

***(3) Kĩ năng và kiến thức:*** Quyền lực của các nhà cai trị cũng còn chịu ảnh hưởng bởi những kĩ năng, kiến thức và khả năng của những người,

những nhóm, và những cơ chế hợp tác như thế, và bởi sự tương quan giữa những kĩ năng, kiến thức và khả năng của những người hay nhóm mày đối với các nhu cầu của các nhà cai trị.

***(4) Những nhân tố không nắm bắt được**:* Những nhân tố tâm lí và ý thức hệ, như những tập quán và những thái độ đối với sự tuân phục và khuất phục, và sự hiện hữu hay thiếu vắng của một niềm tin, một ý thức hệ, hay một ý niệm về một sứ mạng, tất cả đều đóng góp vào sức mạnh của các nhà cai trị.

***(5) Vật lực:*** Mức độ nhà cai trị kiểm soát tài sản, tài nguyên thiên nhiên, nguồn tài chánh, hệ thống kinh tế, phương tiện truyền thông và vận chuyển, vân vân, sẽ giúp quyết định mức độ hay giới hạn quyền lực của các nhà cai trị.

***(6) Các chế tài:*** Những thứ này được mô tả là để "buộc phải tuân phục". Loại và mức độ cấm đoán, hay là trừng phạt, mà các nhà cai trị có sẵn trong tay, cả hai đều để sử dụng chống lại người dân của mình và trong những tranh chấp với những nhà cai trị khác, là một nguồn sức mạnh chính yếu. Các hình phạt được những nhà cai trị sử dụng đối với người dân của mình nhằm bổ túc sự tự nguyện chấp nhận uy quyền của họ và để tăng mức độ tuân phục các mệnh lệnh. Những hình phạt này có thể là bạo động hay không bạo động; có thể được dùng như là một sự trừng trị hay như là một hành động ngăn chặn bất tuân trong tương lai. Các hình phạt ở trong nước, như tù tội hay hành quyết, thường nhằm trừng trị bất tuân hay ngăn cản bất tuân trong tương lai, chứ không phải để đạt mục tiêu của mệnh lệnh ban đầu. Những hình phạt quân sự có thể nhằm để phòng thủ hay ngăn chặn kẻ thù nước ngoài hay để đánh đối lập hùng mạnh ở trong nước.

Sự hiện diện của một vài hay tất cả sáu nguồn sức mạnh này trong tay các nhà cai trị luôn luôn là một vấn đề mức độ. Hiếm hoi lắm các nhà cai trị mới hoàn toàn có tất cả hay là hoàn toàn không có tất cả những nguồn sức mạnh này.

Các tương quan quyền lực tương tự như những tương quan quyền lực trong các xã hội chính trị có những cơ cấu Nhà Nước, cũng hiện hữu trong những cơ chế hệ đẳng khác, và những cơ chế này cũng lấy sức mạnh từ sự hợp tác của nhiều người và nhiều nhóm. Do đó những hình thức li khai, bất hợp tác, và bất tuân có thể đóng một vai trò quan trọng khi các thành viên của những cơ chế này có những khiếu nại chống lại những người điều khiển và kiểm soát những cơ chế này.

**Những nguồn sức mạnh lệ thuộc vào sự tuân phục và hợp tác**

Sáu nguồn sức mạnh chính trị này cần thiết cho việc thiết lập và duy trì quyền lực và sự kiểm soát. Tuy nhiên, khả năng thủ đắc được những nguồn sức mạnh này luôn luôn biến đổi và không khẩn thiết được an toàn.

Sự kiểm soát dân chúng và xã hội của những nhà cai trị càng rộng lớn và càng chi tiết thì sự hỗ trợ mà họ đòi hỏi ở những cá nhân, các nhóm, và các tổ chức, và các ngành trong chính quyền càng nhiều. Nếu những người "phụ tá" cần thiết này bác bỏ uy quyền của các nhà cai trị thì họ có thể thi hành những ước muốn và những lệnh của các nhà cai trị một cách vô hiệu năng, hay là thẳng thừng từ chối tiếp tục sự hỗ trợ thường lệ của họ. Khi điều này xảy ra thì toàn bộ sức mạnh hữu hiệu của các nhà cai trị sẽ bị suy giảm.

Bởi vì phải lệ thuộc vào những người khác để điều hành hệ thống, các nhà cai trị liên tục chịu các ảnh hưởng và câu thúc do những phụ tá trực tiếp của họ cũng như do dân chúng nói chung tạo nên. Khả năng kiềm chế các nhà cai trị của những nhóm người này sẽ lớn hơn hết ở những lãnh vực mà các nhà cai trị phải lệ thuộc vào họ hơn cả.

Hãy lấy thí dụ về ***uy quyền*** và ***chế tài*** theo quan điểm này. Bốn nguồn sức mạnh còn lại tuỳ thuộc vào hai nguồn này rất nhiều.

Uy quyền cần thiết cho sự sinh tồn và điều hành của bất cứ chế độ nào. Tất cả các nhà cai trị đều đòi hỏi người dân phải chấp nhận uy quyền của họ: quyền cai trị, quyền chỉ huy, và quyền được tuân phục. *Chìa khoá của sự tuân phục theo thói quen là tranh thủ trí óc. Tuân phục khó mà trở thành tập quán trừ phi mang tính trung kiên, chứ không phải bị ép buộc*. Uy quyền cốt yếu phải được chấp nhận một cách tự nguyện.

Việc làm suy yếu hay sụp đổ uy quyền hiển nhiên nghiêng về việc nới lỏng khuynh hướng tuân phục của người dân. Tiếp đến là quyết định tuân phục hay bất tuân được thực hiện một cách có ý thức. Người ta cũng có thể từ chối tuân phục. *Việc mất đi uy quyền sẽ khởi động sự tan rã quyền lực của nhà cai trị. Uy quyền của họ bị bác bỏ chừng nào thì quyền lực của họ bị suy giảm chừng ấy.*

Các chế tài có thể được áp dụng để ép buộc tuân phục và hợp tác. Tuy nhiên, các nhà cai trị đòi hỏi nhiều hơn là sự phục tùng miễn cưỡng bề ngoài. Các hình phạt sẽ không đủ khi mà sự chấp nhận uy quyền của

nhà lãnh đạo vẫn còn bị giới hạn. Bất kể những hình phạt, dân chúng vẫn có thể không tuân phục và không hợp tác đến mức cần thiết.

Có một tương quan đặc biệt giữa chế tài và khuất phục. Trước tiên, khả năng áp đặt trừng phạt phát sinh từ sự tuân phục và hợp tác của ít nhất là một số người dân. Thứ đến, những hình phạt này có hữu hiệu hay không tuỳ thuộc vào phản ứng của những người dân bị đe doạ hay bị áp dụng những hình phạt này. *Câu hỏi ở đây là người dân tuân phục đến mức độ nào mà không cần phải bị đe doạ, và họ vẫn tiếp tục bất tuân đến mức độ nào bất kể những hình phạt.*

Ngay cả khả năng của các nhà cai trị nhận ra được và trừng trị bất tuân cũng lệ thuộc vào những tập quán hiện có về tuân phục và hợp tác. Sự tuân phục của những người dân bị trị càng mạnh thì xác suất nhận dạng được và trừng trị bất tuân và bất hợp tác càng lớn. Người dân càng ít tuân phục và càng ít hợp tác thì sự nhận dạng và ép buộc của các nhà cai trị sẽ càng ít hữu hiệu.

Quyền lực của các nhà cai trị lệ thuộc vào sự liên tục có được tất cả những hình thức hỗ trợ mà họ cần. Sự hỗ trợ này đến không những chỉ từ những cá nhân, các giới chức, và nhân viên, và vân vân, nhưng còn từ những tổ chức chi nhánh và những cơ chế tạo nên hệ thống như là một tổng thể. Đây có thể là các bộ trong chính phủ, các sở, ngành, và vân vân. Cũng giống như những cá nhân và các nhóm độc lập có thể khước từ hợp tác, những tổ chức đơn vị này cũng có thể từ chối cung ứng hỗ trợ đủ để giúp những nhà cai trị có thể duy trì vị thế của mình và thực thi các chánh sách của họ. Không có một tổ chức hay cơ chế phức tạp nào, ngay cả Nhà Nước, lại có thể thực thi được mệnh lệnh nếu những cá nhân hay các tổ chức đơn vị tạo nên cơ chế đó không giúp cho cơ chế đó thực hiện điều này.

Sự ổn định nội tại của các nhà cai trị có thể được đo lường bằng tỉ lệ sức mạnh của các lực lượng xã hội mà họ kiểm soát và sức mạnh của những lực lượng xã hội chống đối họ.

## Tuân phục là huyết mạch của sức mạnh chính trị

Tương quan giữa chỉ huy và tuân phục luôn luôn là một tương quan ảnh hưởng lẫn nhau và một phần nào là một tương quan về mức độ tương tác. Nghĩa là, chỉ huy và tuân phục ảnh hưởng lẫn nhau. Không có được sự tuân phục mong muốn ở thuộc cấp (dù là dưới hình thức chấp nhận

thụ động hay là đồng ý tích cực) thì tương quan quyền lực sẽ không được toàn vẹn, dù có đe doạ hay trừng phạt hay không.

Những lí do tại sao người ta tuân phục các nhà cai trị thì rất nhiều, phức tạp, biến đổi, và liên hệ lẫn nhau. Các lí do nầy bao gồm:

- Thói quen
- Sợ bị trừng phạt
- Bổn phận luân lí
- Quyền lợi cá nhân
- Đồng cảm tâm lí với nhà cai trị
- Bất cần
- Không tự tin đủ để bất tuân

Tất cả các nhà cai trị đều dùng sự tuân phục và hợp tác của một số thành phần của xã hội để cai trị toàn thể xã hội. Thành phần dân chúng quản lí và thực thi các chính sách của nhà cai trị thì chắc chắn là sẽ tuân phục và hợp tác trong những phần vụ đó vì những cảm nghĩ về bổn phận luân lí và cũng vì quyền lợi cá nhân, đặc biệt là những động lực liên quan đến lợi nhuận kinh tế, uy tín, và địa vị xã hội.

Hầu hết dân chúng tuân phục vì thói quen. Tuy nhiên mức độ tuân phục trong quần chúng nói chung, ngay cả trong số những nhà quản trị và những người thực thi mệnh lệnh, không bao giờ cố định, cũng không phải tự động, cũng không thuần nhất, và cũng không phổ quát. Bởi vì những lí do để người ta tuân phục luôn luôn biến đổi, cho nên mức độ tuân phục cũng biến đổi, tuỳ thuộc vào những cá nhân liên hệ và vào hoàn cảnh xã hội và chính trị. Tất cả mọi xã hội đều có những giới hạn mà các nhà cai trị phải theo nếu họ muốn mệnh lệnh của họ được tuân phục và dân chúng hợp tác.

Sự bất tuân và bất hợp tác của quần chúng hiếm khi được xem nhẹ. Bất phục tòng thường bị trừng trị. Tuy nhiên, trong một số hoàn cảnh, những thành viên trong dân chúng sẵn sàng chịu đựng những hậu quả của bất hợp tác và bất tuân, gồm có những phiền toái, khốn khổ, và những quấy rầy đời sống của họ, hơn là tiếp tục chịu khuất phục một cách

thụ động hay là tuân phục những nhà cai trị có những chính sách và hành động không còn có thể chấp nhận được nữa.

Khi những lí do để tuân phục yếu thì các nhà cai trị thường tìm cách tranh thủ cho kì được một sự tuân phục mạnh hơn bằng cách áp dụng những hình phạt nặng nề hơn hay bằng cách gia tăng tưởng thưởng cho sự tuân phục. Tuy nhiên, những kết quả mà nhà cai trị mong muốn vẫn không được bảo đảm. Một sự thay đổi trong ý chí của người dân có thể dẫn đến việc rút lui sự cung cấp cho các nhà cai trị các dịch vụ, sự hợp tác, sự khuất phục và tuân phục.

Sự rút lui hợp tác và tuân phục trong một vài hoàn cảnh cũng có thể xảy ra trong số những nhà quản trị và nhân viên đàn áp của nhà cai trị. Thái độ và hành động của họ rất quan trọng. Không có sự hỗ trợ của họ, hệ thống áp bức sẽ tan rã.

Vì thường quen với sự tuân phục và hợp tác phổ quát, nên các nhà cai trị không luôn luôn thấy trước được một sự bất phục tòng lan rộng và do đó thường gặp khó khăn trong việc giải quyết sự bất tuân và sự quyết tâm bất hợp tác.

### Đồng ý và rút lui sự đồng ý

Mỗi lí do để tuân phục, dù tự nguyện hay là vì sợ bị trừng phạt (đồng ý vì bị de doạ), đều phải thông qua ý chí hay ý muốn của người biểu lộ sự tuân phục. Những lí do tuân phục hiện tại phải được dân chúng xem như là đủ cơ sở để vâng phục. Tuy nhiên ý chí hay ý muốn của từng cá nhân có thể thay đổi do những ảnh hưởng, những biến cố, và những động lực mới. Ở những mức độ khác nhau, ý chí của chính cá nhân có thể đóng một vai trò sinh động trong việc tuân phục hay bất tuân. Tiến trình này có thể xảy ra nếu có số đông người.

Sự lựa chọn riêng tư giữa việc tuân phục hay bất tuân sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự lượng định về những hậu quả hoặc ngắn hạn hoặc dài hạn của việc tuân phục hay bất tuân, hay là của một sự hỗn hợp của cả hai điều này, tuỳ từng cá nhân. Nếu người dân nhận thấy là hậu quả của tuân phục tệ hơn là hậu quả của bất tuân thì có lẽ người ta sẽ bất tuân.

Tuân phục chỉ có khi người ta phục tòng mệnh lệnh. Nếu bạn bị xử phải ở tù và bạn vui lòng đi tù, thì bạn đã tuân phục. Nếu bạn bị kéo vào tù thì

bạn đã không tuân phục.[2]

Cưỡng bách thân xác có thể gặt hái được một vài kết quả, nhưng vì chỉ tác động lên thân xác, nên nó không khẩn thiết phải đem lại tuân phục. Chỉ một vài loại mục tiêu là có thể đạt được bằng cách trực tiếp cưỡng bách thân xác những người dân bất tuân mà thôi – như là dời họ đi chỗ khác, ngăn cấm họ di chuyển, tịch thu tiền bạc và tài sản, hay là giết chết họ. Nhưng những hành động này không khẩn thiết đem lại kết quả tuân phục. Một số hết sức lớn những mệnh lệnh và những mục tiêu của nhà cai trị có thể đạt được chỉ bằng cách thuyết phục người dân thi hành vì một lí do nào đó mà thôi. (Hố vẫn không được đào dù cho những người khước từ đào hố đó bị bắn chết.) *Không phải hình phạt đem lại sự tuân phục, mà chính là sự sợ hãi những hình phạt.*

Tuy vậy, người ta thường tìm cách tránh né những hình phạt nặng nề đối với bất tuân và bất hợp tác, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt khi cảm xúc quá mãnh liệt. Trong những trường hợp này, thì bất kể đàn áp, bất tuân và bất hợp tác đôi khi vẫn xảy ra.

Tóm lại, quyền lực của nhà cai trị lệ thuộc vào sự có được sáu nguồn sức mạnh này, như đã nói trước đây. Sự có được này được quyết định bởi mức độ tuân phục và hợp tác do người dân cung ứng. Dù có bị thuyết phục, áp lực, và ngay cả trừng phạt, người dân tuy vậy vẫn không chắc là sẽ tuân phục và hợp tác. Tuân phục thiết yếu là do tự nguyện. Do đó, mọi chính quyền đều đặt cơ sở trên sự thoả thuận.

Điều này không có nghĩa là dân chúng dưới quyền tất cả những nhà cai trị đều yêu chuộng trật tự đã được thiết lập. Có khi người ta đồng ý vì tích cực chấp thuận. Tuy nhiên, người ta cũng thường đồng ý vì có lúc người ta không sẵn lòng chịu đựng những hậu quả do từ chối thoả thuận gây ra. Đây là trường hợp thoả thuận vì bị hăm doạ. Từ chối thoả thuận đòi hỏi tự tin, động lực đối kháng, và sự hiểu biết phải hành động như thế nào để từ chối, và thường đem lại rất nhiều phiền toái và khốn khổ.

## Nền tảng cơ cấu của đối kháng

Giải pháp đối với vấn đề quyền lực chính trị không được kiểm soát, nghĩa là đối với áp bức, do dó có thể nằm trong việc học tập làm cách nào

[2] David Austin, *Các Bài Giảng về Luật Học hay là Triết Lí Pháp chế* [*Lectures on Jurisprudence or the Philosophy of Positive Law*], (Fifth Edition, rev. and ed. By Robert Campbell; 2 vols. London: John Murray, 1911) Tập I, tt. 295-297.

để thi hành và duy trì việc rút lui sự tuân phục và hợp tác dù bị đàn áp. Điều này không phải dễ.

Thường thường người ta có thể tranh thủ được nhiều tin tưởng và khả năng thi hành bất hợp tác và bất tuân hơn khi các thành viên trong dân chúng có thể hoạt động như là những thành viên của những nhóm hay những cơ chế. Đây cũng là một đòi hỏi cần thiết cho việc siết lại hay cắt đứt một cách hữu hiệu các nguồn sức mạnh chính trị đã được thảo luận ở trên. Đôi khi những cá nhân riêng lẻ có thể chống đối, từ chức, mà hầu như không được chú ý, nhưng nếu tất cả mọi người trong một bộ của chính phủ khước từ thực thi một chính sách thì hành động của họ có thể tạo nên một cuộc khủng hoảng lớn lao.

Đặc biệt quan trọng là muốn có một tác động chính trị lớn lao thì bất tuân và bất hợp tác thường cần phải mang hình thức hành động tập thể của quần chúng. Những hành động cá nhân nhiều khi có thể không đem lại được tác dụng bao nhiêu, nhưng sự thách thức của những tổ chức, những cơ chế -- ví dụ như là các công đoàn, các tổ chức thương mãi, các tổ chức tôn giáo, bộ máy hành chánh, hàng xóm, các làng, các đô thị, các vùng, và vân vân – có thể là yếu tố quyết định. Qua những tổ chức này người ta có thể thi hành bất tuân và bất bạo động như là một tập thể. Các tổ chức và cơ chế như thế cung cấp những nguồn sức mạnh cho nhóm đối phương, được gọi là những "cột trụ chống đỡ."[3]

Khả năng của dân chúng sử dụng sức mạnh và kiềm chế sức mạnh của nhà cai trị sẽ chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi tình trạng của các tổ chức và cơ chế này. Đây là những "nơi" (hay là tụ điểm) để huy động lực lượng và điều hành lực lượng. Những "nơi" như thế tạo nên nền tảng cơ cấu cho việc kiềm chế các nhà cai trị, dù họ có muốn bị kiềm chế hay không. Ở nơi nào các tổ chức độc lập yếu thì nơi đó những kiềm chế quyền lực của nhà cai trị sẽ yếu. Nơi nào những tổ chức này mạnh thì khả năng kiềm chế các nhà cai trị sẽ mạnh.[4]

### Những nhân tố trong việc kiềm chế sức mạnh chính trị

Ba trong số những nhân tố quan trọng nhất quyết định mức độ quyền lực của nhà cai trị có bị kiềm chế hay không bị kiềm chế là:

---

[3] Từ này được Robert Helvey đưa vào

[4] Để thảo luận thêm về sự phân tách này, y/c xem Gene Sharp, "Sức Mạnh Xã Hội và Tự Do Chính Trị", trong *Sức Mạnh Xã Hội và Tự Do Chính Trị* [*Social Power and Political Freedom*], tt. 21-67.

- ước muốn tương đối của quần chúng muốn kiềm chế quyền lực của nhà cai trị;

- sức mạnh tương đối của các tổ chức và cơ chế độc lập của xã hội;

- khả năng tương đối của dân chúng trong việc rút lui sự thoả thuận và hợp tác bằng những hành động cụ thể.

Tự do không phải là điều mà nhà cai trị "cho" người dân. Mức độ tự do trong một xã hội đạt được là nhờ sự tương tác giữa xã hội và chính quyền.

Theo nhận định xã hội này về bản chất của quyền lực chính trị thì người dân có tiềm năng sức mạnh bao la. Rốt cuộc, chính thái độ của họ, hành vi của họ, sự hợp tác và tuân phục của họ đã cung cấp các nguồn sức mạnh cho tất cả những nhà cai trị và các hệ thống hệ đẳng, ngay cả cho những kẻ áp bức và những bạo chúa.

Mức độ tự do hay chuyên chế nơi bất cứ chính quyền nào, do đó, một phần lớn, phản ánh sự quyết tâm được tự do của dân chúng và sự sẵn lòng và khả năng của họ chống lại những nỗ lực nô lệ hoá họ. "Vì vị bạo chúa chỉ có quyền lực giáng xuống được điều mà chúng ta không có đủ sức mạnh để chống lại mà thôi." Nhà xã hội học Ấn Độ Krishnalal Shridharani đã viết như vậy.[5]

## Tự giải phóng và huy động tiềm năng sức mạnh

Không có sự tham gia của chính quần chúng trong những nỗ lực tạo thay đổi, thì có lẽ sẽ không có những thay đổi lớn về vị thế quyền lực tương đối giữa dân chúng và bất cứ những kẻ nào sẽ chiếm giữ được vị thế của những nhà cai trị. Tốt lắm là một nhóm mới sẽ thay thế những người cũ để cai trị. Những nhà cai trị mới, tuỳ theo sở thích của họ, có thể, cũng như có thể không, hành động tự chế và lo lắng đến hạnh phúc và các tự do của người dân.

[5] Krishnalal Shridharani, *Chiến Tranh Không Bạo Lực: Một Nghiên Cứu về Phương Pháp của Gandhi và Thành Quả* [*War Without Violence: A Study of Gandhi's Method and Its Accomplishments*], (New York: Harcourt, Brace and Co., 1939; In lại: New York & London: Garland Publishing, 1972), t. 305.

Do đó nếu muốn sự giải phóng những người dân bị áp bức xảy ra và được đích thực và lâu bền thì chủ yếu phải là tự giải phóng. Sự giải phóng này cần phải được đạt đến bằng những phương tiện bảo đảm được khả năng lâu bền của người dân tự quản lí lấy mình, xây dựng xã hội của chính họ, và hành động nhằm bảo đảm các tự do và quyền lợi của mình. Nếu không, người dân có thể lại phải đối diện với những nhà cai trị mới có thể còn áp bức hơn nữa, chỉ khác là họ phất lên một lá cờ mới hay ôm ấp một lý thuyết khác mà thôi.

Nhà xã hội học Ấn Độ chuyên về Gandhi, Rammanohar Lohia, đã một lần viết là ông đã chán việc chỉ nghe về nhu cầu cần thay đổi tâm hồn của kẻ áp bức mà thôi. Điều này tốt, nhưng quan trọng hơn nhiều là nỗ lực làm thay đổi tâm hồn những người bị áp bức. Họ cần phải không sẵn lòng tiếp tục chấp nhận áp bức, và phải quyết tâm xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Yếu đuối trong sự quyết tâm của người dân, và rất quan trọng là, trong khả năng hành động của họ, làm cho việc áp bức và đàn áp có thể liên tục xảy ra được. Tăng cường quyết tâm và nâng cao khả năng hành động của mình, những người này sẽ không bao giờ cần phải bị áp bức nữa. Tự giải phóng như thế chỉ có thể đạt được bằng cách gia tăng sức mạnh của những người thừa hành với những cố gắng của chính họ mà thôi.

Nhà lãnh đạo độc lập Ấn Độ Mohandas K. Gandhi nhấn mạnh tầm quan trọng của một sự thay đổi về ý chí và một sự thay đổi về thái độ như là những điều kiện tiên quyết cho một sự thay đổi về những thói quen tuân phục và hợp tác. Ông lí luận là cần có một nhu cầu cho

- một thay đổi tâm lí từ khuất phục thụ động đến tự trọng và can đảm;
- một sự thừa nhận bởi người dân rằng sự hỗ trợ của họ làm cho chế độ hiện hữu tồn tại được;
- một sự xây dựng quyết tâm rút lui hợp tác và tuân phục.[6]

Gandhi tin tưởng rằng những thay đổi này có thể chịu những ảnh hưởng có chủ ý.

---

[6] Xem Gene Sharp, *Gandhi như là một Chiến Lược Gia Chính Trị, với những Tiểu Luận về Đạo Đức và Chính Trị* [*Gandhi as a Political Strategist, with Essays on Ethics and Politics*], (Boston: Porter Sargent, 1979), tt. 43-59.

Một khi dân chúng bị thống trị mong ước tạo thay đổi thì họ cần phải có khả năng huy động và sử dụng sức mạnh hữu hiệu. Một khi dân chúng *sẵn lòng* bất tuân và bất hợp tác thì đòi hỏi họ phải có phương tiện để *hành động* mạnh bạo.Tiếp đến họ cần một kĩ thuật hành động nhờ đó họ có thể duy trì và tăng cường những cơ chế độc lập hiện hữu của họ, tạo thêm và bảo vệ những cơ chế mới, và, kháng cự, đối đầu, và làm suy yếu quyền lực của nhà cai trị áp bức.

Dân chúng cần có khả năng siết lại hay cắt đứt các nguồn sức mạnh của kẻ áp bức. Quyền lực của những nhà cai trị sẽ bị suy yếu tuỳ theo mức độ dân chúng

- bác bỏ quyền cai trị theo quan điểm đạo đức của những nhà cai trị hiện tại;
- bất tuân, bất hợp tác, và từ chối hậu thuẫn các nhà cai trị;
- khước từ cung cấp các kĩ năng và kiến thức do những nhà cai trị đòi hỏi;
- Không để cho những nhà cai trị kiểm soát vấn đề quản trị, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, tài chánh, hệ thống kinh tế, truyền thông, và vận chuyển.

Thêm nữa, nếu những nhà cai trị không trừng phạt được người dân đang chống đối vì sự bất mãn của những lực lượng quân đội hay cảnh sát, hay là vì sự thách thức của quần chúng cứ tiếp tục hay ngay cả trở nên mạnh hơn dù bị đàn áp mãnh liệt, thì quyền lực của nhà cai trị sẽ bị suy yếu dần và ngay cả tan biến đi.

Một kĩ thuật hành động có khả năng thực hiện được những kiềm chế quyền lực của nhà cai trị như thế và huy động được tiềm năng sức mạnh của dân chúng, cũng phải là một kĩ thuật đem lại được cho quần chúng một khả năng kiềm chế bất cứ nhà lãnh đạo nào một cách lâu bền, và bảo vệ khả năng tự quản lí của người dân. Một loại kĩ thuật có tiềm năng thực hiện được những kiềm chế như thế là kĩ thuật “hành động bất bạo động” hay “đấu tranh bất bạo động”. Do đó chúng ta hãy xem xét sâu xa hơn bản chất của loại đấu tranh này.

# Chương Ba

# Một Kĩ Thuật Đấu Tranh Năng Động

### Một nhận định đơn giản

Hành động bất bạo động, hay là đấu tranh bất bạo động, là một kĩ thuật hành động nhờ đó dân chúng có thể siết lại hay cắt đứt các nguồn sức mạnh của những người cai trị họ hoặc những kẻ áp bức khác. Kĩ thuật này được đặt cơ sở trên sự thông hiểu về quyền lực chính trị như đã được trình bày trong chương trước.

Sự hiểu biết đó cho thấy là quyền lực của những nhà cai trị và của những hệ thống hệ đẳng, bất kể là độc tài như thế nào, lệ thuộc trực tiếp vào sự tuân phục và hợp tác của dân chúng. Sự tuân phục và hợp tác lại lệ thuộc vào việc dân chúng và vô số trợ tá của nhà cai trị có sẵn lòng chịu đồng ý -- bằng những hành động hay không hành động của họ -- hỗ trợ các nhà cai trị hay không. Người ta có thể tuân phục và hợp tác vì họ chấp nhận các nhà cai trị hay là mệnh lệnh của nhà cai trị một cách tích cực, hay là họ có thể tuân phục và hợp tác chỉ vì bị hăm doạ đến độ phải khuất phục vì sợ bị trừng phạt.

Tuy thế, bất chấp những hình phạt, những hành vi chống đối, bất tuân và bất hợp tác vẫn xảy ra thường xuyên trong nhiều xã hội. Đôi khi, những hành vi này mang một ý nghĩa trọng đại, như đã được bàn đến ở Chương Một.

---

Để có một phân tích đầy đủ hơn về đấu tranh bất bạo động và sự suy nghĩ trong chương này, y/c đọc Gene Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action*], (Boston: Poprter Sargent, 1973).

Đấu tranh bất bạo động không đòi hỏi phải chấp nhận một lí thuyết chính trị mới hay một niềm tin tôn giáo hay đạo đức mới. Trong ý nghĩa chính trị, hành động bất bạo động được đặt cơ sở trên một nhận định rất đơn giản: người ta không luôn luôn làm những điều mà người ta bị bảo phải làm, và đôi khi người ta làm những điều bị cấm làm. Người dân có thể không tuân theo những luật lệ mà họ bác bỏ. Công nhân có thể ngưng làm việc, điều có thể làm tê liệt nền kinh tế. Hành chánh có thể khước từ thi hành các huấn lệnh. Quân nhân và cảnh sát có thể lơ là trong việc thi hành đàn áp hay là ngay cả nổi loạn. Khi mà những sự cố này xảy ra cùng một lúc, thì quyền lực của nhà cai trị sẽ suy yếu và có thể tiêu tan.

Kĩ thuật đấu tranh bất bạo động đã từng được áp dụng để chống lại đủ loại đối thủ. Từ "đối thủ" ở đây được dùng để chỉ kẻ địch, dù là một nhóm người, một thể chế, một chính thể, một kẻ xâm lược, hay, hoạ hoằn, là một cá nhân, mà cuộc đấu tranh bất bạo động đang chống lại. Thường thì khó khăn nhất trong những xung khắc nầy là xung khắc chống lại những nhà cai trị hiện tại của Nhà Nước hay là chống lại những nhóm người được Nhà Nước hậu thuẫn. Tuy nhiên kĩ thuật này cũng còn có thể áp dụng cho những xung khắc chống lại những đối thủ ít kinh khủng hơn. Những vấn đề tranh chấp trong những cuộc xung khắc này biến đổi tuỳ theo trường hợp. Chúng có thể bao gồm không những chỉ những vấn đề chính trị, mà còn những vấn đề xã hội, kinh tế, tôn giáo, và văn hoá nữa.

Khi người ta bác bỏ uy quyền của đối phương, từ chối hợp tác, rút lui sự hỗ trợ, và kiên trì trong bất tuân và thách thức là khi người ta đang khước từ cung cấp cho đối phương sự hỗ trợ nhân sự cơ bản và sự hợp tác mà bất cứ chính quyền hay hệ thống hệ đẳng nào cũng đòi hỏi. Nếu đối phương lệ thuộc rất nhiều vào sự hỗ trợ như thế, và nếu những người đối kháng từ chối hợp tác và bất tuân với đủ số người trong một thời gian lâu đủ và kiên trì mặc dù bị đàn áp, thì những người đã từng là những "nhà cai trị" hay là nhóm thống trị chỉ trở thành một nhóm người khác mà thôi. Đây là giả định chính trị cơ bản của loại đấu tranh này.

**Một cách tiến hành cuộc đấu tranh**

Đấu tranh bất bạo động là một từ tổng quát bao gồm hằng tá phương pháp về *phản đối, bất hợp tác, và can thiệp.* Trong tất cả những phương pháp này, những người đối kháng tiến hành đấu tranh bằng cách làm --

hoặc từ chối làm -- một số hành động với những phương tiện không phải là bạo lực thể xác.

Đấu tranh bất bạo động có thể bao gồm những hành vi ***bỏ sót*** – nghĩa là người ta có thể không thi hành những hành động mà họ thường làm, được chờ đợi phải làm theo thói quen, hay là do luật, lệ đòi hỏi phải làm. Hay là, người ta có thể thi hành những hành động ***cố tình làm*** – nghĩa là người ta có thể thi hành những hành động mà họ thường không làm, theo thói quen không được chờ đợi phải làm, hay là bị cấm làm. Hay là, loại đấu tranh này bao gồm một sự ***hỗn hợp*** của những hành vi bỏ sót và cố tình làm. Không có cách gì mà kĩ thuật đấu tranh bất bạo động lại có thể thụ động được. Đó là hành động không bạo lực.

Mặc dù những phương tiện bất bạo động để tiến hành đấu tranh đã từng được sử dụng một cách phổ quát trong quá khứ, nhưng người ta vẫn không hiểu chúng được rõ ràng, hay là người ta nhầm lẫn chúng với những hiện tượng khác. Sự hiểu lầm hay nhầm lẫn này đã làm suy giảm hiệu lực của những nỗ lực sử dụng kĩ thuật này. Điều này do đó đã làm lợi cho đối phương mà chế độ hay các chánh sách của họ đang bị cuộc đấu tranh do dân chúng điều động chống lại. Nếu loại đấu tranh này bị đồng hoá một cách sai lầm với sự yếu đuối của tính thụ động, nhầm lẫn với chính sách hoà hoãn, dồn chung với bạo loạn hoặc chiến tranh du kích, hay là bị xem như là một loại hành động không đòi hỏi những chuẩn bị cẩn thận, thì thực sự có lẽ không nên thử nghiệm đấu tranh bất bạo động, hay là, nếu thử, thì có lẽ những nỗ lực này cũng chỉ vô hiệu lực mà thôi.

## Các loại phương pháp đấu tranh

Có ít nhất là 198 phương pháp đấu tranh bất bạo động cụ thể đã được nhận dạng. Những phương pháp này tạo thành ba loại sinh hoạt chính yếu. Loại lớn nhất đầu tiên được gọi là phản đối và thuyết phục. Đây là những sinh hoạt mà qua đó những người thực hành phát biểu ý kiến bằng những hành động có tính biểu tượng, để chứng tỏ sự hỗ trợ hay không chấp thuận của họ đối với một hành động, một chính sách, một nhóm người, hay một chính quyền chẳng hạn. Nhiều phương pháp hành động cụ thể nằm trong loại này. Những phương pháp này bao gồm các bản tuyên ngôn, kiến nghị, truyền đơn, làm hàng rào cản, đeo kí hiệu biểu tượng, âm thanh biểu tượng, đêm không ngủ, ca hát, đi bộ, những đám tang có tính biểu tượng, mít tinh chống đối, thinh lặng, và quay lưng lại,

vân vân. Trong nhiều hoàn cảnh chính trị, những phương pháp này hơi nhẹ, nhưng dưới một chế độ hết sức đàn áp thì những hành động như thế có thể là những thách thức ghê gớm và đòi hỏi một sự can đảm lớn lao.

Những phương pháp loại hai là bất hợp tác, một loại hết sức lớn có thể mang những hình thức xã hội, kinh tế, và chính trị. Qua những phương pháp này, người ta từ chối tiếp tục những hình thức hợp tác thông thường hay là từ chối khởi sự một hợp tác mới. Hiệu quả của sự bất hợp tác như thế tự bản chất có thể gây rối cho những tương quan đã được thiết lập và cho hệ thống điều hành hơn là những phương pháp phản đối và thuyết phục bất bạo động. Mức độ rối ren tuỳ thuộc vào hệ thống bị gây rối, vào sự quan trọng của sinh hoạt bị từ chối hợp tác, vào loại bất hợp tác được sử dụng, vào nhóm từ chối hợp tác, vào số lượng bao nhiêu người tham dự, và vào thời gian bất hợp tác kéo dài được bao lâu.

Những phương pháp bất hợp tác xã hội, ngoài những phương pháp khác có thể có, bao gồm tẩy chay xã hội, khai trừ, học sinh/sinh viên bãi khoá, biểu tình tại gia, và biến mất tập thể.

Những hình thức bất hợp tác kinh tế được gom lại dưới các tiêu đề (1) những cuộc tẩy chay kinh tế và (2) những vụ đình công lao động. Những phương pháp tẩy chay kinh tế, ngoài những phương pháp khác, bao gồm những cuộc tẩy chay của giới tiêu thụ, không trả tiền mướn, khước từ cho mướn hay bán tài sản, đóng cửa tiệm, rút tiền ra khỏi ngân hàng, khước từ lợi tức, cấm vận mậu dịch quốc tế. Những cuộc đình công lao động gồm có: đình công phản đối, tù nhân đình công, đình công làm đình trệ các sinh hoạt, tổng đình công, làm trì chậm sinh hoạt kinh tế, và nhiều hình thức khác nữa.

Bất hợp tác chính trị là một tiểu mục lớn hơn rất nhiều. Loại này bao gồm việc giữ lại hay rút lui sự trung thành, tẩy chay những cuộc bầu cử, tẩy chay làm việc cho chính phủ hay những chức vụ của chính phủ, khước từ giải thể những cơ chế hiện hành, phục tòng một cách miễn cưỡng và chậm trễ, bất tuân nguỵ trang, bất tuân dân sự, toà án bất hợp tác, cố tình vô hiệu năng, và bất hợp tác có chọn lựa bởi nhân viên công lực, bất hợp tác bởi những đơn vị thành phần của chính phủ, và cắt đứt liên hệ ngoại giao.

Tất cả những phương pháp can thiệp bất bạo động đều gây rối ren cho sự điều hành của những chính sách hay cho hệ thống một cách năng động bằng cách cố tình can dự hoặc trong các lãnh vực tâm lí, thể xác, xã hội, kinh tế, hay chính trị. Trong vô số những phương pháp thuộc loại này

là tuyệt thực, biểu-tình-ngồi, đột kích bất bạo động, gây cản trở bất bạo động, chiếm dụng bất bạo động, tràn ngập các phương tiện dịch vụ, thiết lập những cơ chế xã hội song hành, các hệ thống truyền thông song hành, áp dụng phương pháp ngược lại với đình công bằng những công tác tình nguyện hay gia tăng năng suất để đạt mục tiêu, đình công tại chỗ, chiếm dụng đất bất bạo động, thách thức các phong toả, tịch thu tài sản, bảo trợ có chọn lọc, thiết lập những cơ sở kinh tế song hành, làm tràn ngập các hệ thống hành chánh, tìm cách đi ở tù, phương pháp hai chủ quyền và chính phủ song hành.

Những phương pháp này và nhiều phương pháp tương tự khác nữa về phản đối và thuyết phục bất bạo động, bất hợp tác, và can thiệp bất bạo động tạo nên kĩ thuật đấu tranh bất bạo động.

## Thành công đòi hỏi điều kiện

Đấu tranh bất bạo động thành công không phải nhờ ảo thuật. Mặc dù những nhà đối kháng bất bạo động đã có nhiều lần thành công, nhưng không phải lúc nào cũng thành công, và hiển nhiên là không phải không trả giá. Chỉ chọn lựa tiến hành một cuộc đấu tranh bằng hành động bất bạo động không bảo đảm được thành công.

Nhiều cuộc đấu tranh trong quá khứ chỉ thành công một phần mà thôi. Đôi khi chiến thắng chỉ kéo dài được một thời gian ngắn bởi vì người ta đã không lợi dụng chiến thắng đó để củng cố những thắng lợi, cũng như đã không chống lại những đe doạ mới đối với các tự do của họ cho được hiệu quả. Trong những trường hợp khác, chiến thắng trong một chiến dịch duy nhất đem lại những nhượng bộ, nhưng vẫn cần phải có những cuộc đấu tranh mới để tranh thủ cho được toàn bộ các mục tiêu. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, người ta đã đạt được những chiến thắng to lớn mà nhiều người nghĩ là không thể đạt được bằng đối kháng bất bạo động.

Tuy nhiên, một vài trường hợp đấu tranh bất bạo động trong quá khứ đã thất bại trong việc tranh thủ các mục tiêu. Sự thất bại như thế đã xảy ra vì nhiều lí do. Nếu các nhà đối kháng yếu, nếu những phương pháp cụ thể được chọn lựa không đúng, hay là các nhà đối kháng trở nên khiếp sợ và bị hăm doạ đến phải khuất phục, thì họ sẽ khó mà thắng được. Nếu các nhà đối kháng thiếu một chiến lược để tiến hành cuộc đấu tranh cho được hiệu quả tối đa, thì xác suất thành công bị giảm đi rất nhiều. Không có gì thay thế được cho sức mạnh đích thực và cho hành động khôn ngoan trong công cuộc tiến hành đấu tranh bất bạo động.

Tham gia vào một cuộc đấu tranh bất bạo động không miễn trừ cho bất cứ cá nhân nào khỏi bị tù tội, thương tích, đau khổ, hay chết chóc. Cũng như trong những cuộc xung đột bạo động, những người tham gia đấu tranh bất bạo động thường phải chịu những hình phạt nặng nề vì sự thách thức và bất hợp tác của họ. Tuy nhiên, những chiến thắng do đấu tranh bất bạo động ít đem lại tổn thất, hay ngay cả không đem lại tổn thất nào, cũng đã từng xảy ra, và thông thường thì các tổn thất trong các cuộc đấu tranh bất bạo động ít hơn rất nhiều so với những tổn thất trong những cuộc đấu tranh bạo động để tranh thủ cùng những mục tiêu như nhau.

Xét định kĩ thuật này thật kĩ càng hơn sẽ giúp chúng ta thẩm định được ý nghĩa tiềm tàng và hiệu quả tiềm tàng của nó. Do đó, chúng ta hãy lược khảo cách điều hành của đấu tranh bất bạo động.

## Các cách sử dụng và những hiệu quả của đấu tranh bất bạo động

Đấu tranh bất bạo động có thể dùng để thay thế cho bạo lực chống lại những nhóm khác trong xã hội, chống lại những nhóm trong một xã hội khác, chống lại chính quyền của chính mình, hay chống lại một chính quyền khác.

Nhiều khi chỉ có những phương pháp phản đối và thuyết phục bất bạo động mới có thể sử dụng được để gây ảnh hưởng đối với các ý kiến của đối phương hay là của những người khác. Những hành động như thế có thể tác động lên uy quyền đạo đức và tính hợp pháp của đối phương. Tuy nhiên, những phương pháp này là những phương pháp yếu.

Nhiều phương pháp trong số những phương pháp bất hợp tác sẽ mạnh hơn rất nhiều vì những phương pháp này có tiềm năng làm suy giảm hay cắt đứt sự cung cấp các nguồn sức mạnh của đối phương. Những phương pháp này đòi hỏi số đông người tham gia, và thường là sự tham gia của những nhóm hay của các cơ chế trong hành động từ chối hợp tác.

Những phương pháp can thiệp bất bạo động có thể được áp dụng bởi những nhóm lớn, nhỏ khác nhau. Một vài phương pháp trong số những phương pháp này – như là biểu-tình-ngồi tại một văn phòng, chẳng hạn – đòi hỏi một số ít người tham dự để tạo nên một tác động lớn lao hơn là những phương pháp bất hợp tác đòi hỏi. Ít nhất cũng là trong ngắn hạn, những phương pháp này nói chung thường gây rối ren cho nguyên trạng nhiều hơn là bất hợp tác. Tuy nhiên, một số phương pháp này có thể thường gặp phải đàn áp cùng cực. Để có thể gây được tác động, những

người đối kháng phải được chuẩn bị để chịu đựng điều này, trong lúc vẫn kiên trì trong hành động thách thức bất bạo động của họ. Trừ phi số người tham dự hết sức lớn – như trong những cuộc biểu-tình-ngồi vĩ đại tại những con đường thuộc trung tâm thành phố -- thì có thể là khó mà duy trì sự áp dụng những phương pháp này trong một thời gian lâu dài được. Những tổn thất có thể nặng nề.

Điều hết sức quan trọng là những ai chuẩn bị dấn thân vào một cuộc đấu tranh bất bạo động cần phải chọn những phương pháp mà họ sẽ sử dụng với tất cả sự cẩn trọng. Những phương pháp được lựa chọn phải đánh vào các nhược điểm của đối phương, tận dụng các ưu điểm của những người đối kháng, và được sử dụng cùng chung với những phương pháp khác theo phương cách làm thế nào để tất cả những phương pháp này hỗ trợ lẫn nhau. Muốn hữu hiệu nhất thì những phương pháp này còn cần phải được chọn lựa và thực thi theo một đại chiến lược cho toàn bộ cuộc đấu tranh. Đại chiến lược cần phải được thiết lập trước khi chọn lựa những phương pháp cụ thể. Việc thiết lập các đại chiến lược và các chiến lược cho những chiến dịch có giới hạn sẽ được bàn đến ở Phần Bốn.

Những hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp hành động bất bạo động khác nhau rất nhiều. Những hiệu quả này tuỳ thuộc vào bản chất của hệ thống trong đó những phương pháp này được áp dụng, vào loại chế độ của đối phương, vào mức độ áp dụng những phương pháp, vào những vai trò thường lệ trong việc điều hành hệ thống của những người hay nhóm người áp dụng các phương pháp này, vào kĩ năng của những nhóm người sử dụng hành động bất bạo động, vào việc có hay không sử dụng những chiến lược khôn ngoan trong cuộc đấu tranh, và, sau cùng, là vào khả năng tương đối của những người đối kháng bất bạo động chịu đựng được sự đàn áp từ đối phương và kiên trì trong bất hợp tác và thách thức mà không rơi vào những phương tiện bạo động.

### Đàn áp và những phương thức tạo thay đổi

Bởi vì những phương pháp đấu tranh bất bạo động này, đặc biệt là những phương pháp bất hợp tác, thường trực tiếp gây phiền phức hay gây gián đoạn cho sự cung cấp các nguồn sức mạnh mà đối phương cần và cho các sinh hoạt “bình thường,” nên đối phương có khuynh hướng phản ứng mạnh, thường là bằng đàn áp. Sự đàn áp này có thể bao gồm đánh đập, bắt bớ, tù tội, hành quyết, và tàn sát tập thể. Dù bị đàn áp, những người

đối kháng đôi khi vẫn kiên trì đấu tranh chỉ bằng những vũ khí bất bạo động mà họ đã chọn lựa.

Những cuộc đấu tranh trong quá khứ rất hiếm khi được kế hoạch hoá và chuẩn bị một cách chu đáo và thường thiếu một kế hoạch chiến lược. Đối kháng thường không được tập trung vào một tụ điểm, và những người đối kháng thường không biết mình nên làm gì hay nên không làm gì. Hậu quả do đó không có gì ngạc nhiên khi đối đầu với sự đàn áp nghiêm trọng, những cuộc đấu tranh bất bạo động đôi khi chỉ đem lại những kết quả tích cực có giới hạn, hay ngay cả đưa đến những thất bại rõ ràng hay là những thảm hại. Thế nhưng, thật là ngạc nhiên khi có nhiều cuộc đấu tranh bất bạo động đột khởi đã thắng. Hiện nay thì chúng ta có đủ lí do để tin tưởng là hiệu quả của kĩ thuật này có thể được gia tăng rất nhiều nhờ sự hiểu biết tiến bộ hơn về những đòi hỏi của kĩ thuật này và nhờ việc thiết lập kế hoạch chiến lược.

Khi những cuộc đấu tranh bất bạo động thành công trong việc tranh thủ được các mục tiêu đã tuyên bố, thì kết quả đem lại là do sự vận hành của một trong bốn phương thức -- cải hoá, thích nghi, cưỡng ép bất bạo động, hoặc phân huỷ -- hay là hỗn hợp hai hay ba phương thức này lại với nhau. Dù hiếm khi xảy ra, đối phương có lúc cũng thay đổi quan điểm; nghĩa là, đã có một sự cải hoá. Trong trường hợp này, như là kết quả của sự kiên trì bất bạo động và sự sẵn lòng của người dân cứ tiếp tục chịu đựng đau khổ, chịu những điều kiện khắt khe, và những bạo tàn giáng xuống họ; đối phương quyết định rằng chấp nhận những yêu sách của nhóm bất bạo động là đúng. Mặc dù những người theo chủ nghĩa hoà bình có tính tôn giáo thường hay đặt nặng khả năng nầy, nhưng điều này không xảy ra thường xuyên.

Một phương thức thông dụng hơn nhiều được gọi là phương thức thích nghi. Phương thức này có nghĩa là cả hai phía đều thoả hiệp về những vấn đề tranh chấp và chịu nhận lãnh, hay cắt bớt một phần của những mục tiêu nguyên thuỷ của mình. Phương thức này có thể chỉ vận hành được đối với những vấn đề mà mỗi bên có thể thoả hiệp được mà không thấy mình vi phạm đến những niềm tin căn bản hay những nguyên tắc chính trị. Phương thức thích nghi xảy ra hầu như trong tất cả những giải quyết về đình công lao động. Các điều kiện làm việc và lương phạn được thoả thuận sau cùng thường nằm đâu đó ở phần giữa những mục tiêu mà hai bên đã xác định lúc đầu. Chúng ta phải nhớ rằng những thoả

hiệp như thế chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi sức mạnh mà mỗi bên có thể sử dụng trong việc tiến hành cuộc xung đột.

Trong những cuộc xung đột khác, con số những người đối kháng đã trở nên quá lớn, và những bộ phận của trật tự xã hội và chính trị do họ ảnh hưởng hoặc kiểm soát quá trọng yếu đến độ phương pháp bất hợp tác và thách thức trở nên chế ngự tình hình đấu tranh. Đối phương tuy vẫn còn tại chức, nhưng họ không có thể kiểm soát hệ thống được nữa một khi không còn sự hợp tác và sự phục tòng trở lại của những người đối kháng. Ngay cả đàn áp cũng không còn hiệu quả, hoặc vì sự ồ ạt của bất hợp tác hoặc vì quân lính và cảnh sát của đối phương không còn tuân lệnh một cách đáng tin cậy nữa. Thay đổi được thực hiện, ngược với ý muốn của đối phương, vì sự cung cấp các nguồn sức mạnh mà đối phương cần đã bị làm suy yếu đi một cách trầm trọng hay là đã bị cắt đứt hẳn. Đối phương không còn có thể dùng sức mạnh chống lại các nguyện vọng của nhóm đấu tranh bất bạo động nữa. Đó là phương thức cưỡng ép bất bạo động.

Ví dụ, đây là những gì đã xảy ra trong cuộc Cách Mạng Nga Năm 1905. Như là kết quả của cuộc Đình Công Vĩ Đại Tháng Mười, Nga Hoàng Nicholas Đệ Nhị đã ban hành một tuyên ngôn có tính hiến định chấp thuận thành lập một *Duma* hay cơ quan lập pháp, do đó từ bỏ quyền đòi hỏi mình là nhà chuyên chế độc nhất.

Trong những hoàn cảnh cực đoan, sự bất hợp tác và thách thức quá rộng lớn và quá mạnh đến độ chế độ cũ chỉ còn cách là phải tan rã. Không có ai còn lại có đủ quyền lực để chịu đầu hàng nữa.

Ở tại Nga vào tháng Hai năm 1917, số người đình công thật là lớn; tất cả mọi từng lớp trong xã hội đều đứng lên chống chế độ Nga hoàng; những cuộc biểu tình xuống đường hoà bình khổng lồ đã đánh đổ lòng trung thành của quân đội; những viện binh biến thành những đám đông chống đối. Sau cùng, Nga Hoàng Nocholas Đệ Nhị, đối diện với thực tế, đã thầm lặng thoái vị, và chính quyền Nga hoàng đã "tan biến và bị quét sạch". Đó là phương thức phân huỷ.

Ở tại Serbia vào tháng Mười năm 2000, chiến dịch thách thức và bất hợp tác do nhóm Otpor khởi động hội đủ hầu như tất cả những đặc tính của một chiến dịch phân huỷ, với một ngoại lệ quan trọng. Rõ ràng là Milosevic đã mất hết khả năng quyền lực và đang đối diện với cưỡng ép bất bạo động. Tuy nhiên, ông ta còn giữ đủ quyền để lên truyền hình tuyên bố đầu hàng. Bỗng nhiên ông ta đã khám phá ra, ngược lại với những lời đồn đại trước đó, là đối thủ ứng cử của ông, Vojislav Kostunica,

đã thực sự thắng cuộc bầu cử và Milosevic đã không thắng. Ông ta chỉ còn đủ quyền hạn còn sót lại để đòi được thời gian trên truyền hình để tuyên bố chịu thua. Điều này cũng gần như là phân huỷ. Tuy nhiên, phương thức này hiếm khi là kết cuộc của đấu tranh bất bạo động.

**Thêm những yếu tố khác của đấu tranh bất bạo động**

Trong lúc bất hợp tác nhằm đánh đổ phục tòng và nhằm làm suy yếu hay cắt đứt những nguồn sức mạnh của đối phương là những lực lượng chính yếu trong đấu tranh bất bạo động, thì còn có một phương thức khác đôi khi cũng hữu hiệu. Đó là "nhu thuật chính trị." Trong tiến trình này, sự đàn áp tàn bạo giáng xuống những người đối kháng bất bạo động có kỉ luật không những không làm tăng sức mạnh của đối phương và cũng như không làm suy yếu những người đối kháng, mà ngược lại là đằng khác.

Sự ghê tởm đối với đối phương lan rộng vì sự bạo tàn của họ trong một vài trường hợp đã vận hành chuyển đổi sức mạnh về phía những người đối kháng. Có thể có thêm nhiều người tham gia đối kháng. Những thành phần thứ ba có thể thay đổi ý kiến và các sinh hoạt của họ trở nên có lợi cho những người đối kháng và hoạt động chống lại đối phương. Ngay cả những thành viên trong số những người thường làm hậu thuẫn cho đối phương, trong số những nhà quản trị, và quân đội và cảnh sát có thể trở nên không còn tin cậy được nữa hay ngay cả có thể nổi loạn. Việc sử dụng bạo lực của đối phương lẽ ra có tính cưỡng bức lúc đó đã trở ngược lại phá vỡ khả năng quyền lực của chính họ. Tuy nhiên, nhu thuật chính trị không hữu hiệu trong tất cả mọi hoàn cảnh, và do đó thay vì phương thức này, ta cần đặt nhiều tin cậy vào tác dụng của phương thức bất hợp tác ở mức độ rộng lớn được tập trung một cách cẩn thận vào một điểm hội tụ.

**Sự quan trọng của chiến lược**

Đấu tranh bất bạo động hữu hiệu không phải là sản phẩm của việc chỉ áp dụng những phương pháp của kĩ thuật này. Một cuộc đấu tranh được tiến hành với những phương tiện bất bạo động, nói một cách tổng quát, sẽ hữu hiệu hơn nếu những người tham gia trước tiên thông hiểu những nhân tố nào là những nhân tố đóng góp vào thành công nhiều hơn hay vào thất bại có thể xảy ra, rồi theo đó mà hành động.

Một biến số quan trọng khác trong những cuộc đấu tranh bất bạo động là những cuộc đấu tranh này có được tiến hành trên cơ cở của một đại chiến lược được chuẩn bị một cách khôn ngoan và của những chiến lược cho những chiến dịch cá biệt hay không. Việc có hay không có những tính toán chiến lược và lập kế hoạch, và nếu có, thì sự khôn ngoan của những tính toán và lập kế hoạch này, sẽ có một tác dụng lớn lao đối với tiến trình của cuộc đấu tranh và đối với kết quả cuối cùng của nó. Ở thời điểm này trong tiến trình của lịch sử thực hành đấu tranh bất bạo động, chúng ta có thể dự phóng là một nhân tố rất quan trọng trong việc thực hành và hiệu quả của đấu tranh bất bạo động là càng ngày người ta càng gia tăng áp dụng đấu tranh bất bạo động dựa trên cơ sở lập kế hoạch chiến lược.

Lập kế hoạch chiến lược thành thạo đòi hỏi không những chỉ sự thông hiểu về chính hoàn cảnh của cuộc xung đột mà thôi, mà còn đòi hỏi một sự thông hiểu thấu đáo về lí do tại sao kĩ thuật này có thể tung ra được sức mạnh hùng hậu, về những đặc tính chính yếu của đấu tranh bất bạo động, về nhiều phương pháp có thể áp dụng được, và về những động cơ và phương thức của kĩ thuật này vận hành như thế nào trong những cuộc đấu tranh thực thụ khi được áp dụng để chống lại những chế độ đàn áp.

Các đề tài và chủ đề của chương này đều được trình bày nhiều hơn và cặn kẻ hơn trong những chương kế tiếp của cuốn sách này.

Chúng tôi sẽ xét đến nhiều phương pháp cá biệt được bao gồm trong kĩ thuật này trong chương tới.

# Chương Bốn

# Các Phương Pháp Đấu Tranh Bất Bạo Động

### Những vũ khí của đấu tranh bất bạo động

Kĩ thuật đấu tranh bất bạo động gồm có nhiều "phương pháp" cụ thể, hay là, những hình thái của đấu tranh. Những phương pháp như thế được xem như là những vũ khí của đấu tranh bất bạo động. Chúng được sử dụng để tiến hành cuộc đấu tranh bằng những áp lực tâm lí, xã hội, kinh tế, hoặc chính trị, hay là bằng một sự hỗn hợp của những áp lực này.

Các phương pháp đấu tranh bất bạo động đã được giới thiệu ở Chương Một và Chương Ba và một vài thí dụ đã được trích dẫn. Những thí dụ này bao gồm những cuộc đi bộ chống đối, phất cờ bị cấm đoán, những cuộc tập họp vĩ đại, đêm không ngủ, những cuộc tẩy chay xã hội, tẩy chay kinh tế, đình công lao động, bất tuân dân sự, tẩy chay những cuộc bầu cử gian lận, công chức đình công, biểu-tình-ngồi, tuyệt thực, chiếm dụng các văn phòng, và tạo ra một chính quyền song hành. Những phương pháp này có thể được sử dụng để chống đối có tính cách biểu tượng, để chấm dứt hợp tác, hay là để gây rối ren cho sự điều hành của hệ thống hiện hành.

Những phương pháp này và những phương pháp tương tự như là một tập hợp tạo nên kĩ thuật tổng quan của đấu tranh bất bạo động. Làm quen với sự đa dạng và những đặc tính của những phương pháp này là then chốt cho việc thông hiểu đấu tranh bất bạo động như là một toàn bộ cùng với những biến đổi của nó trong cuộc đấu tranh.

## Thông hiểu những phương pháp đấu tranh bất bạo động

Những phương pháp cụ thể, hay là những vũ khí, của đấu tranh bất bạo động được xếp loại thành ba nhóm:

1. Phản đối và thuyết phục
2. Bất hợp tác, và
3. Can thiệp bất bạo động

Bảng liệt kê 198 phương pháp sau đây chỉ nhằm mục đích trình bày những khả năng lựa chọn có sẵn cho những nhóm người đang sử dụng hoặc có ý định sẽ sử dụng đấu tranh bất bạo động. Bảng liệt kê khó mà toàn vẹn. Những định nghĩa đầy đủ cho từng phương pháp cùng với những thí dụ rút từ lịch sử về việc sử dụng của mỗi phương pháp được cung cấp trong cuốn *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động*[1]. Chắc chắn là còn có nhiều phương pháp nữa, và hẳn là sẽ có nhiều phương pháp mới sẽ được phát minh và học hỏi từ những nhóm khác. Chúng tôi hết sức khuyến khích các học giả nghiên cứu kĩ thuật này, cũng như những người đối kháng đang suy tính làm thế nào để tiến hành cuộc đấu tranh trong tương lai cho được hữu hiệu, là nên nghiên cứu Phần Hai của tập sách nói trên, đã được xuất bản riêng biệt thành cuốn sách tựa đề là *Các Phương Pháp của Hành Động Bất Bạo Động*.

Chương này không nhằm mục đích hướng dẫn việc chọn lựa và áp dụng những phương pháp này mà chỉ nhằm trình bày một cách tổng quát nhiều loại phương pháp sẵn có. Những nhân tố cần được xét đến trong việc chọn lựa những phương pháp cho một cuộc xung đột nào đó sẽ được thảo luận ở Chương Ba Mươi Bảy.

Việc lựa chọn khôn ngoan những phương pháp cụ thể để sử dụng đòi hỏi một kiến thức không những chỉ về toàn bộ những phương pháp hành động có thể có mà còn về chiến lược đã từng được thiết lập để tiến hành cuộc đấu tranh.

Như chúng tôi sẽ thảo luận ở Phần Bốn, việc thiết lập cẩn thận kế hoạch chiến lược rất quan trọng trước khi chọn những phương pháp cụ

---

[1]Gene Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action*], Phần Hai, *Những Phương Pháp của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Methods of Nonviolent Action*], Boston: Porter Sargent Publisher, 1873.

thể cho một cuộc đấu tranh. Những tính toán và thiết kế chiến lược rất cần cho việc nhận dạng những loại áp lực mà những người đối kháng cần áp dụng để chống lại đối phương, và do đó những phương pháp cụ thể nào họ cần phải sử dụng.

# I.Những Hành Động Nhắn Gửi Thông Điệp

## Phản đối và thuyết phục bất bạo động

Phản đối và thuyết phục bất bạo động bao gồm nhiều phương pháp mà chủ yếu là những hành vi đối lập ôn hoà có tính biểu tượng hay là nỗ lực thuyết phục. Những phương pháp này vượt quá những phát biểu ý kiến bằng lời nói, nhưng chưa đi đến bất hợp tác và can thiệp bất bạo động. Việc sử dụng những phương pháp này cho thấy là những người đối kháng chống đối hay bênh vực một điều gì, cho thấy mức độ chống đối hay hỗ trợ, và, đôi khi, cho thấy số người tham dự.

Tác dụng của những phương pháp này đối với những thái độ của người khác sẽ biến đổi rất nhiều. Có thể là nơi nào mà một phương pháp đã được thông dụng rồi thì ảnh hưởng của phương pháp đó trong một trường hợp duy nhất có thể ít hơn là ở những địa điểm mà phương pháp này từ trước đến nay hiếm khi thấy hay là không được biết đến. Các tình huống chính trị mà trong đó phương pháp này được áp dụng cũng sẽ có thể ảnh hưởng đến tác dụng của nó. Những hoàn cảnh độc tài thường làm cho hành động chống đối bất bạo động ít thông dụng và nguy hiểm hơn. Do đó, nếu phương pháp này được sử dụng thì hành động có thể khích động nhiều hơn và có thể gây được nhiều chú ý hơn là ở những nơi mà phương pháp này thông dụng và thường được áp dụng mà không bị trừng phạt.

Thông điệp có thể có mục đích gây ảnh hưởng với đối phương, với quần chúng, hay là với nhóm khiếu nại,[2] hay là với cả ba nhóm. Những nỗ lực gây ảnh hưởng với đối phương thường được tập trung vào việc thuyết phục đối phương sửa đổi hay ngưng một số hành động nào đó, hay là thực hiện điều mà nhóm khiếu nại mong muốn. Những phương pháp phản đối và thuyết phục bất bạo động cũng còn được chọn để thúc đẩy việc áp dụng những phương pháp khác cùng lúc hay về sau này, nhất là là những hình thức bất hợp tác. Năm mươi bốn phương pháp chống đối và thuyết phục được liệt kê sau đây, gom lại thành mười tiểu mục.

### Những tuyên cáo chính thức

1. Các diễn văn công cộng
2. Thư chống đối hay ủng hộ
3. Tuyên ngôn của các tổ chức hay các cơ chế
4. Tuyên cáo công cộng có chữ kí
5. Tuyên ngôn buộc tội và bày tỏ dự tính
6. Kiến nghị của nhóm hay của tập thể quần chúng

### Quảng bá truyền thông đại chúng

7. Khẩu hiệu, biếm hoạ, và các kí hiệu biểu tượng (bằng cách viết ra, sơn màu, vẽ, in ấn, cử chỉ, nói, hoặc nhại)
8. Biểu ngữ, áp phích, và các hình thức thông tin được trưng bày
9. Truyền đơn, sách mỏng, và sách
10. Báo hằng ngày và báo định kì
11. Ghi âm, đài phát thanh, truyền hình, và viđêô
12. Viết chữ kéo theo máy bay và viết chữ lên mặt đất

### Trình diễn nhóm

13. Các nhóm uỷ nhiệm
14. Trao giải thưởng giễu
15. Nhóm vận động hành lang
16. Làm hàng rào cản
17. Bầu cử giễu

---

[2] Nhóm khiếu nại là nhóm tập thể dân chúng mà những khiếu nại của họ là những vấn đề tranh chấp được nêu lên trong cuộc xung đột và đang được những người đối kháng bất bạo động tranh đấu để tranh thủ.

**Những hành vi công cộng biểu tượng**

18. Trưng bày những lá cờ và những màu sắc biểu tượng
19. Đeo kí hiệu biểu tượng (nút, huy hiệu ủng hộ)
20. Cầu nguyện và thờ phượng
21. Phân phát những vật biểu tượng
22. Cởi bỏ áo quần để chống đối
23. Phá huỷ tài sản của chính mình (nhà, tài liệu, chứng liệu khả năng và thành tích, vân vân)
24. Ánh sáng biểu tượng (đuốc, đèn lồng, nến)
25. Trưng bày ảnh chân dung
26. Sơn vẽ để phản đối
27. Bảng hiệu hay tên mới và/hay là tên mang tính biểu tượng
28. Các âm thanh biểu tượng (“những ca khúc biểu tượng” cùng với huýt sáo, chuông, còi, vân vân)
29. Đòi lại tài sản một cách biểu tượng (chiếm lại đất hay nhà)
30. Những cử chỉ thô bỉ

**Áp lực đối với cá nhân**

31. “Bám sát” các giới chức (có thể cần liên tục theo dõi họ, hay là nhắc nhở họ, hoặc có thể giữ im lặng và tỏ sự kính trọng)
32. Khiêu khích các giới chức (giễu hay là mạt sát)
33. Kết thân (bắt người ta phải chịu ảnh hưởng mạnh trực tiếp để thuyết phục họ là chế độ mà họ phục vụ không công chính)
34. Những đêm không ngủ

**Kịch nghệ và âm nhạc**

35. Những hài kịch ngắn và các trò đùa tinh nghịch
36. Trình diễn kịch và âm nhạc
37. Ca hát

**Diễn hành**

38. Tuần hành [bước đều theo hàng ngũ để biểu dương lực lượng và biểu thị thái độ chính trị]
39. diễn hành [thường đi ngang trước các lễ đài hay đường phố để biểu dương sức mạnh]
40. Đám rước tôn giáo [đi kiệu]
41. Hành hương
42. Đoàn xe mô tô

**Vinh danh những người quá cố**

43. Để tang chính trị
44. Đám tang giả vờ
45. Biến lễ an táng thành biểu tình
46. Công khai biểu lộ sự tôn kính tại những nơi chôn cất

**Tụ họp công khai**

47. Tụ họp để chống đối hay để ủng hộ
48. Mít tinh phản đối
49. Mít tinh phản đối nguỵ trang
50. Hội luận với vài ba thuyết trình viên thông suốt vấn đề

**Rút lui và công khai từ bỏ**

51. Bãi công đột nhiên
52. Thinh lặng
53. Khước từ các vinh danh
54. Từ bỏ

Tất cả những hành động này đều chỉ mang tính biểu tượng. Những phương pháp bất hợp tác và can thiệp bất bạo động tạo nên được sức mạnh lớn hơn.

# II.Những Hành Động Đình Chỉ Hợp Tác và Hỗ Trợ

## Những Phương Pháp Bất Hợp Tác

Rất nhiều trường hợp, những phương pháp đấu tranh bất bạo động thường đòi hỏi bất hợp tác với đối phương. “Bất hợp tác” có nghĩa là những người đối kháng trong một cuộc xung đột hoặc cố tình rút lui một hình thức hay là một mức độ hợp tác hiện hữu với đối phương hoặc khước từ khởi xướng những hình thức hợp tác mới. Bất hợp tác đòi hỏi cố tình ngưng tiếp tục, giữ lại, hay thách thức một số những mối liên hệ --

xã hội, kinh tế, hay chính trị. Hành động có thể là tự phát hay được chuẩn bị theo kế hoạch, có thể hợp pháp hay bất hợp pháp.

Tác dụng của những hình thức khác nhau của bất hợp tác tuỳ thuộc nặng nề vào số người tham gia vào việc sử dụng những phương pháp này và vào mức độ đối phương lệ thuộc vào những người và nhóm người đang từ chối hợp tác. Các loại bất hợp tác khác nhau là bất hợp tác xã hội, bất hợp tác kinh tế, và bất hợp tác chính trị.

## A. Những hành động nhằm ngưng các liên hệ xã hội

### Những phương pháp bất hợp tác xã hội

Bất hợp tác xã hội có nghĩa là từ chối tiếp tục những liên hệ xã hội bình thường, riêng biệt hay tổng quát, với những người hay những nhóm người được xem là đã phạm một số sai quấy hay gây bất công, hay là từ chối tuân thủ một số lề lối hay thông lệ về cách hành sử. Mười lăm phương pháp bất hợp tác xã hội được liệt kê dưới đây thành ba nhóm nhỏ:

#### Khai trừ

55. Từ chối giao tiếp
56. Từ chối giao tiếp có chọn lọc
57. Khước từ giao hợp (tẩy chay sinh lí)
58. Dứt phép thông công (tẩy chay tôn giáo)
59. Cấm tham dự thánh lễ và rước lễ (ngưng các dịch vụ tôn giáo)

#### Bất hợp ác với những sinh hoạt xã hội, phong tục, và các định chế

60. Ngưng các hoạt động thể thao và xã hội
61. Tẩy chay những buổi giao tế xã hội
62. Bãi khoá của học sinh/sinh viên
63. Bất tuân xã hội (tập quán hay là quy tắc xã hội)
64. Rút lui khỏi những định chế xã hội

**Rút lui khỏi hệ thống xã hội**

65. Biểu tình tại gia
66. Cá nhân hoàn toàn bất hợp tác
67. Công nhân bỏ việc (bỏ đi nơi khác)
68. Nơi an toàn (rút về nơi mà người ta không thể động đến bạn được nếu họ không muốn vi phạm những cấm kị về tôn giáo, xã hội, hay luật pháp)
69. Lẩn tránh tập thể (cư dân của một khu vực nhỏ lìa bỏ nhà cửa và làng mạc của họ)
70. Di cư để phản đối (hijrat: một cuộc di cư vĩnh viễn có chủ ý)

## B. Những hành động nhằm ngưng những liên hệ kinh tế

### Những phương pháp bất hợp tác kinh tế

Những phương pháp này bàn đến việc ngưng hay khước từ khởi xướng các loại liên hệ kinh tế cụ thể. Bất hợp tác như thế mang nhiều hình thái có thể được gom lại thành ba hạng nhỏ hơn về các vụ tẩy chay kinh tế và đình công lao động.

### (1) Những cuộc tẩy chay kinh tế

Tẩy chay kinh tế là từ chối mua, bán, quản lí, hay phân phối những hàng hoá và dịch vụ nào đó, và thường cũng bao gồm các nỗ lực khuyến dụ người khác rút lui sự hợp tác như thế. Trong bảng liệt kê sau đây có hai mươi lăm phương pháp được chia thành sáu nhóm nhỏ về những tẩy chay kinh tế.

**Hành động bởi giới tiêu thụ**

71. Người tiêu thụ tẩy chay các hàng hoá hay các hãng
72. Không xài những hàng hoá đã bị tẩy chay (những hàng hoá mà mình đã sở hữu)
73. Chính sách khắc khổ (giảm tiêu thụ đến mức tối thiểu)

74. Giữ lại, không trả tiền mướn đất/nhà (đình công tiền mướn)
75. Khước từ mướn đất/nhà
76. Tẩy chay toàn quốc bởi giới tiêu thụ (từ chối mua các sản phẩm hay sử dụng các dịch vụ từ một quốc gia khác)
77. Tẩy chay quốc tế bởi giới tiêu thụ (một số quốc gia chống những sản phẩm của một quốc gia nào đó)

**Hành động bởi công nhân và các nhà sản xuất**

78. Công nhân tẩy chay (từ chối làm việc với những sản phẩm hay dụng cụ do đối phương cung cấp)
79. Tẩy chay bởi các nhà sản xuất (các nhà sản xuất từ chối bán hay là giao hàng)

**Hành động bởi giới trung gian**

80. Tẩy chay bởi các nhà cung cấp hay các nhà quản lí (công nhân hay người trung gian từ chối quản lí hay cung cấp một số hàng hoá nào đó)

**Hành động bởi sở hữu chủ và cấp quản trị**

81. Tẩy chay bởi các nhà buôn (các nhà buôn lẻ từ chối mua hoặc bán một số hàng nào đó)
82. Từ chối cho mướn hoặc bán tài sản
83. Đóng cửa (chủ phát động ngưng công, bằng cách tạm thời đóng cửa tiệm/hãng/xưởng)
84. Khước từ sự hỗ trợ về kĩ nghệ
85. Thương gia “tổng đình công”

**Hành động bởi giới nắm giữ các nguồn tài chánh**

86. Rút tiền ra khỏi ngân hàng
87. Từ chối trả lệ phí dịch vụ, lệ phí thành viên, và lệ phí ấn định
88. Từ chối trả nợ hay tiền lãi

89. Cắt ngân khoản hay tín dụng
90. Khước từ mang lại lợi tức (từ chối tự nguyện gây lợi tức cho chính quyền)
91. Khước từ tiền của chính quyền (đòi hỏi trả công bằng cách khác)

**Hành động bởi chính phủ**

92. Cấm vận nội địa
93. Vào sổ đen các nhà buôn đối tượng
94. Cấm vận bán cấp quốc tế
95. Cấm vận mua cấp quốc tế
96. Cấm vận mậu dịch quốc tế

**(2) Đình công lao động**

Những phương pháp đình công đòi hỏi từ chối tiếp tục hợp tác kinh tế qua việc làm. Những cuộc đình công phải là tập thể, có chủ ý, và thường là những cuộc ngưng công tạm thời nhằm tạo áp lực lên người khác. Đơn vị bị đình công thường là một đơn vị kĩ nghệ, nhưng cũng có thể là một đơn vị chính trị, xã hội, canh nông, hay là văn hoá, tuỳ bản chất của sự khiếu nại. Có hai mươi ba loại đình công được liệt kê sau đây chia thành bảy nhóm nhỏ.

**Những cuộc đình công có tính biểu tượng**

97. Đình công phản đối (cho một giai đoạn ngắn được báo trước)
98. Bãi công đột biến nhặm lẹ (đình công chớp nhoáng: đình công phản đối ngắn, tự phát)

**Những cuộc đình công nông nghiệp**

99. Nông dân đình công
100. Nhân công nông trại đình công

**Đình công bởi các nhóm đặc biệt**

101. Khước từ lao động cưỡng bức
102. Tù nhân đình công
103. Thợ thủ công đình công
104. Đình công của giới chuyên nghiệp

**Những cuộc đình công kĩ nghệ thông thường**

105. Đình công cơ sở (tại một hay nhiều chi nhánh dưới quyền một ban quản trị)
106. Đình công kĩ nghệ (ngưng công ở tất cả các cơ sở của một ngành kĩ ngh)
107. Đình công ủng hộ (đình công liên đới nhằm ủng hộ các yêu cầu của công nhân bạn)

**Những cuộc đình công có giới hạn**

108. Đình công riêng rẽ (từng công nhân một, hay từng vùng một ngưng công từng phần một)
109. Đình công tiếp nối (Nghiệp đoàn lần lượt đình công tại từng hãng/xưởng một của một ngành kĩ nghệ)
110. Lãn công
111. Đình công bằng cách làm đúng theo luật (làm việc hoàn toàn theo đúng luật lệ để làm trì chậm sản xuất)
112. Ở nhà vì bệnh (khai "bệnh")
113. Đình công bằng cách từ nhiệm (Một số lớn công nhân cứ lần lượt từng người một xin nghỉ việc)
114. Đình công có giới hạn (từ chối làm những việc không đáng kể hay từ chối làm việc trong một số ngày nào đó)
115. Đình công chọn lọc (công nhân từ chối làm một số loại công việc nào đó)

**Những cuộc đình công liên kĩ nghệ**

116. Đình công trải rộng (một số kĩ nghệ đình công cùng một lúc)
117. Tổng đình công (tất cả các ngành kĩ nghệ đều đình công cùng một lúc)

**Hỗn hợp các loại đình công và ngưng sinh hoạt kinh tế**

118. Hoàn toàn đóng cửa tiệm, văn phòng để phản kháng (mọi sinh hoạt kinh tế đều tạm ngưng trên căn bản tự nguyện)
119. Ngưng hẳn mọi hoạt động kinh tế (công nhân đình công và chủ nhân các hãng/tiệm đồng loạt ngưng mọi sinh hoạt kinh tế)

## C. Những hành động nhằm ngưng sự khuất phục và hỗ trợ chính trị

### Những phương pháp bất hợp tác chính trị

Loại này bao gồm những phương pháp giữ lại hay rút lui hợp tác trong các vấn đề chính trị. Mục đích có thể là để tranh thủ một mục tiêu có giới hạn nào đó hoặc là để thay đổi bản chất hay là thành phần của một chính phủ, hay là ngay cả để tạo nên sự tan rã của chính quyền. Bảng liệt kê này gồm tất cả ba mươi bảy phương pháp chia thành sáu nhóm nhỏ.

#### Phủ nhận uy quyền

120. Giữ lại hay rút lui sự trung thành
121. Khước từ ủng hộ công khai (đối với chế độ hiện hành và các chính sách của chế độ)
122. Tài liệu và diễn văn kêu gọi đối kháng

#### Công dân bất hợp tác với chính quyền

123. Tẩy chay các cơ quan lập pháp
124. Tẩy chay các cuộc bầu cử
125. Tẩy chay làm việc cho chính phủ và các chức vụ chính phủ
126. Tẩy chay các bộ, các nha sở, và các cơ quan khác của chính phủ
127. Rút ra khỏi các cơ sở giáo dục của chính quyền
128. Tẩy chay các tổ chức được chính quyền hỗ trợ
129. Khước từ hỗ trợ nhân viên công lực
130. Tháo gỡ bảng hiệu, các dấu chỉ địa điểm
131. Từ chối chấp nhận các giới chức được bổ nhiệm
132. Từ chối giải thể các cơ chế hiện hành

**Những giải pháp của công dân thay thế cho sự tuân phục**

133. Tuân hành một cách miễn cưỡng và chậm chạp
134. Bất tuân khi không bị giám sát trực tiếp
135. Quần chúng bất tuân (không quảng cáo, kín đáo)
136. Bất tuân nguỵ trang (trông giống như là tuân thủ)
137. Từ chối tụ tập hay hội họp nhằm mục đích phân tán
138. Biểu-tình-ngồi
139. Bất hợp tác trong việc tòng quân và trục xuất khỏi nước
140. Lẩn trốn, đào tẩu, làm giấy tờ giả
141. Bất tuân dân sự đối với những luật "không hợp pháp"

**Hành động bởi nhân viên chính quyền**

142. Từ chối có chọn lọc sự hỗ trợ đối với chính quyền (từ chối thi hành các chỉ thị; thông báo cho cấp trên biết sự từ chối)
143. Chặn đường giây hệ thống chỉ huy và thông tin
144. Trì hoãn và cản trở
145. Toàn bộ hệ thống hành chánh bất hợp tác
146. Ngành tư pháp bất hợp tác (bởi các chánh án)
147. Cố ý vô hiệu năng và bất hợp tác có chọn lọc bởi nhân viên công lực
148. Nổi loạn

**Hành động của chính quyền tại quốc nội**

149. Tránh né và trì hoãn bán hợp pháp
150. Bất hợp tác bởi những đơn vị thành phần của chính phủ

**Hành động của chính quyền ở cấp độ quốc tế**

151. Những thay đổi đại diện ngoại giao và các ngành khác
152. Trì hoãn và huỷ bỏ các cơ hội sinh hoạt ngoại giao
153. Hoãn lại việc thừa nhận ngoại giao
154. Cắt đứt liên hệ ngoại giao
155. Rút khỏi các tổ chức quốc tế
156. Khước từ gia nhập vào các cơ quan quốc tế
157. Loại ra khỏi các tổ chức quốc tế

# III.Những Hành Động Gây Rối Ren

## Những phương pháp can thiệp bất bạo động

Ngược lại với những phương pháp phản đối và thuyết phục và bất hợp tác, những phương pháp này can thiệp trực tiếp nhằm thay đổi một tình huống. Những can thiệp tiêu cực có thể làm mất sự liên tục, hay ngay cả phá vỡ những mẫu mực về hành vi, các chính sách, các mối tương quan, hay các định chế đã được thiết lập. Những can thiệp tích cực có thể tạo nên những mẫu mực về hành vi, các chính sách, các mối tương quan, hay các định chế mới.

Một số phương pháp can thiệp bất bạo động có thể gây nên một sự thách thức trực tiếp và tức khắc cho đối phương hơn là những phương pháp phản đối hay bất hợp tác, và do đó có thể tạo được những thay đổi nhanh chóng hơn. Những phương pháp này có thể bao gồm ngồi bám trụ, xâm nhập bất bạo động, xen kẽ bất bạo động, gây cản trở bất bạo động, chiếm cứ bất bạo động, chiếm đất bất bạo động, đi tù, và hai chủ quyền và chính phủ song hành.

Tuy nhiên, những phương pháp can thiệp bất bạo động lại thường khó hơn đối với những người đối kháng trong việc giữ được cuộc đấu tranh cho lâu bền và cũng khó hơn cho đối phương trong việc chịu đựng nổi áp lực. Sử dụng những phương pháp này có thể đưa đến đàn áp nhanh chóng hơn và nặng nề hơn là những phương pháp phản đối và thuyết phục và các hình thức bất hợp tác.

Những phương pháp can thiệp có thể dùng để tự vệ: để duy trì những mẫu mực về hành vi, những định chế, những sáng kiến độc lập, v.v., hoặc có thể dùng để tấn công nhằm dẫn đưa cuộc đấu tranh tranh thủ các mục tiêu của những người đối kháng vào tận dinh trại của đối phương, ngay cả khi không có một sự khiêu khích trực tiếp nào cả.

Bảng liệt kê dưới đây gồm có bốn mươi phương pháp được chia thành năm nhóm nhỏ tuỳ theo các phương tiện thực thi nổi bật của sự can thiệp.

**Can thiệp về tâm lí**

158. Dang mình dưới nắng mưa
159. Tuyệt thực
160. Xử án ngược (bị cáo trở thành "công tố viện" không chính thức)
161. Quấy nhiễu bất bạo động

**Can thiệp bằng thân xác**

162. Ngồi bám trụ
163. Đứng bám trụ
164. Diễn hành bằng xe
165. Lội nước/bùn để phản đối
166. Đi vòng vòng (tụ tập tại một địa điểm có ý nghĩa biểu tượng và luôn luôn di động)
167. Tập trung cầu nguyện
168. Đột kích bất bạo dộng (bước đều đến một địa điểm then chốt đã được chỉ định và đòi quyền sở hữu địa điểm này)
169. Đột kích bất bạo động bằng máy bay (có thể để thả truyền đơn hay tiếp tế lương thực)
170. Xâm lấn bất bạo động
171. Xen kẽ vào giữa một cách bất bạo động (chen mình vào giữa một người và đối tượng của công việc hay sinh hoạt của người đó)
172. Gây cản trở bất bạo động
173. Chiếm cứ bất bạo động

**Can thiệp về xã hội**

174. Thiết lập những mẫu mực xã hội mới
175. Gây tràn ngập các cơ sở
176. Gây trì hoãn

177. Chiếm diễn đàn
178. Du kích kịch trường (gây gián đoạn kịch trường một cách bất ngờ)
179. Tạo ra những cơ chế xã hội khác thay thế định chế cũ
180. Tạo ra những hệ thống truyền thông thay thế khác

**Can thiệp về kinh tế**

181. Làm trái ngược với đình công (làm việc quá mức)
182. Đình công tại chỗ (chiếm cứ nơi làm việc)
183. Chiếm đất bất bạo động
184. Thách thức cấm vận
185. Làm bạc giả vì động cơ chính trị
186. Mua chặn hết hàng hoá
187. Tịch thu tài sản
188. Thải đổ hàng hoá
189. Bảo trợ có chọn lọc
190. Tạo những thị trường thay thế khác
191. Tạo những hệ thống vận tải thay thế khác
192. Tạo những cơ chế kinh tế thay thế khác

**Can thiệp về chính trị**

193. Tạo tràn ngập các hệ thống hành chánh
194. Tiết lộ danh tánh các nhân viên mật vụ
195. Tìm cách đi tù
196. Bất tuân dân sự đối với những luật "vô thưởng vô phạt"
197. Tiếp tục làm việc mà không cộng tác
198. Hai chủ quyền và chính phủ song hành

Tác dụng của việc sử dụng của bất cứ phương pháp nào trong số những phương pháp này tuỳ thuộc vào việc áp dụng phương pháp đó có toàn vẹn và thành thạo hay không, cũng như tuỳ thuộc vào những nhân tố quan trọng khác trong cuộc đấu tranh.

**Học hỏi từ việc áp dụng các phương pháp này trong quá khứ**

Những cuộc đấu tranh bất bạo động sử dụng các phương pháp này đã từng xảy ra suốt dọc dài lịch sử loài người. Trong lúc thế kỉ thứ hai mươi

là một thế kỉ của nhiều bạo lực và của những nền độc tài quá khích, của diệt chủng, của vũ khí nguyên tử, của những vụ tàn sát tập thể, của khủng bố, và của những cuộc chiến tranh thế giới, thì đồng thời cũng là một thế kỉ của vô số những cuộc đấu tranh bất bạo động.

Những chương tiếp theo sẽ cung cấp một vài mẫu chuyện ngắn về một vài cuộc đấu tranh quan trọng nhưng rất thiếu sót này. Những mẫu chuyện này có mục đích minh hoạ giới hạn lịch sử của việc áp dụng kĩ thuật này trong thế kỉ thứ hai mươi, sự khác biệt nhau của các đối thủ đụng độ với kĩ thuật này, và những kết quả khác nhau của những cuộc đấu tranh nói trên. Những mẫu chuyện này còn đưa ra những thí dụ về sự áp dụng của nhiều phương pháp trong số những phương pháp cụ thể vừa nói.

Chúng ta có thể học hỏi được nhiều từ những trường hợp này về đấu tranh bất bạo động, cả trên phương diện tích cực lẫn tiêu cực. Những trường hợp này còn có thể đem lại cho chúng ta những nhận định quan trọng về cả tiềm năng của kĩ thuật này lẫn những khó khăn khi tiến hành đấu tranh bất bạo động.

# PHẦN BA

# ĐỘNG NĂNG CỦA ĐẤU TRANH BẤT BẠO ĐỘNG

# DẪN NHẬP

# VỀ CÁC ĐỘNG NĂNG

Phần Ba đưa ra một tóm tắt tương đối ngắn gọn về những vận hành hay là các động năng của đấu tranh bất bạo động trong những cuộc xung đột. Bất cứ người nào tìm hiểu hay muốn sử dụng đấu tranh bất bạo động đều cần phải hiểu rõ những động năng này. Việc áp dụng kĩ thuật này tạo ra một tiến trình uyển chuyển, biến đổi, và luôn luôn tương tác và không bao giờ ở trạng thái tĩnh. Những vận hành của kĩ thuật này cũng rất phức tạp.

Những cá nhân hay những nhóm người thực sự lưu tâm đến việc sử dụng kĩ thuật này đều được khuyến khích nên tìm hiểu sự nghiên cứu chi tiết hơn trong cuốn *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action*], Phần Ba, *Các Động Năng của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Dynamics of Nonviolent Action*], (Boston: Porter Sargent, 1973 và những lần in sau) của Gene Sharp. Bản văn đó và cuộc thảo luận tóm lược ở đây được dựa trên những trường hợp xảy ra ở thế kỉ thứ hai mươi và các phân tích của những trường hợp này, và chỉ nhắc nhở sơ lược đến tầm quan trọng và cách áp dụng chiến lược mà thôi. Các chương ở Phần Bốn của tập sách này sẽ hoàn toàn tập trung vào tác dụng của việc thiết kế chiến lược trong việc gia tăng hiệu năng trong tương lai của kĩ thuật này khi được khai triển và áp dụng trong thế kỉ thứ hai mươi mốt. Tuy nhiên, trước khi tiếp tục thảo luận về chiến lược, trước tiên chúng ta cần xét định sâu sắc hơn những động năng của kĩ thuật này. Những động năng này vận hành như thế nào trong những cuộc xung đột?

---

Các chương ở Phần Ba được rút tỉa rất nhiều từ một sự cô đọng chắt lọc của cuốn *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*the Politics of Nonviolent Action*], được soạn thảo bởi Jaime Gonzales Bernal và xuất bản bằng tiếng Tây Ban Nha tựa đề là *La Lucha Política Noviolenta: Critérios y Técnicas* (ấn hành tư, 1987); Santiago, Chile: Ediciones Chile, America, CESOC, 1988. Lần in có duyệt lại và thêm, và có bản dịch mới, Miami: Hermanos al Rescate, 1988. Tuy nhiên, Phần Ba là một bản văn bằng Anh ngữ mới được duyệt lại.

# Chương Hai Mươi Chín

# Đặt Nền Móng Cho Hành Động Bất Bạo Động

### Đối đầu với quyền lực của đối phương

Những người đối kháng dùng sức mạnh của họ để chống lại quyền lực của đối phương. Kĩ thuật hành động bất bạo động kiềm chế và tung ra sức mạnh bằng cách sử dụng những phương pháp tâm lí, xã hội, kinh tế và chính trị.

Thường thường đối phương là chính quyền hay là một nhóm người có được sự hỗ trợ của toà án nhà nước, của cảnh sát, của nhà tù, và của lực lượng quân đội. Các nhóm sử dụng đấu tranh bất bạo động thường khôn ngoan từ chối đối đầu với đối phương có vũ khí bạo lực, vì với vũ khí bạo lực họ quá ở thế thượng phong. Thay vào đó, theo ngôn ngữ chiến lược, nhóm đấu tranh bất bạo động chống lại bạo lực của đối phương *một cách gián tiếp* bằng những phương thức vận hành có lợi cho những người đối kháng. Một cuộc xung đột bất cân xứng tiếp diễn sau đó vì hai bên xông vào cuộc chiến với những phương tiện trái ngược nhau.

Đấu tranh bất bạo động vận hành theo hướng làm suy yếu đối phương bằng cách cách li những cơ chế và nhóm người thường cung ứng các nguồn sức mạnh cho đối phương, tạo phiền phức cho việc sử dụng hữu

hiệu các lực lượng của đối phương, và đôi khi làm suy nhược ý chí muốn sử dụng những khả năng sẵn có của họ. Việc làm giảm bớt hay cắt bỏ hẳn các nguồn sức mạnh của đối phương là một nỗ lực làm thuyên giảm hay là làm tan rã khả năng tiếp tục chiến đấu.

## Những nguồn gốc xã hội của những thay đổi về quyền lực

Sức mạnh của cả nhóm đấu tranh bất bạo động lẫn của đối phương đều luôn luôn biến đổi. Những biến đổi về sức mạnh của những phe tranh chấp trong loại hoàn cảnh xung đột này thường có khuynh hướng cực độ, xảy ra nhanh chóng hơn, và đem lại những hậu quả đa dạng hơn là những biến đổi về sức mạnh trong một cuộc xung đột khi mà cả hai bên đều sử dụng bạo lực. Hơn nữa, nhóm đấu tranh bất bạo động, qua các hoạt động và hành tác của mình, có thể làm tăng hay giảm sức mạnh tương đối của *nhóm đối nghịch.*

Căn nguyên đầu tiên của những biến đổi về quyền lực của mỗi bên là do sức mạnh của những người lãnh đạo của nhóm đối kháng cũng như của nhóm đối phương lệ thuộc vào mức độ và phẩm chất của sự hỗ trợ và của sự tham dự mà những người lãnh đạo nhận được từ phe nhóm của họ hay là từ bộ máy hành chánh hay các cơ quan đàn áp mà họ kiểm soát. Những người làm bàn giấy và các nhân viên thừa hành đàn áp thường có khuynh hướng giảm bớt hiệu năng và gia tăng bất hợp tác với quan chức của chính mình khi những người đối kháng sử dụng những phương tiện bất bạo động thay vì bạo lực.

Căn nguyên thứ hai của những biến đổi về sức mạnh của hai phe là mức độ thiện cảm và hỗ trợ của quần chúng đối với những người đối kháng bất bạo động hay ngược lại, đối với đối phương và các chánh sách và hành động của họ. Việc gia tăng hỗ trợ cho những người đối kháng có xác suất xảy ra cao hơn nếu phong trào đối kháng không bạo động thay vì bạo động.

Căn nguyên thứ ba của những biến đổi về sức mạnh của hai phe là ý kiến và sự trợ giúp thực tiễn của cộng đồng quốc gia và cộng đồng quốc tế. Ý kiến của quần chúng và sự trợ giúp từ bên ngoài có thể giúp tăng sức mạnh hay làm suy yếu cả hai bên, nhưng rõ ràng là không thể trông cậy vào tác dụng này như là một lực chính yếu để đạt được thay đổi.

## Các rủi ro và biến đổi trong đấu tranh bất bạo động

Như trong mọi loại xung đột, đấu tranh bất bạo động cũng có những rủi ro. Một rủi ro là nguy cơ thất bại. Sử dụng kĩ thuật này không bảo đảm thành công. Những rủi ro khác bao gồm sự bất an ninh và nguy hiểm cho những người đối kháng. Đàn áp có lẽ sẽ là phản ứng khi đối kháng thách thức trầm trọng trật tự đã được thiết lập. Trong những cuộc đấu tranh bất bạo động, những người đối kháng có thể bị thương tích, chịu những mất mát về kinh tế, bị tù tội, và ngay cả bị giết. Tuy vậy, theo lịch sử thì những rủi ro này giảm đi rất nhiều trong những cuộc đấu tranh bất bạo động, so với những cuộc đấu tranh mà hai bên đều sử dụng bạo lực. Trong những hoàn cảnh có khuynh hướng bùng nổ thì nguy cơ bạo lực được phát động bởi những người bực bội cũng có thể xảy ra. Điều này có thể gây tổn hại nặng nề cho phong trào đấu tranh bất bạo động. Hơn nữa, những nền độc tài quá khích có thể cố ý có hành động ác nghiệt đối với những người vô tội để uy hiếp những người khác phải khuất phục theo bản năng. Người Trung Hoa có câu “Giết gà doạ khỉ”. Tuy nhiên không làm gì cả trong hoàn cảnh bị áp bức là không những chỉ mời gọi đối phương tiếp tục bạo lực mà còn mời gọi cả nhóm bị thống trị hành động bạo động nữa.

Các đặc điểm của những phong trào đấu tranh bất bạo động thì vô số kể, như những trường hợp trước đây đã minh chứng. Không có trường hợp nào giống trường hợp nào. Tuy nhiên, để cho sự phân tích các động năng của hành động bất bạo động được dễ dàng trong chương này và những chương sau, chúng ta cần đưa ra một số giả định là:

- Những phương pháp của tất cả ba loại, phản đối và thuyết phục, bất hợp tác, và can thiệp, đều được sử dụng, nhưng đặc biệt nhất là phương pháp bất hợp tác.

- Có rất nhiều người tham gia, hầu hết hành động theo kĩ luật bất bạo động trong suốt thời gian của cuộc đấu tranh.

- Nhóm đối thủ là chế độ hiện hành hay là có hậu thuẩn của Nhà Nước.

- Có một vài tự do dân sự, nhưng bị giảm đi rất nhiều khi xảy ra xung đột.

## Lãnh đạo trong đấu tranh bất bạo động

Chúng ta cũng giả dụ rằng có một nhóm lãnh đạo của những người đối kháng điều hành cuộc đấu tranh. Điều này không phải luôn luôn như vậy. Ngay cả khi có một nhóm lãnh đạo như thế thì nhóm này không khẩn thiết có được hiểu biết nhiều về kĩ thuật này. Những người lãnh đạo này cần phải trở thành những chuyên viên về đấu tranh bất bạo động. Kiến thức về đấu tranh bất bạo động cũng còn cần phải được phổ biến sâu rộng. Dân chúng có kiến thức nhiều hơn và thông hiểu kĩ thuật bất bạo động sẽ gia tăng khó khăn cho đối phương muốn "cắt đi cái đầu" của phong trào bằng cách bỏ tù hay giết chết những người lãnh đạo. Những người lãnh đạo phục vụ như là những phát ngôn nhân và đưa ra tổ chức, và có thể thực thi những giải pháp cho các vấn đề tranh cãi. Lãnh đạo có thể thực hiện theo nhóm, theo uỷ ban, theo cá nhân, hay là theo cách hỗn hợp những phương thức này. Trong một vài trường hợp, khó nhận dạng được lãnh đạo trong những phong trào như thế.

## Cởi bỏ sợ hãi

Một tiền điều kiện cho đấu tranh bất bạo động là cởi bỏ hay kiềm chế nỗi sợ hãi là phải hành động độc lập và phải chịu những đau khổ có thể xảy ra. Điều kiện này có nhiều lí do:

- Hèn nhát và đấu tranh bất bạo động không đứng chung với nhau được. Người hèn nhát tìm cách tránh xung đột và chạy xa sự nguy hiểm, còn người đối kháng bất bạo động đối diện xung đột và chấp nhận nguy hiểm có thể xảy ra.

- Sợ hãi phát sinh từ một giả định về sự yếu kém của mình. Tuy nhiên, những người đối kháng bất bạo động cần phải tin tưởng vào lí tưởng đấu tranh, những nguyên tắc, và những phương thức hành động của mình.

- Cởi bỏ sợ hãi, hay kiềm chế sợ hãi, lệ thuộc vào việc tranh thủ được niềm tin vào sức mạnh của chính mình có thể hành động hữu hiệu và đem lại được thay đổi. Sợ hãi có thể được cởi bỏ theo từng

giai đoạn. Tham gia vào cuộc đấu tranh cũng giúp cởi bỏ được sợ hãi.

- Hành động đối kháng đề nghị cần phải tỉ lệ với sự can đảm của những người tham dự, không nên nguy hiểm hơn sức chịu đựng của họ. Những người hoạt động mà sợ hãi thì chỉ có thể đảm nhiệm được những công tác nhẹ thôi.

- Muốn chấm dứt những tàn ác nhanh chóng hơn, thì cần phải chứng minh là đàn áp khốc liệt không đạt được mục tiêu của đối phương nhằm ngăn chặn đối kháng.

- Tóm lại, gan dạ trong kĩ thuật đấu tranh này không những chỉ là một sự dũng cảm mang tính đạo đức, mà còn là một yêu cầu thực tiễn.

## Chuẩn bị cho đấu tranh bất bạo động

Trong tất cả mọi chiến dịch, lập kế hoạch cẩn thận và chuẩn bị là điều khẩn yếu. Khi có thể được thì cần xét định các loại chuẩn bị sau đây để tăng khả năng thành công đến mức tối đa.

### Tra cứu

Công việc tra cứu trước bao gồm nhiều yếu tố. Trước tiên, cần định rõ các nguyên do của xung khắc, liệt kê các khiếu nại, vạch ra những thay đổi mong muốn, phổ biến sâu rộng lí tưởng đấu tranh, các sự kiện, và mục đích, và tạo ra một "ý thức về lí tưởng đấu tranh" -- một nhận thức rõ rệt về những điều khiếu nại và lí do cho cuộc đấu tranh sắp tới.

Thứ đến là tra cứu về đối phương, bao gồm các mục tiêu, niềm tin, bối cảnh, ưu điểm, nhược điểm, các cơ chế hỗ trợ, các tiến trình đưa ra quyết định, những đồng minh, và những chỗ dễ bị tổn thương của họ. Những yếu tố khác sẽ được thảo luận ở Chương Ba Mươi Sáu.

## Thiết kế chiến lược cho một cuộc đấu tranh có thể xảy ra

Giả thiết là có những thương thảo đang được khởi sự (như sẽ thảo luận dưới đây), thì cần phải có thiết kế chiến lược hết sức cẩn thận cho cuộc xung đột có thể xảy ra trong tương lai trước khi bắt đầu những cuộc thương thảo như vậy. Không có kế hoạch chiến lược khôn ngoan và các loại chuẩn bị khác mà đã dấn thân vào các thương thảo quan trọng với đối phương thì thật là hấp tấp. Cần phải có sức mạnh hậu thuẫn cho những yêu cầu và đòi hỏi thì đối phương mới xem trọng những người đối kháng.

Trong nhiều cách khác nhau, những nguyên tắc chính trị của đấu tranh bất bạo động thực ra rất đơn giản. Tuy nhiên các vận hành thực sự của kĩ thuật này lại phức tạp hơn việc điều hành đơn giản của những phương pháp được sử dụng rất nhiều. Mức độ thành công cao nhất có lẽ sẽ không đạt được bằng sự may mắn hay chỉ bằng sự kiên trì. Trong nhiều cuộc xung đột, việc điều hành đấu tranh bất bạo động có thể phức tạp hơn là điều hành một cuộc chiến tranh quân sự quy ước. Nếu những người đối kháng bất bạo động và những người lãnh đạo hiểu được sự phức tạp này, thì họ có cơ hội tăng hiệu lực của cuộc đấu tranh của mình hơn thường lệ nếu họ chỉ thông hiểu được những đặc tính căn bản nhất của kĩ thuật này.

Nói một cách tổng quát, nếu muốn làm được một việc gì thì xác suất đạt được mục đích này sẽ cao nhất nếu người ta sử dụng những nguồn lực mình có và những ảnh hưởng của mình để gia tăng hiệu lực đến mức tối đa. Trong đấu tranh bất bạo động, điều này có nghĩa là phải có một kế hoạch chiến lược để di chuyển từ hiện tại – khi mà mục đích chưa đạt được -- đến tương lai – khi đã đạt được mục đích.

Chúng tôi sẽ thảo luận về sự quan trọng của việc thiết kế chiến lược nhiều hơn ở Chương Ba Mươi Lăm và bàn đến những yếu tố của thiết kế chiến lược ở Chương Ba Mươi Sáu và Ba Mươi Bảy. Nếu thông hiểu quán triệt về các động năng của đấu tranh bất bạo động và xét định được hoàn cảnh của cuộc xung đột, thì người ta có thể có khả năng hơn trong việc vạch ra một chiến lược tốt cho một cuộc xung đột. Nhận dạng ra được những bước tiến cần có trong việc chuẩn bị những chiến lược khôn ngoan là một hiện tượng mới, sẽ được thảo luận chi tiết ở Phần Bốn.

## Làm sắc bén tụ điểm tấn công

Sự thành công của chiến dịch tuỳ thuộc vào việc tìm thấy điểm để tấn công. Cố đạt cho được nhiều mục tiêu quan trọng cùng một lúc là một điều thiếu khôn ngoan. Lãnh đạo bất bạo động sẽ khôn ngoan hơn nếu tập trung hành động vào những điểm yếu nhất trong tình huống, chính sách, hay hệ thống của đối phương. Những vấn đề tranh chấp được nêu lên cần phải chính xác và người ta có thể hiểu được một cách rõ ràng và công nhận là chính đáng. Đấu tranh trong một cuộc xung đột quan trọng thường sẽ rút được lợi nếu được phân chia thành những giai đoạn đối kháng rõ rệt. Sự thành công có thể tuỳ thuộc vào việc phân chia chiến lược dài hạn thành nhiều giai đoạn để đạt được một loạt những thắng lợi nhỏ; những chiến thắng nhỏ này sau cùng sẽ đưa đến một chiến thắng lớn duy nhất.

Tập trung lực lượng vào một khía cạnh cụ thể, rõ ràng là chính đáng của vấn đề tổng quát, sẽ làm tăng khả năng của những người đối kháng trong việc tranh thủ những mục tiêu rộng lớn của họ. Ta nên tìm cách kiểm soát cái mắc xích bảo đảm cho ta chiếm được toàn bộ sợi giây xích. Đàn áp những người đối kháng đang tập trung sức mạnh vào một tụ điểm tấn công như thế có thể đưa đến việc tăng cường lí tưởng đấu tranh của họ.

## Tạo "ý thức về lí tưởng đấu tranh"

Ở giai đoạn đầu, quan trọng là quảng bá các dữ kiện, các vấn đề tranh chấp đang bị đe doạ, và những lí luận do nhóm đấu tranh bất bạo động đưa ra, dưới hình thức những tập sách nhỏ, truyền đơn, sách, bài viết, báo chí, truyền thanh, truyền hình, mít tinh công khai, những bài hát, các khẩu hiệu, băng thu âm, thu hình, và những phương tiện khác, càng nhiều càng tốt. Quan trọng là phẩm chất của những nỗ lực này. Không nên khơi động hận thù và bất dung. Cũng quan trọng nữa là không nên gây hấn với những đồng minh có thể có trong tương lai.

Tạo "ý thức về lí tưởng đấu tranh" có thể được phân chia thành giai đoạn. Những giai đoạn này bao gồm những hoạt động nhằm:

- Phát huy sự thông hiểu về những vấn đề nêu lên trong cuộc xung đột.

- Thông báo cho dân chúng biết về cuộc đấu tranh đang được dự tính, những điều kiện đòi hỏi để thành công trong cuộc đấu tranh, và sự quan trọng của việc dấn thân hay không dấn thân vào một số hành động nào đó.

- Giải thích lí do đòi hỏi trực tiếp hành động.

- Báo trước gian lao và đau khổ phải chịu trong thời gian tranh đấu.

- Tạo niềm tin là sự đàn áp có thể có mà người dân sẽ phải gánh chịu là xứng công vì hơn bất cứ loại đấu tranh nào khác, đấu tranh bất bạo động có cơ may sửa sai bất công hơn cả.

- Củng cố niềm tin cho dân chúng là, về dài hạn, sự hỗn hợp của một lí tưởng đấu tranh chính đáng với việc sử dụng kĩ thuật này sẽ bảo đảm chiến thắng.

**Lượng và phẩm trong hành động bất bạo động**

Cần phải liên tục xét định thật cẩn trọng sự liên hệ giữa số người tham gia vào cuộc đấu tranh và phẩm chất của sự tham gia của họ. Sự quân bình tốt nhất giữa số lượng và phẩm chất sẽ biến đổi tuỳ theo từng hoàn cảnh. Dĩ nhiên là khi sử dụng một kĩ thuật hành động lệ thuộc nhiều vào hiệu quả của việc rút lui sự thoả thuận, rút lui hợp tác, hay sự tuân phục thì số người tham gia là quan trọng trong việc định giá tác dụng của hành động.

Tuy nhiên, nói chung thì phẩm chất quan trọng hơn là số lượng. Hạ thấp chuẩn mực để có được số đông có thể phản tác dụng và có thể đưa đến một phong trào yếu hơn. Đòi hỏi cần phải có những chuẩn mực cao về hành vi bất bạo động để có được một phong trào mạnh về phẩm cũng như về lượng. Sự đích thực của sức mạnh đối kháng tương quan với những nhân tố như là không sợ hãi, kỉ luật, và kiên trì dù bị đàn áp, và với sự khôn ngoan khi lựa chọn chiến lược, các chiến thuật, và các phương pháp hành động. Tuy nhiên, một số trong số những phương pháp này (đặc biệt là những phương pháp được xếp vào loại can thiệp về tâm lí, như tuyệt thực chẳng hạn) có thể đóng góp vào việc cải hoá đối phương, hay ít nhất cũng đóng góp vào việc đối phương trở nên ít chắc chắn hơn

về giá trị của những quan điểm và chánh sách trước đó của họ. Những phương thức cải hoá, thích nghi, cưỡng ép bất bạo động, và phân huỷ này sẽ được bàn đến trong chương tới.

### Tổ chức phong trào

Đôi khi một tổ chức hiện hành – hay là nhiều tổ chức – có thể tiến hành cuộc đấu tranh bất bạo động. Lúc khác thì lại cần phải tạo ra một tổ chức mới. Tổ chức phải có hiệu năng, trung thực, và có thể điều hành bằng kỉ luật tự giác, và có khả năng thông tin nội bộ hữu hiệu. Tổ chức cũng nên có kế hoạch trước làm thế nào để liên lạc với các ủng hộ viên, trong trường hợp đối phương cắt đứt hay chặn các đường giây liên lạc.

Những nỗ lực tổ chức phải tập trung vào:

- **Công chúng:** quảng bá các dữ kiện và khiếu nại; gây thiện cảm; phổ biến tin tức đích thực về bản chất và những điều kiện đòi hỏi của đấu tranh bất bạo động.

- **Những người tình nguyện:** chiêu mộ; huấn luyện và tuyển các tham dự viên vào phong trào; cổ võ tự nguyện.

- **Lãnh đạo:** chuẩn bị người thay thế cho những người lãnh đạo phong trào bị bắt; đặt thủ tục cho việc tiếp tục tuyển chọn lãnh đạo; cung cấp thông tin cho lãnh đạo.

- **Tổng quát về phong trào:** hỗ trợ tinh thần và kỉ luật; chuẩn bị các tham dự viên hành động mà không cần có lãnh đạo trong những lúc bị đàn áp ráo riết; duy trì liên lạc.

### Công khai và bí mật trong đấu tranh bất bạo động

Bí mật, lừa gạt, và những mưu toan ngầm gây ra những vấn đề khó khăn cho một phong trào sử dụng đấu tranh bất bạo động. Nếu hoạt động dưới một nền độc tài chính trị thì đôi khi cần phải bí mật. Ở những nơi khác, bí mật có thể đem lại nguy hiểm trầm trọng.

Người ta thường có những lí luận bênh vực bí mật trong những cuộc đấu tranh bất bạo động để tạo bất ngờ cho đối phương và đánh đối

phương khi họ chưa chuẩn bị chống lại những hành động đối kháng. Điều này đáng nghi ngờ. Trước tiên, đã từ lâu người ta đã từng dùng điệp viên và điểm chỉ viên trong các tổ chức đối kháng rất thành công. Hơn nữa, kĩ thuật thông tin tân tiến làm cho việc giữ bí mật khó mà duy trì được. Hai là việc đối phương biết trước được những cuộc biểu tình đã được dự tính, chẳng hạn, sẽ cho đối phương có thì giờ để tìm cách phản công. Điều này có thể làm giảm cơ hội cho những biện pháp tàn bạo ghê gớm và những giết chóc do cảnh sát hay quân đội gây ra khi không nhận được chỉ thị phải hành động như thế nào. Thứ ba, và là điểm quan trọng hơn cả, là không phải yếu tố bất ngờ mà là việc sử dụng một phong trào đấu tranh bất bạo động đã gây nên khó khăn cho đối phương trong việc giải quyết loại chống đối này, so với việc sử dụng đối kháng bạo động.

Hiệu quả của đấu tranh bất bạo động tuỳ thuộc vào chính bản chất của kĩ thuật này, vào việc lựa chọn các chiến lược đối kháng, và vào kĩ năng của những người đối kháng, cũng như vào sự can đảm và kỉ luật của họ.

Một nguy hiểm nữa của việc làm bí mật là chính cái lí do sử dụng bí mật. Bí mật thường được dùng vì sợ hãi, và do đó đã đóng góp vào việc làm tăng lên sự sợ hãi -- điều cần phải được loại bỏ hay kiềm chế nếu muốn đấu tranh bất bạo động được hữu hiệu.

Thảo luận sau đây được đặt trên giả thuyết là cuộc đấu tranh đang xảy ra trong một hệ thống chính trị cho phép người dân có được nhiều tự do dân sự quan trọng. Nếu đây không phải là trường hợp nói trên thì cần phải lưu ý cẩn thận về việc quyết định điều nào và những sinh hoạt nào cần phải giữ bí mật hoặc nên tiết lộ.

Đấu tranh bất bạo động đặt cơ sở trên sự dũng cảm và kỉ luật. Công khai – nghĩa là, trung thực với đối phương và với công chúng về những dự tính và những kế hoạch của mình – có thể là hệ luận của những điều kiện về sự không sợ hãi và của kỉ luật bất bạo động. Công khai dẫn đến giải thoát khỏi sự sợ hãi bị bắt bớ, bị tiết lộ những bí mật, bị phá vỡ các tổ chức đối kháng, và bị tù tội. Một phong trào quần chúng cần phải công khai. Đại bộ phận quần chúng không thể tham gia vào một phong trào đối kháng bí mật bởi vì bí mật đòi hỏi là sự hiểu biết về các kế hoạch chỉ được một số ít người được tín cẩn cất giữ mà thôi. Hơn nữa, kỉ luật bất bạo động chỉ đạt được tốt nhất giữa ánh sáng của ban ngày hơn là một cách thầm kín. Bí mật có thể đóng góp vào một phong trào nhỏ bé hơn và có thể sẽ phải dùng đến bạo lực ngay trong lòng của phong trào đối

kháng nhằm làm câm nín những người bị tình nghi là đã tiết lộ những bí mật cho đối phương.

Bí mật cũng còn tạo nghi kị trong phong trào, một sự nghi kị có khuynh hướng tăng theo thời gian. Nó thường dẫn đến những hậu quả thảm hại khi những khác biệt nội bộ nổi lên dưới dạng những điều được "gọi là" những vi phạm về bí mật. Có thể một hệ phái này tố cáo lãnh đạo của hệ phái kia là gián điệp. Một phong trào đầy nghi kị không thể nào sinh hoạt như là một phong trào đối kháng được.

Trong cuộc đấu tranh giành tự do, thì cần phải hành động như là những con người tự do. Nói về sự giải phóng về tâm lí khi người ta hành động công khai và không có gì bí mật, Jewaharlal Nehru (sau đó trở thành Thủ Tướng, và trước đó đã cổ động bạo loạn), đã dựa trên chính những kinh nghiệm bản thân trong những cuộc đấu tranh của Ấn Độ giành độc lập, viết là:

> Trên tất cả, chúng tôi có một ý thức về tự do và một niềm kiêu hãnh về sự tự do này. Cái cảm giác bị áp bức và bất mãn trước đây đã hoàn toàn biến mất. Người ta không còn thì thầm to nhỏ nữa, không còn dùng những cách nói vòng vo về pháp lí để tránh những khó khăn với chính quyền. Chúng tôi phát biểu những gì chúng tôi nghĩ và hét lớn những điều này từ trên những nóc nhà. Chúng tôi còn lo gì về những hậu quả nữa? Tù tội ư? Chúng tôi chờ đợi nó; tù tội sẽ còn giúp lí tưởng đấu tranh vượt xa hơn nữa. Vô số những tên gián điệp và mật vụ thường bao quanh chúng tôi và theo giõi chúng tôi khắp nơi đã trở thành những cá nhân đáng thương hại vì chẳng còn gì bí mật để cho chúng khám phá nữa. Tất cả những con bài của chúng tôi đều đã được lật ngửa ra ở trên bàn rồi[1].

## Hiệu quả của công khai đối với đối phương

Sự công khai làm cho đối phương dễ dàng (nhưng không bảo đảm) hiểu được những động lực, mục đích, dự định, và kế hoạch của nhóm đấu tranh bất bạo động. Người ta có thể tìm cách liên tục tiếp xúc trực tiếp với đối phương để tránh hay để sửa sai những bóp méo về nhận định có thể ảnh hưởng trầm trọng đến chiều hướng của cuộc đấu tranh. Trong một vài hoàn cảnh, thông báo trước cho các giới chức đối phương biết về những cuộc biểu tình, chẳng hạn, có thể giảm thiểu được những bạo tàn do cảnh sát và quân đội gây nên vì bị bất ngờ, nhưng cũng có thể được cắt nghĩa như là một cuộc "chiến đấu ngay thẳng" và nghĩa hiệp.

Tiết lộ tài liệu thường được giữ bí mật có thể được đối phương cắt nghĩa theo hai cách đối nghịch nhau:đối phương có thể nghĩ rằng vẫn còn

[1] Jawaharlan Nehru, *Một Hồi Kí (An Autobiography),* London: The Bodley Head, 1953. t.69

có điều gì quan trọng còn được giữ bí mật hay là họ có thể trở nên tôn trọng hơn về sự chân thành của nhóm. Đối phương có thể xem việc thú nhận những kế hoạch của những người đối kháng như là một nhược điểm hay là sự thiếu khả năng, hay ngược lại, như là một chỉ dấu của một phong trào hết sức mạnh có thể thành công mà không cần bí mật.

**Thương thảo**

Ở nơi nào điều kiện chính trị cho phép, nhóm đấu tranh bất bạo động nên đeo đuổi, và nên được nhìn thấy là đang đeo đuổi mọi nỗ lực nhằm đến một giải pháp trước khi tung ra hành động trực tiếp. Điều này sẽ tăng vị thế tinh thần của nhóm rất nhiều. Các thương thảo sẽ giúp đặt đối phương về phía sai quấy trước mắt nhiều người và nhóm người và giúp đem lại thiện cảm và hỗ trợ cho nhóm đấu tranh bất bạo động.

Những cuộc thương thảo đòi hỏi những người đối kháng cần phải xét định trước đâu là những mục tiêu quan trọng hơn hết mà họ nhất quyết phải cứng rắn và đâu là những điểm mà những người thương thuyết có thể mềm dẻo và có thể nhượng bộ được. Một khi các yêu sách đã được quyết định thì thường không nên thay đổi nữa.

Cần nên nhớ là ngôn từ và những lời kêu gọi đến lòng đạo đức thường ít có ảnh hưởng đến việc quyết định kết quả của những cuộc thương thảo hơn là sức mạnh của những người đối kháng rất nhiều. Đối phương phải xét định xem những người đối kháng, khi chưa tung ra cuộc đấu tranh công khai, có thể làm được điều gì nếu họ không đạt được một giải pháp thoả đáng cho cuộc xung đột. Để có được hiệu quả lớn nhất trong các cuộc thương thảo cũng như trong đấu tranh công khai, những người đối kháng có thể cần phải được tổ chức kĩ càng và tương đối mạnh – càng được tổ chức kĩ và càng mạnh thì càng tốt. Tuy nhiên, đây không phải là dịp để khoác lác về chính trị hay là để bịp bợm.

Cuộc xung đột có lẽ sẽ không giải quyết được ở giai đoạn này. Những chuẩn bị được tiếp tục cho cuộc đấu tranh bất bạo động trong thời kì thương thảo rất quan trọng và thực tế. Các cuộc thương thảo không thay thế cho đấu tranh công khai được. Một tiền điều kiện cho những cuộc thương thảo được hữu hiệu là sự quyết tâm và khả năng đấu tranh. Gandhi nói là đạo quân bất bạo động nên được chuẩn bị kĩ càng đến độ làm cho cuộc chiến bất bạo động không còn cần thiết nữa. Người ta phải đòi hỏi ở đối phương không những chỉ những hứa hẹn, mà còn đòi hỏi

đối phương phải có những hành động đi trước bảo đảm là những hứa hẹn đó sẽ được thoả mãn.

Tuy nhiên, ta không nên chờ đợi những phép lạ. Những vấn đề tranh chấp trọng đại không thể được giải quyết chỉ bằng thương thảo hay đối thoại. Thường đòi hỏi cần phải có những chuyển đổi căn bản về các tương quan lực lượng mới thoả mãn được những yêu sách quan trọng. Khả năng đấu tranh bất bạo động hữu hiệu thường đem lại nhiều trọng lượng cho lời nói tại những cuộc thương thảo. Nếu những lời nói đã được tăng sức mạnh đó vẫn không đủ để khuyến dụ đối phương chấp nhận những thay đổi đòi hỏi, thì cần phải có đấu tranh thực sự.

Chiến lược nền tảng cho cuộc đấu tranh đã được ấn định từ trước rồi, nếu những cuộc thương thảo với đối phương không có những dấu hiệu đem lại những kết quả thoả đáng, thì những sự chuẩn bị về tổ chức cho cuộc đấu tranh sắp tới cần phải được hoàn tất.

### Đôi khi phải cần một tối hậu thư

Trong một vài cuộc đấu tranh bất bạo động, nhưng không phải là tất cả, giai đoạn kế tiếp sẽ là đưa ra một tối hậu thư cho đối phương. Tối hậu thư xác định những đòi hỏi tối thiểu và nói lên dự định đối kháng. Nhóm đấu tranh bất bạo động đề nghị bỏ các kế hoạch đối kháng nếu đối phương chấp thuận những đòi hỏi đó (hay là một phần lớn của những đòi hỏi) vào một ngày và giờ được chỉ định. Không đạt được những thay đổi đã được hai bên cùng thoả thuận có nghĩa là cuộc đấu tranh bất bạo động sẽ được khởi động. Nhóm đấu tranh bất bạo động phải có khả năng thực thi hành động đã tiên liệu.

Tối hậu thư được đưa ra là để gây ảnh hưởng với đối phương, thông tin cho đại chúng, và củng cố tinh thần của nhóm khiếu nại và để tăng ý chí phấn đấu của các thành viên trong nhóm khiếu nại. Một tối hậu thư như thế rất thông thường trong những cuộc đấu tranh do Mohandas Gandhi lãnh đạo và thúc đẩy, và thường được sử dụng trong những cuộc đình công lao động.

Tối hậu thư cũng có thể nhằm chứng minh là nhóm đấu tranh bất bạo động đã thực hiện nỗ lực cuối cùng để đi đến một giải pháp hoà bình. Điều này có thể đem lại cho cuộc đấu tranh cái hào quang của tự vệ, dù nhóm đang chuẩn bị tung ra một cuộc đấu tranh bất bạo động dũng mãnh.

Tuy nhiên, trong hầu hết mọi trường hợp, thường không có tối hậu thư. Những người đối kháng bất bạo động không nên trông đợi là một tối hậu thư hay một lời tuyên bố như thế sẽ đưa đến việc đối phương đầu hàng. Đối phương có thể xem một sự thông báo như thế là một thách thức không chính đáng đối với uy quyền của họ và là một hành vi hết sức không đúng phép tắc của những người trong cương vị thuộc cấp. Đối phương do đó có thể trở nên giận dữ, bỏ mọi cuộc thương thảo đang diễn tiến, hoặc tuyên bố là thông báo đáng lẽ phải được gửi cho một giới chức thừa hành nào đó. Đối phương có thể ghi nhận một cách lạnh nhạt là có nhận được tối hậu thư, hay là lơ hẳn chuyện này.

Nếu sự việc xảy ra như thế thì đã đến lúc phải hành động.

# Chương Ba Mươi

# Thách Thức Đưa Đến Đàn Áp

**Thời Gian Sấm Sét**

Thời gian hành động cũng là thời gian tự lực và liên tục gia tăng sức mạnh nội bộ. Những người đối kháng cần phải lo tự tổ chức, hành động, và động viên những người khác. Đấu tranh bất bạo động thường động viên sức mạnh từ đám dân chúng có liên hệ đến khiếu nại và thường đem lại cho họ khả năng kiểm soát được đời sống của họ và xã hội. Đấu tranh giúp họ tranh thủ được niềm tin và gia tăng sức mạnh của họ. "Hãy tin tưởng vào chính các bạn" rất có thể là tiếng thét của những người đối kháng. Khuất phục và thụ động cần phải được gạt bỏ đi nếu muốn đấu tranh bất bạo động được hữu hiệu.

Muốn gia tăng hiệu lực của cuộc đấu tranh sắp tới đến mức tối đa thì cần phải chọn một chiến lược hay, thích hợp với những nhu cầu đặc biệt của cuộc xung đột. Chiến lược được lựa chọn cho cuộc đấu tranh, và những phương pháp cụ thể được chọn để sử dụng trong cuộc xung đột, sẽ khác nhau rất nhiều từ xung đột này đến xung đột khác. Tiến trình thiết kế chiến lược sẽ được thảo luận ở Phần Bốn.

Khi tung ra cuộc đấu tranh bất bạo động, thì những xung khắc căn bản -- thường là tiềm tàng -- giữa đối phương và nhóm khiếu nại sẽ được mang ra ánh sáng. Qua sự "căng thẳng và xung khắc sáng tạo"[1] tiếp theo sau đó, người ta có thể đưa ra bàn cãi những vấn đề trong những xung khắc ngấm ngầm đó và tạo được những thay đổi có thể được cần đến để giải quyết những xung khắc này.

Những người ủng hộ đấu tranh bất bạo động đồng ý với Frederick Douglass, đối thủ hùng biện của thế kỉ thứ mười chín, người Mĩ gốc Phi châu, chống nô lệ:

---

[1]Từ do nhà hoạt động dân quyền quan trọng người Mỹ gốc Phi châu, James Farmer, đặt ra.

> Những người từng tuyên bố là yêu tự do mà phản đối khuấy động, là những người muốn có gặt hái mà không cần cày đất. Họ muốn có mưa mà không muốn sấm sét. Họ muốn biển cả mà không muốn tiếng gầm thét ghê rợn của sóng nước. Cuộc đấu tranh có thể là một cuộc đấu tranh tinh thần; hay cũng có thể là một cuộc đấu tranh thể xác; cũng có thể là vừa tinh thần vừa thể xác. Nhưng nó phải là một cuộc đấu tranh. Quyền lực không nhượng bộ bất cứ gì nếu ta không đòi hỏi. Quyền lực đã không bao giờ làm như vậy và sẽ không bao giờ làm như vậy[2].

Cuộc đấu tranh sẽ đem lại những thay đổi cho nhóm đấu tranh – là quần chúng mà các khiếu nại là những vấn đề tranh chấp được nêu lên trong cuộc xung đột. Một số thay đổi có tính tâm lí – như phá vỡ sự tuân thủ các chuẩn mực, đánh tan tuyệt vọng, tính ù lì, sự bất lực, và tính thụ động; gia tăng tự trọng, tự tin, và ý thức về sức mạnh của chính mình. Những thay đổi khác sẽ mang tính xã hội và chính trị một cách trực tiếp hơn: học hỏi được làm thế nào cùng hành động với nhau để tranh thủ các mục tiêu.

Rút lui sự thoả thuận, sự hợp tác, và sự khuất phục sẽ thách thức hệ thống bởi vì những hành động này có thể làm suy giảm việc cung cấp các nguồn sức mạnh cho đối phương. Sự rút lui này gây suy giảm trầm trọng như thế nào sẽ biến đổi tuỳ theo phẩm chất của hành động, theo số lượng người đối kháng, và theo sự kiên trì của họ khi đối diện với đàn áp. Khung cảnh xã hội và chính trị cũng quan trọng. Khung cảnh này bao gồm mức độ bất tuân thủ mà hệ thống có thể chịu đựng nổi, những thái độ đối với chế độ, và các viễn tượng đối kháng lan rộng ra nhiều nơi.

Kết quả sau cùng của sự thách thức này sẽ được xác định bởi thế quân bình giữa sự trầm trọng của việc thách thức và mức độ môi trường xã hội và chính trị ủng hộ mỗi phe. Những cố gắng của đối phương rõ ràng là quan trọng, nhưng tự chúng, không có tính quyết định. Lấy ví dụ đàn áp chẳng hạn. Muốn được hữu hiệu, đàn áp phải đưa đến khuất phục. Nhưng nó chỉ đem lại được khuất phục nếu những người đối kháng trở nên sợ hãi và chọn khuất phục. Đôi khi đàn áp có thể làm gia tăng chống đối, như sẽ được thảo luận trong chương tới.

---

[2] Trích dẫn bởi James Farmer, *Tự Do – Khi nào?* [*Freedom – When?*]. New York: Random House, 1965, t. 7

## Chuyển đổi quyền lực theo sau sự phân cực tiên khởi

Tung ra đấu tranh bất bạo động hầu như luôn luôn làm sáng tỏ cuộc xung đột. Đấu tranh bất bạo động có khuynh hướng làm cho các nhóm tranh chấp được định nghĩa một cách sắc bén và thúc đẩy những người không quan tâm trước kia bây giờ chọn phe này hoặc phe kia. Những người và nhóm người lúc ban đầu nghiêng về phía đối phương sẽ có khuynh hướng xích lại gần vị trí của đối phương hơn và hỗ trợ đối phương hơn. Ngược lại, những người lúc ban đầu nghiêng về phía nhóm bất bạo động sẽ có khuynh hướng xích lại gần nhóm này hơn. Từ lúc bắt đầu của mọi hình thức xung đột thì hình như đã có tình trạng thiếu ổn định và thiếu chắc chắn về sức mạnh của các phe tranh chấp rồi.

Giai đoạn phân cực đối lập tiên khởi có thể thay đổi về độ dài thời gian. Trong giai đoạn này những người đối kháng cần phải cẩn trọng trong cách hành sử của mình, vì nó sẽ ảnh hưởng đến việc họ hay đối phương sẽ nhận lãnh được bao nhiêu hỗ trợ. Lúc đầu thì nhóm khiếu nại có thể ở trong tư thế tệ hơn trước đó vì phải đương đầu với đàn áp cộng thêm vào với vấn đề tranh chấp nguyên thuỷ.

Nếu lo liệu đúng cách thì đây có thể chỉ là một tình trạng tạm thời. Những chiến dịch bất bạo động thành công thường đem lại sự đoàn kết được tăng cường mạnh mẽ nơi những người đối kháng, đem lại một sự lớn mạnh về sự hỗ trợ rộng lớn hơn đối với nhu cầu thoả mãn các khiếu nại, và làm suy yếu, và ngay cả tan rã sự hỗ trợ đối với đối phương. Những người đối kháng bất bạo động nên nỗ lực liên tục tăng sức mạnh của mình (về số lượng cũng như về các lãnh vực khác), không những chỉ trong số những người hỗ trợ mình và thành phần thứ ba, mà ngay cả trong hàng ngũ của đối phương nữa.

Trong thời gian chiến dịch, sức mạnh tương ứng của hai nhóm tranh chấp do đó chịu sự thay đổi liên tục, một cách tuyệt đối cũng như tương đối. Những thay đổi như thế có thể lớn lao và bất chợt.

Tình huống linh động và biến đổi này có nghĩa là những hành động đặc biệt nào đó trong đấu tranh bất bạo động có thể tạo nên những tác dụng rộng lớn và quan trọng đối với sức mạnh của mỗi bên. Do đó mỗi một hành động đối kháng đề nghị nào đó, ngay cả một hành động có giới hạn, cũng cần phải được chọn lựa và đánh giá dựa trên những ảnh hưởng tiềm năng rộng lớn của hành động này đối với toàn bộ cuộc đấu tranh. Hành vi của những người đối kháng bất bạo động có thể không

những chỉ ảnh hưởng đến sức mạnh của chính họ, mà còn ảnh hưởng đến sức mạnh của đối phương nữa. Hành vi của nhóm bất bạo động sẽ còn giúp những thành phần thứ ba quyết định xem nên hỗ trợ bên nào trong cuộc xung đột.

Những "thành công" ngắn hạn mà cái giá phải trả là sự suy yếu của phong trào đối kháng nói chung và làm tăng sức mạnh đối phương là một điều hết sức không không ngoan. Mặt khác, những tiến bộ về sức mạnh tương đối của những người đối kháng sau sự phân cực đối lập tiên khởi sẽ hết sức quan trọng trong việc xác định đường hướng đấu tranh sau này và kết quả sau cùng của cuộc đấu tranh.

**Khó khăn tiên khởi của đối phương**

Khó khăn đầu tiên của đối phương xuất hiện là vì hành động bất bạo động đang gây rối loạn cho hiện trạng theo những phương cách đòi hỏi đối phương phải phản ứng lại sự thách thức. Loại, mức độ, và sự trầm trọng của việc gây rối loạn này sẽ biến đổi. Sự chịu đựng và những phản ứng (về tâm lí cũng như về những biện pháp phản công) của đối phương sẽ khác nhau rất nhiều và sẽ thay đổi trong tiến trình của cuộc xung đột. Mức độ bất đồng ý kiến mà đối phương có thể chịu đựng nổi bị ảnh hưởng bởi mức độ dân chủ hay không dân chủ của xã hội. Có thể là sức chịu đựng sẽ cao hơn trong một xã hội dân chủ và thấp hơn trong một xã hội không dân chủ, mặc dù điều này không phải luôn luôn đúng. Hành động bất bạo động còn có khuynh hướng tạo ra và làm cho trầm trọng thêm những xung đột trong hàng ngũ đối phương về vấn đề nên chọn biện pháp phản công nào để đối đầu với thách thức bất bạo động.

Những người đối kháng bất bạo động cần phải ngăn chặn và sửa sai những ngộ nhận về những ý hướng và sinh hoạt của mình. Những ngộ nhận như thế có thể là nguyên nhân của những phản ứng từ đối phương có hại cho cả hai bên.

Đôi lúc, khi chạm trán với đấu tranh bất bạo động, đối phương và những giới chức của họ có thể trở nên rối trí, nhất là khi họ bị bất ngờ, hay không quen thuộc với hành động bất bạo động. Sự rối trí cũng còn có thể xảy ra khi sự chống đối xâm phạm đến quan điểm của đối phương về thế giới. Quan điểm này có thể đặt nền tảng trên cơ sở của những giả định được chấp nhận về thực tế chính trị hay về một ý thức hệ hay lí thuyết được công nhận. Ví dụ, đối phương có thể đã từng tin là Nhà

Nước và bạo lực là những lực lượng hùng mạnh nhất. Có thể có những căn nguyên khác gây rối trí cho đối phương, bao gồm lạc quan quá độ và một nhận định thuận lợi về chính bản thân. Sự rối trí của đối phương không khẩn thiết có lợi cho nhóm bất bạo động và cho những mục tiêu của nhóm này.

Thường thường, đối phương có thể phản ứng lại thách thức bất bạo động theo cảm xúc, xem sự thách thức đó là một thách đố, một điều sỉ nhục, một hành vi hỗn xược, và là một sự chối bỏ uy quyền và vị thế của họ. Đối phương có thể xem những khía cạnh này của sự thách thức còn quan trọng hơn là những vấn đề tranh chấp thực thụ đang được nêu lên. Do đó đối phương có thể cố tranh thủ cho kì được sự công nhận uy quyền và vị thế của họ bằng lời nói, hoặc đòi hỏi bãi bỏ chiến dịch bất bạo động, hay là cả hai, trước khi đồng ý có những cuộc thương thảo mới.

Trong những trường hợp khác, đối phương có thể ít lưu tâm đến những thách đố về phẩm giá và uy quyền của họ và lưu tâm nhiều hơn đến những vấn đề tranh chấp cấp thiết trước mặt. Thừa nhận sức mạnh của đấu tranh bất bạo động đôi khi sẽ dẫn đưa đối phương đến việc chấp thuận một số nhượng bộ có giới hạn hầu mong chấm dứt sự thách thức. Những lúc khác đối phương sẽ có những nhượng bộ lớn lao nhưng chỉ sau một thời hạn đấu tranh thật lâu dài. Đối phương chỉ làm như vậy sau khi đã kinh nghiệm và thừa nhận sức mạnh đích thực của phong trào mà thôi.

Thỉnh thoảng đối phương có thể tin thật là các nhượng bộ, thoả hiệp, hay đầu hàng về phía họ là một vi phạm không thể quan niệm được về sứ mạng và bổn phận của họ. Ngay cả việc đối phương lo sợ là nhượng bộ về những vấn đề cụ thể có giới hạn sau này sẽ đưa đến đầu hàng toàn diện cũng đã trở nên quan trọng. Điều này làm cho việc đạt mục đích của những người đối kháng càng khó khăn hơn.

Đối phương có thể thử dùng những ảnh hưởng tâm lí, thay vì đàn áp, để khuyến dụ những người đối kháng bất bạo động chịu khuất phục trở lại và rút lui khỏi cuộc đấu tranh. Đối phương có thể gửi những thông điệp như "… không những các bạn không thể thắng được mà các bạn đã đang mất dần sức mạnh rồi đó." Các tin đồn sai lạc cũng có thể được tung ra về phong trào, về các dự định, và về lãnh đạo của phong trào. Có thể có những nỗ lực cách li các nhóm đang hỗ trợ phong trào, hay làm cho những người lãnh đạo đối kháng chống lẫn nhau. Hay đối phương có thể phản công vào chính các vấn đề tranh chấp, bằng cách biện minh cho

các chính sách hiện hành và chứng minh là không có lí do chính đáng cho những yêu sách do nhóm đấu tranh bất bạo động nêu lên. Các nỗ lực như thế là để nhằm làm suy giảm sự hỗ trợ mà nhóm bất bạo động có thể huy động và nắm giữ được.

**Đàn áp**

Khi đối phương là Nhà Nước, hay có sự ủng hộ của Nhà Nước, thì các trừng phạt thường là đàn áp bằng cách sử dụng các lực lượng cảnh sát, hệ thống nhà tù, và quân đội.

Đối kháng bất bạo động thường gặp phải đàn áp khi mà đối phương không muốn hay không thể chấp thuận các yêu sách của những người đối kháng. Đàn áp không phải là dấu hiệu những người đối kháng yếu hay là sẽ bị đánh bại*. Đàn áp là sự xác nhận bởi đối phương về tính trầm trọng của sự thách thức do phong trào đối kháng đưa ra.*

Đôi khi sự ác liệt của đàn áp sẽ tỉ lệ với sự trầm trọng của thách thức bất bạo động, nhưng điều này không phải là một mẫu mực chuẩn định.

Nhu cầu của đối phương muốn chấm dứt thách thức có thể trong một vài trường hợp phần lớn có tính biểu tượng. Nhưng trong những tình huống khác khi đấu tranh bất bạo động lan rộng và bành trướng, thì những áp lực lên đối phương bắt họ phải chận đứng đối kháng sẽ rất mạnh, nhất là đối kháng trong một hệ thống không chấp nhận được những bất đồng quan trọng.

Tác dụng của việc khởi động đấu tranh bất bạo động đối với đối phương sẽ một phần rất lớn tuỳ thuộc vào chiến lược của những người đối kháng và vào những phương pháp cụ thể được tung ra. Nhân tố chính yếu khác là tài năng và tầm mức ứng dụng chiến lược và những phương pháp đó. Nếu chiến lược có phẩm chất kém, hay ngay cả không có chiến lược, nếu những phương pháp yếu kém được chọn lựa, hay là chỉ một số ít những người đối kháng xung phong áp dụng những phương pháp hay hơn, trong lúc cần phải có nhiều người đối kháng tham gia, hay có nhiều người tham gia hành động nhưng tham gia một cách vô kỉ luật hay thiếu khả năng, thì cuộc đấu tranh sẽ yếu và đem lại rất ít thách thức cho đối phương.

Ví dụ, một cuộc tẩy chay kinh tế mà chỉ có 10 phần trăm dân số hỗ trợ, một cuộc đình công mà chỉ có một thiểu số rất nhỏ công nhân tham gia, hay là một chiến dịch bất hợp tác chính trị chỉ được hậu thuẫn bởi những

hành động của một nhóm nhỏ nặng về chủ thuyết thì sẽ không đe doạ gì được các chính sách và sự kiểm soát của đối phương. Do đó xác suất bị đàn áp tàn bạo và ồ ạt sẽ thấp hơn. Tuy nhiên, đàn áp khắc nghiệt vẫn có thể xảy ra vì đối phương có thể muốn gieo rắc sợ hãi về những đàn áp trong tương lai.

Ngược lại, nếu một cuộc tẩy chay kinh tế được 90 phần trăm dân chúng hậu thuẫn, hay là một cuộc đình công lao động có được 98 phần trăm công nhân thiết yếu lãn công, thì cuộc đấu tranh sẽ mạnh. Cũng như vậy, trong một cuộc đấu tranh thách thức chính trị mà hầu hết đại bộ phận quần chúng không tuân phục lệnh của chế độ và nhiều công chức, cảnh sát, và ngay cả quân đội khước từ tuân lệnh, thì cuộc đấu tranh sẽ là một đe doạ hết sức lớn đối với đối phương. Đàn áp tàn bạo được tin chắc là sẽ xảy ra trong những trường hợp như thế.

Đàn áp nhằm mục đích chấm dứt phản đối, bất hợp tác, và thách thức. Chính sức mạnh của đấu tranh bất bạo động được áp dụng một cách tài tình đã kích khởi đàn áp từ những quyền lực hiện hữu đang cố gắng duy trì các chức vụ và sự kiểm soát của họ và đang cố ngăn chặn không cho nhóm đấu tranh bất bạo động đạt những mục tiêu của mình.

### Các loại đàn áp

Những người đối kháng đã từng quen thuộc với kĩ thuật này sẽ không ngạc nhiên về những đàn áp do đối phương áp dụng. Tự do không miễn phí. Có một cái giá cần phải trả.

Cần phải công nhận một cách rõ ràng là đàn áp tàn bạo có thể được áp dụng đối với những người đối kháng bất bạo động. Tuy nhiên, cũng còn phải công nhận là đàn áp tàn bạo gấp bội đã từng được giáng xuống các phong trào đối kháng bạo động, đem lại những tổn thất và tàn phá lớn lao hơn nhiều. Điều này không phải là vì đối kháng bạo động là một đe doạ lớn hơn cho đối phương mà vì đàn áp tàn bạo chống lại đối kháng bạo động gây ra ít phản ứng tiêu cực hơn là đàn áp tàn bạo chống lại những người đối kháng bất bạo động có kỉ luật. Ngay cả sự khuất phục thụ động cũng không bảo đảm được an toàn trong những nền độc tài toàn trị và quá khích khác. Các nền độc tài này nhằm gieo rắc sợ hãi bằng cảnh giác qua sự đàn áp tàn ác dù sự đàn áp này nhắm đến những người đối kháng hay những người không hề làm gì cả. Sự sợ hãi này nhằm mục đích thúc đẩy sự khuất phục bất khả kháng.

Một khi đối phương đã quyết định sử dụng đàn áp, thì cần phải đặt những câu hỏi sau đây:

- Đối phương sẽ dùng những phương tiện đàn áp nào?
- Đàn áp có giúp đối phương đạt được những mục tiêu của họ hay không?
- Phản ứng của nhóm bất bạo động và của những người khác đối với đàn áp là gì?

Một vài biện pháp khắc nghiệt mà đối phương có thể sử dụng sẽ là những biện pháp chính thức. Trong những trường hợp khác, đàn áp có thể được khuyến khích một cách không chính thức, bằng cách tạo ra những lực lượng bán quân sự phi pháp, những toán ám sát, chẳng hạn. Đôi khi có những đe doạ. Lúc khác thì sự đàn áp đơn giản chỉ trực tiếp giáng xuống những người đối kháng mà không có báo trước. Một vài đàn áp sử dụng cảnh sát hay quân sự. Những phản ứng khác chống lại thách thức bất bạo động có thể bao gồm những phương tiện kiềm chế và mánh khoé gián tiếp hơn – và thỉnh thoảng bao gồm ngay cả những cấm đoán chống bất bạo động.

Những cấm chỉ, hay là trừng phạt, mà những người đối kháng bất bạo động có thể chờ đợi có thể biến đổi về hình dạng, mức độ, và mục tiêu. Những trừng phạt này là:

- **Kiểm soát các liên lạc và thông tin,** như bằng kiểm duyệt, phúc trình sai lạc, hoặc gián đoạn giao liên.
- **Những áp lực tâm lí,** như bằng cách sỉ nhục, khai trừ, khuyến khích bỏ hàng ngũ, đe doạ, trả thù gia đình những người đối kháng.
- **Tịch thu,** bao gồm tịch thu tài sản, tiền bạc, giấy tờ, tài liệu, thư từ, văn phòng, và dụng cụ máy móc.
- **Những hình phạt kinh tế,** phạt tiền, tẩy chay kinh tế, đuổi việc, vào sổ đen, cắt điện nước, và những biện pháp tương tự.

- **Những luật và lệnh cấm đoán** một số hoạt động và tổ chức, những cấm chỉ về những mít tinh và tụ họp công cộng, giới nghiêm, trát toà, và những biện pháp tương tự.

- **Bắt bớ và tù tội,** vì những buộc tội không ra gì cũng như những buộc tội trầm trọng, gây phiền phức về pháp lí hay nguỵ tạo tội trạng, bắt những người thương thuyết, các phái đoàn, hay những người lãnh đạo, hoặc thay đổi án tù.

- **Những câu thúc đặc biệt,** bao gồm những luật và nghị định mới, ngưng quyền được xét xử trước toà *(habeas corpus)* và những quyền khác, tuyên bố thiết quân luật hay các tình trạng khẩn trương, hoặc huy động các lực lượng quân sự và cảnh sát đặc biệt, các truy tố trước toà án cũng có thể được thực hiện đối với những buộc tội nặng nề hơn như là âm mưu, khích động, phản loạn, hay là phản bội. Những người đối kháng có thể bị động viên vào quân đội hay bị đưa ra toà án quân sự. Trục xuất tập thể có thể bị áp đặt, trong lúc cá nhân có thể bị đi đày, giam giữ mà không được xử án, hoặc đưa vào các trại tập trung.

- **Bạo lực trực tiếp lên thể xác**, luôn biến đổi về hình dạng, mức trầm trọng, được chuẩn bị trước hoặc bất ngờ. Bạo lực này có khuynh hướng tăng trưởng nếu phong trào đấu tranh bất bạo động mạnh lên hay là sự đàn áp trước đó không đem lại khuất phục. Những biện pháp phản công khác mà đối phương có thể sử dụng là “những vụ biến mất”, ám sát, những vụ hành quyết chính thức, hay những vụ tàn sát.

### Vô hiệu hoá đàn áp

Khi đối diện với bạo lực trực tiếp lên thân xác, thì chìa khoá dẫn đến thành công cho những người đối kháng tuỳ thuộc vào việc họ không chịu khuất phục và duy trì kỉ luật.

Một cách tổng quát thì những phương tiện đàn áp của đối phương thường thích hợp để chống lại đối lực bạo động hơn là để chống lại đấu tranh bất bạo động. Khi chống lại những người đối kháng bất bạo động

không bị hăm doạ bởi sự sợ hãi đàn áp, thì sự đàn áp có khuynh hướng mất đi sức mạnh đem lại khuất phục. Khi người ta không còn sợ tù tội, thì tù tội đã mất đi hiệu quả trong việc ngăn ngừa hành động. Những người đối kháng do đó có thể công khai thách đố luật pháp và sẵn sàng đi tù, và ngay cả có thể thách thức đối phương làm những điều tồi tệ nhất. Nếu con số những người thách thức trở nên lớn đủ, thì việc thi hành công lực hữu hiệu sẽ không thể thực hiện được và đàn áp trở thành vô hiệu lực. Mức độ tham gia nhiều đến bao nhiêu mới đủ sẽ biến đổi rất nhiều tuỳ theo từng hoàn cảnh.

**Kiên trì**

Đối diện với đàn áp, những người đối kháng chỉ có được một phản ứng duy nhất có thể chấp nhận được mà thôi: đó là phải thắng, họ phải kiên quyết trong những hành động của mình và không chịu khuất phục hoặc thối lui. *Nếu những người đối kháng, bằng cách nào đó, cho thấy là đàn áp đã làm suy yếu phong trào, thì như vậy là họ đã ra dấu cho đối phương biết là đàn áp mạnh hơn sẽ đem lại sự khuất phục*.

Không sợ hãi, hay cố tình kiềm chế sợ hãi, đặc biệt quan trọng ở giai đoạn đấu tranh này. Cứng rắn trước sự đàn áp sẽ làm cho việc bất hợp tác tập thể để đem lại những hiệu quả có tính cưỡng ép có thể thực hiện được. Hơn nữa, sự kiên quyết có thể đem lại thiện cảm đối với những người đối kháng bất bạo động đang thách thức đối phương. Lãnh đạo của đấu tranh bất bạo động phải can đảm, và phải được nhìn thấy là can đảm và không quỵ luỵ trước đàn áp và trước những hăm doạ trừng phạt trong tương lai.

Đôi khi, có những phương pháp đấu tranh bất bạo động cụ thể tự bản chất sẽ vừa gây khó khăn hơn cho đối phương trong việc giải quyết bằng đàn áp vừa có khuynh hướng ít kích động những bạo tàn quá khích. Ví dụ, tốt hơn là đừng diễn hành đi xuống một đường phố đối diện với hoả lực của súng ống có thể xảy ra, nhưng thay vào đó, mọi người có thể ở nhà 24 tiếng đồng hồ và do đó làm tê liệt thành phố.

Tuy nhiên, không được có một sự thay đổi nào về chiến thuật và phương pháp nhằm sửa đổi hành động bất bạo động căn bản chống lại đàn áp: đó là lòng dũng cảm, sự không ngưng nghỉ, và đấu tranh có kỉ luật.

## Đối diện với đàn áp

Đối diện với đàn áp bằng sự kiên quyết và can đảm có nghĩa là những người đối kháng bất bạo động phải được chuẩn bị để chịu đựng các trừng phạt của đối phương mà không suy suyển.

Không phải mọi đau khổ đều như nhau, và cũng không gây ra cùng những hiệu quả như nhau. Kết quả đau khổ của những người đối kháng can đảm có chiều hướng khác hẳn sự đau khổ của những người chịu khuất phục.

Những người lập kế hoạch để khởi động đấu tranh bất bạo động sẽ cần phải xét định mức độ đau khổ mà những người tự nguyện sẵn lòng chịu và họ có khả năng cứng rắn đến mức nào trong việc thách thức sự đàn áp của đối phương. Một hành động bạo dạn có thể đưa đến một phản ứng đàn áp mà những người đối kháng không được chuẩn bị để chịu đựng thường là một điều không nên làm. Nói chung thì tốt hơn là nên chọn những phương pháp hành động không đặt những người đối kháng thành những mục tiêu rõ rệt khi có sẵn những phương pháp hữu hiệu hơn và ít khiêu khích hơn. Những phương pháp hành động được lựa chọn cần phải phù hợp với mức độ đàn áp mà những người đối kháng đã được chuẩn bị để chịu đựng cho những hành động đó. Một điều hết sức quan trọng là chỉ những phương pháp nào rõ ràng có thể giúp ứng dụng chiến lược đã chọn cho cuộc đấu tranh thì mới nên chọn. Điểm này sẽ được thảo luận nhiều hơn ở Chương Ba Mươi Sáu.

Sự kiên quyết của những người đối kháng sẽ đem lại nhiều hiệu quả. Hai trong số những hiệu quả này là:

- Hiệu quả về số lượng của nhiều người dân thách thức, từ chối tuân phục, dù bị đàn áp, sẽ giới hạn rất nhiều khả năng kiểm soát tình thế và duy trì các chính sách của đối phương.

- Sự kiên quyết bất bạo động mặc dù bị đàn áp có thể đem lại những hiệu quả về tâm lí hay phẩm chất đối với đối phương, đối với những người ủng hộ họ, đối với những thành phần thứ ba, và với những người khác.

Trong một vài trường hợp của đấu tranh bất bạo động, đàn áp tương đối nhẹ hay là vừa phải. Trong những trường hợp khác thì rất tàn bạo. Nhóm bất bạo động phải được chuẩn bị cho cả hai tình huống.

**Đối diện với bạo tàn**

Bạo tàn có thể xảy ra vì (1) chế độ thường sử dụng khủng bố; (2) một chế độ không bạo ngược quyết định là chỉ có hành động quyết liệt mới có thể dẹp tan được những người đối kháng; hay là (3) không nhận được lệnh từ chế độ, những giới chức địa phương hay các cá nhân trong quân đội, cảnh sát, hay ngay cả quần chúng nói chung đã tự gây ra những điều tàn ác.

Điều quan trọng là phải nhớ rằng những vụ đánh đập, giết chóc, và tàn sát đã từng xảy ra cho những người đối kháng. Chế độ hay hệ thống nói chung càng độc tài, thì những tàn ác cực đoan đối với những người đối kháng bất bạo động càng có cơ hội xảy ra. Tuy nhiên, khi bị thách thức một cách bất bạo động, thì mọi chế độ phần nào lệ thuộc vào bạo lực sẽ có khuynh hướng trông nhờ vào bạo lực. Những người đối kháng cần quyết định là phải phản ứng như thế nào cho phù hợp với những yêu cầu của kĩ thuật bất bạo động để đạt được hiệu quả.

Trong những tình trạng khủng hoảng thì những người đối kháng có hiểu biết sẽ không ngạc nhiên về những tàn ác đối với nhóm bất bạo động. Đối với họ, ngưng cuộc đấu tranh hay nhờ vào bạo lực sẽ đưa đến những hậu quả trầm trọng và tai hại cho cuộc đấu tranh. Để được hữu hiệu, những người đối kháng phải kiên trì chịu đựng cho qua những tàn ác và đau khổ, kiên quyết không sợ hãi, kiên trì trong kỉ luật bất bạo động, và cứng rắn. Thời gian và rất nhiều đau khổ có thể là cần phải có để chứng minh cho đối phương thấy là bạo tàn không dẹp tan được phong trào. Cái giá phải trả có thể đắt nhưng, đôi khi, cần thiết nếu muốn đạt được mục đích.

Tuy nhiên, lãnh đạo trong một cuộc đấu tranh bất bạo động mà đòi hỏi những người đối kháng chịu đau khổ và chủ ý lôi cuốn các hành động bạo tàn quá sức chịu đựng của họ thì dù dựa trên bất cứ tiêu chuẩn nào đi nữa cũng là một việc làm không khôn ngoan. Tất cả mọi hành động đều phải phục vụ một mục đích chiến lược. Nếu đã bắt đầu một đường hướng hành động không khôn ngoan, thì đừng tiếp tục chỉ vì giáo điều hay vì ngoan cố. Tuy nhiên, khi đã có một lập trường vững chắc hay là

đòi hỏi cần phải hành động bạo dạn hơn thì không nên rút lui – dù bị đàn áp tàn bạo.

Đôi khi một hành động bạo dạn và nguy hiểm được chuẩn bị bởi một nhóm nhỏ đối kháng cũng có thể được thực hiện nhằm khích động đối phương đàn áp mạnh. Bằng cách chứng tỏ sáng kiến, sự can đảm, và quyết tâm của những người đối kháng trước hiểm nguy, hành động nguy hiểm có thể giúp những người đối kháng lên tinh thần và làm giảm đi sự sợ hãi bị đàn áp của họ. Khi điều này xảy ra thì đàn áp gắt gao thường được giáng xuống chính những người tình nguyện, chứ không xuống đại chúng, như đã từng xảy ra trong một vài cuộc chiến tranh du kích.

Sự vận hành của một hay nhiều phương thức thay đổi có thể, với thời gian, dẫn đến sự giảm bớt hay ngưng hẳn những bạo tàn, như sẽ được bàn đến ở Chương Ba Mươi Hai. Bạo tàn cũng có thể giảm bớt khi đối phương thấy rõ là sự đàn áp của họ đã dội ngược lại vào chính vị thế của họ bằng cách đẩy những người ủng hộ họ ra xa và chỉ khích động thêm đối kháng. Khi điều này xảy ra thì đối phương sẽ ý thức được là đàn áp gắt gao và bạo tàn là phản tác dụng và cần phải được kiềm chế. Có thể là sẽ có một cuộc đàn áp tệ hại nhất xảy ra một thời gian ngắn trước khi đối phương chịu đầu hàng. Có lúc sự đàn áp tệ hại nhất do những thành viên quá khích của nhóm đối phương thực hiện có thể xảy ra một thời gian ngắn sau khi những người lãnh đạo của họ đã nhượng bộ những yêu sách của những người đối kháng.

Thách thức đàn áp của đối phương dĩ nhiên là không có chủ ý nhằm đem lại đau khổ do những bạo tàn của sự đàn áp gây nên. Mục đích là để tiếp tục đối kháng, và đặc biệt là để bất hợp tác, một phương pháp có tiềm năng cắt đứt các nguồn sức mạnh của đối phương, như đã bàn đến ở Chương Hai, bằng cách sử dụng những phương pháp đấu tranh bất bạo động, như đã liệt kê ở Chương Bốn. Nếu một chiến dịch bất hợp tác chính trị, hay một cuộc đình công vĩ đại, tan rã ngay khi vừa mới bị bắt bớ, đánh đập, hay chết chóc, thì chưa có đủ thời gian cho đối kháng có thể gặt hái được hiệu quả. Tất cả những hi sinh trước đó sẽ là vô ích.

Tuy nhiên, nếu sự đàn áp của đối phương thất bại và những người đối kháng sẵn sàng kiên quyết, thì bất hợp tác lan rộng sẽ có tiềm năng tranh thủ được các mục tiêu của cuộc đấu tranh và ngay cả làm tan rã cả hệ thống áp bức.

Những người ủng hộ chiến tranh quân sự ý thức rõ ràng là một cuộc đấu tranh thường đòi hỏi phải trả giá. Một trong những khác biệt quan

trọng giữa những xung đột quân sự và những cuộc đấu tranh bất bạo động, không có ngoại lệ, là trong những xung đột bất bạo động, cái giá -- về mạng sống, về thương tích, và về tàn phá – không phải do những người không tham dự trả mà do những người tung ra cuộc đấu tranh. Hơn nữa, những tổn thất và tàn phá do những người đối kháng hứng chịu hầu như luôn luôn thấp hơn trong những cuộc đấu tranh bất bạo động so với những xung đột bạo động.

Chúng ta có thể lí luận rằng, nói một cách tổng quát thì những cuộc đấu tranh bất bạo động, so với đấu tranh dùng bạo lực, đem lại nhiều cơ hội thành công hơn và ít đàn áp khắc nghiệt hơn, và thêm nữa, những người không tham gia vào cuộc đấu tranh thường không bị ảnh hưởng trầm trọng. Điều này trái ngược lại với tình trạng thường thịnh hành trong chiến tranh du kích, chiến tranh quy ước, và bất cứ hình thái áp dụng bạo lực nào khác vào những cuộc xung đột. Trong những cuộc xung đột sử dụng bạo lực, những người dân sự không tham gia thường phải trả giá bằng mạng sống của mình và đau khổ như là hậu quả của trận chiến bạo động do người khác khởi động và tiến hành.

Tuy vậy, trên thực điều quan trọng là đấu tranh bất bạo động sẽ rất có thể bị đàn áp; dù vậy, đối kháng vẫn phải kiên quyết.

# Chương Ba Mươi Mốt

# Đoàn Kết và Kỉ Luật Để Chống Đàn Áp

## Nhu cầu đoàn kết

Đối diện với đàn áp, những người đối kháng bất bạo động sẽ cần phải đứng lại với nhau; phải duy trì kỉ luật bất bạo động, sự đoàn kết nội bộ, và tinh thần của họ; và cần phải tiếp tục cuộc đấu tranh.

Trong những giai đoạn sơ khởi của cuộc đấu tranh, những người đối kháng có thể đồng hoá mình với đại thể dân chúng bị ảnh hưởng bởi sự khiếu nại ("nhóm khiếu nại"). Hiếm khi mà đạt được sự tham gia đồng bộ của nhóm khiếu nại trong đấu tranh bất bạo động. Con số bao nhiêu người trong nhóm này sẽ trực tiếp tham gia và ủng hộ những người đối kháng sẽ biến đổi từ cuộc xung đột này đến cuộc xung đột khác. Mặc dù vậy, việc tất cả những người tham gia vào cuộc đấu tranh cần phải phát huy và duy trì đoàn kết với nhau là một điều khẩn yếu, và những cố gắng có chủ ý có thể giúp đạt được điều này. Sự đoàn kết này sẽ làm họ lên tinh thần và tăng cường khả năng hành động hữu hiệu của họ.

Giữ vững tinh thần trong những cuộc đấu tranh bất bạo động hết sức quan trọng. Hình như có bốn phương cách để thực hiện điều này:

### A. Duy trì quan hệ tốt và đoàn kết

Những người tham gia cần phải luôn luôn cảm thấy mình là thành phần của một phong trào rộng lớn hơn đang đem lại cho chính bản thân họ sự hỗ trợ và sức mạnh để tiếp tục đối kháng. Họ cần cảm thấy là những người khác vẫn tiếp tục đoàn kết với họ. Điều này có thể được hỗ trợ bằng cách liên lạc với nhau thường xuyên và bằng những biểu hiện

của "hợp nhất." Những biểu hiện này có thể là những mít tinh đại chúng, những cuộc tuần hành, ca hát, diễn hành, hoặc những biểu tượng của nhất trí. Một triết lí chung, nếu có, và những đường giây liên lạc công khai giữa những người hoạt động, những người lãnh đạo và các nhóm ủng hộ cũng đóng góp được vào công việc này.

## B. Động viên để tiếp tục cuộc đấu tran

Có thể cần phải có những nỗ lực hỗ trợ quyết định tiếp tục cuộc đấu tranh. Những người tham gia cần phải tin tưởng rằng hành động của họ là chính đáng, rằng những mục tiêu tranh thủ được là đáng công, và những phương tiện hành động đã được chọn lựa một cách khôn ngoan. Những người đối kháng có thể lên tinh thần nếu họ hiểu rõ kĩ thuật này và nếu những mục đích và phương tiện của cuộc đấu tranh được gắn liền, hay có thể được gắn liền, với những giá trị mà đại bộ phận quần chúng chấp nhận.

## C. Giảm thiểu các lí do để đầu hàng

Bởi vì những người tham gia có thể trở nên nản lòng và mỏi mệt, cho nên cần phải tạo ra những biện pháp ngay từ lúc đầu của cuộc đấu tranh để ngăn chặn hay giảm thiểu tối đa những cảm giác như vậy. Ít nhất những người tham gia nguyên thuỷ nên tiếp tục hỗ trợ cuộc đấu tranh. Những hỗ trợ cụ thể làm lên tinh thần có thể có tác dụng tốt. Giúp vui đặc biệt cũng có thể hữu ích phần nào. Ở nơi nào những người đối kháng bất bạo động và gia đình của họ thiếu lương thực, chỗ ở, tiền bạc, v.v., vì tham gia vào cuộc đấu tranh, thì có thể cần phải có một nỗ lực lớn nhằm cung cấp những thứ này.

Những khốn khổ phải gánh chịu suốt cuộc đấu tranh bất bạo động đôi khi phải được những người lãnh đạo cắt nghĩa theo những phương cách làm cho những đau khổ đó dễ chịu đựng hơn: "Nhân dân ta chịu đau khổ hằng ngày, và tất cả đều đã bị lãng phí," một nhà lãnh đạo đối kháng Nam Phi đã nói lên như thế. Thay vì lãng phí đau khổ, ông đã mời gọi người dân chịu đau khổ vì lí tưởng công lí.[1]

---

[1]Leo Kuper, *Đối Kháng Thụ Động tại Nam Phi* [*Passive Resistance in South Africa*]. New Haven, Connecticut: Yale Unviersity Press, 1957, tt. 112-113.

## D. Kiềm chế hay chế tài

Những áp lực để tiếp tục hỗ trợ cuộc đấu tranh bất bạo động khác hẳn những trừng phạt vì vô kỉ luật được áp dụng trong chiến tranh, thường là bỏ tù hay xử tử. Đôi khi trong những cuộc đấu tranh bất bạo động, thuyết phục bằng lời nói cũng đủ để tăng cường sự tham gia.

Khi thuyết phục không đủ, thì có thể sử dụng những phương pháp khác. Những phương pháp này gồm có những đêm không ngủ, cầu nguyện công cộng, làm hàng rào cản, phạt tiền, đăng tên những người đào ngũ, cắt quyền thành viên, tẩy chay xã hội, tẩy chay kinh tế, tuyệt thực, chen vào giữa một cách bất bạo động. Không nên sử dụng bức hiếp và những hăm doạ làm hại đến thân xác.

Nếu tinh thần và sự quyết tâm của những người đối kháng vẫn giữ được ở mức cao, thì sự đàn áp của đối phương hẳn đã thất bại. Tuy nhiên, để đạt được điều này, những người đối kháng phải duy trì được kỉ luật bất bạo động của họ.

### Ngăn chặn đàn áp

Các khó khăn của đối phương trong việc kiềm chế phong trào một phần là vì những phương tiện đàn áp thường có thể áp dụng được trong việc chống lại đấu tranh bất bạo động giới hạn hơn là những phương tiện được dùng để chống lại đối kháng bằng bạo lực. Những hành động bạo tàn và các đàn áp khắc nghiệt khác khó mà biện minh được trong việc chống lại những người đối kháng bất bạo động và có thể trên thực tế làm suy yếu vị thế của đối phương, như sẽ được thảo luận trong chương tới.

Mức độ một chế độ cảm thấy có thể bất chấp dư luận thế giới hay dư luận quốc nội dĩ nhiên sẽ biến đổi tuỳ theo những nhân tố như là chế độ hiện hành thuộc loại chế độ nào; như là chế độ có mong đợi một số sự cố có được bảo mật hay không; như là chế độ lệ thuộc vào thế giới bên ngoài đến mức độ nào; và dư luận chống chế độ có biến thành sự hỗ trợ cho nhóm đấu tranh bất bạo động và cho những hành động chống lại đối phương hay không.

Có bằng chứng gợi ý là kỉ luật bất bạo động khi chạm trán với đàn áp có khuynh hướng giới hạn đàn áp trong tương lai rất nhiều và nhất là gây những vấn đề khó khăn cho đối phương.

## Những đối phương thích chọn bạo lực hơn

Đối phương có thể tìm cách giảm bớt những khó khăn đặc biệt trong việc đàn áp một phong trào đối kháng bất bạo động bằng cách vu khống những người đối kháng bất bạo động sử dụng bạo lực hay là quảng bá hoặc thổi phồng bất cứ một vụ bạo động nào xảy ra. Đối phương cũng có thể ngay cả cố khích động bạo lực và bẻ gãy kỉ luật bất bạo động của những người đối kháng. Đối kháng bạo động thường được xem như là "hợp pháp hoá" đàn áp bằng bạo lực. Đối phương có thể khích động bạo lực bằng cách đàn áp gắt gao, hay họ có thể dùng gián điệp hay chuyên viên khích động. Nếu bị phát lộ công khai, những thông tin về các hành động như thế có thể làm sụp đổ sự hỗ trợ thường có và vị thế quyền lực của đối phương một cách thảm hại. Đối kháng bất bạo động có kỉ luật sẽ giúp phát hiện những điệp viên như thế.

## Nhu cầu cần có hành vi bất bạo động

Yêu cầu đòi hỏi những người tình nguyện phải duy trì kỉ luật bất bạo động được bắt rễ từ động năng của kĩ thuật đấu tranh bất bạo động. Kỉ luật bất bạo động không phải là một trọng điểm xa lạ do những nhà luân lí hay những người theo chủ nghĩa hoà bình đề bạt. Hành vi bất bạo động là một yêu cầu đòi hỏi cần phải có để công việc điều hành kĩ thuật này được thành công.

Hành vi bất bạo động có khuynh hướng đóng góp vào việc tranh thủ được nhiều thành tích tích cực khác nhau, bao gồm (1) giành được thiện cảm và hỗ trợ, (2) giảm bớt tổn thất, (3) tạo bất mãn và ngay cả nổi loạn trong quân lính của đối phương, và (4) lôi cuốn tham gia tối đa vào công cuộc đấu tranh bất bạo động.

## Bạo động làm suy yếu phong trào bằng cách nào

Bạo lực do một số người đối kháng đưa vào sẽ làm suy yếu phong trào đấu tranh bất bạo động bằng cách làm mất sự liên tục của kỉ luật bất bạo động, có thể gây nên một sự chuyển hướng là những người đối kháng sẽ dùng bạo lực. Việc này có thể dẫn đến sự sụp đổ của phong trào. Đối kháng bạo động sẽ chuyển hướng sự chú ý ngay vào chính sự bạo động, xa ra khỏi những vấn đề tranh chấp được nêu ra, xa khỏi sự can đảm của

những người đối kháng và xa khỏi bạo lực thường mạnh hơn rất nhiều của đối phương. Việc sử dụng bạo lực bởi những người đối kháng hay bởi các thành viên của nhóm khiếu nại rộng lớn hơn sẽ có khuynh hướng làm sổ lồng một cuộc đàn áp gắt gao không cân xứng và lật ngược bất cứ thiện cảm nào đã được nẩy nở trong hàng ngũ của đối phương đối với những người đối kháng. Thành công trong đấu tranh bất bạo động đòi hỏi chỉ sử dụng "vũ khí" bất bạo động mà thôi.

**Phá hoại và đấu tranh bất bạo động**

Phá hoại -- được định nghĩa cho cuộc thảo luận này là "những hành động phá huỷ hay đập phá tài sản" – *Không* phù hợp với đấu tranh bất bạo động. Phá hoại

- Đem lại rủi ro về thương tích hay chết chóc ngoài ý muốn cho những người phục vụ đối phương hay người bàng quang vô tội;
- Đòi hỏi sự sẵn lòng dùng vũ lực đối với những người khám phá ra những kế hoạch và sẵn sàng hay có thể tiết lộ hoặc ngăn chặn những kế hoạch đó;
- Đòi hỏi bí mật trong việc lập kế hoạch và thực hiện công tác;
- Đòi hỏi chỉ một số ít người để thực hiện kế hoạch và do đó giảm thiểu số người đối kháng hữu hiệu;[2]
- Chứng tỏ thiếu lòng tin vào tiềm năng của đấu tranh bất bạo động, do đó có khả năng làm suy yếu sự kiên định của những người đối kháng trong việc sử dụng kĩ thuật này;

---

[2]Một vài phương pháp can thiệp bất bạo động cũng đòi hỏi chỉ vài người để áp dụng những phương pháp đó. Tuy nhiên, việc sử dụng những phương pháp này xảy ra nhiều nhất trong bối cảnh của một cuộc đấu tranh rộng lớn hơn trong đó nhiều người đối kháng bất bạo động khác đang áp dụng những phương pháp bất hợp tác và phản đối. Tuy nhiên, những hành động phá hoại thường không được dùng chung với đối kháng của đại bộ phận quần chúng, và có thể làm giảm đi sự đối kháng này vì đặt lòng tin vào những hành động phá huỷ và đập phá. Sự chuyển đổi lòng tin này có thể dẫn đến một sự gia tăng có chủ ý về những hành động như thế. Điều này có thể làm gia tăng nguy cơ chuyển đổi rộng lớn về việc sử dụng một loại đấu tranh bạo lực nào đó.

- Là một hành động về thân xác và vật thể, chứ không phải là một hành động về con người và xã hội, chỉ dấu một chuyển đổi quan điểm cơ bản về phương cách làm thế nào để tiến hành cuộc đấu tranh;

- Cố đánh ngã đối phương bằng cách phá huỷ tài sản của họ, chứ không phải bằng cách dân chúng rút lui sự thoả thuận, do đó có khả năng làm suy yếu một phương thức căn bản của đấu tranh bất bạo động;

- Tạo ra một khung cảnh mà hậu quả về thương tích thể xác hoặc chết chóc thường đưa đến sự mất thiện cảm và hỗ trợ tương đối cho nhóm đấu tranh bất bạo động và phong trào của những người đối kháng nói chung; và

- Thường đem lại kết quả đàn áp hết sức bất cân xứng. Sự đàn áp này, được khích động bởi phá hoại, thường sẽ không làm suy yếu vị thế quyền lực tương đối của đối phương và cũng không đem lại sự hỗ trợ cho những người đối kháng.

**Những cách rơi vào bạo động khác**

Một trong những cách mà cuộc đấu tranh bất bạo động có thể bị rơi vào bạo động là khi những người đối kháng chuẩn bị sử dụng bạo lực cho một hoàn cảnh có thể xảy ra trong tương lai. Những chuẩn bị như thế tạo nên một cám dỗ mãnh liệt cho những người đối kháng hoặc cho những thành viên của nhóm khiếu nại sử dụng bạo lực, nhất là trong một cơn khủng hoảng khi mà bạo lực có giới hạn đối với đối phương đã có xảy ra rồi.

**Sự cần thiết của kỉ luật**

Kỉ luật là thiết yếu, nhất là khi có nguy cơ bạo động bùng nổ và khi những người tham gia thiếu kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về kĩ thuật bất bạo động.

Trong kỉ luật này, những người đối kháng phải tuân theo một số tiêu chuẩn tối thiểu cho hành động, tuỳ theo từng hoàn cảnh. Không có kỉ luật sẽ cản trở hoặc chặn đứng việc sử dụng hữu hiệu kĩ thuật này.

Tiếp tục tham gia cuộc đấu tranh và từ chối khuất phục vì sợ hãi là những mục đích hết sức thiết yếu của kỉ luật, tiếp theo ngay đó là phải nhất quán trong hành vi bất bạo động. Kỉ luật còn bao gồm tuân theo các

kế hoạch và chỉ thị. Kỉ luật sẽ giúp người ta trong việc đối diện với đàn áp gắt gao và sẽ giảm thiểu tối đa tác dụng của đàn áp. Kỉ luật cũng phát huy sự kính trọng của những thành phần thứ ba, của dân chúng nói chung, và ngay cả của đối phương đối với phong trào.

## Cổ võ kỉ luật bất bạo động

Đấu tranh bất bạo động hầu như luôn luôn xảy ra trong một hoàn cảnh xung khắc và căng thẳng. Tuy nhiên, vẫn có thể ngăn chặn bạo động và duy trì kỉ luật. Sự căng thẳng và gây gổ có thể được giải toả bằng những phương cách có kỉ luật và bất bạo động.

Trong một vài trường hợp, những người tham gia đấu tranh bất bạo động, vì trực giác, hay vì cùng nhau đồng ý, có thể tuân theo kỉ luật bất bạo động mà không cần những nỗ lực chính thức cổ võ kỉ luật này. Tuy nhiên trong những hoàn cảnh nguy hiểm hoặc mạo hiểm, thì cần phải có những nỗ lực mạnh mẽ hơn để xúc tiến kỉ luật bất bạo động. Nếu phải đối đầu trực tiếp với một cuộc tấn công vũ lực, thì đòi hỏi phải vừa có kỉ luật vừa có hành vi bất bạo động. Các phương tiện khuyến khích kỉ luật sẽ chỉ hữu hiệu nếu các phương tiện này tăng cường được ý chí hay lương tâm của những cá nhân đối kháng. Những hướng dẫn, những lời kêu gọi, và thệ nguyện, cũng như các truyền đơn về kỉ luật, các trật tự viên, và các phương tiện khác, có thể được sử dụng để khuyến khích kỉ luật.

Trong những hoàn cảnh bạo động, những người lãnh đạo phong trào đối kháng đôi khi đã phải hoãn lại hoặc bãi bỏ chiến dịch bất bạo động; lúc khác thì lại phải tung ra đấu tranh bất bạo động mãnh liệt hơn để cung cấp những phương thức bất bạo động biểu lộ sự thù nghịch và bực bội. Đối diện với một cuộc tấn công thù nghịch, thì đòi hỏi cần phải có kỉ luật mạnh để ngăn ngừa một phản ứng bạo động hay một sự thất bại trong hỗn loạn. Nếu những người lãnh đạo không muốn có xung đột thể xác, thì tốt hơn là nên dời nhóm bất bạo động đi nơi khác, giải tán, hay là chuyển qua những phương pháp hành động đơn giản hơn, ít khiêu khích hơn. Đôi khi, một vài hình thái của hành động bất bạo động, như là một cuộc biểu tình hoàn toàn công khai chẳng hạn có thể là một cơ hội để trút bỏ bực bội nhưng lại tránh được bạo động.

Tinh thần cao quan trọng cho việc đạt được và bảo toàn kỉ luật bất bạo động. Tinh thần của những người đối kháng thường sẽ lên cao nếu họ cảm thấy là một nguồn sức mạnh nào đó mà đối phương không có đang

hỗ trợ họ. Những nguồn sức mạnh có thể có này bao gồm kĩ thuật hành động đã lựa chọn, lẽ công chính của lí tưởng đấu tranh, lí tất thắng, hay là sự hỗ trợ của những bạn bè có quyền lực. Nhưng thường vẫn cần có thêm những phương tiện khác để đảm bảo có được kỉ luật bất bạo động. Những người đối kháng và đại thể nhóm khiếu nại cần phải hiểu *tại sao* chiến dịch cần phải được giữ tuyệt đối bất bạo động.

Lãnh đạo khôn ngoan và những chiến lược, chiến thuật, và những phương pháp cụ thể được chọn lựa kĩ lưỡng, được ứng dụng qua những kế hoạch được thiết lập một cách thông minh, sẽ đóng góp rất nhiều vào công việc đạt được và duy trì kỉ luật bất bạo động. Một yếu tố đóng góp khác là việc huấn luyện cả những người tham gia nói chung lẫn các nhân viên đặc biệt. Điều này đôi khi đã được thực hiện qua các nhóm học tập, học hội, hội thảo, đóng các vai trong một kịch bản xã hội (sociodramas) để tìm hiểu các vấn đề và những phương tiện khác. Các bài thuyết trình, những thông điệp, và những lời kêu gọi tại chỗ thường cũng được sử dụng để ngăn cản bạo động và cổ võ kỉ luật.

Tổ chức và thông tin hữu hiệu trong nhóm bất bạo động cũng sẽ đóng góp vào kỉ luật bất bạo động. Các đường giây chỉ huy và thông tin rõ ràng có thể đưa ra những huấn thị chung lẫn những huấn thị đặc biệt về hành vi. Ví dụ, “các Trật Tự Viên” có thể được sử dụng để giúp giữ cho cuộc biểu tình khỏi bạo động và có kỉ luật. Những lời thề giữ kỉ luật bất bạo động cũng đã từng được sử dụng.

Dù những người lãnh đạo có sẽ bị bắt hay không, thì những người khác có khả năng nhận lãnh vai trò lãnh đạo và duy trì kỉ luật cần phải được tuyển chọn trước. Nếu những người lãnh đạo nổi tiếng bị bắt, thì lối giàn xếp này có thể đưa đến sự phân phối rộng rãi về lãnh đạo. Trong những trường hợp những lực lượng của cuộc đấu tranh bất bạo động cực kì lớn nhằm giành độc lập hay triệt hạ một nền độc tài, thì các hoạt động và các tổ chức đối kháng có thể phát triển lớn mạnh đến độ mang những dấu ấn của một chính quyền song hành. Điều này sẽ giúp duy trì kỉ luật bất bạo động. Nếu bạo động có chiều hướng có thể xảy ra, thì có thể cần phải có can thiệp bất bạo động năng động để ngăn chặn bạo động.

### Tính vô hiệu năng của đàn áp

Nếu những người đối kháng không sợ hãi, có kỉ luật, và kiên quyết, thì nỗ lực của đối phương nhằm ép họ phải chịu khuất phục sẽ có chiều hướng bị đánh bại.

Bắt bớ những nhà lãnh đạo và cấm các tổ chức của họ không đủ để dứt điểm phong trào đối kháng và chỉ có thể bóp nghẹt được phong trào khi phong trào yếu và khi người ta sợ hãi mà thôi. Đàn áp như thế sẽ có khuynh hướng thất bại trong việc đập nát một phong trào có những điều kiện như sau:

- Đã từng thực hiện một chương trình giáo dục cấp tốc, đầy đủ và phổ quát về đấu tranh bất bạo động.
- Có nhiều kinh nhiệm sử dụng kĩ thuật này.
- Đã có lớp huấn luyện cao cấp và đã phân phát rộng rãi một tập sách chỉ dẫn làm thế nào để đối kháng bất bạo động.
- Nhiều lớp lãnh đạo kế tiếp nhau đã được chọn sẵn trước.
- Những người lãnh đạo đầu tiên làm gương về hành động không sợ hãi, thách thức bắt bớ và những hình thức đàn áp khác.

Kết quả của những chuẩn bị cao cấp như thế có thể là sự phân tán lãnh đạo, gia tăng tự tin ở những người kháng chiến, và tuân phục kỉ luật bất bạo động.

Ngay cả những biện pháp đàn áp cũng có thể trở thành những điểm đối kháng, không cần phải tăng thêm những yêu sách nguyên thuỷ của nhóm đối kháng. Có nhiều biện pháp đàn áp có thể được sử dụng như là những điểm mới cho việc thực tập bất tuân dân sự hay bất hợp tác chính trị để tiếp tục công cuộc đấu tranh tranh thủ các mục đích nguyên thuỷ của nhóm.

Trong hoàn cảnh này, ngay cả việc gia tăng đàn áp cũng có thể thất bại, và ngược lại có thể làm trầm trọng thêm những khó khăn của đối phương và xói mòn thêm quyền lực của chính họ. Nếu những phương pháp bất hợp tác được sử dụng thích hợp cho cuộc đấu tranh, và được

áp dụng một cách phổ quát, mạnh mẽ, và kiên quyết, thì sự kiểm soát của đối phương đối với hoàn cảnh – và ngay cả khả năng duy trì vị thế của họ -- có thể bị làm suy yếu đi một cách trầm trọng. Thay vì đàn áp giúp đối phương phục hồi kiểm soát thì ngược lại đàn áp có thể ngay cả khích động thêm lực của nhu thuật chính trị chống lại chính đối phương.

# Chương Ba Mươi Hai

# Bất Hợp Tác và Nhu Thuật Chính Trị

**Một hoàn cảnh xung đột không cân xứng**

Những khó khăn của đối phương khi đương đầu với đấu tranh bất bạo động chủ yếu liên hệ đến các động năng đặc thù của kĩ thuật này, như chúng ta nhận thấy trong các chương của Phần này. Tác dụng chính của việc sử dụng những phương pháp phản đối, bất hợp tác và can thiệp bất bạo động là do những lợi thế mà những phương pháp này đem lại như là một kết quả từ bản chất của chính những phương pháp đó, như chúng ta sẽ bàn đến sau đây.

Thêm nữa, trong một vài điều kiện, tác dụng của một cuộc đấu tranh bất bạo động có kỉ luật đã từng bị đàn áp gắt gao, trong một vài trường hợp, có thể được bổ túc bằng một tiến trình gọi là nhu thuật chính trị. Tiến trình này đòi hỏi một sự lưu tâm đặc biệt, và chúng tôi sẽ bàn đến vấn đề này một cách chi tiết sau khi chúng ta xét nghiệm các tiến trình vận hành trong đa số các cuộc đấu tranh bất bạo động mà trong đó có thể nhu thuật chính trị đã không được sử dụng.

**Các "Vũ khí" của đấu tranh bất bạo động[1]**

Muốn được hữu hiệu, những người kháng chiến bất bạo động chỉ nên áp dụng hệ thống vũ khí *của chính riêng mình* mà thôi. Những "vũ khí" này, hay là những phương pháp đối lực và áp lực, có khả năng thay đổi các

---

[1]Cuộc thảo luận sau đây về các phương pháp đấu tranh bất bạo động – và đặc biệt là bất hợp tác -- được dựa theo cuốn *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action* ] của Sharp rất nhiều, tt. 109-445.

tương quan lực lượng xã hội, kinh tế và chính trị. Có vô số những phương pháp như thế. Bây giờ chúng ta hãy duyệt lại ba loại phương pháp mà chúng tôi đã liệt kê ở chương Bốn, bằng cách lưu ý đặc biết đến tác dụng tiềm năng của bất hợp tác.

**Phản đối và thuyết phục bất bạo động**

Loại phương pháp phản đối và thuyết phục bất bạo động bao gồm chủ yếu những hành động có tính biểu tượng cho sự chống đối hay cố gắng thuyết phục một cách ôn hoà, vượt quá lằn mức diễn đạt bằng lời nói nhưng chưa phải là bất hợp tác hay can thiệp bất bạo động. Trong số những phương pháp này là diễn hành, đêm không ngủ, hàng rào cản, hội luận, để tang, và các mít tinh phản đối. Ví dụ làm hàng rào cản có thể biểu lộ sự phản đối một đạo luật bó buộc sự phân phát một tài liệu nào đó. Những phương pháp thuộc loại này cũng có thể được áp dụng để biểu lộ hỗ trợ *cho* một điều gì. Ví dụ vận động hành lang từng nhóm có thể hỗ trợ một dự án luật đang bị ngâm ở quốc hội. Phản đối và thuyết phục bất bạo động cũng có thể biểu lộ những cảm xúc riêng tư sâu đậm hay sự kết án có tính đạo đức đối với một vấn đề xã hội hay chính trị. Ví dụ một đêm không ngủ vào Ngày Hiroshima có thể biểu lộ sự ăn năn hối lỗi đối với việc Mỹ thả bom nguyên tử xuống thành phố Nhật bản vào ngày 6 tháng 8 năm 1945. Vấn đề quan tâm của những người phản đối bất bạo động có thể là một hành động, một đạo luật, một chính sách, một tình trạng tổng quát, hay là toàn bộ chế độ hay hệ thống nào đó.

Hành vi phản đối có thể chủ yếu nhằm tạo ảnh hưởng đối với *đối phương* -- bằng cách gây sự chú ý và quảng bá cho một vấn đề, với hi vọng thuyết phục được đối phương chấp nhận sự thay đổi đề nghị. Hay là, sự phản đối có thể nhằm cảnh báo đối phương về chiều sâu hay mức độ cảm xúc đối với một vấn đề, điều có thể dẫn đến hành động trầm trọng hơn nếu sự thay đổi mà những người phản đối mong muốn không được thoả mãn. Hay là, hành động có thể chỉ chủ yếu  nhằm tạo ảnh hưởng đối với *nhóm khiếu nại*-- những người trực tiếp bị ảnh hưởng bởi vấn đề tranh cãi được nêu ra -- để khuyến khích họ phải tự hành động, như là tham gia vào một cuộc đình công hay là một cuộc tẩy chay kinh tế. Đôi khi một phương pháp thuộc loại phản đối và thuyết phục, như là một cuộc hành hương, chẳng hạn, cũng có thể được liên kết với một sinh hoạt khác, như là xin tiền trợ giúp nạn nhân nạn đói chẳng hạn. Hay là, kết thân với địch

trong bối cảnh đối kháng có thể nhằm khuyến dụ quân xâm lược nổi loạn sau này.

Ngoại trừ khi được hỗn hợp với những phương pháp khác, những phương pháp phản đối và thuyết phục thường là những hình thức biểu lộ một quan điểm, hay là một nỗ lực hành động nhằm gây ảnh hưởng đối với người khác, mong họ chấp nhận một quan điểm hay thực hiện một hành động cụ thể nào đó. Nỗ lực này khác biệt với những áp lực về xã hội, kinh tế, và chính trị được áp đặt bởi các phương pháp bất hợp tác và can thiệp bất bạo động.

Có những hoàn cảnh chính trị mà trong đó một vài hình thức phản đối bất bạo động, như tuần hành chẳng hạn, là bất hợp pháp. Trong những hoàn cảnh như thế thì những phương pháp này cần nên nhập với bất tuân dân sự và có thể với những hình thức bất hợp tác khác.

Tác dụng của những phương pháp phản đối và thuyết phục bất bạo động sẽ biến đổi rất nhiều. Hơn nữa, ở những nơi nào mà một phương pháp nào đó thông dụng thì tác dụng của nó có thể ít hơn là ở những nơi mà phương pháp đó từ trước đến nay hiếm hoi hay không được biết đến. Những điều kiện chính trị mà trong đó phương pháp được áp dụng sẽ có chiều hướng ảnh hưởng đến tác dụng của phương pháp đó. Những điều kiện độc tài làm cho hành vi phản đối và thuyết phục khó thực hiện hơn, nguy hiểm hơn, và hiếm hoi hơn. Do đó, một hành động bị cấm đoán và ít xảy ra hơn có thể tạo được ấn tượng mạnh hơn và gây được sự chú ý nhiều hơn là trong những điều kiện mà hành động đó thông thường và được chấp nhận. Những hình thức biểu lộ phản đối và thuyết phục có thể đi trước hay song hành với bất hợp tác hay can thiệp bất bạo động, hoặc có thể được áp dụng mà không có những phương pháp này.

### Những phương pháp bất hợp tác

Bất hợp tác là loại thứ hai và là loại lớn nhất trong các phương pháp đấu tranh bất bạo động. Những phương pháp đấu tranh bất bạo động liên hệ hết sức nhiều đến bất hợp tác với đối phương. Những phương pháp bất hợp tác này là những hành động cố tình siết lại, ngưng tiếp tục, hoặc giữ lại sự hợp tác về xã hội, kinh tế, hoặc chính trị với một người, một sinh hoạt, một chính sách, một cơ chế hay một chế độ mà những người đối kháng đã dấn thân vào cuộc đấu tranh với những đối tượng này. Những người đối kháng có thể giảm bớt hoặc ngưng sự hợp tác hiện có, hay là

họ có thể giữ lại những hình thức hỗ trợ mới, hay là cả hai. Bất hợp tác có thể do tự phát hay được chuẩn bị, và có thể hợp pháp hay bất hợp pháp.

Với một vài hình thức bất hợp tác, người ta có thể hoàn toàn lờ đi những thành viên của nhóm đối nghịch, không để ý đến họ, xem như họ không hiện hữu. Đối với những hình thức bất hợp tác khác thì người ta có thể từ chối mua một số sản phẩm nào đó chẳng hạn, hoặc có thể ngưng làm việc. Những người đối kháng có thể bất tuân thủ những luật pháp mà họ xem là vô đạo đức, từ chối giải tán một cuộc biểu tình trên đường phố, hay khước từ trả thuế.

Bằng cách áp dụng những phương pháp thuộc loại này, những người đối kháng thường có thể sử dụng những vai trò thông thường của họ trong xã hội như là những phương tiện đối kháng. Ví dụ, giới tiêu thụ từ chối mua sắm, giới lao động từ chối làm việc, công dân không tuân theo lệnh và thực thi bất tuân dân sự, công chức bê trễ và lơ là những chính sách và lệnh bất hợp lệ, cảnh sát và các quan toà từ chối thi hành những chỉ thị bất hợp pháp, và còn nhiều nữa đối với vô số vai trò và những sinh hoạt thường lệ.

Bất bạo động ở một tầm mức rộng lớn hay ở những điểm chủ chốt đưa đến một sự trì chậm hay ngưng hẳn những hoạt động bình thường của những đơn vị trọng yếu, của cơ chế, của chính quyền hay của xã hội. Với những áp dụng rất cực đoan của những phương pháp bất hợp tác kiên quyết và phổ quát, thì ngay cả một chế độ hết sức áp bức cũng chỉ có thể tan rả ra thành từng mảnh. Tác dụng này của bất bạo động có thể được tạo nên bằng cách siết lại thật gắt và thật kiên quyết hoặc giữ lại những nguồn sức mạnh chính trị như đã được trình bày ở Chương Hai.

Mức độ bất hợp tác được thực thi và những hình thức chính xác của bất hợp tác biến đổi rất nhiều. Bất hợp tác gồm có ba hạng nhỏ hơn: bất hợp tác xã hội, bất hợp tác kinh tế (những vụ tẩy chay và đình công kinh tế), và bất hợp tác chính trị.

### Bất hợp tác xã hội

Những phương pháp này bao gồm một sự từ chối tiếp tục những liên hệ xã hội, hoặc đặc biệt hoặc tổng quát, với những người hay nhóm người được xem như là đã làm điều sai quấy hay bất công. Những phương pháp này cũng có thể bao gồm một sự từ chối tuân thủ một số mẫu mực về hành vi nào đó hay những thông lệ của xã hội. Những

phương pháp này gồm có việc khai trừ, bất hợp tác trong những sinh hoạt xã hội, hay rút lui khỏi hệ thống xã hội như là một phương thức biểu lộ chống đối. Tác dụng của những phương pháp này tuỳ thuộc vào tầm quan trọng có trước của những mối liên hệ xã hội bị ảnh hưởng.

### Bất hợp tác kinh tế

Những hình thức bất hợp tác kinh tế nhiều hơn rất nhiều so với những hình thức bất hợp tác xã hội. Bất hợp tác kinh tế bao gồm ngưng những liên hệ kinh tế. Loại bất hợp tác nhỏ hơn như là một tiểu mục đầu tiên là *tẩy chay kinh tế* -- sự từ chối tiếp tục hay dấn thân vào những liên hệ kinh tế nào đó, đặc biệt như là mua, bán, hoặc chăm lo hàng hoá và dịch vụ.

Tẩy chay kinh tế có thể tự phát, hoặc có thể được cố tình khởi động bởi một nhóm nào đó. Trong cả hai trường hợp, tẩy chay kinh tế thường trở thành những nỗ lực có tổ chức nhằm rút lui, và khuyến dụ những người khác rút lui không hợp tác kinh tế bằng cách siết lại việc mua và bán với một cá nhân, một nhóm người hay một quốc gia.

Tẩy chay kinh tế đã từng được thực hiện bởi giới tiêu thụ, công nhân và các nhà sản xuất, giới trung gian, sở hữu chủ và giới quản trị, những người nắm các nguồn tài chánh, và các chính quyền. Những vấn đề tranh cãi trong những vụ tẩy chay kinh tế thông thường là về kinh tế, nhưng không khẩn thiết là như vậy. Chúng có thể là về chính trị, chẳng hạn. Những động lực và mục tiêu của những vụ tẩy chay kinh tế đã từng chuyển biến từ kinh tế và chính trị sang xã hội và văn hoá.

Loại tiểu mục thứ hai của bất hợp tác kinh tế bao gồm nhiều hình thức khác nhau về *đình công*, nghĩa là giới hạn hay ngưng công việc. Đình công bao hàm một sự chối từ hợp tác kinh tế qua việc làm. Đó là một sự ngưng công việc tập thể, cố tình – và thông thường là tạm thời -- được thiết kế nhằm tạo áp lực đối với những người khác trong cùng một đơn vị kinh tế, chính trị, và, đôi khi, trong cùng một đơn vị xã hội và văn hoá. Khi đình công nhằm tạo một thay đổi nào đó trong những mối liên hệ giữa các nhóm xung đột, thì thường thường việc chấp thuận một số yêu sách nào đó do những người đối kháng đòi hỏi là tiền điều kiện cho việc họ trở lại làm việc.

Bản chất tập thể của đình công đem lại cho loại bất hợp tác này những điểm đặc thù và sức mạnh của nó. Những cuộc đình công thường được gắn liền với những tổ chức kĩ nghệ tân tiến. Tuy nhiên, đình công cũng

xảy ra trong những xã hội nông nghiệp và trong nhiều hoàn cảnh khác biệt. Đình công có thể xảy ra bất cứ nơi nào có người làm việc cho người khác.

Đình công hầu như luôn luôn có mục đích rõ rệt, trong ý nghĩa ủng hộ hay chống đối một vấn đề tranh chấp quan trọng đối với những người đình công. Trên lí thuyết thì bất cứ số người làm việc là bao nhiêu cũng có thể cùng nhau hành động để đình công được, nhưng trên thực tế thì số người đình công cần phải nhiều đủ mới có thể gây rối ren một cách trầm trọng, hoặc gây ngưng đọng hoàn toàn cho sự vận hành liên tục của ít nhất là một đơn vị kinh tế đặc biệt nào đó. Cũng như với bạo động và những hình thức mạnh mẽ của hành động bất bạo động thay thế cho bạo động, một sự đe doạ đình công trọng yếu có thể đủ để đem lại những nhượng bộ từ phía đối phương. Những cuộc đình công có thể tự phát hoặc được chuẩn bị.

Đình công đã từng mang hình thức của những cuộc đình công có tính biểu tượng, đình công nông nghiệp, đình công bởi những nhóm đặc biệt, đình công kỉ nghệ thông thường, đình công có giới hạn, đình công liên kĩ nghệ, và hỗn hợp các loại đình công và ngưng các sinh hoạt kinh tế.

**Bất hợp tác chính trị**

Những phương pháp bất hợp tác chính trị có nghĩa là từ chối tiếp tục các hình thức tham gia chính trị thông thường với những điều kiện hiện hữu. Đôi khi những phương pháp này được gọi là tẩy chay chính trị. Những cá nhân hay những nhóm nhỏ có thể thực hành các phương pháp thuộc loại này. Tuy nhiên, thông thường thì bất hợp tác chính trị cần đông người để các công ti có thể đồng loạt, và thường là tạm thời, ngừng lại sự tuân phục, hợp tác, và các hành vi chính trị thường lệ. Bất hợp tác chính trị cũng còn có thể được thực hiện bởi nhân viên của chính quyền – hay bởi ngay cả chính chính quyền nữa.

Mục đích của bất hợp tác chính trị có thể chỉ là để phản đối, hoặc có thể là để tự tách mình ra khỏi một vấn đề bị xem như là đáng chê trách theo quan điểm đạo đức hoặc chính trị mà không đắn đo nhiều về hậu quả. Tuy nhiên, thường xuyên hơn thì một hành động bất hợp tác bất bạo động được thiết kế để tạo áp lực rõ rệt đối với chính quyền, hay đối với một nhóm người bất hợp pháp cố tìm cách giành quyền kiểm soát bộ máy chính quyền. Bất hợp tác chính trị có thể nhắm đến việc đạt cho được một

mục tiêu giới hạn nào đó hay là một sự thay đổi trong những chính sách rộng lớn hơn của chính quyền. Hay là, mục đích có thể là để thay đổi bản chất hay là thành phần của chính quyền, hay ngay cả làm sụp đổ chính quyền đó. Nơi nào bất hợp tác chính trị được thực hiện chống lại những người tiếm vị nội bộ, như trong trường hợp một cuộc đảo chánh, thì mục đích sẽ là để phòng vệ và phục hồi chính quyền hợp pháp.

Ý nghĩa chính trị của những phương pháp này gia tăng theo tỉ lệ của cả số lượng người tham gia lẫn sự cộng tác cần có của những người này đối với sự điều hành của hệ thống chính trị. Trong những cuộc đấu tranh thực sự, loại phương pháp này thường xuyên được sử dụng hỗn hợp với những hình thức đấu tranh bất bạo động khác.

Bất hợp tác chính trị có thể mang vô số hình thái biểu lộ khác nhau, tuỳ thuộc vào từng hoàn cảnh. Căn bản là tất cả mọi biểu lộ đều bắt nguồn từ ước muốn không hỗ trợ đối phương bằng cách thực hiện hay ngưng lại một số loại hành vi chính trị nào đó.

Bất hợp tác chính trị gồm có những phương pháp phủ nhận uy quyền, công dân bất hợp tác với chính quyền, những giải pháp của công dân thay thế cho tuân phục, hành động bởi nhân viên chính quyền, hành động của chính quyền tại quốc nội, hành động của chính quyền ở cấp độ quốc tế.

### Can thiệp bất bạo động

Những phương pháp can thiệp bất bạo động mang một sắc thái đặc biệt là những người đối kháng bất bạo động sử dụng những phương pháp này giành sáng kiến nhiều hơn là những phương pháp phản đối và thuyết phục bất bạo động và những phương pháp bất hợp tác. Những phương pháp can thiệp bất bạo động có thể được sử dụng vừa để phòng thủ -- để đánh bại một cuộc tấn công của đối phương bằng cách duy trì sáng kiến độc lập, những mẫu mực hành tác, những cơ chế tổ chức, hay những điều tương tự -- vừa để tấn công -- để mang cuộc đấu tranh tranh thủ những mục tiêu của những người đối kháng vào tận sào huyệt của đối phương, ngay cả khi không có một thách thức trực tiếp nào cả. Một cách tổng quát thì những phương pháp can thiệp bất bạo động mạo hiểm cho những người tham dự hơn là những phương pháp phản đối và thuyết phục bất bạo động hay những phương pháp bất hợp tác. Hơn nữa, tự bản chất, hầu hết những phương pháp can thiệp bất bạo động chỉ có thể

thực hiện được bởi một số người giới hạn trong một khoảng thời gian giới hạn mà thôi. Như vậy, một phần là vì hình thức của hành động được khởi động và phần khác là vì những người tham dự phải chứng tỏ can đảm và kỉ luật nhiều hơn là sự can đảm và kỉ luật thường được đòi hỏi ở những người tham dự đình công, chẳng hạn.

Can thiệp bất bạo động đã từng mang những hình thái can thiệp về tâm lí, về thể xác, về xã hội, về kinh tế, và về chính trị. Tác dụng của chúng có thể khác với hình thái được sử dụng. Can thiệp về tâm lí (tuyệt thực chẳng hạn) có thể có một tác dụng chính trị. Một sự can thiệp về thể xác (như ngồi xuống trên đường phố hay ở văn phòng) cũng có thể khẳng định một chính kiến. Can thiệp về xã hội (ví dụ, việc thiết lập những quan hệ mới đã vi phạm phân biệt chủng tộc và sắc tộc) có thể có những hậu quả tâm lí hoặc chính trị.

Những phương pháp này có thể làm gián đoạn, hay ngay cả phá vỡ, những mẫu mực về hành vi, những chính sách, các mối quan hệ, hay là những cơ chế bị xem là đáng chê trách. Hay là, chúng có thể tạo ra những mẫu mực về hành vi, những chính sách, các mối quan hệ, và những cơ chế mới được yêu chuộng hơn.

So với những phương pháp thuộc các loại phản đối và thuyết phục và bất hợp tác, thì một số các phương pháp can thiệp bất bạo động đưa ra một sự thách thức trực tiếp và tức tốc hơn đối với hiện trạng. Ví dụ, can thiệp bằng cách biểu-tình-ngồi tại một quầy hàng ăn trưa sẽ làm gián đoạn tức khắc và trọn vẹn mô hình dịch vụ hiện hành hơn là làm hàng rào cản hay là tẩy chay bởi giới tiêu thụ, chẳng hạn, mặc dù mục tiêu của cả hai loại hành động này đều là để chấm dứt phân biệt chủng tộc. Mặc dù sự thách thức của những phương pháp can thiệp trực tiếp hơn, nhưng thành công không khẩn thiết phải nhanh hơn, một phần là bởi vì đàn áp tàn bạo hơn có thể là kết quả đầu tiên -- một điều mà dĩ nhiên không khẩn thiết có nghĩa là thất bại. Kiên trì trong những phương pháp can thiệp có thể vừa là một đòi hỏi vừa gây tổn thất nhiều hơn cho những người đối kháng. Nếu họ không sẵn lòng trả cái giá này thì cuộc đấu tranh có thể kết thúc một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, với sự kiên quyết và có lẽ với số người tham gia được tăng lên, thì chiến thắng có thể đôi khi (chứ không phải luôn luôn) đến nhanh hơn bằng cách sử dụng những phương pháp thuộc loại này hơn là sử dụng những phương pháp phản đối và bất hợp tác, bởi vì những hiệu quả gây rối ren của những phương pháp can thiệp

làm cho đối phương khó tha thứ hay chịu đựng hơn, trong một thời hạn lâu dài.

Trong hầu hết các trường hợp, sử dụng những phương pháp can thiệp bất bạo động có thể tạo được thay đổi bằng những phương thức thích nghi hoặc cưỡng ép bất bạo động, mà không cần đối phương phải được thuyết phục là họ có bổn phận phải thay đổi chính sách có vấn đề của họ. Tuy nhiên, một số trong số những phương pháp này (đặc biệt là những phương pháp được xếp loại như là những phương pháp can thiệp về tâm lí, như tuyệt thực chẳng hạn) có thể đóng góp vào việc cải hoá đối phương, hay ít nhất là vào việc đối phương trở nên ít chắc chắn hơn về giá trị của những quan điểm và chính sách của họ trước đây. Những phương thức cải hoá, thích nghi, cưỡng ép bất bạo động, và phân huỷ này sẽ được bàn đến trong chương tới.

### Tác dụng chính yếu của bất hợp tác

Việc duyệt lại các loại phương pháp đấu tranh bất bạo động hẳn đã cho thấy rõ là những áp lực tạo nên bởi mỗi phương pháp đều có công hiệu dù cho nhu thuật chính trị có phải là một nhân tố quan trọng trong một cuộc đấu tranh nào đó hay không.

Thêm nữa, những đối thủ mạnh và quyết tâm có thể chịu đựng những áp lực có tính thuyết phục và đạo đức của những phương pháp phản đối và thuyết phục và những hành động khiêu khích hơn nữa của những phương pháp can thiệp bất bạo động một cách dễ dàng hơn là chịu đựng tác dụng đều đặn của những áp dụng mạnh mẽ về kinh tế và chính trị của những phương pháp bất hợp tác.

Những cách thức bất hợp tác tung sức mạnh của mình ra sẽ  biến đổi tuỳ theo từng hoàn cảnh xung đột, tuỳ theo chiến lược được chọn của những người đối kháng, và tuỳ theo những hình thái áp lực mà họ đã chọn để áp dụng. Tuy nhiên, đối phương sẽ gặp một khó khăn hết sức trầm trọng nếu

- những mô thức và cơ chế xã hội, kinh tế, và chính trị trước đây nay không còn sinh hoạt như trước nữa;

- những người, những nhóm người và những tổ chức thường được đòi hỏi phải điều hành hệ thống, thực thi những chính sách và

chương trình của đối phương, và bắt buộc người dân tuân phục, từ chối làm những việc này;

- những chương trình, chính sách, và cấu trúc mới của đối phương bị chết yểu từ trong trứng nước;

- sự cung cấp các nguồn sức mạnh cho đối phương bị suy yếu một cách trầm trọng hay là bị cắt đứt hẳn; và

- những điều kiện này vẫn cứ tiếp diễn mặc dù bị đàn áp trả thù.

Những người đối kháng lúc bấy giờ ở trong thế mạnh. Bao giờ bất hợp tác có thể còn tiếp diễn và những người đối kháng vẫn duy trì được sức mạnh của mình, thì sẽ có một cơ hội tuyệt diệu là họ sẽ tranh thủ được những mục tiêu của mình.

**Nhu thuật chính trị**

Đấu tranh bất bạo động vận hành như thể là đã được đặc biệt thiết kế để được tung ra chống lại những đối thủ có khả năng và sẵn lòng sử dụng đàn áp bằng bạo lực. Đấu tranh bất bạo động chống lại đàn áp bằng vũ lực tạo nên một hoàn cảnh xung đột đặc biệt, bất cân xứng. Trong hoàn cảnh này, đàn áp không khẩn thiết sẽ bóp nghẹt được đối kháng.

Trong một vài cuộc đấu tranh bất bạo động, không phải là tất cả, những người đối kháng bất bạo động có thể sử dụng sự bất cân xứng này trên một bình diện chính trị tương tự như môn võ thuật chiến đấu cá nhân của Nhật bản, môn nhu thuật. Trong môn nhu thuật cổ truyền, sự xô đẩy vũ lực của kẻ tấn công không được ngăn chặn hay xô đẩy ngược trở lại bằng vũ lực. Ngược lại, người bị tấn công kéo địch thủ về phía trước theo hướng người tấn công khởi sự đánh. Điều này sẽ làm đối phương mất thăng bằng và ngã về phía trước như là kết quả của lực gia tốc gây nên bởi sự xô đẩy về phía trước của chính người tấn công.

Trong một ý nghĩa tương tự, trong nhu thuật chính trị sự tấn công vũ lực của đối phương không được đối đầu bằng vũ lực phản công, mà ngược lại bằng thách đố bất bạo động. Điều này có thể làm cho sự đàn áp vũ lực của họ dội ngược trở lại đánh vào vị thế của chính họ, làm suy yếu sức mạnh của họ, và còn tăng cường sức mạnh của những người đối kháng. Điều này cũng còn có thể làm cho những thành phần thứ ba quay

trở lại chống đối phương, tạo chống đối nội bộ trong hàng ngũ những người thường ủng hộ đối phương, và ngay cả kéo họ về ủng hộ những người đối kháng.

Không có gì bảo đảm ở đây cả. Kết quả của một cuộc đấu tranh tuỳ thuộc vào nhiều nhân tố quan trọng khác nhau, cũng như những kết quả của một cuộc chiến quân sự vậy. Tuy nhiên, những hiệu quả tiềm năng của việc vận dụng nhu thuật chính trị quan trọng đến mức người ta thấy rất cần phải thông hiểu quán triệt tiến trình này. Trong một cuộc đấu tranh thực sự, nên thử điều hợp tiến trình này có thể là một điều khôn ngoan.

Để tất cả những thay đổi nói trên có thể xảy ra, những người đối kháng bất bạo động phải khước từ sử dụng vũ lực, vì đó là nơi mà đối phương mạnh hơn cả. Sử dụng vũ lực cho phép tiên đoán là sự chuyển đổi quyền lực trở nên khó khăn hơn nhiều. Thay vì sử dụng vũ lực, những người đối kháng phải tiếp tục chỉ sử dụng những vũ khí bất bạo động mà thôi, lãnh vực mà họ mạnh hơn. Sự kiên quyết này có khả năng gia tăng tiềm lực của họ.

### Dùng sức mạnh của đối phương để làm suy yếu họ

Khi đàn áp tàn bạo giáng xuống những người đối kháng thuần nhất bất bạo động thì điều này có thể làm cho đối phương bị vạch trần ra trong một tình huống tệ hại hơn cả. Sự vạch trần này lại có thể đưa đến những chuyển đổi ý kiến, rồi hành động, và sau cùng là những chuyển đổi về tương quan lực lượng thuận lợi cho nhóm đấu tranh bất bạo động. Những chuyển đổi này xảy ra như là kết quả của việc rút lui các hỗ trợ cho đối phương, trong lúc các hỗ trợ cho nhóm bất bạo động trở nên mạnh hơn. Việc những người đối kháng duy trì được kỉ luật bất bạo động sẽ giúp làm cho sự đàn áp của đối phương dội ngược trở lại và quật đối phương mất thăng bằng theo ý nghĩa chính trị.

Nhu thuật chính trị có công hiệu chỉ trong một vài trường hợp, nơi mà những bạo tàn khốc liệt được giáng xuống những người đối kháng mà rõ ràng họ là những người bất bạo động và can đảm. Có lúc, nhu thuật chính trị không công hiệu chút nào cả, hay chỉ công hiệu trong một hay hai trong ba cách có thể có được. Và ngay cả khi như vậy, nhu thuật chính trị có thể chỉ công hiệu phần nào thôi, và không phải là nhân tố chính yếu quyết định kết quả của cuộc đấu tranh.

Nhu thuật chính trị vận hành trong ba nhóm tổng quát:

- Đại thể nhóm khiếu nại và nhóm những người đối kháng thường có ít người hơn

- Những người thường hỗ trợ đối phương, ở nhiều cấp khác nhau, bao gồm trong số đại thể dân chúng, những công chức, những nhà quản trị, và những nhân viên công lực của đối phương, và nhiều lúc ngay cả những giới chức cao cấp nhất

- Những thành phần thứ ba chưa cam kết, ở cấp quốc nội hay cấp quốc tế

**Gia tăng sự hỗ trợ và tham gia của nhóm khiếu nại**

Đàn áp khốc liệt thường có hiệu quả hăm dọa đối với những người đối kháng bất bạo động. Ví dụ, mặc dù có nhiều hành động thách đố nổi tiếng rải rác khắp Bắc Kinh tiếp theo sau vụ tàn sát ở Quãng Trường Thiên An Môn đêm mồng 4 và mồng 5 tháng Sáu, 1989, như những cố gắng chặn các ngả tư đường, những nỗ lực này còn quá giới hạn để có thể phát động thành một cuộc đấu tranh rộng lớn sử dụng những hình thức bất hợp tác một cách phổ quát và kiên quyết. Tuy nhiên, những phản ứng giới hạn như thế đối với đàn áp khốc liệt không phải là phản ứng phổ quát trong tất cả mọi cuộc đấu tranh bất bạo động.

Trong một trường hợp khác, một cuộc tàn sát tương tự đã xảy ra vào ngày 9 tháng Giêng, 1905, tại St.Petersburg đưa đến một cuộc cách mạng tầm cỡ mà đáng lẽ ra trước đó không thể xảy ra được[2].

Nghiên cứu kĩ lưỡng những điều kiện đưa đến những phản ứng khác biệt nhau này là một điều đáng làm.

Đôi khi đàn áp khốc liệt chống lại những người đối kháng bất bạo động can đảm sẽ thúc đẩy một số lớn người từ tổng thể nhóm khiếu nại tham gia phong trào hoạt động đối kháng. Đã từng có những thí dụ về sự gia tăng con số những người đối kháng từ những cuộc đấu tranh bất bạo động khác nhau, gồm có phong trào đối kháng Na-Uy chống lại sự chiếm

---

[2]Xem các trích đoạn và trích chiếu của Gene Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* (Boston, Massachusett: Porter Sargent, 1973), tt. 679-580.

đóng của Đức quốc xã, những cuộc đấu tranh về dân quyền của Mỹ, cuộc đấu tranh năm 1944 chống lại nền độc tài tại El Salvador, và những cuộc đấu tranh của người Ấn Độ giành lại độc lập từ đế quốc Anh.

Đàn áp có thể hợp pháp hoá phong trào đối kháng bởi vì đàn áp "đào sâu hố bất công" và "phát hiện bản chất thực sự của đối phương." Những hậu quả của điều này có thể tăng cường đối kháng bằng hai cách. Sự quyết tâm của những người đối kháng bất bạo động hiện hữu có thể tăng cường độ, và họ có thể sẵn lòng thực thi những hành động quá khích và nguy hiểm hơn. Và, những cứ điểm từ đó phong trào đối kháng xuất phát có thể được nới rộng. Thêm vào đó, những thành viên của nhóm khiếu nại rộng lớn hơn có thể quyết định vào những lúc như thế là họ sẽ không còn đứng quan sát từ bên lề nữa, mà ngược lại sẽ trực tiếp tham gia vào phong trào đối kháng. Tiến trình này sẽ làm gia tăng con số những người đối kháng.

Việc đàn áp có đem lại những hậu quả như vậy hay không thay đổi từ trường hợp này đến trường hợp khác. Tuy nhiên, hành vi có chiều hướng đem lại những hiệu quả của nhu thuật chính trị thì cũng cùng loại hành vi có tính khôn ngoan, nếu những người đối kháng nhắm đến chiến thắng. Nghĩa là, những người đối kháng phải chịu đựng đàn áp, duy trì đối kháng và kỉ luật bất bạo động, và theo sát kế hoạch chiến lược của cuộc đấu tranh. Những người đối kháng có lúc có thể thay đổi một cách khôn ngoan những phương pháp đặc biệt mà họ đang sử dụng, nhưng phong trào đối kháng không thể sụp đổ nếu họ không dùng đến bạo lực.

### Tạo bất đồng ý kiến và chống đối ngay trong nhóm đối phương

Đàn áp khốc liệt chống lại những người đối kháng bạo động sẽ không khơi động phản đối và chống đối từ những người hay nhóm người trong hàng ngũ đối phương. Những người hay nhóm người này có thể xem sự gia trọng của đàn áp là cần thiết hay chính đáng. Ngược lại, đàn áp quá khích chống lại những người đối kháng bất bạo động ***có*** chiều hướng tạo chống đối trong hàng ngũ đối phương hơn. Đàn áp tàn bạo chống lại những người đối kháng bất bạo động có thể được xem là không hợp lí, ghê tởm, và vô nhân đạo, hay là có hại cho chính xã hội của đối phương.

Khi những người đối kháng không bạo động thì dễ dàng hơn cho những thành viên của nhóm đối phương khuyến cáo cẩn trọng trong việc giải quyết tình thế, hay là đề nghị những phản ứng khác hơn là những

biện pháp đàn áp hiện hành, hay ngay cả tỏ bất đồng ý kiến với chính sách đang có vấn đề. Đàn áp nặng nề có thể được xem như là cái giá quá cao phải trả cho sự tiếp tục từ chối những đòi hỏi của nhóm bất bạo động.

Có người đã từng lí luận là tác dụng của những cuộc đấu tranh bất bạo động ở Ấn Độ trong những thập niên 1920, 1930 và 1940 lớn hơn bởi vì người Anh là những "người lịch sự." Do đó một vài người Anh đã phản đối việc đánh đập và giết chóc những người đối kháng bất bạo động Ấn Độ. Lí giải này không đúng. Quần chúng Anh đã không phản đối vụ đàn áp khốc liệt những người đối kháng bạo động Mau Mau ở Kenya dưới sự thống trị của người Anh trong những thập niên 1950 hay những vụ dội bom càn quét những quận cư dân người Đức trong Đệ Nhị Thế Chiến. Sự chọn lựa của người Ấn sử dụng đấu tranh bất bạo động thay vì bạo lực đã thúc đẩy rất mạnh các phản đối chống lại đàn áp khốc liệt. Những đám đông công nhân xưởng dệt ở Lancashire còn mừng đón Gandhi khi ông viếng thăm họ trong lúc ông ở nước Anh năm 1931, dù rằng công ăn việc làm của họ bị ảnh hưởng nặng bởi vụ Ấn Độ tẩy chay hàng vải của Anh và của những quốc gia khác.

Tác dụng của đàn áp chống lại những người đối kháng bất bạo động đối với những thành viên của nhóm đối phương có thể mang nhiều hình thái tích cực.

## A. Chất vấn về đàn áp lẫn lí do đàn áp

Trong một hoàn cảnh xung đột bất cân xứng – đàn áp bằng vũ lực chống lại đấu tranh bất bạo động – vài thành viên trong dân số của đối phương và những người thường ủng hộ họ có thể bắt đầu đặt câu hỏi về việc đàn áp bằng vũ lực chống lại những người đối kháng bất bạo động và cũng xét lại những vấn đề tranh chấp được nêu ra trong cuộc xung đột. Những thành viên của nhóm đối phương có thể có những phản ứng như sau:

- những cảm giác là đàn áp và những bạo tàn có thể có là quá đáng và nhượng bộ tốt hơn là tiếp tục đàn áp

- một cách nhìn đã được thay đổi về bản chất của chế độ, có thể dẫn đến một niềm tin mới hoặc được tăng cường là cần phải có những thay đổi nội bộ quan trọng

- cảm tình tích cực đối với nhóm bất bạo động và lí tưởng đấu tranh của họ

- nhiều loại hỗ trợ tích cực cho lí tưởng đấu tranh của nhóm khiếu nại và phụ trợ những người đối kháng bất bạo động

## B. Đào ngũ trong nhóm đối phương

Sự ghê tởm đối với sự tàn ác của đàn áp chống lại những người đối kháng bất bạo động có lúc đã từng làm cho những người phục vụ trong chính quyền của đối phương, cảnh sát, hoặc lực lượng quân đội đặt vấn đề về lí do và các phương tiện đối phương sử dụng để kiềm chế những người đối kháng. Điều này có thể đưa đến kết quả là sự cảm thấy khó chịu, bất đồng ý kiến, và ngay cả rời bỏ hàng ngũ và bất tuân giữa những thành viên của nhóm đối phương[3].

## C. Nổi loạn

Rời bỏ hàng ngũ đôi khi lan đến cảnh sát và quân đội, những người có bổn phận thực thi đàn áp. Họ có thể cố tình trở nên vô hiệu năng khi thi hành lệnh, hoặc ngay cả có thể nổi loạn. Đôi lúc chỉ có những cá nhân bất tuân và đào nhiệm, nhưng cũng có những trường hợp trong lịch sử về những đơn vị quân đội toàn bộ đào ngũ và theo lí tưởng đấu tranh của những người đối kháng bất bạo động.

## D. Rạn nứt trong chế độ của đối phương

Những tàn ác chống lại những người đối kháng bất bạo động đôi khi cũng có thể đưa đến việc làm cho chế độ của đối phương rạn nứt thành những

---

[3] Ý thức rằng đàn áp tàn bạo có thể đem lại những khó khăn trầm trọng cho nhóm đối phương, một vài người đối kháng bất bạo động có thể cố tình làm những hành động khiêu khích mong rằng sự đàn áp tàn bạo sẽ làm cho nhiều người rời bỏ hàng ngũ đối phương. Thêm nữa, nhóm bất bạo động có thể trực tiếp kêu gọi sự hỗ trợ của những thành viên của nhóm đối phương. Đôi khi, những rạn nứt mới được tạo ra, lúc khác thì những rạn nứt cũ trở nên trầm trọng hơn. Ngược lại, bạo động bởi những người đối kháng thường có khuynh hướng tạo đoàn kết trong nhóm đối phương. Một nguyên tắc chiến lược sâu sắc là không để đối phương đoàn kết chống lại mình. Khôn ngoan là làm trầm trọng những vấn đề nội bộ và chia rẽ trong hàng ngũ đối phương, và tạo tiềm năng tranh thủ chấp nhận – và ngay cả hỗ trợ cho lập trường của mình.

phe phái có những quan điểm khác nhau về chính sách, phương tiện kiểm soát, và các vấn đề về nhân viên. Những cá nhân hay nhóm có những cạnh tranh cá nhân ủ ấp lâu ngày lúc này có thể biểu lộ những cạnh tranh này qua những khác biệt chính đáng về chính sách.

**Lấy lòng những thành phần thứ ba chưa cam kết**

Đàn áp những người đối kháng bất bạo động đôi khi có thể lôi cuốn được sự lưu ý của quảng đại quần chúng và ngay cả của quốc tế đối với cuộc đấu tranh và có thể khơi động thiện cảm tốt đẹp đối với nhóm bất bạo động đang phải chịu khốn khổ. Sự lưu tâm phổ quát này bắt buộc các nhà lãnh đạo của đối phương phải cắt nghĩa hay biện minh cho những chính sách của họ.

Tuy nhiên, chỉ "ý kiến quần chúng" thuận lợi cho những người đối kháng không mà thôi sẽ không đưa đến chiến thắng. Nhóm bất bạo động đừng nên mong đợi sự chuyển đổi ý kiến và hỗ trợ như thế xảy ra, nói chi đến việc nhóm đối phương sẽ nhượng bộ chỉ vì những chuyển đổi như thế. Ví dụ, mặc dù cả thế giới bất bình sau vụ tàn sát tại Thiên An Môn vào tháng Sáu năm 1989, những giới chức Trung Hoa trong bao nhiêu năm nay vẫn từ chối thừa nhận lỗi lầm về những hành động của họ.

Thường thường thì những đối thủ quyết tâm có thể lờ đi ý kiến thù nghịch cho đến khi hay ngoại trừ ý kiến này đưa đến, hay đe doạ, những chuyển đổi về tương quan lực lượng. Tuy nhiên, khi sự bất mãn quốc tế đã chuyển thành hành động cụ thể, như là rút lui tín dụng, cắt tiếp viện, hoặc áp đặt những hình phạt kinh tế và ngoại giao, thì sự bất mãn chống lại đối phương này trở nên mạnh hơn và khó mà lờ đi được.

Ý kiến quần chúng thuận lợi cho những người đối kháng bất bạo động có thể là một lực hỗ trợ mạnh mẽ, nhưng nó không thay thế được cho khả năng đấu tranh bất bạo động do những người đối kháng bất bạo động và nhóm khiếu nại rộng lớn hơn động viên.

**Những nhân tố quyết định tác dụng của ý kiến của những thành phần thứ ba.**

Bốn nhóm nhân tố sẽ quyết định là đối phương có bị ảnh hưởng bởi những thay đổi ý kiến của những thành phần thứ ba hay không:

**(1) Những thành phần thứ ba thuộc quốc nội hay là quốc tế?** Tác dụng của những thay đổi ý kiến và của những hành động do những thay đổi ý kiến này của những thành phần thứ ba tại quốc nội, chứ không phải quốc tế, sẽ khác nhau rất nhiều. Nói một cách tổng quát thì người ta có thể trông đợi sự bất đồng ý kiến và chống đối đàn áp tại quốc nội đem lại khó khăn tức thời và trầm trọng hơn là chống đối quốc tế. Chống đối quốc tế có thể cần nhiều thời giờ mới có tác dụng, điều mà đối phương có thể tiên đoán, và có đủ thời gian để đánh sập phong trào đối kháng, và để sự chống đối quốc tế phai nhạt dần đi. Tuy nhiên cần phải phân tích từng trường hợp một.

**(2) Bản chất của đối phương và hoàn cảnh xung đột.** Những đối thủ đối đầu với đấu tranh bất bạo động không giống nhau. Một số thì nhạy cảm về ý kiến của quần chúng hơn là một số khác rất nhiều. Những câu hỏi sau đây nên cần được xét định: Đây là chế độ dân chủ hay là độc đoán? Ý thức hệ của chế độ là gì và ai là những người đối kháng và ai là nhóm khiếu nại? Thái độ của chế độ đối với đối kháng là gì? Những vấn đề tranh chấp quan trọng đối với chế độ như thế nào? Đối phương nhận định về vai trò của đàn áp như thế nào? Những diễn biến xảy ra trong loại hệ thống xã hội nào? Đối phương có nhạy cảm về ý kiến của những thành phần thứ ba hay không, hay có lệ thuộc vào những ý kiến này trong một ý nghĩa nào đó hay không?

**(3) Những hành động do những ý kiến đã được thay đổi đem lại.** Một khi sự thay đổi ý kiến của những thành phần thứ ba đã đạt được, thì ai sẽ hành động chống lại chế độ của đối phương, và loại hành động nào cần phải được thực hiện?

Những hành động của thành phần thứ ba có thể bao gồm phản đối, những tuyên ngôn công khai, biểu tình, những biện pháp ngoại giao, những trừng phạt kinh tế, và vân vân. Những hành động này cần phải được xem như là phụ trợ và bổ túc cho đối kháng quốc nội, nhưng không bao giờ là hành động chính của cuộc đấu tranh. Tỉ lệ của những thành công trong những trường hợp hành động bất bạo động quốc tế trong quá khứ, nhất là bởi những thành phần thứ ba, thì hết sức là nhỏ bé. Những hành động của thành phần thứ ba thông thường có tính biểu tượng, do đó yếu. Các loại hành động hỗ trợ có chất lượng hơn, nhất là do các thành phần thứ ba quốc tế, thường chỉ được giới hạn vào những chế tài kinh tế, trong lúc sự giúp đỡ về kĩ thuật nhằm phụ trợ đối kháng quốc nội chống

lại một chế độ áp bức thì hầu như luôn luôn không có, mặc dù điều này có thể thay đổi.

Hành động quốc tế không thay thế cho cuộc đấu tranh quốc nội do chính nhóm khiếu nại xúc tiến được. Chính vì bản chất của kĩ thuật bất bạo động mà trách nhiệm chính của cuộc đấu tranh phải được gánh vác bởi chính nhóm khiếu nại, những người trực tiếp bị ảnh hưởng bởi các chính sách của đối phương.

**(4) Những chuyển đổi ý kiến của những thành phần thứ ba nhằm hỗ trợ lí tưởng đấu tranh của nhóm bất bạo động.** Những chuyển đổi này có thể giúp những người đối kháng bằng cách nâng tinh thần của họ và khuyến khích họ kiên trì cho đến lúc chiến thắng. Những chuyển đổi này cũng có thể giúp làm sa sút tinh thần của nhóm đối phương.

### Tương lai của sự hỗ trợ bởi những thành phần thứ ba

Sự hỗ trợ bởi những thành phần thứ ba và quốc tế thường được sử dụng và có hiệu quả giới hạn. Có lẽ, trong tương lai, những hình thái hỗ trợ mới có thể được tung ra, như việc cung cấp tài liệu và các tập sách nhỏ về đấu tranh bất bạo động, cống hiến những khuyến cáo tổng quát về cách làm thế nào để tiến hành thiết kế chiến lược cho đấu tranh bất bạo động, cung cấp các phương tiện ấn loát hay các dịch vụ, cung cấp phương tiện và máy móc đài phát thanh, và cung cấp những căn cứ và trung tâm học tập và huấn luyện loại đấu tranh này.

### Đàn áp ít khốc liệt hơn và hành động phản công bất bạo động?

Bằng cách chọn chiến đấu bằng một kĩ thuật làm cho nhu thuật chính trị có thể thực hiện được, những người đối kháng bất bạo động tung ra những sức mạnh có thể gây khó khăn cho đối phương phản công hơn là bạo động.

Xét theo quan điểm những mạo hiểm mà đối phương đối diện khi sử dụng đàn áp khốc liệt, thì họ có thể thử nghiệm những biện pháp kiềm chế ít khắt khe hơn, hay ngay cả tìm cách giảm thiểu bạo lực của họ. Đôi khi họ có thể ngay cả sử dụng hành động phản công bất bạo động. Những trường hợp hành động phản công bất bạo động như thế đã từng xảy ra có thể là những nỗ lực thử nghiệm đầu tiên tiến đến một loại hoàn

cảnh xung đột mới mà *cả hai* bên đều trông cậy vào hành động bất bạo động như là giải pháp tối hậu.

### Tóm lược: Thay đổi tương quan lực lượng

Sức mạnh của mỗi đối thủ trong một cuộc xung đột mà trong đó hành động bất bạo động được sử dụng biến đổi liên tục. Đôi khi đây là kết quả của nhu thuật chính trị, cũng như của những lực khác do kĩ thuật này tung ra. Những chuyển đổi do nhu thuật chính trị đem lại trở thành đương nhiên chỉ sau khi những chuyển đổi này đã xảy ra.

Việc siết lại hay giữ lại sự hỗ trợ cho đối phương và cho những người đối kháng bất bạo động sẽ ảnh hưởng đến những nguồn sức mạnh mà mỗi bên có được. Những chuyển đổi về khả năng sức mạnh này có thể ở mức tột độ.

Tiềm năng này có thực hiện được hay không tuỳ thuộc vào những hoàn cảnh và hành sử của những người tham dự. Các nhân tố liên hệ đến những người đối kháng bất bạo động bao gồm mức độ họ phụ giúp vận hành kĩ thuật nhu thuật chính trị bằng kỉ luật bất bạo động, bằng sự kiên trì, và bằng sự lựa chọn chiến lược và các chiến thuật.

Nhu thuật chính trị không công hiệu trong tất cả mọi cuộc đấu tranh chính trị, như đã có ghi nhận trước đây. Tuy nhiên, có những phương tiện khác để thay đổi tương quan lực lượng bằng đấu tranh bất bạo động. Ngay cả khi không có đàn áp khốc liệt hoặc không có nhu thuật chính trị, những phương pháp phản đối và thuyết phục bất bạo động, bất hợp tác, và can thiệp bất bạo động cũng có thể tung ra được sức mạnh rất đáng kể nếu được áp dụng khôn khéo.

# Chương Ba Mươi Ba

# Có Thể Đạt Được Bốn Cách Thành Công

## Bốn con đường dẫn đến thành công

Đấu tranh bất bạo động có thể thành công chỉ khi nào có những điều kiện cần thiết hoặc những điều kiện này được tạo nên. Việc những người đối kháng bất bạo động có khả năng tạo ra nhiều điều kiện trong số những điều kiện này bằng những hành động có chủ ý xảy ra thường xuyên hơn là thường được người ta thừa nhận.

Có thể phân biệt được bốn tiến trình rộng lớn, hay bốn phương thức, có thể đem lại thành công: cải hoá, thích nghi, cưỡng ép bất bạo động, và phân huỷ.

## Cải hoá

"Dùng từ cải hoá chúng tôi muốn nói là đối phương, như là kết quả của những hành động của nhóm hoặc của cá nhân đấu tranh bất bạo động, đã thay đổi lập trường bằng một quan điểm mới ủng hộ những mục đích của các nhà đấu tranh bất bạo động", Lakey viết[1]. Phương thức này có thể bị ảnh hưởng bởi lí trí, lập luận, cảm xúc, những niềm tin, thái độ, và đạo đức.

Cải hoá trong đấu tranh bất bạo động do đó không chỉ nhằm giải phóng nhóm bị trị, mà còn nhằm giải phóng đối phương bị nghĩ là đã bị chính hệ thống và những chính sách của họ giam hãm. Những người cổ võ phương thức này thường nói là thái độ và hành tác của nhóm đấu tranh bất bạo động là tìm cách tách rời "cái ác" ra khỏi "ác nhân", hay là cắt bỏ "cái ác" ra khỏi "người làm điều ác".

---

[1]George Lakey, "Những Phương Thức Xã Hội Học của Đấu Tranh Bất Bạo Động" (*Tập San Nghiên Cứu Hoà Bình),* Tập II, Số 6 [Tháng Mười Hai 1968], t. 12.

Tự hứng chịu đau khổ thường được xem là quan trọng để khởi động cải hoá. Vài người sử dụng đấu tranh bất bạo động tin tưởng là tự hứng chịu đau khổ không những cần phải có để vô hiệu hoá hay là làm cho sự đàn áp của đối phương không thực hiện được, mà có thể còn là phương tiện chính yếu để cải hoá đối phương. Một vài người lí luận là đau khổ chống lại nguỵ biện và thắng lướt vô cảm. Đau khổ do đó không còn chỉ là một sự mạo hiểm, mà đã trở thành một vũ khí.

"Quảng cách xã hội" -- mức độ cách biệt của "cảm giác thân hữu", sự hiểu nhau, và sự thông cảm -- giữa những nhóm tranh chấp càng lớn, thì cơ hội cải hoá càng nhỏ. Quảng cách xã hội càng nhỏ, thì cơ hội cải hoá càng dễ dàng hơn. Vài người đối kháng bất bạo động muốn cải hoá đối phương có thể tìm cách làm giảm đi hay cắt bỏ quảng cách xã hội giữa các nhóm tranh chấp để thúc đẩy phương thức này.

Cải hoá có thể là kết quả vì những thay đổi về lí trí và/hoặc về cảm xúc trong lối suy tư và những cách nhìn của đối phương. Đúng ra những thay đổi này sẽ khác nhau, tuỳ theo cá nhân, tuỳ theo các diễn biến, và tuỳ theo tiến trình này đã vận hành được bao lâu. Những thay đổi về hành vi, niềm tin, cảm xúc, và thế giới quan nơi đối phương có thể là kết quả của cải hoá. Mức độ dễ bị cải hoá ở từng cá nhân sẽ khác nhau rất nhiều.

Những nhân tố ảnh hưởng đến cải hoá bao gồm mức độ va chạm quyền lợi và quảng cách xã hội giữa các nhóm tranh chấp, bản tính của đối phương, cùng chia sẻ niềm tin và chuẩn mực hay niềm tin và chuẩn mực đối nghịch nhau giữa các nhóm, và vai trò của những thành phần thứ ba.

Nếu nhóm đấu tranh bất bạo động cố tình tìm cách tạo thay đổi bằng cách cải hoá đối phương, thì nhóm có thể xúc tiến phương thức này bằng cách tránh bạo lực và thù nghịch, cố tranh thủ lòng tin của đối phương bằng sự thật, duy trì cởi mở về những dự tính của mình, biểu lộ sự hào hiệp, giữ một tư cách và những tập quán hoà nhã, tránh làm nhục đối phương, làm những hi sinh thấy rõ, thực hiện công việc có tính xây dựng, duy trì đích thân tiếp xúc với đối phương, chứng tỏ tin tưởng đối phương, hay phát huy thông cảm.

Vì nhiều lí do, bao gồm cả việc không hoàn thành thoả đáng những nhân tố ảnh hưởng nói trên, những nỗ lực cải hoá có thể chỉ thành công phần nào thôi, hay có thể thất bại hoàn toàn. Một vài người hay nhóm người có thể đặc biệt chống lại phương thức cải hoá. Nhiều người thực hành đấu tranh bất bạo động loại hẳn phương thức cải hoá, tin rằng

phương thức này không thể thực hiện được hay là không thực tiễn. Nếu cải hoá thất bại, hoặc không được thử nghiệm, thì đấu tranh bất bạo động cống hiến ba phương thức khác để đạt được thay đổi.

**Thích nghi**

Trong phương thức thích nghi, đối phương không bị cải hoá cũng không bị cưỡng ép một cách bất bạo động. Đối phương, dù vẫn chưa thay đổi ý kiến của mình một cách cơ bản về những vấn đề tranh chấp, nhưng quyết định chấp thuận ít nhất cũng là một vài đòi hỏi của những người đối kháng bất bạo động. Đối phương quyết định nhường một vấn đề hơn là mạo hiểm một kết cuộc tệ hơn. Những ảnh hưởng đáng lẽ ra đã có thể đưa đến cải hoá hay cưỡng ép bất bạo động có thể được sử dụng trong trường hợp này. Thích nghi xảy ra khi đối phương còn có thể lựa chọn. Tuy nhiên, hoàn cảnh xã hội đã được thay đổi nhiều đến mức độ đối phương phải chấp nhận một vài thay đổi. Trong số những nhân tố đưa đến thích nghi là những nhân tố sau đây:

- Đàn áp vũ lực không còn được xem là thích hợp nữa.

- Đối phương tin là họ đã loại bỏ được phiền phức bằng cách chịu chấp thuận một số hay tất cả các đòi hỏi của những người đối kháng.

- Đối phương thích nghi với đối lập trong chính nhóm của mình, và hành động để ngăn chặn sự phát triển của đối lập này.

- Đối phương hành động để giảm thiểu tổn thất về kinh tế được nghĩ là sẽ gia tăng.

- Đối phương đành phải nhã nhặn chịu cúi mình trước một việc không thể tránh được, để tránh sự nhục nhã của thất bại và có thể vớt vát được phần nào hơn là để tệ hại về sau. Có lúc, đối phương hành động để ngăn chặn người dân biết được sức mạnh thực sự của quần chúng.

## Cưỡng ép bất bạo động và phân huỷ

Với cưỡng ép bất bạo động, đối phương không bị cải hoá, họ cũng không quyết định thích nghi với các đòi hỏi. Đúng ra, chính những chuyển đổi về các sức mạnh xã hội và về các tương quan lực lượng đã đưa đến những thay đổi mà những người đối kháng đòi hỏi ngược với ý muốn của đối phương, trong lúc đối phương vẫn còn tại vị trong những chức vụ đương nhiệm của mình. (Điều này giả định là những thay đổi đòi hỏi không bao gồm việc cất chức những giới chức của chính quyền hay là sự sụp đổ của chế độ.)

Nói một cách sơ lược thì cưỡng ép bất bạo động có thể xảy ra bằng bất cứ cách nào trong ba cách sau đây:

- Sự thách thách đã lan ra quá rộng và quá ồ ạt nên đối phương khó mà kiềm chế bằng đàn áp hoặc bằng những phương tiện kiềm chế khác.

- Bất hợp tác và sự thách thức làm cho hệ thống xã hội, kinh tế, và chính trị không thể vận hành được nữa trừ phi những yêu sách của những người đối kháng được thoả mãn.

- Ngay cả khả năng của đối phương áp dụng đàn áp cũng bị xói mòn và tan biến vì những lực lượng thi hành đàn áp (cảnh sát và quân đội) đã trở thành không còn tin cậy được nữa hay là đã phân huỷ.

Với bất cứ trường hợp nào trong số những trường hợp đề cập trên đây, dù quyết tâm không chấp thuận những đòi hỏi của những người đối kháng, đối phương cũng có thể khám phá ra được là họ không thể còn bàu chữa hoặc áp đặt những chính sách hay hệ thống đáng chê trách của họ được nữa.

Cưỡng ép không chỉ được giới hạn vào những hiệu quả hay là sự đe doạ của việc sử dụng vũ lực. Những nhân tố then chốt của cưỡng ép là

- Ý muốn của đối phương có bị chặn lại hay không dù vẫn có những nỗ lực tiếp tục áp đặt ý muốn đó; và

- Đối phương có có khả năng thực hiện ý muốn của mình hay không.

Cưỡng ép là sử dụng thể lực hay sức mạnh phi thể lực để ép buộc hay giới hạn hành động.

Cưỡng ép bất bạo động do kết quả của bất hợp tác đã lan rộng đôi khi có thể hữu hiệu đến mức độ tạm thời làm tê liệt quyền lực của đối phương. Ý niệm phân huỷ đưa tiến trình này thêm một bước xa hơn nữa.

Phân huỷ là do kết quả của việc áp dụng triệt để những lực đã từng tạo ra cưỡng ép bất bạo động. Tuy nhiên, những lực này vận hành cực đoan hơn trong phương thức phân huỷ, để cho chế độ hay nhóm của đối phương phải hoàn toàn vỡ ra từng mảnh. Ngay cả không có một cơ quan nào còn được phối hợp và có khả năng để chấp nhận sự thất bại. Quyền lực của đối phương hoàn toàn bị tan rã.

Sức mạnh của cưỡng ép và phân huỷ có thể thực hiện được nhờ khả năng của đấu tranh bất bạo động cắt đứt được những nguồn sức mạnh của đối phương, như đã thảo luận ở Chương Hai. Kĩ thuật này trở nên cưỡng ép và phân huỷ khi những người áp dụng nó một cách quyết liệt giữ lại hay rút lui những nguồn sức mạnh cần thiết của đối phương trong những lãnh vực sau đây:

**(1)Uy quyền:** Chỉ việc áp dụng đấu tranh bất bạo động không mà thôi cũng vừa cho thấy đối phương đã mất hết bao nhiêu uy quyền rồi và cũng có thể vừa giúp xói mòn thêm uy quyền của họ nhiều hơn nữa. Uy quyền của đối phương có thể trở nên suy yếu và ngay cả tiêu tan. Thêm vào đó, những người đã từng phủ nhận uy quyền của đối phương, lúc bấy giờ, trong những hoàn cảnh cực đoan, có thể chuyển đổi sự trung thành của họ đến một đối thủ cạnh tranh dưới hình thức một chính quyền song hành.

**(2)Nhân lực:** Bất hợp tác bất bạo động và bất tuân dân sự có thể cắt đứt những nguồn nhân lực đòi hỏi cần phải có cho sức mạnh của đối phương. Những nguồn nhân lực này có thể bao gồm đại bộ phận dân chúng, và nhóm khiếu nại, cũng như những người đối kháng bất bạo động. Kết quả có thể gia tăng những khó khăn của đối phương đối với việc thi hành công vụ rất nhiều, đồng thời làm suy yếu khả năng quyền lực của họ. Bất hợp tác kiên quyết và lan rộng có thể làm tê liệt hệ thống.

**(3)Kĩ năng và kiến thức:** Một sự rút lui hợp tác bởi những nhân viên cốt cán, những nhân viên kĩ thuật, những giới chức cao cấp, các nhà quản trị, vân vân., có thể tạo nên một tác dụng đối với quyền lực của đối

phương không tỉ lệ chút nào với số người thực sự bất hợp tác. Một thách thức bởi đấu tranh bất bạo động tỏ ra là đặc biệt có cơ may làm cho những xung khắc trong lòng chế độ của đối phương trở nên trầm trọng, do đó giảm thiểu các kĩ năng, kiến thức, nhận thức, sinh lực, và những điều tương tự cần phải có để đối đầu với sự thử thách.

**(4)Những nhân tố không nắm bắt được:** Đấu tranh bất bạo động có khả năng đe doạ những tập quán tuân phục, và đặt vấn đề với những niềm tin về chính trị và các lí thuyết giáo điều. Đối kháng và bất tuân có thể chỉ phản ánh những thay đổi về các thái độ và niềm tin có sẵn trước đây, và cũng có thể giúp xói mòn thêm tập quán tuân phục mà không hề chất vấn và phát huy sự lựa chọn có ý thức về việc nên hay không nên tuân phục.

**(5)Vật lực:** Đối kháng bất bạo động có thể điều chỉnh được số lượng vật lực mà đối phương có. Những nguồn lực này gồm có chuyên chở, thông tin, các nguồn lực kinh tế và tài chánh, các nguyên liệu, và những điều tương tự. Trong số 198 phương pháp đấu tranh bất bạo động, 61 phương pháp mang hình thức kinh tế: tẩy chay, đình công, và một vài phương pháp can thiệp. Những phương pháp khác có thể có những hiệu quả gián tiếp về kinh tế.

**(6)Chế tài:** Ngay cả khả năng của đối phương áp dụng các trừng phạt chống lại phong trào đối kháng cũng có thể bị làm suy giảm hay cắt bỏ đi bởi đấu tranh bất bạo động. Những người giúp thực hiện các hình phạt -- cảnh sát và các lực lượng quân đội – có thể thi hành lệnh một cách vô hiệu năng, hoặc là trong những trường hợp quá khích có thể lờ các lệnh này đi hay hoàn toàn bất tuân lệnh. Sự lơ là và bất tuân như thế thường là để chống lại đối kháng bất bạo động hơn là đối kháng bạo động. Sự thiếu tin cậy vào các trừng phạt, hay ngay cả sự cắt đứt hẳn các trừng phạt như là kết quả của những cuộc nổi loạn, sẽ có một tác dụng trầm trọng đối với vị thế quyền lực của đối phương.

Những nhân tố tạo nên cưỡng ép bất bạo động và phân huỷ xảy ra trong nhiều hỗn hợp và tỉ lệ khác nhau. Sự đóng góp của mỗi nhân tố tuỳ thuộc vào mức độ yếu tố đó điều chỉnh một hay nhiều nguồn sức mạnh cần thiết của đối phương. Cưỡng ép bất bạo động và phân huỷ có khuynh hướng xảy ra ở nơi nào mà

- Con số những người đối kháng rất lớn.

- Đối phương lệ thuộc vào những người đối kháng về những nguồn sức mạnh của mình.

- Nhóm hay các nhóm từ chối hỗ trợ đối phương quan trọng theo ý nghĩa của sự hỗ trợ mà họ thường cung ứng.

- Nhóm tranh đấu bất bạo động sành sõi trong việc áp dụng kĩ thuật đấu tranh bất bạo động.

- Sự thách thức và bất hợp tác có thể kéo dài được trong một thời gian khá lâu.

- Đối với một số dịch vụ và tiếp liệu, đối phương lệ thuộc vào những thành phần thứ ba thường ủng hộ nhóm đấu tranh bất bạo động.

- Những phương tiện kiềm chế và đàn áp của đối phương chứng tỏ là không đủ và không hữu hiệu trong việc chống lại sự thách thức ồ ạt.

- Có đối lập trong nhóm đối phương chống lại các chánh sách có vấn đề hay chống lại đàn áp. Sự đối lập này gồm có sự lưu tâm đến con số những người bất đồng ý kiến, cường độ của sự bất đồng, và các loại hành động họ sử dụng, như là đình công hay nổi loạn.

Đấu tranh bất bạo động được áp dụng một cách sành sõi sẽ đem lại những cơ hội thành công lớn lao hơn là bạo lực chính trị trong cùng hoàn cảnh. Tuy nhiên, chiến thắng không thể bảo đảm được. Những thay đổi sẽ xảy ra, theo chiều hướng tốt cũng như xấu. Thường thì, cũng như trong tất cả mọi cuộc xung đột, kết quả là một sự lẫn lộn giữa thất bại và thành công theo nhiều tỉ lệ khác nhau.

# Chương Ba Mươi Bốn

# Tái Phân Phối Quyền Lực

**Những hiệu quả của thành công là gì?**

Đôi khi người ta nghe những khẳng định cực kì khác nhau về những hiệu quả của đấu tranh bất bạo động thành công. Một vài nhà phê bình thù nghịch tuyên bố ngang nhiên là hỗn loạn sẽ là kết quả -- chứ không phải một xã hội tự do và công chính hơn. Những nhà phê bình khác lại nói là kết quả sẽ là một nền độc tài mới kế tiếp sự sụp đổ của hệ thống có trật tự trước kia. Có thể là cả hai điều này đều không phải là kết quả một khi mà cuộc đấu tranh bất bạo đông có kỉ luật đã xảy ra, và đặc biệt càng không phải là kết quả khi cuộc đấu tranh ít ra cũng đã thành công một phần nào rồi.

Đối kháng bất bạo động *có kỉ luật* không hỗn loạn cũng không vô trật tự. Đấu tranh bất bạo động hữu hiệu bao gồm kỉ luật tự giác và kỉ luật tập thể, cũng như trật tự. Thực ra đấu tranh bất bạo động càng biểu tỏ kỉ luật thì càng có chiều hướng hữu hiệu, và cũng càng có ít cơ hội cho vô trật tự và hỗn loạn về sau này.

Đúng là một vài cuộc đấu tranh bất bạo động đã được tiếp nối bằng sự thiết lập một nền độc tài mới. Đôi khi, vì bất cứ động lực nào trong số một vài động lực có thể có, một nhóm độc đoán hay độc tài có thể tìm cách khai thác giai đoạn chuyển tiếp bất ổn bằng cách giành quyền kiểm soát của Nhà Nước, như chúng ta đã ghi nhận. Những chiến lược gia và những người lãnh đạo đấu tranh bất bạo động khôn ngoan nên dự tính trước sự nguy hiểm này và chuẩn bị và phổ biến các kế hoạch bất hợp tác ồ ạt để ngăn chặn và đánh bại những nỗ lực tiếm quyền như thế.

Cả sự hỗn loạn lẫn độc tài đều đi ngược lại những khuynh hướng chính trong số các hiệu quả dài hạn của đấu tranh bất bạo động. Trong trường hợp đã có một sự áp dụng đấu tranh bất bạo động khá sành sõi, thì kĩ

thuật đấu tranh bất bạo động sẽ có những hiệu quả lâu dài quan trọng đối với cả chính nhóm đấu tranh bất bạo động lẫn đối với sự phân phối quyền lực giữa những đối thủ tương tranh trong cuộc xung đột và trong lòng hệ thống rộng lớn hơn.

**Hiệu quả đối với nhóm đấu tranh bất bạo động**

Kĩ thuật hành động bất bạo động tạo những thay đổi nơi những người tham dự. Sức mạnh của những người đối kháng có khuynh hướng phát triển khi cuộc đấu tranh tiến hành. Vì vậy, quyền lực trở nên được phân tán rộng  hơn trong xã hội, hơn là tập trung vào trong tay của bất cứ một nhóm đặc quyền áp bức nào.

Tham dự vào đấu tranh bất bạo động vừa đòi hỏi vừa tạo ra một sự chấm dứt sự thụ động khuất phục ý muốn của đối phương. Sự tham dự này còn giúp sửa sai sự thiếu tự tin, những tự kỉ ám thị tiêu cực về bản thân, sự cảm nhận về bất lực và yếu kém về mình, sự ghét bỏ trách nhiệm, hay là ước vọng được thống trị, những điều thường hiện diện ở những người dân nô thuộc. Trong tiến trình của những cuộc đấu tranh bất bạo động thành công, những cảm giác này có khuynh hướng được thay thế bởi những cảm giác ngược lại.

Còn quan trọng hơn cả những thay đổi do cuộc đấu tranh bất bạo động tạo ra nơi đối phương là sự tăng sức mạnh cho những người tòng phục trước đây nay đã biết sử dụng kĩ thuật này. Kinh nghiệm này dạy cho họ là họ có thể cùng nhau hành động với những người khác cùng có chung khiếu nại và có thể tạo được một tác dụng lớn đối với việc thăng tiến hoàn cảnh của mình. Tham dự vào đấu tranh dạy cho họ là những người yếu trước kia nay có thể trở nên mạnh.

Kinh nghiệm sử dụng đấu tranh bất bạo động cũng đã từng cho thấy là tham gia còn có khuynh hướng gia tăng mức độ không sợ hãi giữa những người đối kháng. Khởi đầu, những người đối kháng bất bạo động có thể phải cần có ý thức kiềm chế sự sợ hãi và tức giận của mình. Sau đó, sợ hãi sẽ giảm dần. Bằng cách học được là họ có thể duy trì cứng rắn trước đàn áp, những người đối kháng thường tranh thủ được một cảm giác giải thoát khỏi sợ hãi. Với sự giảm bớt hay hết sợ hãi, những người đối kháng giảm thiểu, hay ngay cả loại bỏ được một trong những nguồn sức mạnh của đối phương: sự sợ hãi bị trừng phạt. Điều này sẽ không những làm suy yếu đối phương hiện tại mà còn gia tăng khả năng của nhóm khiếu

nại trong dài hạn khỏi bị áp bức bởi bất cứ đối phương nào khác trong tương lai nữa.

Jewaharlal Nerhu, người không bao giờ là tín đồ của bất bạo động đạo đức, đã phúc trình là tham gia bất hợp tác đã đem lại cho quần chúng Ấn Độ "một cảm giác giải thoát….một sự quẳng gánh hết sức nặng nề đi, một cảm giác tự do. Sự sợ hãi đã từng đè bẹp họ trước kia nay đã rút lui vào bóng tối, và họ đã đứng thẳng dậy, ngửng cao đầu."[1] Đã từng có những phúc trình tương tự từ những cuộc đấu tranh khác ở những nơi khác trên thế giới.

Những hệ thống hệ đẳng hiện hữu một phần vì những người phục tòng khuất phục như là kết quả của việc tự xem mình thua kém. Do đó, hai bước để thách thức và chấm dứt hệ thống hệ đẳng là trước hết, phải làm cho những thành viên của nhóm người phục tòng thấy họ là những con người trọn vẹn không thua kém bất cứ ai; và thứ đến, phải làm cho họ hành động theo những cách thức thích hợp với cái nhìn đã được thăng hoa về chính bản thân. Những thành viên của nhóm phục tòng trước kia nay học được là họ có khả năng đối kháng và tung ra sức mạnh đáng kể để sửa sai những vấn đề mà họ gặp phải.

Mặc dù phải chịu những nhọc nhằn của đấu tranh, những người đối kháng bất bạo động vẫn thấy đó là một kinh nghiệm đem lại thoả mãn. Điều này đã từng được phúc trình lại từ nhiều cuộc đấu tranh khác nhau, gồm cả cuộc biểu tình ủng hộ người Do Thái ở tại Amsterdam dưới sự chiếm đóng của Đức Quốc xã vào tháng Hai năm 1941:

> Đối với những người đã tham dự trước đây, cuộc đình công đem lại một cảm giác nhẹ nhõm bởi vì nó tượng trưng cho một sự phủ nhận năng động chế độ của người Đức….Trong cuộc đình công, số dân làm việc đã nhận dạng ra được chính bản thân mình trong việc thách thức quyền lực chiếm đóng[2].

Tham gia có thể mang lại một tinh thần mới, một ý nghĩa về giá trị của bản thân, và hi vọng cho tương lai.

---

[1] Jewaharlal Nerhu, *Một Hồi Kí* [*An Autobiography*] (Ấn Bản mới: Luân Đôn: The Bodley Head, 1953) t. 69.

[2] Werner Warmbrunn, *Người Hoà Lan Dưới Sự Chiếm Đóng của Người Đức, 1940-1945* [*The Dutch Under German Occupation, 1940-1945*] (Palo Alto, California: Stanford University Press, 1963), t. 111.

Hiệu quả của hành động bất bạo động sẽ gia tăng khi những người đối kháng và nhóm khiếu nại nói chung có được một mức độ cao về thống nhất nội bộ. Bạo động thường loại một số người, không cho tham gia vì tuổi tác, giới tính, điều kiện sức khoẻ, niềm tin, hay sự không ưa thích của họ. Tuy nhiên, hình như hành động bất bạo động đóng góp vào sự thống nhất nội bộ, và lôi cuốn được sự tham gia rộng lớn hơn của nhiều nhóm khác biệt nhau hơn. Sự phát triển này đã từng được chứng kiến trong phong trào lao động, như E.T. Hiller đã phúc trình: Xung đột "củng cố nhóm". "Khi bị tấn công, những người đình công nhận thức được tính đồng nhất về quyền lợi của họ."[3]

Rút lui hợp tác với đối phương và với hệ thống của họ không khẩn thiết phải đem lại sự hỗn loạn và vô tổ chức. Ngược lại, một sự rút lui như thế thường có khuynh hướng đem lại sự hợp tác chặt chẽ hơn trong hàng ngũ của nhóm khiếu nại nói chung và giữa những người đối kháng nói riêng. Phong trào chống lại đối phương đòi hỏi sự tổ chức, sự hợp tác, và hỗ trợ lẫn nhau trong nhóm khiếu nại để đáp ứng những nhu cầu xã hội và duy trì trật tự xã hội. Việc tẩy chay một số cơ chế đòi hỏi phải tăng cường một số cơ chế khác hay là tạo ra những cơ chế mới. Ví dụ tẩy chay kinh tế đòi hỏi phải có những nguồn lực thay thế để đáp ứng những nhu cầu kinh tế. Bất hợp tác chính trị ồ ạt đòi hỏi phải phát triển những định chế xã hội và chính trị thay thế, trong những trường hợp cực đoan, có thể dẫn đến một chính quyền song hành. Đây là phần rõ nét của cuộc đối kháng Hung Gia Lợi vào thế kỉ thứ mười chín chống lại nền cai trị của Áo.[4]

Khi đấu tranh bất bạo động được sử dụng hữu hiệu vừa phải, thì kĩ thuật này có khuynh hướng lan rộng. Cũng cùng những người sử dụng kĩ thuật này trước đây có thể sau này lại sử dụng kĩ thuật đó trong những hoàn cảnh khác, và những người khác có thể noi gương này để giải quyết những vấn đề của mình. Mặc dù là bạo động cũng có thể mang tính truyền nhiễm, nhưng hậu quả thì rất khác. Có những thí dụ được lặp đi lặp lại trong cuộc Cách Mạng Nga 1905 là những cuộc đình công và những phương pháp đấu tranh khác đã lan rộng bằng cách bắt chước.

---

[3] E.T. Hiller, *Đình Công* [*The Strike*] (Chicago: University of Chicago Press, 1928), tt. 30 và 90.

[4] Arthur Griffith, *Sự Hồi Sinh của Hung Gia Lợi: Một Đối Chiếu Cho Ái Nhĩ Lan* [*The Resurrection of Hungary: A Parallel for Ireland*] (Ấn bản thứ ba. Dublin: Whelan &Son, 1918), t. 170.

Những thành công nhỏ từ những cuộc đình công khoảng đầu năm 1905 đã đưa đến sự phát triển các tổ chức công đoàn và những cuộc đình công khác. Cũng vậy, những thành công chính trị giới hạn đôi khi cũng đã thúc đẩy những người đối kháng bất bạo động cố tranh thủ cho kì được những mục tiêu rộng lớn hơn[5].

Mặc dù những hiệu quả của đấu tranh bất bạo động đối với đối phương rất quan trọng, nhưng trong dài hạn những hiệu quả đối với chính những người đối kháng bất bạo động vươn xa hơn và có tiềm năng quan trọng hơn. Nếu người ta mạnh và biết cách đối kháng hữu hiệu thì trước tiên khó có thể hoặc không có thể có ai áp bức họ được. Sự tăng cường sức mạnh cho nhóm khiếu nại như thế rốt cuộc sẽ thay đổi những tương quan lực lượng một cách lâu dài.

## Quyền lực được phân tán và kĩ thuật bất bạo động

Một xã hội tự do cần những nhóm người hay những cơ chế xã hội mạnh có khả năng hành động độc lập và có thể tung ra sức mạnh của chính mình để kiềm chế một chính quyền hay một chế độ hiện hành của những người tiếm quyền ở trong nước hay ngoại bang. Nếu những nhóm người và những tổ chức này yếu, thì cần phải được tăng cường. Nếu không có, thì cần phải tạo ra để kiểm soát những người cai trị không muốn bị kiềm chế.

Ở đây, các vấn đề về tổ chức và kĩ thuật chính trị đồng quy. Có thể có một sự liên hệ nhân quả giữa sự tập trung hay là phân tán tương đối về quyền lực trong xã hội và kĩ thuật đấu tranh -- bạo lực chính trị hay đấu tranh bất bạo động – được tin cậy là sẽ duy trì hay thay đổi hệ thống xã hội. Do đó, sự chọn lựa giữa bạo lực chính trị hay là kĩ thuật đấu tranh bất bạo động, như một sự chấp thuận tối hậu của xã hội, sẽ giúp quyết định khả năng tương lai của xã hội này trong việc thực hiện sự kiểm soát của quần chúng đối với bất cứ một nhà lãnh đạo nào hay là một nhà lãnh đạo nào có thể có trong tương lai.

---

[5] Xem Sidney Harcave, *Giọt Máu Đầu Tiên: Cuộc Cách Mạng Nga Năm 1905* [*First Blood: The Russian Revolution of 1905*] (New York: Macmillan, 1964), tt. 77, 79-81, 134, 143-144, 154, 171, 176-177, và 215

Người ta đã từng thừa nhận một cách rất phổ quát là những cuộc cách mạng bạo lực và các cuộc chiến tranh thường được kèm theo và tiếp nối bởi một sự gia tăng về cả quyền lực tuyệt đối của Nhà Nước lẫn một sự tập trung tương đối về quyền lực vào trong tay Nhà Nước. Những thay đổi kĩ thuật về vũ khí quân sự và chuyên chở, và về sự không phân biệt được mục tiêu và các tổn thất giữa dân sự và các lực lượng quân đội đã đánh nổi khuynh hướng này. Như đã có bàn đến ở Chương Hai, kiểm soát được tập trung lại bởi một tập đoàn tự tuyển điều động các cơ chế chiến tranh có thể sau này quay lại chống chính quyền trước đó và chống lại dân chúng để giành lấy và duy trì quyền kiểm soát chính trị. Bởi vì bạo động chính trị thường đóng góp vào việc phá huỷ những cơ chế độc lập của xã hội, dân chúng của một xã hội từng sử dụng nhiều bạo lực có thể có ít khả năng chống lại những người áp bức tại quốc nội hoặc ngoại bang hơn là một xã hội đã từng sử dụng những phương pháp đấu tranh bất bạo động và vẫn còn có những  cơ chế độc lập, vững mạnh.

Đấu tranh bất bạo động, do đó, tỏ ra là có những hiệu quả dài hạn khác đối với việc phân phối quyền lực trong xã hội hơn là đấu tranh bạo động. Kĩ thuật bất bạo động không có những hiệu quả tập trung của bạo lực chính trị. Ngược lại, hình như những áp dụng chính yếu của đấu tranh bất bạo động có tổ chức thường gia tăng tiềm năng kiểm soát của dân chúng nhiều hơn vì loại đấu tranh này đóng góp vào sự gia tăng phân tán quyền lực hữu hiệu trong toàn thể xã hội. Người ta học được cách làm thế nào để tự tổ chức và làm thế nào để tiến hành đối kháng chống lại những đối thủ đã được nhận diện. Do đó, người ta có chiều hướng phát huy được nhiều tự do hành động hơn, và, vì vậy, ít độc tài hơn và nhiều dân chủ hơn.

Việc sử dụng đấu tranh bất bạo động phổ quát, thay vì bạo động chính trị, có khuynh hướng phân tán quyền lực giữa quần chúng. Những người sử dụng kĩ thuật này trở nên tự lập hơn bằng cách phát triển những khả năng lãnh đạo của họ và thăng tiến khả năng của họ trong việc áp dụng những phương tiện đấu tranh hữu hiệu. Và, quyền lực của những chính quyền hậu đấu tranh sẽ bị giới hạn hơn, và dân chúng thì đã có phát triển một khả năng dự trữ về đấu tranh bất bạo động sẵn sàng để được sử dụng chống lại những nguy hiểm trong tương lai.

Lãnh đạo cần thiết cho đấu tranh bất bạo động có khuynh hướng dân chủ hơn, không trông cậy vào bạo lực để duy trì sự hợp nhất của nhóm, và lệ thuộc vào sự chấp nhận uy quyền có tính đạo đức của họ, vào sự

phán đoán chiến lược và chính trị, và vào sự ủng hộ của quần chúng đối với mình. Hơn nữa, mặc dù rất quan trọng, lãnh đạo các cuộc đấu tranh bất bạo động có thể thay đổi được và có thể chỉ tạm thời. Trong số những lí do cho điều này thì có hai lí do: những người lãnh đạo thường hay bị bắt hoặc thủ tiêu và phong trào đối kháng vì vậy đòi hỏi nhiều tự lập hơn trong số những người tham gia. Trong những điều kiện ngặt nghèo, bị đàn áp khốc liệt thì hiệu năng đòi hỏi những người đối kháng phải có khả năng hành động mà không cần trông cậy vào nhóm lãnh đạo trung ương. Tình trạng này có thể ảnh hưởng đến loại lãnh đạo đang được phát triển và được chấp nhận trong những cuộc đấu tranh bất bạo động, đối chiếu với những cuộc xung đột bạo động. Những người lãnh đạo những cuộc đấu tranh bất bạo động thành công, ít trở thành những bạo chúa hơn là những người lãnh đạo các cuộc đấu tranh bạo động thành công, bởi vì kĩ thuật bất bạo động có khuynh hướng đưa đến tự lập nhiều hơn trong dân chúng và tăng cường sức mạnh của xã hội dân sự.

Những người lãnh đạo những cuộc đấu tranh bạo động có thể thiết lập kiểm soát trung ương vì hai lí do. Trước hết là họ có thể điều động và phân phối các vũ khí quân sự và đạn dược cho những người chiến đấu và cho dân chúng. Thứ đến, họ có thể chỉ huy sự áp dụng bạo lực, ngay cả chống lại dân chúng. Ngược lại, những người lãnh đạo đấu tranh bất bạo động không thể làm điều này, vì vũ khí của hành động bất bạo động không phải là những vũ khí vật chất.

Tiếp theo sau một cuộc đấu tranh bạo động thành công, Nhà Nước với khả năng đàn áp của mình có lẽ sẽ trở nên lớn hơn là trước khi có đấu tranh. Tuy nhiên, trong trường hợp của những cuộc đấu tranh bất bạo động thì điều này có lẽ không xảy ra, và khả năng đấu tranh quần chúng của dân có lẽ đã được gia tăng. Những cơ chế độc lập của xã hội có lẽ cũng đã được tăng sức mạnh nhờ những vai trò đã đóng góp trong phong trào đối kháng. Vì vậy, những cơ chế này sẽ có khả năng sinh hoạt hữu hiệu hơn, trong thời bình cũng như trong những cơn khủng hoảng.

Đấu tranh bất bạo động có thể giúp người dân trở nên tự do, có tổ chức, có kỉ luật, can đảm, và có khả năng thiết lập một nền dân chủ, và bảo vệ nền dân chủ này khi cần. Những người này có chiều hướng tin vào khả năng hành động hữu hiệu của họ trong tương lai hơn.

Những người biết mình có kinh nghiệm thành công trong việc áp dụng một khả năng đấu tranh độc lập sẽ có chiều hướng được những nhà cai trị đối xử với nhiều săn đón hơn, bởi vì quần chúng có thể đối kháng để

tranh thủ và bảo vệ những quyền mà họ đòi hỏi. Tuy nhiên, mong một cuộc đấu tranh bất bạo động nhằm tranh thủ những mục tiêu nào đó được thành công, không những trong việc đạt được những mục đích đó mà còn giải quyết được những vấn đề không phải là những vấn đề tranh chấp trong cuộc đấu tranh, là không thực tế. Một chiến dịch bất bạo động duy nhất hẳn sẽ không loại bỏ việc xã hội hay hệ thống chính trị sẽ sử dụng bạo lực trong tương lai. Ngược lại, thay thế bạo lực bằng đấu tranh bất bạo động sẽ trở nên có thể thực hiện được bằng một loạt những thay thế cụ thể cho những mục đích nào đó, nếu và khi nào những thay thế này được xem là đáng làm và hữu hiệu.

Những khả năng đã được phát triển để thành công trong đấu tranh bất bạo động có thể được sử dụng để bảo vệ những mục tiêu đã đạt được khỏi bị những đe doạ trong tương lai, nếu dân chúng chọn sử dụng những khả năng này. Những thắng lợi do đấu tranh bất bạo động đem lại do đó tương đối có thể lâu bền và không đòi hỏi bạo lực để bảo toàn những thắng lợi này.

Đây, dĩ nhiên, là một khuynh hướng, và không phải là một tiến trình được bảo đảm. Tiếp theo một cuộc đấu tranh bất bạo động thành công, quyền lực có thể trở nên phân tán trong dân chúng, đem lại cho người dân khả năng kiểm soát lớn hơn là họ có trước kia đối với tương lai chính trị của họ. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, điều này có thể không xảy ra. Kinh nghiệm về sức mạnh quần chúng có thể bị thuyên giảm, ngay cả trong trí nhớ của người dân, và phần lớn bị mất hẳn khi người ta rơi ngược trở lại vào những quan điểm và thói quen khuất phục trước đây. Điều nào trong số những điều này xảy ra, và xảy ra ở mức độ nào, tuỳ thuộc vào tiến trình của cuộc đấu tranh, và vào những lựa chọn và những diễn biến về sau. Tuy nhiên, kinh nghiệm trong việc sử dụng hữu hiệu đấu tranh bất bạo động đã vũ trang quần chúng với kiến thức làm thế nào để sử dụng những vũ khí bất bạo động nếu họ chọn giải pháp này.

Tất cả những chỉ dấu này gợi ý là hành động bất bạo động và bạo lực chính trị có thể đóng góp vào những loại xã hội hoàn toàn khác nhau. Khả năng này đáng được duyệt xét cẩn thận.

Tuy nhiên, chỉ những đặc tính này mà thôi thì không bảo đảm là sẽ không còn những hình thức khác được xem là bất công xã hội, kinh tế, và chính trị vẫn tồn tại hay là được thi hành sau một cuộc đấu tranh bất bạo động thành công. Chỉ những đặc tính này mà thôi, trong những trường

hợp khác, cũng không bảo đảm được một nền dân chủ năng động, lâu bền sau khi đấu tranh bất bạo động đã đánh bại một chính quyền áp bức.

Trong vài trường hợp nhắm đến những thay đổi chính trị lớn lao, một nhóm độc tài đã giành lấy quyền kiểm soát Nhà Nước khi nhóm đấu tranh bất bạo động sắp sửa thành công, như trường hợp Miến Điện năm 1988, hay là khi cuộc bàn giao quyền lực đang tiến hành, như trường hợp Đế Quốc Nga năm 1917.

Do đó điều quan trọng là phải có kế hoạch làm sao để những quan hệ mới phải được thực thi sau khi đã thành công và, trong trường hợp nếu thay đổi chính trị lớn lao là mục tiêu, thì phải lập kế hoạch cẩn thận cho cơ cấu dân chủ mới. Cần phải tăng sức mạnh cho những cơ chế độc lập của xã hội. Và cũng khẩn thiết phải tăng cường khả năng của dân chúng đối kháng lại những kẻ áp bức và các nhà độc tài có thể có trong tương lai. Điều này có nghĩa là phải phổ biến trong dân chúng một sự thông hiểu tổng quát về đấu tranh bất bạo động lẫn những chiến lược cụ thể để bảo vệ những mối quan hệ và những tự do vừa mới tranh thủ được.

Những việc sử dụng trong tương lai và hiệu quả của đấu tranh bất bạo động lệ thuộc vào việc tranh thủ được kiến thức gia tăng về bản chất của đấu tranh bất bạo động, vào việc đào sâu những kĩ năng của mình trong việc áp dụng kĩ thuật này trong những cơn khủng hoảng, vào nhận định sắc bén về chiến lược, và vào việc phổ biến kiến thức này trong toàn xã hội. Khi phát triển những khả năng này, thì có sự đóng góp của nhiều người trong những vai trò khác nhau.

# PHẦN BỐN

# ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

# DẪN NHẬP VÀO

# THIẾT KẾ CHIẾN LƯỢC

Kiến thức về việc thực hành đấu tranh bất bạo động trong quá khứ và sự thông hiểu về các tiến trình vận hành trong những trường hợp này rất là quan trọng. Những điều này giúp chúng ta hiểu được điều gì đã xảy ra trong quá khứ và suy nghĩ điều gì có thể xảy ra trong tương lai.

Tuy nhiên, kiến thức và sự thông hiểu này không nói cho chúng ta biết điều gì chúng ta có thể làm, nếu thực sự có điều gì, nếu chúng ta mong ước làm cho loại đấu tranh này trong tương lai hữu hiệu hơn là trong quá khứ. Xét về sự trầm trọng của những xung đột hiện nay tại nhiều nơi trên thế giới, và cả những dự phóng về các hình thức áp bức, thống trị, và bóc lột có thể có trong tương lai, thì tốt nhất là những người chọn chống lại các hệ thống này có sẵn những thông tin mới về cách làm thế nào để họ có thể áp dụng kĩ thuật này được hữu hiệu hơn là trong quá khứ.

Một trong những kĩ năng quan trọng nhất sẽ đóng góp lớn lao vào việc làm cho kĩ thuật này hữu hiệu hơn trong tương lai là khả năng thiết kế chiến lược cho việc tiến hành kĩ thuật đấu tranh này trong nhiều hoàn cảnh xung đột khác nhau.

Dĩ nhiên là những hoàn cảnh xung đột và bản chất của những khiếu nại sẽ biến đổi rất nhiều. Bóc lột nông dân, quân đội ngoại bang chiếm đóng, một cuộc đảo chánh thất bại, những xung khắc sắc tộc, phân biệt chủng tộc, phân biệt tôn giáo, và một nền độc tài cực đoan quốc nội được thành lập, tất cả đều là những loại xung đột khác nhau. Hơn nữa, trong bất cứ loại nào trong số các loại này, những cuộc xung đột cá biệt sẽ không bao giờ hoàn toàn giống nhau.

Tuy nhiên, có một khả năng có thể gia tăng hiệu năng của những nỗ lực áp dụng kĩ thuật này trong tương lai rất nhiều là khả năng thiết kế các chiến lược để hướng dẫn điều hành cuộc đấu tranh và áp dụng những chiến lược mới này cho sành sỏi.

Trong Chương Ba Mươi Lăm, chúng tôi sẽ lập luận là kĩ thuật này có thể được làm cho hữu hiệu trong tương lai hơn là trong quá khứ. Chương này giới thiệu về thiết kế chiến lược và xác định một vài nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của đấu tranh bất bạo động.

Trong Chương Ba Mươi Sáu, chúng tôi sẽ giới thiệu sự quan trọng của việc thẩm định chính xác hoàn cảnh xung đột, rồi sẽ cống hiến những phương thức làm thế nào để thực hiện điều này. Chúng tôi giới thiệu các loại suy tư chiến lược quan trọng, từ đại chiến lược đến những phương pháp cá biệt. Chương này sẽ kết thúc bằng một sự xét định về việc thiết lập một kế hoạch chiến lược trước khi cuộc đấu tranh bắt đầu.

Chương Ba Mươi Bảy cung ứng một vài hướng dẫn làm thế nào để đối diện với những vấn đề có thể xuất hiện trong thời gian cuộc đấu tranh đang diễn tiến, bao gồm sự quyết định về các mục tiêu, việc tăng sức mạnh cho những người đối kháng, vai trò của lãnh đạo, phá vỡ những nguồn sức mạnh của đối phương, và các phương pháp điều hành cuộc đấu tranh một khi cuộc xung đột mở màn, như là kiên quyết trước đàn áp.

Chương Ba Mươi Tám tập trung vào các yếu tố then chốt trong thời gian cuộc đấu tranh, trong số những yếu tố này là các chuẩn bị để dân chúng sẵn sàng cho cuộc đấu tranh, duy trì đà tiến của cuộc đấu tranh, theo dõi cuộc xung đột, và đưa cuộc xung đột đến hồi kết thúc.

Chương cuối cùng, Chương Ba Mươi Chín, giới thiệu tiềm năng áp dụng kĩ thuật này thay cho bạo động ở một vài vùng có vấn đề sâu sắc. Những vấn đề này gồm có sự lật đổ những nền độc tài, tạo dựng quốc phòng, cất đi sự áp bức của những nhóm không được chấp nhận, cất đi những bất công xã hội và kinh tế, nới rộng những thực hành về dân chủ và nhân quyền, ngăn chặn các nền độc tài, và chặn đứng nạn diệt chủng. Những thảo luận này khẩn thiết chỉ có tính cách dẫn nhập mà thôi, nhưng là những đề tài đòi hỏi cần phải được lưu ý hơn nhiều khi chúng ta bước vào một giai đoạn mới nói về sự phát triển và thực hành trong lịch sử của phương pháp thay thế vừa cho thụ động vừa cho bạo động này.

# Chương Ba Mươi Lăm

# Làm Cho Đấu Tranh Bất Bạo Động Hữu Hiệu Hơn

**Thành công và thất bại trong đấu tranh bất bạo động**

Những cuộc xung đột do đấu tranh bất bạo động tiến hành đã từng hữu hiệu hơn là thường được thừa nhận. Điều này đã được chứng minh qua nhiều trường hợp đã được mô tả trong các chương trước và những trường hợp này chỉ là một số mẫu được chọn về những áp dụng kĩ thuật này trong thế kỉ trước mà thôi.

Đấu tranh bất bạo động không phải là ma thuật. Đấu tranh bất bạo động đôi khi thành công trong việc đạt các mục tiêu đã đề ra và có lúc đã thất bại. Thất bại theo những ý nghĩa chính trị thì luôn luôn có thể xảy ra, cũng như trong chiến tranh hay những hình thái bạo động khác. “Thất bại” ở đây có nghĩa là không đạt được những mục tiêu của cuộc đấu tranh. “Thành công” có nghĩa là những mục tiêu của cuộc đấu tranh đã đạt được. Đôi khi kết quả của cuộc đấu tranh là những lẫn lộn của thành công và thất bại, với một số mục tiêu đạt được và một số không đạt được. Điều này cũng đúng với những cuộc đấu tranh tiến hành bằng bạo lực.

Mức độ hữu hiệu của đấu tranh bất bạo động dĩ nhiên cần phải được so sánh với mức độ hữu hiệu của đấu tranh bạo động *trong việc đạt được những mục tiêu tuyên bố và vì những mục tiêu này mà cuộc đấu tranh đã được tiến hành*, chứ không phải chỉ trong việc đè bẹp thân xác đối phương mà thôi. Rất thường trong những cuộc thảo luận về hiệu quả, người ta hay có giả thuyết theo hệ luận là bạo lực là lực lượng mạnh và hữu hiệu nhất có thể có được để đạt những mục tiêu dự định. Điều này

không đúng. Nếu người ta đo lường mức độ mà những mục tiêu nguyên thuỷ của cuộc đấu tranh thực sự đạt được, thì hiệu quả của cuộc đấu tranh bạo động thường bị giới hạn khá nhiều và hiệu quả của đấu tranh bất bạo động thường lớn hơn là thông thường được thừa nhận. Đúng vậy, dù những trường hợp đấu tranh bất bạo động trong quá khứ chỉ được thiết kế hay chuẩn bị tối thiểu mà thôi.

### Bác bỏ những lối cắt nghĩa đơn giản

Trong lúc xét làm thế nào để làm cho đấu tranh bất bạo động hữu hiệu hơn thì khẩn thiết cần phải bác bỏ đi những lối cắt nghĩa đơn giản và các lời biện minh cho thất bại. Những điều này bao gồm sự khẳng quyết rằng mục đích đề ra gần như là không quan trọng bằng việc những người đối kháng cảm thấy thoải mái về những hành động của mình, rằng việc không sử dụng bạo lực là đủ rồi, hay rằng việc những người đối kháng sẵn lòng chịu chết là quan trọng hơn cả. Cảm giác thoải mái, không dấn thân vào bạo lực, hay là sẵn lòng chịu chết, mà không đạt được các mục đích của cuộc đấu tranh, thì cũng không thay đổi được sự kiện là mình đã thất bại.

Nhiều quan niệm phổ biến về điều đòi hỏi cần phải có để làm cho đấu tranh bất bạo động thành công cũng không vững. Những quan niệm sai lầm này bao gồm niềm tin là thành công đòi hỏi đối phương phải dân chủ, hay ngay cả bất bạo động. Vài người lí luận rằng thành công đòi hỏi sự hỗ trợ của thế giới, sự phụ trợ của phương tiện truyền thông, và một khoảng thời gian dài hơn phương thức sử dụng bạo lực đòi hỏi rất nhiều mới thành công được, hay là một "bầu không khí bất bạo động." Tất cả những điều này đều không chính xác.

Đã có ý kiến cho rằng nếu một nhóm sử dụng hành động bất bạo động thì người ta trông đợi đối phương phản ứng cũng bằng bất bạo động. Ngược lại nếu phản ứng là bạo động thì người ta nghĩ là đã có điều gì sai. Quan điểm này cũng không đúng. Nhóm hay là chế độ của đối phương thường trông cậy vào bạo lực để duy trì bản thân và các cách hành sử của họ. Khi đối phương bị thách thức bằng bất bạo động, đàn áp bằng vũ lực sau đó là chỉ dấu phong trào bất bạo động đang đe doạ nguyên trạng. Hành động bất bạo động là một kĩ thuật để đánh đổ những đối thủ bạo động.

## Các điều kiện cần có cho cuộc đấu tranh

Những yếu tố về hoàn cảnh có ích cho việc áp dụng đấu tranh bất bạo động không nên bị nhầm lẫn với những yếu tố đòi hỏi cần phải có. Không có những yếu tố này, cuộc đấu tranh nhất định sẽ phải thất bại. Có những điều kiện bên trong và bên ngoài, thuận lợi và bất thuận lợi cho việc tiến hành đấu tranh bất bạo động. Tuy nhiên, những điều kiện thuận lợi không phải là những đòi hỏi tuyệt đối. Vài cuộc đấu tranh bất bạo động đã thành công trong những điều kiện rất yếu kém bởi vì những người đối kháng đã bù trừ những điều kiện không thuận lợi đặc biệt của mình bằng cách phát huy sức mạnh và các kĩ năng của mình trong việc làm thế nào để hành động trong những điều kiện như thế.

Dù sao thì cũng không có gì có thể thay thế cho sức mạnh thực sự của chính cuộc đấu tranh bất bạo động được. Nếu những người tham gia trong một cuộc đấu tranh bất bạo động chưa có sức mạnh, sự quyết tâm, và khả năng đủ để hành động sành sỏi chống lại đối phương, thì chỉ chấp nhận cuộc đấu tranh bằng lời nói không mà thôi sẽ không cứu vãn họ được. Đòi hỏi cần phải có những nỗ lực có chủ ý nhằm phát triển sức mạnh, kĩ năng, và khả năng hành động một cách khôn ngoan.

Nếu những đặc tính này vượt quá tầm tay đối với tiềm năng của nhóm đấu tranh bất bạo động thì nhóm chưa nên vươn xa hơn các chiến dịch giới hạn; ít mạo hiểm, dành cho những mục tiêu ngắn hạn tương đối dễ dàng. Hầu hết sự chú ý của nhóm phải được tập trung vào việc xây dựng những khả năng của nội bộ. Chỉ khi nào nhóm mạnh, quyết tâm, và có kĩ năng thì mới nên thử leo thang chiến lược trong đấu tranh để tranh thủ những mục tiêu dài hạn của nhóm.

## Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả

Có nhiều nhân tố quyết định kết quả của đấu tranh bất bạo động[1]. Một vài trong số những nhân tố này nằm trong "hoàn cảnh xã hội," vài nhân tố liên hệ đến nhóm đối phương, một vài nhân tố liên hệ đến những thành phần thứ ba, và nhiều nhân tố khác lại liên hệ đến nhóm đấu tranh bất bạo động. Nhóm đấu tranh bất bạo động có thể ảnh hưởng đến nhiều, nhưng

---

[1] Những nhân tố này được rút ra từ Gene Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action*], tt. 815-817.

không phải tất cả, những nhân tố này.

**(1)Các nhân tố trong hoàn cảnh xã hội**. Các nhân tố này bao gồm mức độ xung khắc quyền lợi giữa hai nhóm, khoảng cách xã hội giữa họ, mức độ hai nhóm cùng chia sẻ những niềm tin và những phạm trù xã hội, và mức độ mà dân chúng đối kháng có các nhóm và các cơ chế quan trọng.

**(2)Những nhân tố liên hệ đến nhóm hay chế độ của đối phương.** Những nhân tố này bao gồm mức độ đối phương bị lệ thuộc vào những người bất hợp tác về những nguồn sức mạnh của họ, và mức độ bất phục tòng mà đối phương có thể chịu đựng nổi. Những yếu tố này cũng còn bao gồm mức độ đối phương và những người ủng hộ tin vào những quan điểm và chính sách của họ và vào sự đúng lẽ phải và lí biện giải cho sự đàn áp hay những trừng phạt khác đối với những người đối kháng bất bạo động.

Những nhân tố trong nhóm nầy bao gồm những phương tiện kiềm chế và đàn áp mà đối phương có thể sử dụng; mức độ các nhân viên đàn áp tuân phục lãnh đạo của nhóm đối phương; mức độ đoàn kết trong nhóm đối phương; mức độ trung thành trong hệ thống hành chánh và cảnh sát và lực lượng quân đội; mức độ tập thể dân chúng của nhóm đối phương ủng hộ chánh sách và sự đàn áp của nhóm họ; và sự phỏng định của đối phương về tiến trình trong tương lai của phong trào đấu tranh bất bạo động và những hậu quả của phong trào.

**(3)Các nhân tố liên hệ đến những thành phần thứ ba.** Những nhân tố này bao gồm mức độ các thành phần thứ ba trở nên có thiện cảm với đối phương hay đối với nhóm đấu tranh bất bạo động, và mức độ các ý kiến và thiện ý của những thành phần thứ ba quan trọng đối với hai nhóm như thế nào. Những nhân tố này cũng bao gồm mức độ các thành phần thứ ba trở nên hỗ trợ năng động, hoặc bất hợp tác với, một trong hai nhóm đang tranh chấp.

**(4)Các nhân tố liên hệ đến nhóm đấu tranh bất bạo động.** Loại này bao gồm nhóm nhân tố có ý nghĩa quan trọng hơn cả, vì đây là những nhân tố mà nhóm đấu tranh bất bạo động có thể ảnh hưởng nhiều hơn hết. Những nhân tố này bao gồm khả năng tổ chức và hành động tự phát theo đúng những yêu cầu của đấu tranh bất bạo động; mức độ những người đối kháng và nhóm khiếu nại tin vào lẽ phải của lí tưởng đấu tranh của mình; và mức độ tin tưởng vào đấu tranh bất bạo động giữa những nhóm này. Cũng quan trọng nữa là các loại phương pháp bất bạo động

được chọn lựa để sử dụng bởi nhóm đấu tranh bất bạo động và việc nhóm này có có khả năng áp dụng những phương pháp đó hay không; sự hoàn chỉnh của chiến lược và các chiến thuật được chọn lựa hay chấp thuận bởi nhóm đấu tranh bất bạo động; và những yêu cầu của nhóm đấu tranh bất bạo động đối với thành viên của mình có nằm trong khả năng của những người nầy thoả mãn được hay không.

Thêm vào đó, khả năng tương đối của những người đối kháng thi hành kĩ thuật này rất quan trọng, cũng như mức độ nhóm này có thể hành động trong kỉ luật để thực hiện các kế hoạch. Số người tham gia trong các hành động sẽ quan trọng trong một vài trường hợp, như là những trường hợp lệ thuộc nặng nề vào việc sử dụng bất hợp tác, với điều kiện là số người thích hợp với việc duy trì cả phẩm chất cần có của các sinh hoạt lẫn những yêu cầu đối với việc sử dụng phương thức tạo thay đổi đã được lựa chọn.

Việc nhóm khiếu nại nói chung có hỗ trợ nhóm đấu tranh bất bạo động hay không hay là cản trở những hành động của họ sẽ rất quan trọng. Sự khốc liệt của đàn áp, và có thể là khủng bố, do nhóm đối phương áp đặt có thể quan trọng vì giữ được sự quân bình với khả năng kiên quyết đối kháng của những thành viên của nhóm đấu tranh. Việc những người đối kháng có thể và có sẵn lòng tiếp tục cuộc đấu tranh đến bao lâu, khả năng của họ giữ được cuộc đấu tranh không bạo động, và, trong những hoàn cảnh bình thường, duy trì được tình trạng không bí mật về những hành động của họ cũng có thể quan trọng.

Một nhân tố khác là có được lãnh đạo hữu hiệu, hay là khả năng của nhóm hành động trong kỉ luật theo đúng chiến lược khôn ngoan mà không cần một nhóm lãnh đạo quan trọng có thể nhận dạng ra được. Một nhân tố nữa là mức độ những người đối kháng có thể tạo được thiện cảm và hỗ trợ trong số những thành viên của nhóm đối phương. Sau cùng là mức độ nhóm đấu tranh bất bạo động kiểm soát được các nguồn sức mạnh của chính mình cũng quan trọng không kém.

### Tăng xác suất thành công

Ngoại trừ một vài nhân tố thuộc hoàn cảnh xã hội, hầu hết các nhân tố vận hành trong các cuộc xung đột đều phải chịu sự thay đổi, thường là thay đổi đáng kể, trong suốt tiến trình của cuộc đấu tranh bất bạo động. Những thay đổi như thế sẽ đem lại kết quả tăng hay giảm sức mạnh của

nhóm đối phương và cũng của nhóm đấu tranh bất bạo động nữa. Nếu những chuyển đổi này gia tăng sức mạnh của nhóm đối phương một cách đáng kể trong lúc sức mạnh của nhóm đấu tranh bất bạo động bị giảm thiểu thì đối phương sẽ có chiều hướng thắng. Tuy nhiên, ngược lại nếu sức mạnh của đối phương bị xói mòn bằng cách siết chặt những nguồn sức mạnh của họ lại trong lúc sức mạnh của nhóm đấu tranh bất bạo động tăng trưởng, thì xác suất thành công của nhóm đấu tranh bất bạo động sẽ được gia tăng rất nhiều.

Những thay đổi này có thể trực tiếp hay gián tiếp bị ảnh hưởng bởi những hành động của nhóm đấu tranh bất bạo động. Vì vậy cần phải chăm lo rất nhiều đến việc chuẩn bị và xúc tiến những hành động này. Kĩ năng, sức mạnh, kỉ luật, chiến lược khôn ngoan, số người tham gia, và sự kiên quyết nằm trong số những phẩm chất khẩn yếu này.

Trong số những nhân tố liệt kê ở trên có tiềm năng nằm dưới sự kiểm soát của nhóm đấu tranh bất bạo động, có năm nhân tố nổi bật như là những nhân tố đặc biệt quan trọng: (1) sự sẵn lòng hành động; (2) sức mạnh của nhóm đấu tranh (bao gồm sự kiên quyết, số người tham gia, và tổ chức); (3) kiến thức về đấu tranh bất bạo động; (4) chấp thuận những kế hoạch chiến lược khôn ngoan; và (5) thực hiện sành sỏi và có kỉ luật những kế hoạch chiến lược đã được chấp thuận.

Một khi người dân mong ước gia tăng khả năng tranh thủ những mục tiêu quan trọng thì họ sẽ cố gắng thực hiện những nỗ lực mạnh mẽ nhằm gia tăng các khả năng của mình trong năm lãnh vực này. Tuy nhiên, nếu chỉ có được ba lãnh vực đầu, mà không có những kế hoạch chiến lược khôn ngoan, thì xác suất thành công không được lớn. Ngay cả có được một nhóm mạnh sẵn lòng hành động, thì hành động cũng khó mà tạo được tác dụng đáng kể nếu không biết được cần phải làm gì và làm như thế nào.

Tuy nhiên, có kiến thức về đấu tranh bất bạo động mà không có khả năng quyết định làm thế nào để áp dụng kiến thức này cho hữu hiệu thì vẫn không đủ. Việc thiết lập và áp dụng những chiến lược khôn ngoan nhằm gia tăng hiệu năng trong việc sử dụng kỉ thuật này là điều tối quan trọng.

## Không có chuẩn bị để được thành công

Một vài nỗ lực áp dụng đấu tranh bất bạo động đã thành công hơn những nỗ lực khác rất nhiều. Như chúng ta đã thấy, có nhiều nhân tố đóng góp vào việc quyết định sự thành công hay thất bại của một nỗ lực nào đó.

Thành công không nên để mặc cho rủi may. Những người đối kháng có thể thực hiện những bước tiến có chủ ý gia tăng xác suất đạt các mục tiêu của mình. Một trong những nhân tố quan trọng hơn cả là việc sử dụng các nguồn lực và hành động sẵn có theo những phương cách làm tăng hiệu lực của những nguồn lực này trong cuộc đấu tranh. Điều này đòi hỏi phải có thiết kế chiến lược.

Rất tiếc là công việc thiết kế như thế trong những cuộc đấu tranh bất bạo động thường hiếm khi có được sự lưu tâm thích đáng. Hoạ hoằn lắm thì những người đối diện với viễn tượng của những xung đột như thế mới hoàn toàn thừa nhận tầm quan trọng cùng cực của việc chuẩn bị một kế hoạch toàn bộ trước khi hành động.

Một vài người ngây ngô nghĩ rằng họ chỉ đơn giản khẳng định mục đích của họ một cách mạnh mẽ và cứng rắn, trong một khoảng thời gian lâu đủ, thì bằng một cách nào đó họ sẽ đạt được mục đích của mình. Một số khác cho rằng nếu họ giữ được trung thực đối với những nguyên tắc và lí tưởng của họ, và làm chứng nhân cho những nguyên tắc và lí tưởng này dù phải đối diện với nghịch cảnh, có nghĩa là họ đang làm tất cả những gì họ có thể làm được để tranh thủ những mục tiêu của họ. Vài người tin rằng nếu họ hành động can đảm và hi sinh thì họ không cần phải làm gì thêm nữa. Có những người khác chỉ đơn giản lặp lại loại hành động mà họ đã từng làm trong quá khứ, hoặc tin là loại hành động đó cần phải có do lí thuyết chính trị của họ đòi hỏi và tin là cuối cùng họ sẽ thành công.

Khẳng định những mục đích tốt đẹp, trung thành với lí tưởng, và kiên quyết, tất cả đều đáng ca ngợi, nhưng chỉ những điều này không mà thôi thì quyết là không đủ để đạt được những mục đích có ý nghĩa. Đơn thuần chỉ lặp lại những hành động đã thất bại trong quá khứ thường làm cho thành công không thể đạt được. Kĩ thuật đấu tranh bất bạo động có những đặc tính đặc biệt, và có những nhân tố quan trọng đóng góp vào hiệu quả của kĩ thuật này, như chúng tôi đã có bàn đến trước đây.

Trong những hoàn cảnh xung đột người ta thường dễ bị chia trí, không lưu tâm đến mục đích chính của mình bằng cách tập trung vào những vấn đề vụn vặt, liên tiếp phản ứng lại những sáng kiến của đối phương, và chỉ

nhắm đến những sinh hoạt ngắn hạn. Đôi lúc người ta cũng không màng đến ngay cả việc thiết lập một kế hoạch nhằm đạt mục đích của mình, bởi vì trong thâm tâm họ không thực sự tin là họ có thể thành công được. Những người này -- mặc dù họ có thể đem lại một ấn tượng khác -- tự thấy mình yếu kém, là nạn nhân bất lực trước những thế lực quá hùng mạnh. Do đó, họ tin rằng điều tốt nhất họ có thể làm được là khẳng định và làm chứng nhân, ngay cả chịu chết, trong niềm tin là họ đúng. Vì vậy, họ không cố thử suy nghĩ và thiết kế chiến lược làm thế nào để đạt cho kì được những mục tiêu của mình.

Điều này tạo ra hoàn cảnh gọi là niềm tin biến thành sự thật. Nếu mình không tin là mình sẽ thành công, và do đó đã không có những nước bước cố tình làm tăng xác suất thành công, nên thường sẽ thất bại.

### Hậu quả của việc thiếu kế hoạch

Trong quá khứ hầu hết các cuộc đấu tranh bất bạo động đều đột khởi, không được chuẩn bị trước. Một vài cuộc xung đột trong số những xung đột này đã vượt quá giới hạn của chúng và đã tạo nên tác dụng vượt quá mức dự phỏng nguyên thuỷ của bất cứ ai, để lại những người tham gia không được chuẩn bị cho những gì sắp tới. Đó là trường hợp của cuộc Cách Mạng Nga năm 1905 và cuộc đấu tranh cho dân chủ của người Trung Hoa năm 1989, chẳng hạn. Trong nhiều cuộc xung đột khác trong quá khứ, các nhóm liên can đều thừa nhận là họ cần chuẩn bị phải hành động như thế nào, nhưng họ chỉ làm như thế trên căn bản rất giới hạn, ngắn hạn, và có tính chiến thuật mà thôi. Trong hầu hết mọi trường hợp, những nhóm này không cố gắng thiết lập một kế hoạch đấu tranh rộng lớn hơn, dài hạn hơn, hoặc có tính chiến lược.

Trong lúc tự phát và đột khởi có một vài phẩm chất tích cực, thì đồng thời chúng cũng có những bất lợi trầm trọng. Ví dụ, nếu những người đối kháng giành được những thắng lợi thì thường họ sẽ không biết phải nên làm điều gì tiếp theo. Trong một số xung đột nào đó nếu những người đối kháng không tính trước được một cách đầy đủ sự tàn bạo của đối phương thì họ có thể phải chịu những trở lực nặng nề dẫn đến sự sụp đổ của phong trào. Khi những quyết định trọng yếu được để mặc cho rủi may vì thiếu kế hoạch đầy đủ, thì hậu quả có thể cũng thảm hại như thế.

Kết quả của việc không có kế hoạch như thế là cơ hội thành công trong cuộc đấu tranh bị giảm đi rất nhiều, và đôi khi bị xoá bỏ.

Không thiết lập một kế hoạch hành động chiến lược cẩn thận thì

- Sinh lực con người có thể lệch về phía những vấn đề vụn vặt và được áp dụng một cách vô hiệu lực.

- Người ta có thể thử sử dụng những phương pháp đấu tranh vượt quá khả năng của những người đối kháng do đó họ không thể áp dụng những phương pháp này hữu hiệu được.

- Các sức mạnh của nhóm bất bạo động có thể không được sử dụng.

- Những sáng kiến của đối phương sẽ quyết định tiến trình của các diễn biến.

- Việc không chắc chắn về điều cần phải làm có thể làm cho sự hoang mang lan rộng trong hàng ngũ những người đối kháng.

- Những nhược điểm của chính phe mình sẽ gia tăng và làm mất tinh thần của nhóm, gây nên những hậu quả phương hại đến nỗ lực nhằm tranh thủ mục đích của mình.

Tóm lại, các nguồn sức mạnh của nhóm bị phân tán hay tác dụng của những sức mạnh này bị giảm thiểu. Các hi sinh bị phí phạm và lí tưởng đấu tranh không được phục vụ trọn vẹn.

Những sinh hoạt hỗn độn sẽ không thúc đẩy cuộc đấu tranh tiến tới, ngược lại kết quả sẽ là những hành động rời rạc và không tập trung hoặc, tệ hơn, là sự suy yếu của phong trào. Trái lại, hành động được chỉ đạo theo một kế hoạch sẽ làm người ta có khả năng tập trung các nguồn sức mạnh của mình vào việc tiến theo một hướng đã được quyết định đến mục đích mình mong muốn.

Lập kế hoạch dài hạn cũng quan trọng vì một lí do khác. Ngay cả sau khi mục đích nguyên thuỷ của phong trào đã đạt được, như là việc lật đổ một nền độc tài hay một chế độ áp bức, sự thiếu vắng một kế hoạch làm cách nào để giải quyết vấn đề chuyển tiếp đến một hệ thống tốt đẹp hơn có thể đóng góp vào sự xuất hiện của một chế độ áp bức mới.

## Thiết kế chiến lược

Việc thiết kế ngắn hạn, hay chiến thuật từng xảy ra trong những cuộc xung đột trong quá khứ mà trong đó những phương pháp bất bạo động được sử dụng tỏ ra là hữu ích và đã đóng góp vào việc hoàn thành những cuộc đấu tranh này. Tuy nhiên, thiết kế chiến lược dài hạn cho cuộc đấu tranh toàn bộ có thêm những lợi điểm riêng biệt, giúp cho nhóm đấu tranh bất bạo động có thể tính toán những phương cách hữu hiệu nhất để dẹp bỏ áp bức, để thẩm định khi nào là lúc hoàn cảnh chính trị và tâm lí quần chúng đã chín muồi để hành động, và để chọn lựa làm thế nào để khởi động chiến dịch bất bạo động và làm thế nào để phát triển chiến dịch khi chiến dịch đang tiến hành, trong lúc đang đối đầu với đàn áp và những biện pháp phản công khác của đối phương.

Thiết kế chiến lược cũng làm cho nhóm đấu tranh bất bạo động có khả năng trở nên mạnh hơn vì kế hoạch biết được dự tính sẽ tiến đến đâu và vì kế hoạch biết được những khó khăn, những diễn biến, và những phản ứng mà những người đối kháng có thể phải đối đầu.

Mục đích càng quan trọng, hoặc là những hậu quả của thất bại càng trầm trọng, thì việc lập kế hoạch càng trở nên quan yếu. Thiết kế chiến lược gia tăng khả năng những nguồn lực có sẵn sẽ được sử dụng hữu hiệu hơn cả. Điều này đặc biệt quan trọng đối với một phong trào có một mục tiêu cao quý nhưng những tài nguyên vật chất giới hạn và trong phong trào này những người ủng hộ gặp nguy hiểm trong thời gian xung đột. Trái lại, đối phương thường có được những nguồn tài nguyên vật chất lớn lao, sức mạnh tổ chức, và khả năng áp dụng bạo tàn.

Việc sử dụng chiến lược được biết đến nhiều hơn cả trong chiến tranh quân sự. Đã bao thế kỉ nay, những sĩ quan quân đội đã từng dấn thân vào việc thiết kế chiến lược cho những chiến dịch quân sự. Những nhà tư tưởng quan trọng như Tuân Tử, Carl von Clausewitz, và Ngài Basil Liddell Hart đã từng phân tách và tinh lọc chiến lược quân sự quy ước. Mao Trạch Đông và Ernesto “Che” Guevara, trong số những người khác, cũng đã cố làm như vậy đối với chiến tranh du kích. Trong cả chiến tranh quân sự quy ước lẫn trong chiến tranh du kích, sử dụng chiến lược tân kì là yêu cầu cơ bản của thành công.

Cũng như đấu tranh quân sự hữu hiệu đòi hỏi những chiến lược khôn ngoan, lập kế hoạch cho đấu tranh bất bạo động, và thực hiện kế hoạch này sẽ hữu hiệu hơn cả khi cuộc đấu tranh cũng vận hành trên cơ sở thiết

kế chiến lược sâu sắc. Tuy nhiên, việc thiết lập và áp dụng chiến lược trong những cuộc đấu tranh bất bạo động tầm cỡ phức tạp hơn là trong những cuộc đấu tranh quân sự. Trong những cuộc đấu tranh bất bạo động lớn, toàn thể dân chúng và nhiều cơ chế tổ chức trong xã hội đều có tiềm năng trở thành người đấu tranh, chứ không đơn giản chỉ là các lực lượng quân đội mà thôi. Để có thể làm cho tất cả những người này và các cơ chế được hữu hiệu nhất, đòi hỏi phải có những chiến lược có khả năng.

Những sức mạnh tuyệt đối và tương đối của đối phương và của nhóm đấu tranh bất bạo động có thể biến đổi rất nhiều và thay đổi nhanh chóng trong thời gian cuộc đấu tranh đang tiến hành. Những hành động và hành vi của nhóm đấu tranh bất bạo động có thể có những hiệu quả bất ngờ, vượt quá thời gian và không gian của những hành động và hành vi này. Những thay đổi về sức mạnh của những nhóm tranh chấp này có thể cực độ trong những cuộc đấu tranh bất bạo động hơn là những thay đổi trong những xung đột bằng vũ lực. Do đó, cần phải hết sức cẩn thận trong việc chọn lựa ngay cả những hành động có giới hạn và trong hành vi của những người đối kháng trong cuộc đấu tranh.

## Các cấp chiến lược

Trong khi thiết lập một kế hoạch chiến lược, người ta phải hiểu là có bốn cấp chiến lược[2]. Đại chiến lược và chiến lược đã được giới thiệu rất ngắn gọn trước đây. Tuy nhiên, ở đây, cần phải khai triển có chiều sâu hơn. Ở cấp căn bản nhất là *đại chiến lược*. Rồi đến *chiến lược*, tiếp đến là các *chiến thuật* và các *phương pháp.*

*Đại chiến lược* có thể được gọi là quan niệm chủ đạo cho việc điều hành cuộc đấu tranh. Đó là ý niệm rộng lớn nhất dùng để phối hợp và điều động tất cả những nguồn lực của nhóm đấu tranh đi đến việc đạt những mục tiêu của cuộc đấu tranh.

*Chiến lược* rất giống *đại chiến lược,* nhưng được áp dụng cho những giai đoạn có giới hạn hơn của toàn bộ cuộc đấu tranh, như cho những chiến dịch có những mục tiêu nhất định. Chiến lược gồm có việc phác hoạ

---

[2] Những định nghĩa này được Robert Helvey, Bruce Jenkins, và Gene Sharp soạn thảo. Bản Ghi Nhớ Không Phát Hành, Viện Albert Einstein.

ra một hoàn cảnh thuận lợi, quyết định khi nào thì chiến đấu, và một mô hình bao quát cho những đụng độ nhỏ hơn trong khuôn khổ chiến lược đã được chấp thuận.

*Chiến thuật* nói đến những kế hoạch để xúc tiến những giao chiến còn giới hạn hơn nữa trong chiến lược đã được lựa chọn -- giới hạn về tầm cỡ, về số người tham gia, về thời gian, hoặc về vấn đề nào đó. Chiến thuật nói đến cách làm thế nào một nhóm có thể áp dụng những phương pháp được nhóm chọn lựa và hành động trong một cuộc đụng độ nào đó với đối phương.

*Phương pháp* trong đấu tranh bất bạo động là nhiều hình thái hành động cá biệt, như là làm rào cản, tẩy chay xã hội, những cuộc tẩy chay của giới tiêu thụ, những vụ tổng đình công, bất tuân dân sự, biểu-tình-ngồi, và lập chính phủ song hành, như đã liệt kê ở Chương Bốn. Trong số những nhân tố cần duyệt xét trong việc tuyển chọn các phương pháp là phương thức tạo thay đổi (cải hoá, thích nghi, cưỡng ép bất bạo động, hoặc phân huỷ), mức độ những người đối kháng kiểm soát được những nguồn sức mạnh của đối phương, và tình huống, các ưu điểm, các nhược điểm, và các nguồn sức mạnh của những người đối kháng.

Nếu bất cứ một cấp nào trong bốn cấp chiến lược này được nhận thức hoặc thiết kế một cách không hoàn chỉnh, hay ngay cả thiếu vắng, thì toàn bộ cuộc đấu tranh bất bạo động sẽ bị suy yếu đi một cách trầm trọng. Không có một kiến thức về toàn cảnh, người ta có thể lơ là trong việc chuẩn bị, hay là không thể thực hiện được, những nước bước đi đến việc tranh thủ các mục tiêu đã đề ra.

Sự chọn lựa đại chiến lược, việc thực thi các chiến lược, chiến thuật và các phương pháp cần sử dụng phải quyết định hướng đi tổng quát và cách điều hành của cuộc đấu tranh suốt tiến trình của cuộc xung đột. Bốn cấp chiến lược này sẽ được bàn đến đầy đủ hơn nhiều trong chương tới.

Muốn thực thi một chiến lược thì cần phải có những sinh hoạt hỗ trợ cẩn thận. Những sinh hoạt này đòi hỏi phải có thiết kế và nhiều chuẩn bị. Những sinh hoạt này là những công tác hậu cần. *Công tác hậu cần* bao gồm một loạt những sinh hoạt hỗ trợ chi tiết cần cho việc điều hành của một cuộc đấu tranh, như là sự sắp đặt về tài chánh, chuyên chở, thông tin, và tiếp liệu.

**Những thắng lợi do các chiến lược khôn ngoan đem lại**

Việc thiết lập và thực thi các chiến lược khôn ngoan nhằm hướng dẫn các hành động của những người đối kháng làm cho họ có khả năng tập trung các sức mạnh và hành động của họ vào mục đích mong muốn, làm trầm trọng thêm những nhược điểm của đối phương, tăng sức mạnh cho những người đối kháng, giảm thiểu tổn thất và những tốn kém khác, và giúp các hi sinh phục vụ mục đích chính yếu.

Để tăng xác suất thành công, những chiến lược gia đấu tranh bất bạo động sẽ cần phải không những chỉ thiết lập một đại chiến lược và các chiến lược cho những chiến dịch cá biệt, mà còn cần phải soạn thảo một kế hoạch hành động chiến lược toàn bộ để áp dụng các chiến lược này trong ý nghĩa cụ thể. Kế hoạch chiến lược sẽ cần phải có khả năng tăng sức mạnh của dân chúng, làm suy yếu và tiếp đến là dẹp tan áp bức, và xây dựng một xã hội tiến bộ hơn. Thiết lập một kế hoạch hành động như thế đòi hỏi một sự thẩm định cẩn trọng về hoàn cảnh và về những lựa chọn cho hành động được hữu hiệu.

Kế hoạch chiến lược phác hoạ những bước cụ thể đã được tiên liệu mà những người đối kháng sẽ thực hiện để thực thi đại chiến lược và những chiến lược cá biệt nhằm tranh thủ những mục tiêu đã được lựa chọn. Kế hoạch chỉ định những công tác cần phải được thi hành ở bốn cấp hạng chiến lược và ai là người chịu trách nhiệm điều hành những công tác này. Những nhân tố trong việc chuẩn bị và chọn lựa đại chiến lược, các chiến lược, chiến thuật, và sự lựa chọn các phương pháp sẽ được bàn đến một cách sâu rộng trong các Chương Ba Mươi Sáu và Ba Mươi Bảy.

Tầm quan trọng của thiết kế chiến lược không thể nói là được đặt nặng quá mức. Đó là chìa khoá làm cho các phong trào xã hội và chính trị đang sử dụng đấu tranh bất bạo động được hữu hiệu hơn.

# Chương Ba Mươi Sáu

# Những Bước Đầu Trong Thiết Kế Chiến Lược

**Một công tác quan trọng nhưng khó khăn**

Thiết lập những chiến lược sâu sắc là một trong những đòi hỏi quan trọng nhất cho một chiến dịch hữu hiệu. Một khi đại chiến lược, các chiến lược, chiến thuật, và các phương pháp đã được chọn sẵn, thì chúng phải tạo ra hướng đi tổng quát và cách điều hành của cuộc đấu tranh suốt tiến trình của cuộc xung đột.

Một chiến lược hay sẽ nhắm vào việc đạt cho được những mục tiêu của cuộc đấu tranh toàn bộ, và của những chiến dịch cá biệt, bằng cách động viên những sức mạnh của quần chúng chống lại đối phương. Trong hầu hết những cuộc đấu tranh lớn, những chiến lược khôn ngoan cũng cần phải bao gồm những phương cách phá vỡ những nguồn sức mạnh của đối phương.

Ý niệm chiến lược tổng quát – cho cả đại chiến lược lẫn các chiến lược cho những chiến dịch cá biệt -- sẽ làm rõ mục tiêu (những mục tiêu), phác hoạ cuộc đấu tranh sẽ bắt đầu như thế nào, quyết định những loại áp lực và những phương pháp nào cần được áp dụng để tranh thủ những mục tiêu dài hạn, và điều hướng các hành động nhắm đến việc đạt những mục tiêu cấp thời có thể đạt được. Các chiến lược cho những chiến dịch cá biệt cũng phải hướng dẫn làm thế nào để cuộc đấu tranh có thể bành trướng và tiến tới dù bị đàn áp, đồng thời huy động và áp dụng những nguồn lực của những người đối kháng theo những phương cách hữu hiệu.

"Thiết kế chiến lược" nghĩa là tính toán một tiến trình hành động có mục đích làm cho tiến trình này có thể đi từ hiện tại đến một hoàn cảnh tương lai mong muốn. Một kế hoạch nhằm thực hiện điều này sẽ thường gồm có một loạt những chiến dịch được chia thành giai đoạn và những sinh hoạt có tổ chức khác được thiết kế nhằm tăng sức mạnh của dân chúng phẫn uất và xã hội, và làm suy yếu đối phương.

Những chiến lược gia nên tránh những kế hoạch quá tham vọng lẫn những kế hoạch quá sức rụt rè. Hoạch định chiến lược khôn ngoan sẽ bảo đảm được sự tương tác hữu hiệu của các chiến thuật và các phương pháp cụ thể nhằm thực thi chiến lược và gia tăng cơ hội chiến thắng. Nếu muốn thay đổi từ một giai đoạn đấu tranh này qua một giai đoạn khác, và từ phương pháp này qua phương pháp khác để đạt mục đích và hiệu quả tốt, thì đòi hỏi cần phải có nhận định chiến lược rõ ràng. Các chiến lược cũng sẽ dự phóng phương cách nhằm làm cho cuộc đấu tranh trở nên thành công và làm thế nào để kết thúc cuộc đấu tranh.

Thiết lập những kế hoạch chiến lược cho việc điều hành một cuộc đấu tranh quan trọng là một công tác khó khăn và phức tạp. Chương này và hai chương tiếp theo chỉ nhằm khơi mào một sự thông hiểu cơ bản về công tác này, và cung ứng sự hướng dẫn có giới hạn cho những người thừa nhận nhu cầu về những chuẩn bị có trách nhiệm.

Bây giờ chúng tôi sẽ tập trung vào hai thành phần quan trọng trước tiên của việc thiết kế chiến lược. Thành phần đầu tiên là soạn thảo một phỏng định chiến lược để phát hiện sâu sắc hơn hoàn cảnh mà trong đó cuộc đấu tranh sẽ được xúc tiến là gì. Thành phần thứ hai là xét định những cấp chiến lược nào có thể được hoạch định mà thuận lợi cho cuộc đấu tranh.

# Chuẩn Bị Một Phỏng Định Chiến Lược[1]

Chiến lược chỉ có thể được hoạch định trong khung cảnh của một cuộc đấu tranh nào đó và trong bối cảnh và trường hợp của cuộc đấu tranh đó mà thôi. Do đó, tất cả mọi thiết kế chiến lược đòi hỏi ở những người lập chiến lược một sự thông hiểu sâu sắc về toàn cảnh của cuộc xung đột.

[1] Đoạn này được rút ra rất nhiều từ suy nghĩ và phân tách của Robert Helvey.

Điều này đòi hỏi một sự lưu tâm đến bối cảnh rộng lớn của cuộc xung đột, bao gồm những nhân tố vật chất, địa lí, khí hậu, lịch sử, chính quyền, quân sự, văn hoá, xã hội, chính trị, tâm lí, kinh tế, và quốc tế. Việc tìm ra và phân tích những nhân tố này trước khi hoạch định chiến lược được biết đến như là "phỏng định chiến lược."[2]

Ở cấp cơ bản nhất, phỏng định chiến lược là tính toán và đối chiếu các ưu điểm và nhược điểm của nhóm đấu tranh bất bạo động và của đối phương, như được nhìn thấy trong bối cảnh xã hội, lịch sử, chính trị, và kinh tế rộng lớn của xã hội mà trong đó cuộc xung đột đang xảy ra. Phỏng định chiến lược, tối thiểu, phải bao gồm một sự lưu tâm đến những lãnh vực chủ đề như sau: hoàn cảnh xung đột tổng quát, những vấn đề tranh chấp, những mục tiêu của hai phe trong cuộc xung đột, nhóm đối phương, nhóm đấu tranh bất bạo động, những thành phần thứ ba trong cuộc xung đột, và những cân bằng về lệ thuộc giữa các nhóm tranh chấp.

### Xét định các vấn đề tranh chấp và các mục tiêu

Thuộc vào tầm quan trọng bực nhất, những người lập kế hoạch chiến lược sẽ cần phải xét định những vấn đề tranh chấp đưa ra từ quan điểm của cả hai bên, của những người đối kháng tiềm năng và cả của đối phương. Những vấn đề rộng lớn như mỗi bên nhìn thấy là những vấn đề gì, và những vấn đề này quan trọng như thế nào đối với cuộc đấu tranh sắp tới?

Không phải mọi vấn đề đều ngang nhau. Vài vấn đề được một bên hay cả hai bên xem là cơ bản. Những vấn đề khác có thể được xem là ít quan trọng hơn. Quyết định các vấn đề có được bên này hay bên kia xem là những vấn đề "không thoả hiệp" được hay không, nghĩa là, những vấn đề -- dù đúng hay sai -- được tin là cơ bản đối với những người theo nhóm đó, là một vấn đề quan trọng. Những vấn đề như thế thường bao gồm những niềm tin vững chãi về bản chất của xã hội, tôn giáo, những xác tín cơ bản về chính trị của họ, hay là những điều mà họ xem như là những yêu cầu của sự sống còn của người dân.

Bản chất của các vấn đề tranh chấp và tầm quan trọng nhận thấy từ mỗi bên sẽ có một tác dụng cơ bản đối với việc thiết lập các chiến lược

[2] Xem Phụ Lục A về một kế hoạch tính toán phỏng định chiến lược

cho phong trào đối kháng sắp tới. Do đó, các chiến lược gia phải soạn thảo những khẳng định rõ ràng và chính xác về những vấn đề tranh chấp đưa ra trong cuộc đấu tranh, xét từ quan điểm của nhóm đối phương cũng như của nhóm đấu tranh bất bạo động tiềm năng.

Nhận chân sự khác biệt giữa những vấn đề rộng lớn của cuộc đấu tranh và những mục tiêu cụ thể của một chiến dịch cá biệt là một điều quan trọng. Các vấn đề thì tổng quát hơn. Ví dụ, trong một cuộc xung đột về lao động, những vấn đề có thể là tiền công, điều kiện làm việc, và sự kính trọng. Tuy nhiên, trong một cuộc đình công thì các mục tiêu cụ thể hơn, như là yêu cầu tăng tiền công, thực hiện một số biện pháp an toàn, đòi hỏi bảo hiểm y tế, hoặc các đề nghị bảo đảm công ăn việc làm.

Cả hai phe trong cuộc xung đột đều có không những chỉ những mục tiêu cấp thời, mà còn có những mục tiêu dài hạn có thể chưa được công bố vào lúc đó. Những người lập kế hoạch chiến lược nên thẩm định chính xác những mục tiêu của mỗi bên là gì, và những mục tiêu tranh chấp có thể hợp hay không hợp với nhau ở mức độ nào.

**Hoàn cảnh xung đột tổng quát**

Mọi phỏng định chiến lược đều cần phải bao gồm một sự duyệt xét chi tiết về hoàn cảnh xung đột tổng quát mà trong đó cuộc đấu tranh bất bạo động sẽ được xúc tiến. Tất cả những nhân tố gây nên một tác dụng có thể quan niệm được đối với nhóm đối phương hay đối với nhóm tranh đấu bất bạo động đều nên được xét định kĩ lưỡng. Những nhân tố này bao gồm địa thế; địa lí; hạ tầng chuyên chở; các mạng lưới thông tin; khí hậu và thời tiết; các hệ thống chính trị, tư pháp, và kinh tế trong nước hay trong một vùng, nơi xảy ra cuộc xung đột; thống kê dân số; và các loại và mức độ phân chia giai tầng xã hội và kinh tế. Những nhân tố này cũng bao gồm, hết sức là quan trọng, sự có sẵn và kiểm soát những tài nguyên kinh tế và thiết bị cho đời sống; và tình trạng của xã hội dân sự độc lập.

Xét định hoàn cảnh chính trị tổng quát cấp thời trong đó cuộc đấu tranh phải vận hành cũng là một điều quan trọng. Những phương tiện kiềm chế đặc biệt, như là thiết quân luật, và các phương tiện đàn áp khắc nghiệt khác có đang có hiệu lực hay không? Những khuynh hướng kinh tế và chính trị hiện tại là gì?

## Tình trạng và các khả năng của những bên tranh chấp

Việc hiểu biết đầy đủ và chi tiết về tất cả các phe trong cuộc xung đột sắp tới hết sức quan trọng. Một sự hiểu biết như thế phải tập trung vào những khả năng thực sự, thay vì chỉ vào những khẳng định về dự tính của mỗi bên, hay là vào những giả định đơn giản về tình trạng của mỗi phe. Phỏng định chiến lược là một tài liệu kế hoạch nội bộ, chứ không phải là một khí cụ tuyên truyền**.** Những nhận định không chính xác hoặc thổi phồng về ưu, khuyết điểm của các phe tranh chấp sẽ đưa đến những chiến lược thiếu khôn ngoan và có thể ngay cả đưa đến kết quả thất bại.

Nghiên cứu thống kê dân số về những người ủng hộ và những cảm tình viên của mỗi bên rất quan trọng. Việc nghiên cứu này cần phải bao gồm tuổi tác, giới tính, tỉ lệ biết chữ, chuẩn mực giáo dục, tỉ lệ tăng trưởng dân số, phân phối địa lí, giai tầng kinh tế xã hội, và các nhân tố khác như thế. Có có những lằn ranh địa lí, văn hoá, sắc tộc hay kinh tế phân chia hai bên hay không?

Biết được những gì về những "hệ thống" chính trị, xã hội, văn hoá và kinh tế mà trong đó mỗi bên đang sinh hoạt là một điều quan trọng. Những hỗ trợ cho các hệ thống này là gì, và những hỗ trợ này độc lập đối với, hay lệ thuộc vào, phe bên kia đến mức độ nào? Những hỗ trợ cho các hệ thống này có độc lập với cơ cấu Nhà Nước hay không? Chính cơ cấu Nhà Nước có bị đối phương kiểm soát và sử dụng hay không, hay là cả hai bên đều độc lập với Nhà Nước?

Cũng cần phải lưu ý đến việc xác định những nguồn sức mạnh của đối phương, và những cơ chế phục vụ như là những "cột trụ chống đỡ"[3] cho đối phương bằng cách cung ứng những nguồn sức mạnh nầy. Những cột trụ chống đỡ là những cơ chế và những khu vực của xã hội cung cấp cho chế độ (hay bất cứ một nhóm nào khác sử dụng quyền lực) những nguồn sức mạnh cần có để duy trì và bành trướng khả năng quyền lực của mình. Các thí dụ bao gồm những vị lãnh đạo tinh thần và tôn giáo cung ứng uy quyền và chính danh; các nhóm lao động, kinh doanh, đầu tư cung ứng những tài nguyên kinh tế và các nguyên liệu; công chức, các nhà quản trị, chuyên viên bàn giấy, các chuyên viên kĩ thuật cung cấp nhân lực và các kĩ năng chuyên biệt; cảnh sát, các nhà tù, và các lực lượng quân đội cung ứng khả năng áp dụng các hình phạt (bao gồm đàn

---

[3] Từ "cột trụ chống đỡ" do Robert Helvey đưa vào.

áp) chống lại dân.

Đòi hỏi cần phải có một sự duyệt lại tương tự như thế đối với nhóm đấu tranh bất bạo động và "nhóm khiếu nại" rộng lớn hơn (được định nghĩa như là tập thể dân chúng rộng lớn phải chịu khổ cực vì các chánh sách và hành động của nhóm đối phương và nhân danh nhóm này mà cuộc đấu tranh có thể tiến hành). Đâu là những nguồn sức mạnh của những nhóm này, và đâu là những cơ chế phục vụ như là những "cột trụ chống đỡ" cho họ?

Một phần của tiến trình thiết kế chiến lược, dựa trên cơ sở của những thông tin này, sẽ là quyết định, bằng cách nào tốt nhất, tăng sức mạnh cho (hoặc tạo nên) những cột trụ chống đỡ cho nhóm đấu tranh bất bạo động trong lúc đồng thời xói mòn những cột trụ chống đỡ của đối phương.

Thẩm định "sức mạnh đấu tranh" của mỗi bên, và đối chiếu với nhau cũng quan trọng. Đối với đối phương thì biết được tầm mức và độ tin cậy của cơ cấu hành chánh, khả năng quân sự, các lực lượng cảnh sát và tình báo, cũng như mức độ hỗ trợ mà họ có được từ dân chúng và các cơ chế của họ, sẽ rất quan trọng. Cũng thiết yếu là việc xác định được các nhược điểm và các yếu huyệt của nhóm đối phương. Nhóm thống nhất như thế nào? Có những tranh giành quyền lực và các cạnh tranh giữa các cấp lãnh đạo hay không? Có những tổ chức hay những cơ chế nào thường hỗ trợ nhóm đối phương nhưng có thể được nhắm đến như là mục tiêu có thể chuyển đổi sự trung thành hay phá vỡ tổ chức hay không?

Đối với những người đối kháng thì biết được khả năng của họ trong việc xúc tiến cuộc đấu tranh bất bạo động là điều quan trọng. Điều này bao gồm kiến thức của họ về kĩ thuật này, kinh nghiệm của họ đối với loại đấu tranh này, và sự đầy đủ và bản chất của các chuẩn bị của họ. Mức độ hỗ trợ hiện tại và tiềm năng mà những người đối kháng nhận được từ nhóm khiếu nại nói chung ở mức độ nào? Sự hỗ trợ mà những người đối kháng tiềm năng nhận được từ những nhóm, những cơ chế, và các mạng lưới liên lạc khác trong dân chúng là hỗ trợ gì? Hỗ trợ nào trong số những hỗ trợ này thực sự có thể giúp ích được? Có những tranh chấp nội bộ quan trọng không, như là cạnh tranh, tranh giành quyền lực, hay tranh cãi về ý thức hệ, trong hàng ngũ hay giữa những khu vực của tổng thể nhóm khiếu nại hay là nhóm đấu tranh bất bạo động hay không?

Còn những câu hỏi khác cũng quan trọng. Đối phương nhận được bao nhiêu hỗ trợ từ các đồng minh nội bộ và từ bên ngoài? Những đối thủ

tương lai hiểu đấu tranh bất bạo động được bao nhiêu? Thiện cảm và sự hỗ trợ thực sự hay tiềm năng có thể hiện trong tập thể dân chúng đối kháng không? Vai trò của những nhân tố xã hội, giai cấp, chủng tộc, và tôn giáo là gì?

Làm sao nhóm đối kháng tiếp cận thông tin? Ai là những đồng minh nội bộ và bên ngoài? Họ có được sự đoàn kết xã hội nội bộ và hỗ trợ đến mức độ nào? Những tài nguyên kinh tế của họ là gì? Chiều sâu của kĩ năng chiến lược của họ là gì? Sự thành thạo của những người lập chiến lược và của những người lãnh đạo đạt đến mức độ nào? Sự thành thạo chiến lược được tập trung vào một nhóm lãnh đạo, hay là ngược lại được phân tán vào tập thể dân chúng của những người đối kháng tương lai? (trường hợp sau này thường là hiếm). Có những đe doạ đối với sức mạnh tổ chức của những người đối kháng hay không?

### Những thành phần thứ ba

Thẩm định vai trò của các thành phần thứ ba đối với mỗi phe trong cuộc xung đột là gì cũng là một điều quan trọng. Những vai trò tiềm năng này có thể bao gồm phụ trợ về giao tế công cộng, cung ứng những hỗ trợ và áp lực ngoại giao, cung cấp tài trợ, áp dụng những áp lực kinh tế, và cung ứng hỗ trợ giáo dục và kĩ thuật cho mỗi bên. Những thành phần thứ ba cũng có thể cung ứng hỗ trợ cho cảnh sát và quân đội (thường thì không hỗ trợ cho nhóm đấu tranh bất bạo động), cung cấp các khu an toàn, và giúp phổ biến kiến thức đấu tranh bất bạo động. Có được thông tin chính xác và những dự phóng hợp lí về ai là những thành phần thứ ba tiềm năng và những sinh hoạt có thể có của họ là gì trong suốt tiến trình của cuộc đấu tranh sắp tới sẽ rất hữu ích cho những chiến lược gia đối kháng.

### Những cân bằng về lệ thuộc

Một phỏng định chiến lược đúng đắn phải xét đến "những cân bằng về lệ thuộc" đang có giữa các phe tranh chấp. Đối phương kiểm soát được hay có thể kiểm soát được các tài nguyên kinh tế và các thiết bị cho đời sống – như nhiên liệu, nước uống, thực phẩm, v.v., của nhóm đối kháng tương lai đến mức độ nào? Cũng như thế, nhóm đấu tranh bất bạo động kiểm soát được hay có thể kiểm soát các tài nguyên kinh tế và các thiết bị cho đời sống của đối phương đến mức độ nào? Điều này sẽ phát lộ mức độ lệ

thuộc thực sự hoặc tiềm năng của nhóm này vào nhóm kia để thoả mãn những nhu cầu đã được minh định. Điều này có thể rất quan trọng trong những cuộc đấu tranh bất bạo động, và thường cũng giúp quyết định những phương pháp nào có thể hữu hiệu nhất khi vạch kế hoạch cho cuộc đấu tranh.

**Khi nào xuất phát cuộc đấu tranh**

Những nhân tố cụ thể được trình bày trên đây chỉ là một chọn mẫu của các loại nhân tố cần phải được xác định trong một phỏng định chiến lược trước khi lập kế hoạch chiến lược. Một khi đã được hoàn thành, phỏng định chiến lược về hoàn cảnh xung đột và về những khả năng của các bên tranh chấp sẽ được dùng như là bối cảnh cho việc thiết lập một đại chiến lược cho nhóm đấu tranh bất bạo động và cho việc thiết lập những chiến lược cụ thể của những chiến dịch cá biệt.

Nếu sự phỏng định chiến lược phát hiện là nhóm đấu tranh bất bạo động yếu hơn là được đòi hỏi cho một cuộc đấu tranh quan trọng với những đối phương tương lai, thì lúc đó nhóm không nên phát xuất một cuộc đấu tranh đòi hỏi nhiều sức mạnh. Không có gì thay thế cho, hay không có một con đường tắt nào đi đến, sức mạnh của một phong trào đấu tranh bất bạo động được. Nếu nhóm đang yếu hơn là mong muốn thì, hoặc là hành động tiên khởi phải mang những hình thức giới hạn có thể hữu hiệu mà không cần sức mạnh nhiều (sẽ được bàn thêm sau này), hay là hành động nhiều tham vọng hơn phải nên được triển lại cho đến khi nhóm mạnh hơn. Rõ ràng là những nỗ lực chính yếu cần phải được tập trung vào việc tăng sức mạnh cho dân chúng chủ yếu đang bị ảnh hưởng bởi những khiếu nại và vào việc phát huy khả năng tiến hành một cuộc đấu tranh hữu hiệu.

Sự phỏng định chiến lược là điều làm cho điểm này, cũng như những quyết định khác sẽ gặp phải trong cuộc đấu tranh, được rõ ràng hơn. Tuy nhiên, dù hết sức quan trọng, phỏng định chiến lược không phải là vấn đề duy nhất cần xét đến khi lập kế hoạch chiến lược. Hiểu biết thấu đáo và có chiều sâu về kĩ thuật đấu tranh bất bạo động thuộc vào loại quan trọng bậc nhất. Những nhân tố liên hệ khác cũng đòi hỏi phải được lưu ý suốt tiến trình lập kế hoạch để làm cho cuộc đấu tranh bất bạo động càng hữu hiệu càng tốt. Nhiều chỉ dẫn trong số những chỉ dẫn về chiến lược sẽ được bàn đến ở Chương Ba Mươi Bảy.

# Các Cấp Chiến Lược

Một khi đã có kiến thức thu lượm được từ phỏng định chiến lược và những mục tiêu của nhóm đấu tranh bất bạo động sẵn trong đầu óc, thì quan niệm rộng lớn về cách làm thế nào để xúc tiến cuộc đấu tranh và làm thế nào để đạt được các mục tiêu là gì? Thực hiện quyết định này đòi hỏi -- ngoài những chuyện khác -- xác định phương thức tạo thay đổi dự tính, được tin cậy trong đấu tranh bất bạo động, và quyết định là cần phải có một hay nhiều chiến dịch. Đây là lãnh vực của suy tư chiến lược.

Một chiến lược là một quan niệm về cách làm sao để hành động tốt nhất để đạt được những mục tiêu trong một cuộc xung đột. Chiến lược lưu tâm đến vấn đề có nên chiến đấu hay không, chiến đấu khi nào, và chiến đấu như thế nào, và làm thế nào để đạt được hiệu quả tối đa hầu tranh thủ được những mục đích nào đó. Chiến lược là kế hoạch phân phối, thích nghi, và áp dụng những phương tiện có sẵn để tranh thủ những mục tiêu mong muốn.

Như đã thảo luận trước đây, có bốn cấp độ chiến lược: đại chiến lược, chiến lược, chiến thuật, và phương pháp[4]. Căn bản nhất là đại chiến lược. Rồi đến chiến lược cho những chiến dịch có giới hạn, tiếp theo đó là các chiến thuật và những phương pháp được sử dụng để thực thi các chiến lược. Khẩn thiết cần phải thông hiểu bốn yếu tố này, và những khác biệt giữa những yếu tố đó, nếu chúng ta muốn thiết kế những chiến lược cho một cuộc đấu tranh nào đó.

Dĩ nhiên là cần phải nhớ rằng không có một chiến lược duy nhất nào có thể áp dụng được cho việc sử dụng đấu tranh bất bạo động trong tất cả mọi trường hợp. Không thể có một khuôn mẫu duy nhất hoặc thiết kế một mẫu để áp dụng cho mọi cuộc đấu tranh. Mỗi hoàn cảnh đều có phần nào khác nhau, thường thì rất khác. Tuy nhiên, những chỉ dẫn tổng quát vẫn có thể vạch ra được cho công việc thiết lập kế hoạch chiến lược với điều kiện là cần lưu ý đến những nhân tố đã được thảo luận trước đây. Những người lập kế hoạch đại chiến lược cho một cuộc đấu tranh nào đó sẽ đòi hỏi phải có một sự thông hiểu sâu sắc, không những chỉ về hoàn cảnh

---

[4]Những định nghĩa này được Robert Helvey, Bruce Jenkins, và Gene Sharp soạn thảo. Bản Ghi Nhớ Không Phát Hành, Viện Albert Einstein

xung đột, mà còn về kĩ thuật đấu tranh bất bạo động, và cả về những nguyên tắc chiến lược tổng quát nữa. Một số nguyên tắc này sẽ được bàn đến ở Chương Ba Mươi Bảy.

**Đại chiến lược**

Đại chiến lược là ý niệm chủ đạo cho việc điều hành cuộc đấu tranh. Một đại chiến lược là quan niệm dùng để điều hợp và điều động tất cả những tài nguyên thích hợp và có sẵn (kinh tế, nhân lực, và tinh thần, v.v.) của dân chúng hay của nhóm để đạt những mục tiêu của mình trong một cuộc xung đột. Đó là một kế hoạch tổng quát cho việc điều hành cuộc đấu tranh. Kế hoạch này cho phép người ta biết trước là cuộc đấu tranh như là một toàn bộ cần phải tiến hành như thế nào. Cuộc đấu tranh có thể đi đến chiến thắng bằng cách nào? Làm sao để đạt được sự thay đổi mong muốn?

Đại chiến lược bao gồm việc xét định lẽ phải của lí tưởng đấu tranh của nhóm đấu tranh bất bạo động, việc đánh giá và sử dụng những áp lực và ảnh hưởng khác ngoài kĩ thuật đấu tranh, và việc quyết định các điều kiện cho phép xúc tiến cuộc đấu tranh công khai.

Đại chiến lược bao gồm, rất là quan trọng, sự lựa chọn kĩ thuật đấu tranh, hay là biện pháp ngăn chặn tối hậu. Biện pháp này sẽ được sử dụng như là một lợi thế phòng hờ trong trường hợp có những đe doạ thực sự hay hiểu ngầm trong thời gian thương thảo, và sau này được sử dụng trong cuộc đụng độ công khai của các lực lượng, nếu điều này xảy ra. Trong trường hợp này, kĩ thuật sử dụng là đấu tranh bất bạo động. Đại chiến lược được lựa chọn cũng sẽ đưa ra khuôn mẫu cơ bản cho việc thiết lập các chiến lược nhằm xúc tiến cuộc đấu tranh trong những chiến dịch có giới hạn hơn, được điều động nhắm đến những mục tiêu nhất định.

Thêm nữa, đấu tranh bất bạo động đôi khi có thể được hỗn hợp, trong đại chiến lược, cùng với việc sử dụng những phương tiện khác không bạo động, và do đó không đe doạ sự vận hành của kĩ thuật này. Tìm kiếm dữ kiện, quảng bá công khai, giáo dục quần chúng, kêu gọi đối phương, và đôi khi thương thảo, cũng như, trong một vài trường hợp, các chiến dịch đầu phiếu, có thể, trong nhiều hoàn cảnh, được sử dụng cùng chung với đấu tranh bất bạo động một cách rất có lợi. Những phương tiện này thường được sử dụng song hành với các tẩy chay kinh tế và đình công lao động, chẳng hạn. Những vụ kiện và những hành động pháp lí khác có

lúc cũng đã từng được sử dụng để hỗ trợ đấu tranh bất bạo động, như vụ tẩy chay xe buýt tại quận Montgomery, tiểu bang Alabama.

Đại chiến lược cũng bao gồm việc xét định cuộc đấu tranh liên hệ như thế nào với việc đạt những mục tiêu mà cuộc đấu tranh đã được tiến hành để tranh thủ. Dự phóng những hậu quả lâu dài có thể xảy ra của cuộc đấu tranh cũng thuộc lãnh vực của đại chiến lược.

Một đại chiến lược cho một cuộc đấu tranh bất bạo động tốt hơn là nên bao gồm không những một sự chấm dứt điều bị phủ nhận mà còn phải bao gồm việc thiết lập một điều gì mới để thay thế cho điều đã phủ nhận. Ví dụ, một đại chiến lược chỉ giới hạn mục tiêu vào việc đánh tan nền độc tài hiện hành mà thôi sẽ gặp phải sự nguy hiểm lớn lao là sẽ sản xuất ra một nền độc tài mới. Một mục đích hay hơn có thể sẽ thay đổi được hệ thống thống trị, đồng thời thiết lập được một hệ thống chính trị tốt đẹp hơn có nhiều tự do hơn và nhiều sự kiểm soát dân chủ hơn.

Đại chiến lược được lựa chọn cần phải phác hoạ những đường nét chính về việc nhóm đấu tranh bất bạo động phải điều hành cuộc đấu tranh như thế nào. Điều này sẽ trải rộng từ hiện tại cho đến một hoàn cảnh trong tương lai khi mà các mục tiêu đã đạt được. Những phương tiện tổng quát tạo áp lực và hành động nào có thể được áp dụng vào nỗ lực này? Mũi dùi chính của nhóm đấu tranh bất bạo động chống lại đối phương sẽ là gì? Có phải áp lực được áp dụng sẽ tạo ra các tổn thất về kinh tế hay không? Hay sẽ đánh sập chính danh tự tạo của đối phương? Hay làm tê liệt kinh tế? Còn áp lực quốc tế thì sao? Có sử dụng những áp lực khác không?

Câu hỏi sau đây rất quan trọng: Nhóm đấu tranh bất bạo động có thể làm suy yếu hay cắt đi được hầu hết hay tất cả các nguồn sức mạnh của đối phương hay không? Những nguồn sức mạnh này gồm có uy quyền (hay chính danh), nhân lực, kĩ năng và kiến thức, các nhân tố không nắm bắt được, vật lực, và các chế tài. Làm suy yếu hay cắt bỏ được những nguồn sức mạnh này là thiết yếu cho những cuộc đấu tranh chống lại những chế độ áp bức tàn bạo, và có thể làm cho sức mạnh của những chế độ này sụp đổ.

Nếu những người đối kháng mạnh đủ, có đủ số người tham gia, và tập trung bất hợp tác vào những nguồn sức mạnh này, thì ngay cả một chế độ hết sức tàn ác cũng có thể có tiềm năng bị làm suy yếu đi hoặc phân huỷ. Cuộc đấu tranh Tháng Mười năm 2000 của người Serb là một thí dụ.

Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh, những nỗ lực nhằm vô hiệu hoá hoàn toàn hay cắt đi những nguồn sức mạnh của đối phương khó mà nằm trong khả năng của nhóm đấu tranh. Những kết quả của phỏng định chiến lược phải giúp quyết định là nhóm có có khả năng áp dụng những áp lực đòi hỏi với một sức mạnh đủ để thành công trong một chiến dịch duy nhất, hay là nhóm phải lập kế hoạch cho một loạt nhiều chiến dịch có giới hạn hơn. Sự tính toán này là một phần cần thiết của đại chiến lược, và sẽ được thảo luận đầy đủ hơn ở Chương Ba Mươi Bảy.

**Chiến lược**

Những chiến lược cá biệt cho những chiến dịch có những mục tiêu giới hạn hơn rất quan trọng. Những chiến lược cho các chiến dịch hướng dẫn những cuộc đấu tranh cần phải được xúc tiến như thế nào trong phạm vi của cuộc đấu tranh rộng lớn hơn và của đại chiến lược. Những chiến lược giới hạn này phác hoạ những phương cách các chiến dịch cụ thể sẽ phải phát triển như thế nào, và các bộ phận riêng biệt của những chiến dịch này sẽ phải ăn khớp với nhau như thế nào để đạt được các mục tiêu một cách tốt đẹp nhất. Chiến lược cũng bao gồm việc phân công tác cho các nhóm và phân phối tài nguyên cho họ sử dụng trong cuộc đấu tranh. Những chiến lược sâu sắc của các chiến dịch giúp hướng dẫn cuộc đấu tranh lấy cái sườn mẫu của đại chiến lược, đắp đầy cái sườn này thành một quan niệm bao quát điều hướng tất cả mọi khía cạnh của cuộc đấu tranh.

Mặc dù liên hệ với nhau, việc thiết kế một đại chiến lược và lập ra những chiến lược cho các chiến dịch là hai tiến trình khác biệt. Chỉ sau khi đại chiến lược đã được quyết định thì các chiến lược cho những chiến dịch mới được thiết lập một cách đầy đủ. Những chiến lược cho các chiến dịch sẽ cần phải được thiết kế nhằm tranh thủ và củng cố những mục tiêu đại chiến lược. Các nhân tố trong việc thiết lập những chiến lược cho các chiến dịch bao gồm việc tạo ra một hoàn cảnh thuận lợi, việc quyết định khi nào xúc tiến một chiến dịch, và mô hình rộng lớn cho việc sử dụng những đụng độ giới hạn trong phạm vi chiến lược được lựa chọn để đem lại thành công.

Thường thì những mục tiêu chiến lược cho các chiến dịch phải phản ánh những vấn đề tranh chấp rộng lớn hay những khiếu nại đã được phác hoạ trong đại chiến lược. Nếu cuộc xung đột phần lớn mang bản sắc kinh

tế, và một đại chiến lược đã được chuẩn y đòi hỏi chủ yếu phải sử dụng những áp lực kinh tế, thì những chiến lược cho các chiến dịch được tuyển chọn sẽ có chiều hướng tập trung hầu hết vào các mục tiêu kinh tế hơn cả và sẽ áp dụng những áp lực như là những cuộc đình công lao động hay là những vụ tẩy chay kinh tế. Tuy nhiên, nếu đại chiến lược tập trung vào việc tranh thủ tự do chínhh trị, chống đối nền cai trị độc tài, hay là ủng hộ tự do phát biểu, thì những chiến lược cho các chiến dịch cá biệt có thể tập trung vào những diễn đạt cụ thể của những vấn đề này, bằng cách sử dụng những phương pháp thích hợp như là phân phối những tài liệu bị nghiêm cấm, thực thi quyền tự do ngôn luận bị cấm đoán, hay sử dụng những phương pháp khác có thể làm nổi bật bản chất cực đoan của nền cai trị chuyên chế hay của những vi phạm nhân quyền hay các tự do dân sự.

Điều này không có ý muốn nói là chỉ có những áp lực kinh tế mới nên được áp dụng trong những cuộc đấu tranh về những vấn đề kinh tế, hay là chỉ những áp lực chính trị mới nên áp dụng cho những cuộc đấu tranh nặng về chính trị. Bất hợp tác kinh tế có thể hữu hiệu trong việc ép buộc phải có những thay đổi chính sách chính trị, và trong một vài trường hợp, ngay cả thay đổi chế độ. Mặc dù vậy, khi thiết kế các chiến lược cho những chiến dịch giới hạn thì chọn lựa những vấn đề tranh chấp cụ thể và những mục tiêu dễ được thừa nhận như là tiêu biểu cho sự khiếu nại tổng quát đã được xác định trong đại chiến lược vẫn có lợi.

## Chiến thuật

Chiến lược cho một chiến dịch có mục tiêu giới hạn sẽ quyết định những kế hoạch “chiến thuật” nhỏ hơn và những phương pháp hành động cụ thể nào cần phải được sử dụng để đeo đuổi mục đích chính. Một chiến lược hay cũng sẽ bất lực trừ phi chiến lược đó được thực thi bằng hành động với những chiến thuật có cơ sở. Tuy nhiên, sự lựa chọn và thực thi khéo léo các chiến thuật sẽ không bù đắp được cho một chiến lược mà nói chung là tồi tệ. Sự chọn lựa các chiến thuật để thực thi một chiến lược có thể bao hàm việc xét định các mặt trận, các nhóm, các thời điểm, và các phương pháp khác nhau.

Một chiến thuật là một kế hoạch hành động có giới hạn, dựa trên một quan niệm là làm thế nào để, trong một giai đoạn giới hạn của cuộc đấu tranh, sử dụng tốt nhất những phương tiện đấu tranh sẵn có hầu đạt một

mục tiêu giới hạn như là một phần của chiến lược rộng lớn hơn của một chiến dịch. Để được hữu hiệu nhất, các chiến thuật và các phương pháp phải được chọn và áp dụng như thế nào để chúng thực sự hỗ trợ việc thực thi chiến lược và đóng góp vào việc đạt được các yêu cầu đòi hỏi cho chiến lược được thành công.

Chiến thuật chỉ định những phương pháp nào cần phải được áp dụng như thế nào và những nhóm người đối kháng nào sẽ phải hành động trong một hoàn cảnh nhất định nào đó. Ví dụ, trong một cuộc đình công lao động mà các công nhân xưởng đình công để tranh đấu cho nghiệp đoàn được công nhận, để đòi tăng lương, hay đòi những điều kiện làm việc tốt hơn, thì các chiến thuật cần bao gồm sự chọn lựa thời điểm cho cuộc đình công, làm sao để công nhân được thuyết phục tham gia vào cuộc đình công, hành động nào cần phải có để làm nản chí những người bỏ hàng ngũ đình công, làm sao để những người đình công có thể được hỗ trợ về kinh tế trong thời gian họ không làm việc, những nỗ lực nào cần phải thực hiện để khuyến khích cảm tình và hỗ trợ của dân chúng, và những tiếp xúc nào cần phải có với các chủ nhân của xưởng.

Các chiến thuật do đó là những kế hoạch để xúc tiến những đụng độ có giới hạn trong phạm vi chiến lược đã được lựa chọn -- giới hạn về tầm cỡ, về số người tham gia, về thời lượng, hay là về vấn đề tranh chấp. Chiến thuật xác định rõ là nhóm đấu tranh phải hành động như thế nào trong một cuộc đụng độ nhất định nào đó với đối phương.

Một chiến thuật nằm gọn bên trong một chiến lược của một chiến dịch, cũng như các chiến lược cho những chiến dịch nằm gọn bên trong đại chiến lược. Mặc dù chiến lược còn bao gồm những xét định rộng lớn hơn ngoài việc phải đấu tranh như thế nào, nhưng chiến thuật luôn luôn quan tâm đến đấu tranh. Người ta chỉ có thể hiểu được một chiến thuật trong tương quan với những phương pháp mà chiến thuật đó sử dụng và như là một bộ phận của chiến lược rộng lớn hơn của một chiến dịch.

**Phương pháp**

Muốn đạt được những kết quả tốt đẹp nhất và việc thực thi các chiến lược đã được hoạch định một cách hữu hiệu nhất, thì sự lựa chọn các "vũ khí" bất bạo động, hay là những phương pháp cụ thể, sẽ cần phải được thực hiện một cách cẩn trọng và khôn ngoan. Nhiều cuộc đấu tranh trong quá khứ đã được bắt đầu bằng sự chọn lựa các phương pháp hành động cụ

thể để sử dụng, thay vì bằng sự thiết lập những kế hoạch dài hạn cho việc xúc tiến cuộc đấu tranh. Chúng tôi không đề nghị làm như vậy. Ngược lại, trình tự khôn ngoan hơn là thiết lập đại chiến lược trước tiên, rồi hoạch định chiến lược cho một chiến dịch cá biệt. Chỉ lúc đó, những người lập kế hoạch mới chọn lựa những chiến thuật và những phương pháp hành động cụ thể thích hợp nhất. Những phương pháp sẵn có đã được liệt kê ở Chương Bốn[5]. Ngoài ra còn có những phương pháp khác nữa.

Chúng ta cần nên duyệt lại những đặc tính của ba loại phương pháp tổng quát đã được đề cập trước đây.

- **Phản đối và thuyết phục:** Những phương pháp này gồm có những đêm không ngủ, diễn hành, các kiến nghị, làm rào cản, và bãi công đột ngột. Những phương pháp này có những hiệu quả phần lớn chỉ có tính biểu tượng và tạo một ý thức là có sự bất đồng ý kiến.

- **Bất hợp tác:** Những phương pháp này bao gồm những vụ tẩy chay xã hội, tẩy chay kinh tế, những cuộc đình công lao động, và nhiều hình thái bất hợp tác chính trị, bao gồm những vụ tẩy chay những chức vụ của chính quyền, bất tuân dân sự, và nổi loạn. Những phương pháp bất bạo động, nếu được áp dụng một cách phổ quát, thì có thể tạo những khó khăn cho việc duy trì sự điều hành và hiệu năng bình thường của hệ thống chính trị hoặc kinh tế của đối phương. Trong những trường hợp quá khích, thì những phương pháp này có thể đe doạ sự tồn tại của chế độ.

- **Can thiệp:** Những phương pháp này bao gồm tuyệt thực, biểu tình ngồi, gây cản trở bất bạo động, tạo ra hoặc tăng cường các cơ chế thay thế, và lập chính quyền song hành. Những phương pháp này có những phẩm chất của hai nhóm phương pháp trước đây, nhưng thêm vào đó có thể tạo ra một thách thức trực tiếp hơn đối với chế độ của đối phương. Bằng cách gây rối loạn đủ loại, những phương pháp này có thể -- nhưng không bảo đảm -- sẽ tạo nên một tác

---

[5] Muốn có định nghĩa đầy đủ về các phương pháp cùng với những thí dụ lịch sử, xem Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động*, Phần Hai, *Những Phương Pháp Đấu Tranh Bất Bạo Động*. Dĩ nhiên là còn có nhiều phương pháp khác có sẵn hay sẽ được tạo nên.

dụng lớn hơn với số người tham gia ít hơn, với điều kiện là can đảm và kỉ luật có thể duy trì được dù bị đàn áp.

Trong nhiều cuộc đấu tranh quan trọng, những phương pháp bất hợp tác đặc biệt quan trọng bởi vì những phương pháp này có thể đe doạ khả năng vận hành của hệ thống. Những phương pháp này đòi hỏi phải có kĩ năng trong việc chọn lựa và áp dụng chúng. Lợi điểm của những phương pháp bất hợp tác là, nếu được áp dụng trọn vẹn trong một thời gian lâu đủ, thì chúng sẽ có tính cưỡng ép và ngay cả có thể phân huỷ chế độ của đối phương.

Những phương pháp bất hợp tác thường đòi hỏi nhiều thời gian và sự tham gia của nhiều người mới tạo được tác dụng. Nhiều phương pháp trong số những phương pháp can thiệp bất bạo động, trái lại, có thể được áp dụng với một số người ít hơn. Tuy nhiên, những phương pháp này thường đòi hỏi rất nhiều kỉ luật và chuẩn bị mới áp dụng thành công được, và một số phương pháp này chỉ có thể áp dụng được trong một thời gian có giới hạn mà thôi. Một vài trong số những phương pháp can thiệp bất bạo động này còn có thể gặp phải sự đàn áp hết sức khắc nghiệt nữa. Một vài phương pháp can thiệp bất bạo động, như phương pháp chính quyền song hành chẳng hạn, đòi hỏi phải có sự ủng hộ lớn lao.

Thường thường, các phương pháp áp dụng những áp lực khác nhau và sử dụng những phương thức khác có thể được hỗn hợp với nhau một cách hữu hiệu trong cùng một chiến dịch. Không thể đặt ra những luật ngắn gọn được, nhưng những hỗn hợp hữu hiệu của những phương pháp đòi hỏi phải có thiết kế chiến lược khôn ngoan.

Trong hầu hết các cuộc đấu tranh, người ta sẽ sử dụng nhiều hơn là một phương pháp. Trong những trường hợp như thế, thứ tự theo đó các phương pháp được áp dụng, những phương cách theo đó các phương pháp được hỗn hợp với nhau, những phương pháp này ảnh hưởng đến sự áp dụng những phương pháp khác như thế nào, và những phương pháp này đóng góp vào cuộc đấu tranh như là một toàn bộ như thế nào; tất cả đều trở nên rất quan trọng.

Đôi khi sự hỗn hợp các phương pháp tương đối đơn giản, nhất là trong loại đấu tranh địa phương hay loại có giới hạn. Những vụ tẩy chay kinh tế đã từng được sử dụng, chẳng hạn, để hỗ trợ những cuộc biểu-tình-ngồi chống kì thị chủng tộc, và hàng rào cản thường được sử dụng để hỗ trợ những cuộc đình công. Tuy nhiên, khi một cuộc tổng đình công được sử

dụng để ủng hộ hay chống đối một vụ nổi loạn của quân đội chính quyền thì hoàn cảnh trở nên phức tạp hơn, và nhiều phương pháp có thể được sử dụng.

Người nào lập kế hoạch cho đấu tranh bất bạo động thì cần phải quen thuộc với tất cả những phương pháp đấu tranh bất bạo động sẵn có để sẵn sàng áp dụng khi có thể được. Tác dụng của các phương pháp khác nhau rất nhiều, dù cho những phương pháp đó đã được áp dụng một cách sành sỏi. Ví dụ, một vụ tuyệt thực để phản đối do một nhân vật hết sức được trọng vọng thực hiện sẽ tạo nên một hiệu quả rất khác với việc gây trở ngại hành chánh do công chức thực hiện. Hiệu quả của vụ tuyệt thực hay gây trở ngại hành chánh lại khác xa hiệu quả của một vụ tổng đình công trải rộng hay của việc cảnh sát từ chối tìm và bắt những người đối kháng chính trị. Cần phải chọn những phương pháp khác nhau cho những hoàn cảnh, mục tiêu, và chiến lược khác nhau.

## Chọn lựa phương pháp

Mỗi chiến lược cá biệt đòi hỏi một sự chọn lựa kĩ lưỡng những phương pháp đấu tranh bất bạo động sẽ được sử dụng, tiếp theo đó là sự áp dụng sành sỏi những phương pháp này. Những phương pháp cụ thể quan trọng nhất sẽ được sử dụng cần phải có một sự tương quan rõ rệt với các mục tiêu của chiến dịch hay của cuộc đấu tranh như là một toàn bộ, và phải đóng góp như là phương tiện nhằm đạt những mục tiêu này.

Số phương pháp áp dụng trong bất cứ một cuộc xung đột duy nhất nào cũng biến đổi từ một đến cả hằng tá. Những phương pháp được lựa chọn cần phải hợp với những vấn đề tranh chấp được nêu lên, với phương thức tạo thay đổi đã dự tính, với những khả năng của dân chúng áp dụng những phương pháp đó, và với chiến lược đã được lựa chọn cho chiến dịch. Những nhân tố khác cần được xét định khi chọn các phương pháp bao gồm hoàn cảnh, các mục tiêu của cả hai nhóm, nhóm đấu tranh bất bạo động lẫn nhóm đối phương, những đặc tính của nhóm đối kháng và của nhóm đối phương, sự đàn áp sẽ xảy ra, và sự phát triển dự tính của cuộc đấu tranh.

Đây là một số câu hỏi cần phải được đặt ra. Câu hỏi rất quan trọng là: Những phương pháp đang được xét định có đóng góp vào việc thực thi đại chiến lược đã được lựa chọn và chiến lược cá biệt cho chiến dịch hay không? Những phương pháp vừa nói có áp dụng những áp lực chống lại

đối phương được xác định là cần thiết cho sự thành công của cuộc đấu tranh hay không? Ví dụ, nếu chiến lược xác định những áp lực kinh tế là quan trọng hơn cả, thì có thể đòi hỏi cần phải có những phương pháp kinh tế như là đình công lao động và những vụ tẩy chay kinh tế. Ngược lại, nếu mục tiêu chiến lược là đánh đổ khả năng cai trị của đối phương, thì có thể sẽ phải cần đến những phương pháp đặc biệt về bất hợp tác chính trị để làm suy yếu hay cắt đứt sự cung cấp các nguồn sức mạnh của chế độ bằng cách tấn công vào các cột trụ chống đỡ.

Nếu những phương pháp đang được xét định không trực tiếp thực thi các chiến lược cho những chiến dịch và không trực tiếp áp dụng những áp lực cần phải có đã được xác định, thì ít nhất những phương pháp này có giúp cho việc áp dụng những phương pháp sẽ dùng những áp lực này được dễ dàng không, như là bằng cách nâng cao tinh thần đối kháng hoặc làm lụn bại tinh thần của đối phương không? Ví dụ, nếu đình công lao động là phương pháp chính yếu đang được sử dụng theo kế hoạch chiến lược, thì những phương pháp thứ yếu như làm hàng rào cản hay một cuộc tẩy chay kinh tế có thể được sử dụng để hỗ trợ cuộc đình công.

Những phương pháp sẽ được sử dụng cũng cần phải được lựa chọn với sự xét định là những phương pháp này có thể giúp tạo thay đổi bằng những phương thức đấu tranh bất bạo động đã được lựa chọn hay không, như: cải hoá, thích nghi, cưỡng ép bất bạo động, hoặc phân huỷ, như chúng ta đã thảo luận ở Chương Ba Mươi Hai và Ba Mươi Ba. Ví dụ, một cuộc tuyệt thực kéo dài có thể tác dụng đến cảm tình của người dân và có thể tranh thủ được sự quảng bá rộng rãi. Tuy nhiên, một cuộc tổng đình công, một cuộc bãi công đột khởi của công chức, hay một sự nổi loạn của quân đội có thể làm tê liệt chế độ, tạo nên cưỡng ép bất bạo động. Các phương pháp và các phương thức tạo thay đổi phải phù hợp với nhau.

Một nhân tố quan trọng nữa trong việc lựa chọn các phương pháp là thể loại đàn áp và những biện pháp phản công khác được chờ đợi sẽ xảy ra. Tập thể dân chúng, những người đối kháng, và những người lãnh đạo phong trào được chuẩn bị để chịu đựng đàn áp đến mức độ nào trong lúc vẫn tiếp tục đối kháng và thách thức?

Thêm nữa, số người đối kháng có được cũng rất quan trọng trong việc lựa chọn các phương pháp và những phương thức tạo thay đổi. Kêu gọi một cuộc tổng đình công mà chỉ có được 20 người tình nguyện tham gia thì hiển nhiên là một điều không khôn ngoan. Tuy nhiên, bằng một

phương pháp khác, như tuyệt thực chẳng hạn, 20 người, tuỳ họ là ai, có thể kêu gọi được sự chú ý đáng kể đến sự khiếu nại và gây được áp lực tâm lí và tinh thần lớn lao có thể dẫn đến hành động mạnh hơn. Một hành động giới hạn như thế tuy nhiên vẫn cần phải được xúc tiến với những chuẩn mực hành vi hết sức cao về phía những người tham dự.

Những hiệu quả do các phương pháp tạo ra trong việc phát triển phong trào cũng quan trọng. Những phương pháp này có đóng góp vào việc phát triển tiệm tiến của phong trào, vào việc thay đổi thái độ, vào việc thay đổi các tương quan lực lượng, vào sự chuyển đổi sự ủng hộ đối với mỗi bên, và vào việc áp dụng và những tác dụng sau này của những phương pháp bất bạo động mạnh hơn hay không?

Trong khi chọn phương pháp thì ta nên nhớ rằng khiến người ta đừng làm một điều gì đã được chỉ thị phải làm thì dễ hơn là khiến người ta làm một điều gì mà người ta không thường làm. Điều này đặc biệt đúng khi hành động đòi hỏi nhiều mạo hiểm hay là bị cấm đoán.

### Trong lúc đấu tranh

Những phương pháp cụ thể cần phải được lựa chọn để khởi động cuộc đấu tranh. Những phương pháp này có thể chỉ có tính biểu tượng, hay là có thể tham vọng hơn, như tung ra một một cuộc đình công. Lúc bắt đầu một chiến dịch, các chiến lược gia đấu tranh bất bạo động có thể cố tình sử dụng những phương pháp tương đối yếu để trắc nghiệm, qua phản ứng của dân chúng, xem dân chúng có sẵn lòng sử dụng những phương pháp mạnh hơn và có thể chịu đựng nổi đàn áp khắc nghiệt hơn như là cái giá phải trả để đánh đổi thành công hay không.

Một khi cuộc đấu tranh đã tiến hành thì cũng cần phải duyệt lại chiến lược trước đây đã được chọn cho cuộc xung đột để quyết định xem có cần phải sắp thời biểu cho việc áp dụng những phương pháp phụ thêm hay cần phải thay đổi phương pháp. Chỉ sử dụng một số ít phương pháp có phương hại đến sự thành công của cuộc đấu tranh hay không, hay là một sự giới hạn như thế là cần thiết để có thể tập trung các áp lực lên đối phương? Những người đối kháng có thể chịu đựng nổi các áp lực và đàn áp của đối phương khi đối phương tập trung hành động của họ vào mấy điểm đã được lựa chọn này hay không? Chuyển đổi các phương pháp có cần thiết để duy trì sự uyển chuyển của cuộc đấu tranh đang phát triển hay không?

Còn nhiều câu hỏi nữa cần phải được giải đáp. Những phương pháp được lựa chọn có giúp tranh thủ hay duy trì được sáng kiến trong cuộc đấu tranh hay không? Nếu những phương pháp lựa chọn được dự tính là sẽ áp dụng trên bình diện rộng lớn, thì những phương pháp này thực sự có thể lan rộng ra được không? Nếu những phương pháp lựa chọn đòi hỏi phải có huấn luyện hay những chuẩn bị đặc biệt – do đó chỉ thích hợp cho những nhóm tuyển chọn nhỏ -- thì những chuẩn bị như thế đã có sẵn chưa? Nếu những phương pháp lựa chọn cần được áp dụng bởi những đám đông quần chúng, thì việc sử dụng những phương pháp này có thể được lặp lại trên bình diện rộng lớn mà không cần huấn luyện hay những chuẩn bị đặc biệt hay không?

Chuyển từ một mức hành động này đến một mức khác – như từ những phản đối có tính biểu tượng đến bất hợp tác, và từ bất hợp tác đến can thiệp – có thể lôi kéo một sự gia tăng tiệm tiến về mức độ đàn áp cần phải mạo hiểm. Đi ngược lại, chọn bất hợp tác thay vì can thiệp đôi lúc có thể giúp tạo ra được một hoàn cảnh xung đột tương đối ít có tính bùng nổ và nguy hiểm và đàn áp tương đối ít khắc nghiệt hơn. Tuy nhiên, những tương quan giữa các cấp độ phương pháp và sự khắc nghiệt của đàn áp không thể áp dụng được cho tất cả mọi hoàn cảnh và chống lại mọi đối thủ được. Những phương pháp rất nhẹ nhàng có lúc vẫn có thể gặp phải đàn áp tàn bạo, nhất là khi đối phương là một chế độ không chấp nhận những biểu thị công khai về bất đồng ý kiến hay đối lập.

Trong một cuộc đấu tranh lâu dài, phân chia thành giai đoạn thường rất quan trọng. Chọn lựa các mục tiêu và sự chọn lựa và trình tự của các phương pháp có thể là những nhân tố quan trọng nhất trong việc phân giai đoạn. Thường thì một số hành động nhẹ nhàng cần phải đi trước những hành động khác để việc sử dụng những hành động mạnh hơn có thể đi tiếp theo sau. Quyết định khi nào cần tiến đến một giai đoạn mới trong cuộc đấu tranh cần phải được cân nhắc cẩn thận. Những chuyển đổi phương pháp như thế có thể giúp tránh được tình trạng bất động và duy trì được sáng kiến.

## Kế hoạch chiến lược

Một kế hoạch chiến lược là một mô hình cụ thể để thực thi một chiến lược. Kế hoạch phải trả lời được những câu hỏi người nào, khi nào, ở đâu, và như thế nào cho các bộ phận chiến lược của mỗi chiến dịch.

Trong những cuộc đấu tranh nhỏ hay hết sức giới hạn, thì kế hoạch chiến lược này trên thực tế có thể chỉ có ở cấp độ chiến thuật. Ví dụ, trong một cuộc đấu tranh giới hạn về lao động mà mục tiêu lớn và mục tiêu của chiến dịch là một (một hợp đồng bao gồm cải thiện các phúc lợi và lương bổng), và chỉ sử dụng một hay hai phương pháp trong một chiến dịch (một cuộc đình công quy ước sau khi thương thảo hợp đồng bất thành), kế hoạch chiến lược sẽ vạch ra những chi tiết như khi nào thì bắt đầu cuộc đấu tranh, những người nào sẽ tham gia và vai trò của họ là gì, làm những hàng rào cản ở đâu, và những công tác hậu cần nào cần thiết để tiếp tế lương thực, tiền bạc, và những điều cần thiết vật chất khác cho những gia đình của những công nhân đình công. Trong trường hợp như thế thì việc chuẩn bị kế hoạch chiến lược không khẩn thiết phải là một giai đoạn biệt lập với sự chuẩn bị cho việc lựa chọn các chiến thuật và các phương pháp nhằm thực thi chiến lược của chiến dịch.

Trong một cuộc đấu tranh rộng lớn hơn và phức tạp hơn, thì kế hoạch chiến lược có thể có ở nhiều cấp độ. Trong những cuộc đấu tranh hiếm hoi mà người ta có thể lập kế hoạch cho nhiều chiến dịch tiến hành cùng một lúc hoặc là tiếp nối nhau trong một thời gian ngắn, thì kế hoạch chiến lược phải xác định trình tự của những chiến dịch này và thời gian khởi điểm cho mỗi chiến dịch, dựa trên sự tương quan chiến lược giữa những chiến dịch này. Kế hoạch chiến lược cũng còn phải xác định những bộ phận nhỏ trong chính các chiến dịch này nữa.

Ví dụ, trong một cuộc đấu tranh lao động rộng lớn chống lại một công ti hay một ngành kĩ nghệ nào đó mà nhóm lao động có được một sức mạnh phi thường và thiện cảm của người dân, thì cuộc đấu tranh, ngoài hành động đình công, có thể bao gồm một chiến dịch tẩy chay tất cả sản phẩm của công ti hay ngành kĩ nghệ này. Chiến lược của chiến dịch lúc đó có thể nhận thấy nhu cầu khuyến khích và thực hiện cuộc tẩy chay bằng những hành động khác nhau, từ những vụ tẩy chay chính yếu và phụ thuộc và những hàng rào cản trước các cửa tiệm đến các vụ biểu tình đoàn kết và ngăn chặn xuất cảng các sản phẩm ra ngoại quốc.

Kế hoạch chiến lược cùng với những chiến thuật và các phương pháp thực thi chiến lược sẽ lấp đầy các chỗ trống, chỉ rõ những tiệm nào cần có hàng rào cản, cần phải sắp xếp những cuộc biểu tình ở đâu và khi nào, cần tìm những thể loại quảng bá nào để thúc đẩy những cuộc tẩy chay chính yếu và phụ thuộc, và cần phải nhắm vào những nhóm nào để có được sự ủng hộ về việc ngăn chặn xuất cảng các sản phẩm.

Trong lúc đang bàn về việc lựa chọn phương pháp ở đây thì có một vài công tác nằm bên trên bình diện thiết kế chiến thuật; những công tác này – dù là thành phần của kế hoạch chiến lược – đặc biệt nói đến việc lập kế hoạch cụ thể về tiếp vận và điều hành của mỗi hành động cá biệt trong phạm vi chiến dịch.

Tóm lại, kế hoạch chiến lược là kim chỉ nam điều hành tổng quát của đấu tranh. Đó là kế hoạch cho việc áp dụng cụ thể và thực thi chiến lược. Trên bình diện rộng lớn thì những kế hoạch chiến lược thông thường bao gồm bốn giai đoạn:

- Chuẩn bị cho cuộc đấu tranh
- Khởi sự hành động để tranh thủ (các) mục tiêu
- Phát triển cuộc đấu tranh đang diễn biến
- Sau khi thành công, củng cố các thắng lợi

Trong phạm vi của mỗi giai đoạn, kế hoạch chiến lược phải theo những chiến lược của các chiến dịch để chỉ định những công tác nào cần phải được thi hành ở nhiều cấp độ chiến lược khác nhau, cũng như những người hay nhóm người chịu trách nhiệm về những công tác ấy. Như đã có bàn đến trước đây, một bộ phận quan trọng của kế hoạch chiến lược là kế hoạch chiến thuật; kế hoạch chiến thuật này sẽ xác định chi tiết các công tác được đòi hỏi cho việc thực thi từng hành động cá biệt của chiến dịch được thành công.

Các chiến lược gia nên nhớ rằng trong những cuộc đấu tranh phức tạp, bao gồm những cuộc đấu tranh chống lại những chế độ đàn áp, thì trước khi khởi động cuộc đấu tranh, lập kế hoạch cho việc thực thi cụ thể cho đại chiến lược từ chiến dịch đầu tiên đến chiến dịch cuối cùng thông thường là một điều hết sức khó, và nhiều khi không thể thực hiện được. Trong những trường hợp như thế, kế hoạch chiến lược phải càng cụ thể và càng rõ ràng càng tốt đối với việc thực thi chiến lược của chiến dịch đầu tiên, nhưng khẩn thiết sẽ phải mơ hồ đối với những chiến dịch tương lai. Như vậy là vì các mục tiêu giới hạn của những chiến dịch tương lai, các chiến lược của những chiến dịch này, thời gian tính, và các sinh hoạt

chiến thuật, phần lớn sẽ được quyết định bởi những thay đổi trong hoàn cảnh xung đột sẽ xảy ra trong giai đoạn hay những giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh. Các chiến lược gia do đó cần phải theo dõi sát diễn tiến của cuộc đấu tranh, và tuỳ theo đó mà lập những kế hoạch chiến lược cụ thể cho những chiến dịch tương lai, trong lúc cuộc đấu tranh vẫn đang tiến hành.

Những hướng dẫn thêm về cách phản ứng và thích nghi với những thay đổi trong tiến trình của cuộc xung đột sẽ được thảo luận ở Chương Ba Mươi Bảy. Trong lúc đó, phát hiện những nhận định về thiết kế chiến lược từ kinh nghiệm lịch sử và từ các phân tích có thể đóng góp vào việc tăng hiệu quả trong việc thiết kế chiến lược cho đấu tranh bất bạo động là một điều quan trọng. Điều này là tụ điểm của cuộc thảo luận trong chương tới.

# Chương Ba Mươi Bảy

# Một Vài Chỉ Dẫn Chiến Lược

**Đòi hỏi cần phải lưu ý cẩn thận**

Việc áp dụng hữu hiệu một kĩ thuật đấu tranh bất bạo động đòi hỏi nhiều cẩn trọng, nhiều suy tư, hành động sành sỏi, và sức mạnh. Đòi hỏi cần phải lưu ý cẩn thận đến những yếu tố được thảo luận trong chương này về việc thiết lập những chiến lược khôn ngoan cho những cuộc đấu tranh bất bạo động hữu hiệu trong tương lai.

Những chỉ dẫn và gợi ý sau đây được đặt trên cơ sở của sự thông hiểu đấu tranh bất bạo động vận hành như thế nào, của những bài học về những áp dụng kĩ thuật này trong quá khứ, và của những nguyên tắc căn bản về chiến lược.

**Kiến thức về đấu tranh bất bạo động**

Có lẽ phần quan trọng hơn cả trong việc thông hiểu đấu tranh bất bạo động là sự phân tách về các nguồn sức mạnh chính trị, như chúng ta đã thảo luận ở Chương Hai. Trong những cuộc đấu tranh gắt gao với những chế độ đàn áp, những chiến lược đặc biệt có thể được thiết lập để làm suy yếu và cắt đi những nguồn sức mạnh của đối phương. Việc nhắm vào đích này có thể là nhân tố chính yếu làm cho cuộc đấu tranh bất bạo động hữu hiệu chống lại những chế độ hết sức đàn áp. Điểm này sẽ được thảo luận đầy đủ hơn nhiều ở phần dưới đây.

Hoạch định những chiến lược và chiến thuật khôn ngoan cho những cuộc đấu tranh bất bạo động cũng đòi hỏi một sự thông hiểu rốt ráo về những động năng và phương thức đấu tranh bất bạo động, như đã được trình bày dưới hình thức tóm lược ở Chương Hai Mươi Chín đến Ba Mươi

Bốn, và đầy đủ hơn trong cuốn *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động.*[1] Kiến thức này giúp người ta hiểu được vài yếu tố trong số những yếu tố về vấn đề thực hành hữu hiệu kĩ thuật này, bao gồm cả sự duy trì kỉ luật bất bạo động.

Đấu tranh bất bạo động vừa đòi hỏi, và vừa có khuynh hướng làm giảm bớt sợ hãi đối phương và sự đàn áp vũ lực của họ. Kiểm soát sợ hãi, hay là bước qua sự sợ hãi, là yếu tố then chốt để phá vỡ sự kiềm chế của đối phương đối với tổng thể dân chúng và đối với những người đối kháng tương lai.

Một đặc tính chính yếu của việc điều hành đấu tranh bất bạo động trong nhiều cuộc xung đột là những khả năng sức mạnh của hai bên không phải là những hằng số. Sức mạnh truyệt đối và tương đối của dân chúng đối kháng và cả của đối phương đều biến đổi rất nhiều trong những cuộc đấu tranh bất bạo động. Đối chiếu với những biến đổi về sức mạnh của các đối thủ trong những cuộc xung đột bạo động, thì những thay đổi về sức mạnh của mỗi bên, của đối phương và của những người đối kháng, trong những cuộc đấu tranh bất bạo động, khi xảy ra, có khuynh hướng cực đoan hơn, xảy ra nhanh chóng hơn, và có những hậu quả đáng kể hơn.

Như vậy là vì những chiến lược rộng lớn hơn, các chiến thuật, những phương pháp cụ thể, và hành động của hai nhóm đều có khuynh hướng đem lại những hiệu quả vượt thời gian và không gian mà trong đó chúng xảy ra. Một số hành sử – như là vũ lực, phá hoại tài sản, hay những hành động khiêu khích bất bạo động không khôn ngoan – có thể đưa đến những hậu quả bất ngờ hoặc không mong muốn. Con số những người đối kháng và những hình thái đối kháng của họ có thể tăng hay giảm. Có lúc, điều này xảy ra một cách chậm rãi, nhưng lúc khác thì xảy ra rất nhanh chóng và tột độ. Sức mạnh của đối phương cũng có thể tăng hay giảm, chậm rãi hay nhanh chóng. Nhóm bất bạo động, bằng những hànhh động của chính mình, có thể giúp kiểm soát việc tăng hay giảm sức mạnh của nhóm đối phương, và làm được điều này ở một mức độ lớn hơn như là đã từng xảy ra trong những cuộc xung đột quân sự rất nhiều.

---

[1]Gene Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action*], Boston, Massachusetts: Porter Sargent, 1973. Còn được phát hành trong ba tập (bìa mềm), *Sức Mạnh và Đấu Tranh* [*Power and Struggle*], *Những Phương Pháp Hành Động Bất Bạo Động* [*The Methods of Nonviolent Action*], và *Những Động Năng của Hành Động Bất Bạo Động [The Dynamics of Nonviolent Action*]

Khi soạn thảo các chiến lược, ta cần phải lưu ý đến việc lựa chọn những kế hoạch và những hành động có thể giúp cho việc vận hành của các động năng và các phương thức tạo thay đổi của kĩ thuật này được dễ dàng. Chúng ta cũng nên cần phải lưu ý đến nhu cầu phải từ bỏ những hành động đã được đề nghị mà, nếu thực thi, sẽ làm rối loạn chính các nhân tố làm cho kĩ thuật đấu tranh này được hữu hiệu.

## Tự lập và sự hỗ trợ của những thành phần thứ ba[2]

Có một nguyên tắc căn bản thiết yếu cho việc chuẩn bị những chiến dịch đấu tranh bất bạo động, đó là: Thiết kế cuộc đấu tranh của mình như thế nào để cuộc đấu tranh có thể thành công bằng cách trông nhờ vào chính bản thân của mình mà thôi. Đây là thông điệp của Charles Stewart Parnell gửi cho nông dân Ái Nhĩ Lan trong cuộc đình công về thuê mướn đất đai năm 1979-1980: “Hãy trông cậy vào chính các bạn,” và không vào ai khác.[3]

Giả dụ một cuộc đấu tranh bất bạo động mạnh mẽ đang được chuẩn bị hay đã được tiến hành rồi, thì kêu gọi sự hỗ trợ bất bạo động và có giới hạn của người khác cũng tốt. Tuy nhiên, những tính toán làm thế nào để thắng cuộc đấu tranh phải được đặt trên cơ sở những khả năng và hành động của chính nhóm của mình mà thôi. Rồi sau đó, nếu không có ai giúp thì mình vẫn có cơ hội thành công, với điều kiện là thiết kế chiến lược vững và những người đối kháng mạnh. Nhưng, nếu trách nhiệm về thành công hay thất bại được giao phó cho người khác, thì khi họ không ra mặt, cuộc đấu tranh sẽ thất bại. Dù sao thì sự hỗ trợ có trách nhiệm từ bên ngoài cũng có thể trông đợi được khi cuộc đấu tranh bất bạo động mạnh mẽ được xúc tiến bởi dân chúng khốn khổ hành động như thể là thành công hay thất bại sẽ được quyết định bởi những nỗ lực của chính họ mà thôi.

Mặc dù trông cậy vào sự hỗ trợ của những thành phần thứ ba là nguy hiểm – vì họ có những quyền lợi và mục tiêu riêng của họ -- nhưng sự hỗ trợ của họ tuy vậy có lúc cũng rất hữu ích. Những động lực để các nhóm

---

[2]Thành phần thứ ba là những nhóm không thuộc nhóm đấu tranh bất bạo động cũng không thuộc nhóm đối phương. Họ có thể là những thành phần của tập thể xã hội mà trong đó cuộc xung đột đang xảy ra hay có thể là những nhóm bên ngoài xã hội ấy.

[3]Patrick Sarsfield O’Hegarty, *Lịch Sử Ái Nhĩ Lan trong Liên Hiệp 1880-1922* [*A History of Ireland Under the Union 1880-1922*], (London: Methuen Press, 1952), tt. 490-491.

bên ngoài như thế hỗ trợ có thể biến đổi, đôi khi liên hệ đến những mục tiêu và sự lựa chọn đấu tranh bất bạo động của những người đối kháng. Lúc khác, những thành phần thứ ba có thể tính trước những mối lợi kinh tế và chính trị có thể có sau khi những người đối kháng đã thành công trong việc đánh đuổi chế độ đàn áp. (Dĩ nhiên là những quyền lợi kinh tế ngắn hạn cũng có thể là động lực mạnh để những thành phần thứ ba đứng về phía đối phương và khước từ hỗ trợ những người đối kháng).

Những người đối kháng bất bạo động nên gầy dựng sự hỗ trợ của những thành phần thứ ba trước khi cuộc đấu tranh xảy ra cũng như khi cuộc đấu tranh đang tiến hành. Những loại hỗ trợ cần có có thể bao gồm những vật lực, các căn cứ điều hành an toàn, không can dự, và ủng hộ tính hợp pháp của mục tiêu và những phương tiện do những người đối kháng sử dụng. Những thành phần thứ ba hỗ trợ mạnh mẽ có thể kêu gọi những chế tài về kinh tế và những áp lực ngoại giao chống lại đối phương, và ngay cả nỗ lực cô lập đối phương với cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, khuyến cáo cẩn trọng trong việc lệ thuộc vào sự hỗ trợ của những thành phần thứ ba vẫn có giá trị. Dù sự hỗ trợ từ bên ngoài này không bao giờ xuất hiện hoặc biến mất đi, thì phong trào đối kháng vẫn cần phải có khả năng đeo đuổi cuộc đấu tranh một cách hữu hiệu.

### Một cuộc đấu tranh duy nhất hay là nhiều chiến dịch?

Trên cơ sở của những kết quả từ sự phỏng định chiến lược, quyết định là (các) mục tiêu của cuộc xung đột có thể đạt được trong một cuộc đấu tranh toàn lực duy nhất hay không là một điều thiết yếu. Nếu một cuộc đấu tranh duy nhất có xác suất thành công cao, thì cần phải thiết lập một chiến lược vững chãi có thể thực sự tranh thủ được mục tiêu này.

Việc thẩm định tiềm năng của một chiến dịch duy nhất để thành công trong việc tranh thủ các mục tiêu cần phải được thực hiện một cách thận trọng. Sự thẩm định này cần phải chú ý đến cả những đặc tính và những đòi hỏi của đấu tranh bất bạo động lẫn sự phỏng định chiến lược chính xác về những khả năng của đối phương và của những người đối kháng, như chúng tôi đã bàn đến ở Chương Ba Mươi Sáu.

Tuy nhiên, chúng ta phải thừa nhận là hoạ hoằn lắm mới có thể đạt được toàn bộ (các) mục tiêu của một cuộc xung đột quan trọng do đấu tranh bất bạo động xúc tiến chống lại những đối thủ hùng mạnh mà chỉ bằng một nỗ lực duy nhất mà thôi.

Sau đây là một bảng liệt kê còn thiếu sót của những điều kiện được xem là những tiền điều kiện cho một cuộc đấu tranh duy nhất thành công:

- Đối phương đã mất chính danh trên một bình diện rộng lớn – dù sự mất mát này đã được phát biểu công khai hay chưa.

- Đối phương lệ thuộc nặng nề về chính trị, kinh tế, hay về những điều khác vào một dân chúng có thể sử dụng bất hợp tác.

- Dân chúng đã, hay đang, thiết lập những nhóm và những cơ chế ngoài vòng kiềm soát của nhóm đối phương.

- Các nhóm và các cơ chế thường phục vụ như là "những cột trụ chống đỡ" cho đối phương, cung cấp cho đối phương những nguồn sức mạnh cần thiết, không được vững vàng và thiếu tận tuỵ với lãnh đạo của đối phương.

- Việc đối phương kiểm soát tập thể dân chúng hiện nay không được hoàn toàn hữu hiệu.

- Tập thể dân chúng -- nhất là những nhóm có tiềm năng đối kháng hơn cả -- trước đây hoặc đã có kinh nghiệm thoả đáng về việc sử dụng đấu tranh bất bạo động hoặc đã nhận được những khuyến cáo có thẩm quyền về việc thiết kế những hành động đối kháng và một sự thông hiểu về vai trò của mình.

- Những vấn đề tranh chấp được chú trọng trong cuộc đấu tranh được sự ủng hộ sâu rộng.

- Một đại chiến lược khôn ngoan đã được thiết lập cho cuộc đấu tranh có được sự hỗ trợ của những nhóm dân chúng và những cơ chế bằng những hành động đối kháng đề nghị cụ thể. Những nhóm người và những cơ chế này bao gồm những nhóm người và những cơ chế đã từng phục vụ như là những cột trụ chống đỡ cho đối phương.

- Hệ thống hành chánh và cảnh sát và các lực lượng quân sự của đối phương tạo nên những thành phần cốt cán mà sự trung thành cũng như hỗ trợ đối với lãnh đạo đối phương tốt lắm thì cũng không lấy gì làm chắc chắn.

Trong một cuộc đấu tranh có tầm cỡ chống lại một chính quyền hay một chế độ, thì những nỗ lực nhằm cắt đi những nguồn sức mạnh của đối phương để cho chế độ sụp đổ có thể nằm trong phạm vi khả năng của nhóm đấu tranh lúc cuộc xung đột mới bắt đầu. Tuy nhiên, nếu thực sự người ta muốn sử dụng một chiến dịch duy nhất để đạt các mục tiêu của cuộc đấu tranh, thì một kế hoạch phòng hờ phải được thiết lập dự phòng trường hợp chiến dịch này không thành công. Nếu chỉ một cuộc đấu tranh duy nhất được áp dụng và không thành công, thì đối phương không những tồn tại trên quan điểm cơ chế mà còn có thể tương đối được tăng thêm sức mạnh. Vì vậy, những người đối kháng sẽ phải chịu một tổn thất nặng nề, theo ý nghĩa tinh thần và khả năng đối kháng của họ.

Do đó khôn ngoan hơn là nên chuẩn bị từ lúc ban đầu cho một vài chiến dịch có những mục đích giới hạn. Những mục tiêu này sẽ cần phải là những mục tiêu phù hợp với mục tiêu chính yếu lớn hơn và phải giúp làm cho việc đạt mục đích chính này được thành tựu. Đây không phải là một trường hợp để khiêm tốn về những mục tiêu của mình, trái lại là một trường hợp để tập trung sức mạnh của mình vào các nhược điểm của đối phương nhằm tranh thủ những mục tiêu nằm trong khả năng thành tựu của những người đối kháng. Một khi các mục tiêu đã đạt được và đã có những nỗ lực làm tăng sức mạnh của nhóm khiếu nại và dân chúng đối kháng, thì khả năng tiến hành cuộc đấu tranh sẽ được nâng cao.

## Quyết định mục tiêu

Những mục tiêu của những chiến dịch cá biệt sẽ cần phải được thiết lập một cách cẩn thận và phải phù hợp với (những) mục tiêu chính yếu của những người đối kháng trong cuộc đấu tranh toàn bộ. Mỗi chiến dịch cho những mục tiêu giới hạn sẽ đòi hỏi những chiến lược rõ rệt, khôn ngoan, và những hành động đòi hỏi kĩ năng để bảo đảm là chiến dịch này đóng góp vào việc tranh thủ những mục tiêu chính yếu rộng lớn hơn, như chúng tôi sẽ thảo luận sau này.

Những mục tiêu của cuộc đấu tranh toàn bộ lẫn của những chiến dịch bộ phận đều cần phải được xác lập bằng những từ ngữ rõ ràng, dễ hiểu, và được chấp nhận một cách phổ quát. Các mục tiêu không nên được diễn đạt bằng những từ tẻ nhạt mơ hồ, như là "hoà bình", "tự do", hay là "công lí." Ngược lại, mục tiêu phải cụ thể và tương đối rõ rệt, nhưng luôn luôn liên hệ đến sự khiếu nại tổng quát. Ví dụ, mặc dù trong chu kì 25 năm thứ hai của thế kỉ thứ hai mươi, mục đích chính trong cuộc đấu tranh của những người theo chủ nghĩa quốc gia Ấn Độ chống lại đế quốc Anh là độc lập cho Ấn Độ, nhưng những mục tiêu rõ rệt của chiến dịch 1930-1931 như Gandhi hoạch định là 11 yêu sách giới hạn và cụ thể mà ông nghĩ là, nếu tranh thủ được, sẽ đưa Ấn Độ đến gần với tự trị.

Từ ngữ sử dụng khi xác lập các mục tiêu không nên để cho có thể được cắt nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Từ ngữ thích ứng sẽ làm cho việc đo lường xem (các) mục tiêu của một chiến dịch hay của một cuộc đấu tranh rộng lớn hơn có thực sự đã đạt được chưa. Những mục tiêu cũng không nên quá chi tiết: trong một vài cuộc đấu tranh, một "nghị viện được bầu cử một cách tự do" có thể là một mục tiêu hợp lí, nhưng xác định là nghị viện phải có 537 thành viên thì quá chi tiết.

Trong một chiến dịch giới hạn, thì khôn ngoan là chọn một vấn đề tranh chấp làm điểm tấn công thích hợp. Chìa khoá là chọn một vấn đề tranh chấp biểu tượng cho sự khiếu nại tổng quát, hay là một khía cạnh rõ rệt của một vấn đề tổng quát, một khía cạnh mà đối phương khó bào chữa nhất và hầu như là không thể biện minh được. Do đó, mục tiêu tiên khởi sẽ là một mục tiêu mà nhóm đấu tranh bất bạo động có thể nhận được ủng hộ tối đa. Mục tiêu này cũng phải là một mục tiêu hoặc nằm trong phạm vi khả năng nhượng bộ của đối phương, hoặc trong phạm vi sức mạnh chiếm đoạt của những người đối kháng.

Một sự chọn lựa mục tiêu sai lầm trong một chiến dịch giới hạn sẽ chuyển đổi sự chú ý xa ra khỏi (những) mục tiêu chính yếu của đại chiến lược. Một sự chọn lựa khôn ngoan sẽ lôi cuốn được hỗ trợ từ tập thể dân chúng, những thành phần thứ ba, và có thể ngay cả một vài cá nhân và nhóm người thuộc phía đối phương.

Thường thì cũng hữu ích nếu những mục tiêu của những chiến dịch giới hạn như thế là những mục tiêu thách thức những biểu hiện cụ thể đáng trách của một khiếu nại tổng quát, những biểu hiện mà những người đối kháng đang đấu tranh để chống lại. Ví dụ, nếu kì thị chủng tộc không thể dẹp bỏ được trong một cuộc đấu tranh duy nhất, thì có thể tung ra

những chiến dịch cá biệt – như đã từng thực hiện tại miền nam Hoa Kì trong những thập niên 1950 và 1960 -- chống lại những hành sử phân biệt cụ thể, như là các xe buýt và các dịch vụ quầy ăn trưa phân biệt chỗ ngồi, phân biệt trong việc mướn người làm việc, và các giới hạn về bầu cử.

Một thí dụ nữa: một chiến dịch giới hạn duy nhất trong một cuộc đấu tranh chống độc tài có thể tập trung vào việc bênh vực báo chí đối lập mà chế độ muốn cấm đoán, vào việc thách đố kiểm duyệt hay là những vi phạm tự do tôn giáo, vào việc bênh vực sự độc lập của những cơ chế xã hội hoặc tôn giáo, vào việc tạo nên những tổ chức độc lập mới (như một nghiệp đoàn thương mãi, chẳng hạn), hay là vào việc vận động chống gian lận bầu cử. Những mục tiêu tuyển chọn cũng có thể tập trung vào những vấn đề xã hội, kinh tế, hoặc chính trị quan yếu; những vấn đề này được chọn vì vai trò then chốt của chúng trong việc giữ hệ thống xã hội và chính trị ngoài tầm kiểm soát của đối phương, bằng cách chặn không cho đối phương đạt những mục tiêu của họ, hay bằng cách đánh đổ những cột trụ chống đỡ của họ.

Nếu là một cuộc đấu tranh chống lại sự chiếm đóng quân sự của ngoại bang, thì có thể tung ra những chiến dịch đối kháng có chọn lọc tương tự, với những mục tiêu rõ rệt. Các chiến dịch có thể được tập trung vào việc chối bỏ tính hợp pháp của chế độ chiếm đóng, hay vào việc bất hợp tác với một phần rõ rệt nào đó của hệ thống này. Ngăn chặn việc thiết lập sự chiếm đóng và kiểm soát xã hội hữu hiệu sẽ là một phần thiết yếu trong một cuộc đấu tranh như thế. Các chiến lược cho đối kháng có chọn lọc cũng có thể được tập trung vào việc từ chối chịu để cho những kẻ tấn công đạt được một hay nhiều mục tiêu của họ. Ví dụ, đối kháng có thể được tập trung vào việc ngăn chặn những kẻ xâm lăng giành được một loại thắng lợi kinh tế rõ rệt nào đó, hay ngăn cản không cho họ sử dụng hệ thống giáo dục, báo chí, truyền thanh, truyền hình để nhồi sọ dân chúng về ý thức hệ của họ.

Khi đã chọn (những) điểm để tập trung tấn công, những người đối kháng không được để mình bị lệch hướng đi vào một đường lối hành động hạn hẹp hơn hay là vào một ngõ cụt. Sự thành công tiên khởi về những điểm giới hạn này sẽ vừa làm tăng tự tin nơi những người đối kháng vừa tăng khả năng tiến tới một cách hữu hiệu đến việc đạt những mục tiêu của họ một cách toàn vẹn hơn.

Lí lẽ chín chắn cảm nhận được của những vấn đề tranh cãi được nêu ra và của những mục đích được nhóm đấu tranh bất bạo động ủng hộ, so

với những vấn đề và những mục đích của nhóm đối phương, sẽ có thể đóng góp vào hiệu lực của cuộc đấu tranh bất bạo động sắp tới. Những vấn đề tranh cãi và những mục đích nêu ra sẽ ảnh hưởng đến sự hỗ trợ cho phong trào đối kháng từ phía dân chúng bị tác động, cũng như, có thể, từ một vài người trong nhóm đối phương, và có lẽ, từ những thành phần thứ ba nữa. Bao giờ những khiếu nại vẫn còn chưa bị suy suyển và những mục đích vẫn còn giá trị, còn có thể biện minh được, và còn có thể đạt được, thì những mục đích được tuyên bố rõ ràng và việc xác định các khiếu nại, bất bình, phải luôn luôn được duy trì suốt qua những thăng trầm của cuộc đấu tranh trong một thời gian lâu dài.

**Tăng sức mạnh cho dân chúng và những người đối kháng**

Song song với việc làm suy yếu sức mạnh của đối phương bằng bất hợp tác và bất tuân là việc huy động khả năng sức mạnh của tập thể dân chúng. Những người và những cơ chế này trước kia có thể bị nghĩ là yếu hèn và bất lực trước khả năng đàn áp và tổ chức của đối phương. Việc động viên tiềm năng sức mạnh của dân chúng, được những khiếu nại bất bình tác động thành sức mạnh hữu hiệu có thể được sử dụng trong đấu tranh, hết sức quan trọng đối với thành quả của cuộc đấu tranh.

Theo quan điểm của những người đối kháng, thì cả đại chiến lược lẫn những chiến lược cá biệt cho các chiến dịch đều phải được thiết kế như thế nào để những người đối kháng cũng như tập thể dân chúng nói chung phải trở nên mạnh hơn trước trong thời gian của cuộc đấu tranh. Chúng ta có thể đo lường sức mạnh của họ được bằng cách xét định xem họ có những nhóm và tổ chức độc lập không, họ có khả năng áp dụng đấu tranh bất bạo động dù bị đàn áp hay không, và họ có chứng tỏ được kĩ năng sử dụng kĩ thuật điều động một cuộc đấu tranh hay không.

Không có gì thay thế được cho sức mạnh đích thực của dân chúng đối kháng. Nếu những người tham gia hèn yếu khi họ bắt đầu cuộc đấu tranh và vẫn tiếp tục hèn yếu trong thời gian đấu tranh, thì hầu như chắc chắn là họ sẽ thất bại. Trong một cuộc xung đột có tầm cỡ thì cần phải động viên khả năng đấu tranh đủ để đè bẹp đối phương bằng đối kháng ồ ạt và bằng cách cắt những nguồn sức mạnh của đối phương.

Tối thiểu, những người đối kháng phải có khả năng ép đối phương chấp nhận một giải pháp thoả hiệp về những vấn đề không thiết yếu. Điều này có nghĩa là những người đối kháng đòi hỏi phải có khả năng chỉ huy

và điều hợp các lực lượng để làm cho họ có khả năng thúc đẩy cuộc đấu tranh tiến tới dù gặp khó khăn. Đòi hỏi cần phải có những nỗ lực lớn lao nhằm tăng sức mạnh cho những người đối kháng và cho tập thể dân chúng nói chung để đối phương không còn có thể khống chế họ được nữa.

Một loạt chiến dịch được phân chia thành giai đoạn có thể được thiết kế để tăng sức mạnh cho dân chúng phẫn uất, cũng như để làm suy yếu chế độ của đối phương. Những chiến dịch được phân chia thành giai đoạn này có thể đem lại cho dân chúng kinh nghiệm áp dụng đấu tranh bất bạo động. Nếu được thiết kế và điều hành khôn khéo, thì giải pháp này có thể đem lại cho dân chúng đối kháng một loạt thành công. Những thành công này có thể làm tăng kĩ năng của họ trong việc điều hành loại đấu tranh này, đem lại kinh nghiệm trong việc thiết kế chiến lược, và tăng tự tin nơi dân chúng và những người đối kháng.

### Tăng sức mạnh cho các cơ chế

Thông thường, áp bức chính trị xảy ra ở nơi nào xã hội dân sự -- nghĩa là một xã hội có những cơ chế độc lập và mạnh -- yếu. Các chế độ áp bức thường tìm cách dẹp tan những cơ chế xã hội, kinh tế, và chính trị ngoài tầm kiểm soát của Nhà Nước hay đảng. Những cơ chế độc lập đã bị suy yếu hay bị dẹp tan làm cho đối kháng xã hội hết sức khó xúc tiến. Sức mạnh hay là sự yếu kém của những cơ chế như thế rất quan trọng trong việc thiết kế chiến lược cho đấu tranh bất bạo động. Các nhóm và cơ chế xã hội là những căn cứ tổ chức để xúc tiến đấu tranh bất bạo động. Cá nhân có thể chứng kiến hoặc tham gia, nhưng chỉ có nhóm mới đối kháng hữu hiệu.

Những cơ chế của xã hội dân sự thường gồm có những nhóm có tổ chức không bị Nhà Nước kiểm soát theo hệ thống dọc, cũng không hội nhập vào bộ phận xã hội chính trị bị chi phối bởi luật lệ của Nhà Nước. Các thí dụ về những nhóm xã hội dân sự bao gồm các câu lạc bộ thể thao, các hiệp hội làm vườn, một số các nghiệp đoàn lao động và hiệp hội thương mãi, các tổ chức tôn giáo, và tất cả các loại tổ chức phi chính phủ. Những cơ chế này có thể có ở cấp địa phương, cấp vùng, hay cấp quốc gia.

Những cơ chế độc lập quan trọng khác có lúc có thể bao gồm các cơ quan chính quyền nhỏ, gồm có các chính quyền cấp thành phố địa

phương, các trường học, và các đơn vị lập pháp, hành pháp, thuế vụ, và tư pháp. Điều này xảy ra hoặc khi những cơ chế này đã có sẵn và được kiểm soát bởi những lực lượng độc lập, hoặc khi những cơ chế đó được tạo ra để thay thế cho những cơ chế do nhóm đối phương kiểm soát.

Vì vậy, bảo tồn và tăng cường sức mạnh cho các nhóm và các cơ chế độc lập và tạo ra những nhóm và những cơ chế mới sẽ là những đóng góp quan trọng vào khả năng xúc tiến đối kháng hữu hiệu trong tương lai. Tình trạng của các cơ quan này cần phải được những người lập kế hoạch chiến lược xét định cẩn thận, vì những cơ quan này quan trọng trong việc quyết định khả năng thành công của quần chúng trong việc xúc tiến công cuộc đấu tranh bất bạo động.

Nếu những nhóm và cơ chế xã hội độc lập như thế yếu kém hoặc phần lớn không có, thì có thể cần phải tạo ra những nhóm hoặc tổ chức mới để chuẩn bị cho công cuộc đối kháng mạnh mẽ trong tương lai. Hay là, có thể biến một số nhóm hay cơ chế hiện hữu chưa được độc lập hoàn toàn thành những nhóm hay cơ chế có độc lập trong hành động hơn, những nhóm có khả năng đóng những vai trò chính yếu trong những cuộc đấu tranh trong tương lai. Việc tạo ra và tăng cường sức mạnh cho những cơ chế như thế có thể tăng khả năng đấu tranh bất bạo động trong tương lai một cách đáng kể và có thể bành trướng hiệu lực của đấu tranh.

**Vai trò của lãnh đạo**

Những người lãnh đạo đã từng được định nghĩa như là những người làm những quyết định quan trọng nhất trong việc xúc tiến cuộc xung đột và cũng là những người phục vụ như là những điểm kết hợp cho những người ủng hộ trong cuộc đấu tranh.

Điều quan trọng là những người lập kế hoạch cho công cuộc đối kháng trong tương lai cần phải duyệt lại các mô thức lãnh đạo khác nhau, từ những mô thức hết sức tập trung và dựa trên lực lôi cuốn quần chúng đến những cơ cấu ủy ban có sự tham gia đầy đủ của nhóm. Những cái lợi và bất lợi của những mô thức khác nhau trong những tình huống khác nhau cần phải được xét định. Những người lãnh đạo thường dễ bị tấn công, bị làm mất uy tín, bị bắt bớ, hay bị ám sát. Do đó, cần phải chuẩn bị sẵn những người thay thế, và sau đó tuần tự ai là những người thay thế kế tiếp.

Cũng cần phải lưu ý là trong một vài cuộc đấu tranh chủ yếu là bất bạo động, như cuộc Cách Mạng Nga năm 1905, thường khó hoặc, ở nhiều giai đoạn khác nhau, không thể xác định được ai là những người lãnh đạo, nếu thực sự có lãnh đạo, ngoại trừ tại địa phương và chỉ có tính cách tạm bợ. Đòi hỏi cần phải có một sự phân tích khả năng phổ biến rộng rãi kiến thức về đấu tranh bất bạo động để giảm thiểu nhu cầu về lãnh đạo, mà người ta có thể nhận diện ra được, trong những cuộc đấu tranh thực sự.

Cần phải có những bước chuẩn bị nhằm giảm thiểu tổn hại cho phong trào do lãnh đạo đối phương tạo ra bằng cách loại bỏ những người lãnh đạo đối kháng. Những biện pháp như thế phải bao gồm việc phổ biến rộng rãi kế hoạch điều hành của cuộc đấu tranh trong khắp toàn thể dân chúng đối kháng khá lâu trước khi cuộc đấu tranh bắt đầu. Có lúc, thiết lập một cơ cấu tản quyền cho cuộc đấu tranh bất bạo động (như đã được thực hiện tại Serbia năm 2000) cũng có thể hữu ích.

Có một số phẩm cách cần phải được xét đến khi lựa chọn những người lãnh đạo. Những người lãnh đạo phải làm gương, biết người của mình và chăm lo an sinh cho họ, sành sỏi về kĩ thuật và chiến thuật, tìm kiếm và nhận lãnh trách nhiệm, nhường cho người khác nhận lãnh công ơn thành quả, trung tín với bề trên và người thừa hành, hiểu biết đối phương, học từ kinh nghiệm của nhóm mình và các nhóm khác, gia tăng tối đa và thách thức các khả năng của những người thừa hành, và chọn đúng người vào đúng vị trí.

Rất quan trọng nữa là những người lãnh đạo phải có đầy đủ kiến thức về đấu tranh bất bạo động và có khả năng thiết lập chiến lược khôn ngoan hay là có đủ phán đoán và khiêm nhường để nhờ người khác có khả năng điều hướng chiến lược.

### Bảo đảm tiếp cận tài nguyên vật chất thiết yếu

Những người đối kháng và dân chúng trong thời gian đấu tranh sẽ cần đến nhiều tài nguyên vật chất. Do đó xác định và bảo đảm tiếp cận những tài nguyên này trước khi đấu tranh công khai là một điều quan trọng. Không có những điều cần thiết vật chất, thì cuộc đấu tranh không thể xúc tiến được hữu hiệu và dân chúng có thể không sẵn lòng ủng hộ cuộc đấu tranh.

Cần phải kiểm điểm, chẳng hạn, xem có sẵn có những tiếp liệu về lương thực, y trang, nhiên liệu, cứu thương, thông tin, và chuyên chở, và cần phải chuẩn bị cho việc bảo đảm sự tiếp cận các thứ này trong tương lai.

Các chiến lược gia đối kháng sẽ phải trả lời những câu hỏi như sau đây: Sẽ cần đến những tiếp liệu nào? Những tiếp liệu này và việc tiếp cận những tiếp liệu sẽ bị ảnh hưởng như thế nào trong thời gian đấu tranh? Những người đối kháng và những thành phần thứ ba có thể làm gì để bảo đảm là sẽ có những tiếp liệu này? Làm sao để những người đối kháng có thể vô hiệu hoá, hay bù trừ lại, những nỗ lực của đối phương nhằm siết chặt hoặc cắt đứt tiếp liệu các tài nguyên vật chất mà những người đối kháng cần? Có thể nào phân tán tiếp liệu trước hay trong thời gian đấu tranh, do đó làm cho những người đối kháng ít gặp phải nguy cơ tiếp liệu bị cắt đứt hoặc tịch thu hay không? Có cách gì mới để tạo ra những tiếp liệu này và các tài nguyên để đối phương không thể đánh bại phong trào đối kháng một cách dễ dàng bằng cách kiểm soát những nguồn tiếp liệu này không? Có sự chọn lựa hay biện pháp phản công nào khác cho phong trào đối kháng để phong trào có thể bảo đảm tiếp cận được những nhu yếu phẩm này không?

**Xói mòn những nguồn sức mạnh của đối phương**

Trong một cuộc xung đột gay cấn về những vấn đề tranh chấp quan trọng mà trông đợi tâm và trí của đối phương sẽ được thay đổi vì dân chúng phản đối và kháng cự một cách bất bạo động, ngay cả phải đối diện với sự đàn áp tàn bạo của đối phương, là một điều không thực tế. Một vài yếu tố của cải hoá đôi khi có thể xảy ra đối với một vài người vì sự đau khổ do bất bạo động gây ra, như đã được bàn đến ở Chương Ba Mươi Ba. Tuy nhiên, trong một cuộc đấu tranh có tầm cỡ về những vấn đề không thể thoả hiệp được và về những tương quan lực lượng quan trọng, thì thật là ngây thơ nếu trông đợi là phương thức cải hoá sẽ giải quyết được xung đột. Tình thế đòi hỏi cần phải có những hành động mạnh hơn.

Đấu tranh bất bạo động hữu hiệu nhất là khi lật đổ được hay loại bỏ được đối phương. Điều này cần phải được ghi nhớ khi thiết kế mỗi bước chiến lược. Chiến lược cần phải được thiết kế thế nào để tập trung các sức mạnh của những người đối kháng đánh vào những mắc xích yếu trong các chính sách hay trong hệ thống kiểm soát của đối phương.

Phương cách có hiệu năng nhất để đánh đổ chính sách hay hệ thống của đối phương là làm suy yếu hay cắt những nguồn sức mạnh của họ. Trong những chiến dịch tương đối nhỏ về những vấn đề tranh chấp có giới hạn, thì đòi hỏi sử dụng chỉ phần nào phương pháp này mà thôi. Ví dụ, trong một cuộc đình công lao động hay một vụ tẩy chay kinh tế lớn, việc rút lui nhân công hay ngưng tậu mãi được thiết kế nhằm siết lại những tài nguyên kinh tế của đối phương. Trong những cuộc đấu tranh này, những người đối kháng không cần phải đánh đổ những nguồn sức mạnh khác của đối phương.

Tuy nhiên, trong một cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn hơn – như những nỗ lực đánh đuổi sự chiếm đóng của ngoại bang hay làm tan rã một nền độc tài – thì khôn ngoan là những chiến lược gia bất bạo động phải cố làm suy yếu và loại bỏ càng nhiều nguồn sức mạnh của đối phương càng tốt. Điều này đòi hỏi những vũ khí bất bạo động phải được áp dụng vào những mục tiêu quan yếu, nhất là những "cột trụ chống đỡ" nào của đối phương đã được xác nhận là nhược điểm.

Những người đối kháng đối diện với những cuộc xung đột gắt gao về những vấn đề tranh chấp không thoả hiệp được và về những tương quan lực lượng quan trọng sẽ có một giải pháp chiến lược là nỗ lực siết chặt hoặc cắt đứt sự tiếp viện những nguồn sức mạnh của đối phương bằng những vụ phản đối có tính biểu tượng, các hình thái bất hợp tác, hoặc can thiệp gây rối loạn. Những hành động như thế trở nên có sức mạnh đặc biệt khi đó là sự thách thức và bất hợp tác do các tổ chức và các cơ chế thực hiện. Tác dụng của sự đối kháng của họ sẽ biến đổi tuỳ theo mức độ đối phương lệ thuộc vào họ.

Thường thì khôn ngoan là nhắm vào các nguồn sức mạnh cụ thể của đối phương theo thứ tự ưu tiên. Trình tự này có thể được chọn dựa trên cơ sở của một số tiêu chuẩn, có lúc bao gồm cả lí do dễ bị tấn công của những nguồn này lẫn tầm quan trọng của chúng đối với đối phương.

Một trong những nguồn sức mạnh quan trọng hơn cả, như chúng ta đã có thảo luận ở Chương Hai, là uy quyền, hay là chính danh. Việc đánh sụp nguồn sức mạnh này đặc biệt quan trọng ở tại Serbia vào tháng Mười năm 2000. Không có uy quyền, sự cung cấp những nguồn sức mạnh khác trở nên bất ổn. Mất uy quyền có thể khởi động sự phân huỷ quyền lực của chế độ[4]. Như chúng tôi có lưu ý trước đây, tất cả mọi chính quyền đều lệ

[4]Về sự phân tích này, chúng tôi giả định đối phương là chế độ hiện hành hay là có sự hậu thuẫn của chế độ hiện hành.

thuộc vào sự hợp tác và hỗ trợ của công dân của mình, của các nhóm và các tổ chức trong xã hội, và của các ngành trong chính quyền. Khi những bộ phận này không cung cấp đầy đủ những nguồn sức mạnh cần có, hoặc khi họ thi hành những nguyện vọng và chỉ thị của chế độ một cách chậm trễ hay một cách vô hiệu năng – hay ngay cả thẳng thừng từ chối hỗ trợ và tuân phục – thì sức mạnh của chế độ sẽ bị suy yếu.

Các chính quyền có thể cố gắng phục hồi tuân phục và hợp tác bằng cách áp đặt những cấm đoán, hay trừng phạt. Tuy nhiên, trừng phạt cũng sẽ không đủ để ép buộc tuân phục và hợp tác một khi sự chấp nhận uy quyền của chế độ đã bị giới hạn. Nếu sự bất tuân và bất hợp tác của dân chúng vẫn tiếp tục – hay ngay cả tăng trưởng – thì dù sử dụng trừng phạt -- quyền lực của đối phương cũng sẽ mất dần hoặc tan rã. Hiệu quả sẽ tăng khi cảnh sát và quân đội từ chối tuân lệnh. Một nguồn sức mạnh then chốt khác – các hình phạt – lúc bấy giờ cũng đã bị loại bỏ.

Trong một vài cuộc xung đột, có một số hành động cụ thể có thể được thực hiện nhằm mục đích làm suy sụp tinh thần và sự tin cậy vào các lực lượng quân đội và công chức của đối phương. Đôi khi, những nỗ lực này có ít hoặc là không có tác dụng. Quân lính khi đối diện với những người đối kháng bất bạo động có khi đã thi hành những điều tàn ác, như ở Trung Quốc năm 1989 và ở Miến Điện năm 1988. Những lúc khác, các nỗ lực nhằm quật ngã quân lính đã tạo ảnh hưởng rất lớn, như ở Nga năm 1991 và ở Phi Luật Tân năm 1986. Hoàn cảnh tổng quát của một dân chúng đối kháng bất bạo động, để không đe dọa mạng sống của những người trong các lực lượng vũ trang, đôi khi cũng đủ để tạo nên những vấn đề tinh thần nghiêm trọng trong giới quân nhân và cảnh sát. Điều này có thể đưa đến lỏng lẻo trong việc đàn áp, và thỉnh thoảng, mặc dù hiếm hoi, đưa đến bất tuân lệnh và nổi loạn. Dù rằng khôn ngoan là không nên trông cậy vào sự bất tuân của quân đội như thế, nhưng những nỗ lực đặc biệt nhằm ảnh hưởng quân lính, cảnh sát, và công chức chứng tỏ là quan trọng.

Nếu sự chấp nhận chế độ, sự hợp tác và tuân phục chế độ chấm dứt, thì chế độ đó phải suy yếu và sụp đổ. Điều này cắt nghĩa hiện tượng "sức mạnh nhân dân," và sự sụp đổ của những chế độ độc tài khi phải đối diện với việc sử dụng mạnh mẽ của kĩ thuật này.

## Tập trung sức mạnh vào các nhược điểm

Để được hữu hiệu nhất, hành động bất bạo động cần phải được tập trung vào những tiêu đích quan yếu. Những tiêu đích này cần phải được lựa chọn sau khi xét định kĩ lưỡng sức mạnh của chính mình, những mục tiêu tổng quát, và những mục tiêu của chiến dịch; những mục tiêu và vị trí của đối phương, gồm cả những nhược điểm của họ; và sự quan trọng của chính những vấn đề tranh chấp được nêu lên. Châm ngôn của Napoléon rằng không thể có gì là quá mạnh ở điểm quyết định cũng có thể áp dụng được ở đây.

Những chiến lược cho các chiến dịch cần phải được thiết kế để sử dụng những sức mạnh của những người đối kháng nhằm phát hiện và tấn công vào những điểm dễ bị tấn công nhất và các nhược điểm của đối phương, đồng thời tránh đụng độ với đối phương tại những điểm mạnh nhất và dễ phòng thủ hơn cả của họ. Điều này áp dụng cho cả việc lựa chọn những mục tiêu cho các chiến dịch lẫn việc lựa chọn các tiêu đích chiến thuật để tấn công trong phạm vi các chiến dịch này.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận là một vài cuộc đấu tranh đã được tung ra chống lại những chính sách hay những chính quyền được sự ủng hộ rộng rãi của quần chúng. Trong những trường hợp như thế, những cuộc đấu tranh thường là về những vấn đề tranh chấp không thể thoả hiệp, và cả cuộc đấu tranh lẫn những mục tiêu của các chiến lược lúc ban đầu có thể không được sự chấp nhận rộng rãi trong dân chúng như là một tập thể. Nếu như vậy, thì các chiến dịch và hành động phải được thiết kế nhằm làm tăng sức mạnh của những người đối kháng và bào mòn sự hỗ trợ đối với đối phương hay những chính sách của họ. Những cuộc đấu tranh này thường phải mất rất nhiều thời gian hơn nhiều mới thắng được, và những điều kiện ngoại tại thường không thuận lợi cho những người đối kháng.

Tuy nhiên, nói một cách tổng quát thì khi chọn những điểm tấn công cho các hành động trong phạm vi chiến lược của chiến dịch, khôn ngoan là các chiến lược gia đấu tranh bất bạo động nên nhắm vào những hỗ trợ nào, những chánh sách nào dễ bị tấn công nhất của đối phương, hay là cả hai. Chúng ta trước đây đã có lưu ý đến nhu cầu cần phải tập trung những khả năng của những người đối kháng đánh vào những “cột trụ chống đỡ” thiết yếu, được định nghĩa như là những nhóm hoặc những cơ chế hỗ trợ và cung cấp các nguồn sức mạnh cho đối phương. Tuy nhiên,

khởi đầu bằng cách nhắm vào những cột trụ chống đỡ mạnh nhất và dễ phòng thủ nhất của đối phương là một điều không khôn ngoan. Ví dụ, nếu đoàn kết nội bộ, tinh thần cao, và sự chặt chẽ của lực lượng quân đội là những sức mạnh lớn nhất của đối phương, thì khi bắt đầu cuộc đấu tranh mà cố khuyến dụ bất mãn trong hàng ngũ các quân nhân như là chiến thuật chính yếu của chiến dịch có lẽ là một việc làm không được khôn ngoan.

Ngược lại, nếu đối phương lệ thuộc nặng nề vào việc bán những tài nguyên khoáng sản được sản xuất từ các hầm mỏ đã có nghiệp đoàn được thiết lập bởi những người ủng hộ hoặc những thành viên của nhóm đấu tranh bất bạo động, thì một nhược điểm then chốt của đối phương – và là một sức mạnh quan trọng của những người đối kháng – đã được phát hiện. Một chiến dịch khôn ngoan lúc bấy giờ có thể bao gồm việc áp dụng những áp lực kinh tế chống lại đối phương bằng những cuộc đình công, trì hoãn công việc, hoặc những biện pháp khác tại những địa điểm này. Điểm then chốt, một lần nữa, là nhắm vào những nguồn sức mạnh nào dễ bị tấn công nhất của đối phương bằng cách tập trung sức mạnh đánh vào những cột trụ yếu nhất của họ.

Tập trung sức mạnh là thiết yếu. Các hoạt động và áp lực phải được chọn lựa thế nào để nhóm đấu tranh bất bạo động có thể áp dụng được những ưu điểm, chứ không phải để lộ những nhược điểm của mình. Không có sự hỗ trợ của các nghiệp đoàn lao động (cũng như kỉ luật nội bộ bên trong những nghiệp đoàn này), thì nhiều hình thức áp lực kinh tế, bao gồm cả những áp lực ở thí dụ vừa nêu trên, có lẽ cũng sẽ chẳng có được hiệu quả bao nhiêu. Mặt khác, nếu sự hỗ trợ của nghiệp đoàn lao động và sự đoàn kết của nghiệp đoàn với nhóm đấu tranh bất bạo động là một trong những sức mạnh lớn nhất của những người đối kháng, thì những cuộc đình công như thế có thể hữu hiệu nếu được nhắm đánh vào cột trụ chống đỡ then chốt của nhóm đối phương. Một thí dụ khác là nếu những người đối kháng có được hậu thuẫn trọn vẹn của các tổ chức tôn giáo quần chúng, thì sử dụng những tổ chức này là một điều khôn ngoan. Tuy nhiên, nếu các cơ chế tôn giáo hậu thuẫn đối phương, thì thiết kế các hoạt động đòi hỏi sự tham gia của các cơ chế này để đối kháng chống lại đối phương là một việc không nên làm.

Nguyên tắc này cũng áp dụng cho việc chọn lựa các phương pháp. Những phương pháp đấu tranh bất bạo động đòi hỏi cần có sự chuẩn bị hoặc những khả năng về phần những người đối kháng thì chỉ nên chọn

khi có những khả năng này. Không nên kêu gọi biểu tình trừ phi những người tổ chức tin chắc là sẽ có đủ người tham dự để đạt được những mục đích đã xác định của những hành động trong phạm vi chiến dịch. Không nên tung ra một cuộc đình công tuyệt thực nếu những người đối kháng tự nguyện áp dụng phương pháp này không sẵn lòng tiếp tục tuyệt thực suốt hết toàn thời hạn tuyên bố. Không nên tung ra những vụ tẩy chay của giới tiêu thụ nếu không có khả năng thực hiện những vụ tẩy chay này.

Tuy nhiên, những phương pháp nói trên trở nên có thể thực hiện được nếu (a) những người đối kháng có sức mạnh thi hành những phương pháp này và duy trì những phương pháp đó dù bị đối phương phản công; và (b) những phương pháp này phải ăn khớp với chiến lược của chiến dịch đã được lựa chọn nhắm vào những cột trụ chống đỡ dễ bị tấn công của đối phương. Trong mọi trường hợp, những phương pháp được lựa chọn phải là bộ phận của một kế hoạch chiến lược sẽ áp dụng những sức mạnh của những người đối kháng đánh vào những nhược điểm của đối phương, tập trung ráo riết vào những cột trụ chống đỡ dễ bị tấn công nhất. Làm khác đi là bỏ lỡ những cơ hội tiến tới trong cuộc đấu tranh, đồng thời phơi bày những nhược điểm thiết yếu có thể có của phe mình mà đối phương sẽ hăng say khai thác.

### Giữ cho đối phương mất thăng bằng

Phong trào đối kháng cần phải giữ cho đối phương mất thăng bằng, và phải đánh vào nơi mà đối phương không chuẩn bị đối đầu với cuộc tấn công. Thời gian tính và tốc độ có thể quan trọng ở đây. Tuy nhiên, không giống với điều đôi khi đúng trong những cuộc đấu tranh quân sự, những người đấu tranh bất bạo động *không* cần phải nhờ vào những cuộc tấn công bất ngờ để có thể hữu hiệu.

Tính toán thời gian thực thi các chiến thuật của những người đối kháng có thể rất quan trọng. Các chiến lược gia và những người lãnh đạo đối kháng thiết yếu phải có khả năng phán đoán khi nào dân chúng sẵn lòng kháng cự. Đôi khi thời gian hành động có thể được tính toán để trùng hợp với một ngày nào đó có ý nghĩa hay là một dịp đặc biệt nào đó. Nơi nào chuẩn bị một sự hỗn hợp các hành động liên quan đến nhiều nhóm, thì thời điểm chính xác cho mỗi nhóm hành động sẽ quan trọng. Tính toàn thời điểm cho những hành động đối kháng cũng quan trọng ở nhiều giai

đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh. Quyết định đúng thời điểm để chuyển từ những hành động chỉ có tính biểu tượng sang bất hợp tác toàn bộ, chẳng hạn, hay để bắt đầu một chiến dịch mới trong phạm vi toàn bộ đại chiến lược là một việc làm quan trọng.

Có thể đòi hỏi cần phải có những hành động tự vệ nhặm lẹ để đối đầu với sự tấn công áp đảo của đối phương. Ví dụ, nếu đối phương cố giành lấy quyền kiểm soát trên toàn quốc, như bằng cách xâm lăng hay một cuộc đảo chánh, thì phong trào đối kháng phải được khởi động trước khi những kẻ xâm lược thiết lập xong sự kiểm soát hữu hiệu của Nhà Nước. Cũng như thế, đối kháng quan trọng vào thời điểm khi mà chế độ áp bức nỗ lực kiểm soát hay loại bỏ các nhóm và các cơ chế độc lập của xã hội để bành trướng sự kiểm soát của chế độ đối với guồng máy chính quyền và đối với xã hội. Cần phải bảo vệ những nhóm và những cơ chế này để có thể duy trì cả khả năng tự do hành động lẫn khả năng đối kháng trong tương lai của những nhóm và những cơ chế này.

**Ngăn chặn sự kiểm soát của đối phương**

Trong mọi cuộc xung đột tầm cỡ, những người đối kháng cần phải có những nỗ lực ngăn chặn sự thiết lập hay duy trì sự kiểm soát của đối phương. Đối kháng phải tiếp tục đến bao giờ còn được đòi hỏi để tranh thủ mục đích, hoặc là đến bao giờ nhóm đấu tranh bất bạo động còn sẵn lòng chịu đựng sự đàn áp đã được tiên đoán và tiếp tục những lãnh vực khác của cuộc đấu tranh. Điều này có thể thực hiện được chủ yếu bằng ba cách:

(1) Những người đối kháng và tập thể dân chúng mà những người đối kháng đại diện phải (a) bất tuân một cách thách thức và thu lại sự hợp tác của mình với đối phương, do đó chối bỏ việc đối phương kiểm soát họ và đồng thời cũng làm suy yếu sức mạnh của đối phương, và (b) phân tán phong trào đối kháng rộng rãi khắp trong dân chúng và xã hội. Có lúc, việc phân tán đối kháng này có thể bao gồm việc áp dụng những chiến thuật trì hoãn tương đối nhẹ nhàng và giả vờ thiếu khả năng trong một vài khu vực quần chúng. Những lúc khác, sự phân tán này có thể đòi hỏi áp dụng những phương pháp thách thức mạnh hơn và bất hợp tác. Phân tán đối kháng theo địa lí thường cũng quan trọng, mặc dù có thể có những tụ điểm vật lí (như là những đô thị hay các khu kĩ nghệ quan trọng), nơi mà đối kháng tập trung có thể tạo được tác dụng mạnh hơn.

(2) Nhất là, trong những trường hợp chống xâm lược hay đảo chánh, thì những người đối kháng cần phải ngăn chặn, phá vỡ, hay vô hiệu hoá bất cứ sự hợp tác nào với đối phương. Từ chối không cho những kẻ tấn công có được một nhóm cộng tác viên là một áp dụng cụ thể quan trọng của chính sách tổng quát về bất tuân và bất hợp tác với đối phương.

(3) Những người đối kháng phải có những nỗ lực phá giải hiệu lực của quân đội, cảnh sát, và công chức của đối phương. Điều này được thực hiện bằng cách cách li sự trung thành của họ đối với những người lãnh đạo họ, và, khi nào được, thì cố khuyến dụ họ bất mãn, nổi loạn, hay đào ngũ.

## Thách đố sự đàn áp bằng vũ lực của đối phương

Đấu tranh bất bạo động có thể gây ra những khó khăn trầm trọng cho nhiều đối thủ. Dĩ nhiên là những đối thủ mà quyền lực, quyền lợi, và quyền kiểm soát bị đe doạ sẽ bị phiền hà. Khi điều này xảy ra, thì những đối thủ mạnh có chiều hướng sẽ dùng đến các phương tiện đàn áp bằng vũ lực. Những người đối kháng có thể bị đánh đập, bị bỏ tù, bị tấn công, bị bắt cóc, bị chấn thương, bị tra tấn, hay bị giết.

Bị đàn áp như thế không phải là dấu hiệu đấu tranh bất bạo động đã thất bại. Đúng ra, sự đàn áp này là một chỉ dấu của sự hữu hiệu là đấu tranh bất bạo động đã gây phiền toái cho những kẻ áp bức đến mức độ nào rồi. Các tổn thất không phải là chỉ dấu của thất bại, không khác gì hơn những cuộc xung đột quân sự. Các tổn thất là cái giá sinh mạng phải chờ đợi khi xúc tiến một cuộc xung đột ráo riết với những đối thủ sẵn lòng và có khả năng gây thương tích hoặc giết người để thiết lập và duy trì sự kiểm soát của họ.

Mức độ phản ứng của đối phương thô kệch và tàn bạo, hay tế nhị và tinh xảo với rất ít vũ lực, sẽ biến đổi. Tuy nhiên, phản ứng mạnh của đối phương cần phải được dự tính trước. Những phản ứng của đối phương không nên để tạo bất ngờ và những người đối kháng phải được chuẩn bị cho những phản ứng này.

Vài người đối kháng trong những phong trào trong quá khứ cho rằng họ đã bị đánh bại khi đối phương áp dụng đàn áp mạnh chống lại họ. Nếu những người đối kháng tin là họ đã bị đánh bại, thì họ đã bị đánh bại. Tuy nhiên, thất bại không khẩn thiết là hậu quả của đàn áp. Đàn áp nghiêm trọng, ngược lại, có thể đưa đến đối kháng mạnh hơn, gia tăng hỗ trợ từ

các thành phần thứ ba, và đôi khi ngay cả thiện cảm và hỗ trợ từ các thành viên trong nhóm đối phương.

Nếu sự đàn áp không được thông hiểu, và nếu những phản ứng khôn ngoan đối với đàn áp không được áp dụng, thì bạo lực của đối phương có thể tạo nên đổ vỡ, gieo rắc kinh hoàng, và làm mất tinh thần dân chúng. Dân sẽ ít sẵn lòng mạo hiểm những hậu quả như thế như là cái giá phải trả để đối kháng. Một vài người, tức giận trước sự bạo tàn của đàn áp và trước những đau khổ và chết chóc của bạn bè và gia đình, có thể muốn đánh trả thù bằng những hành động bạo lực của chính mình. Tuy nhiên, sự phản công bằng bạo lực này sẽ không tăng sức mạnh cho đối kháng. Nó không phục vụ một mục đích chiến lược, và hầu như chắc chắn là sẽ có hậu quả phản tác dụng, đóng góp vào việc hoá giải hiệu lực của đấu tranh bất bạo động, như chúng ta đã thảo luận ở Chương Ba Mươi Mốt.

Trong dài hạn, phản ứng hữu hiệu nhất đối với đàn áp vũ lực là chứng minh đàn áp vũ lực không đưa đến khuất phục, ngược lại gia tăng đối kháng. Tiếp tục đối kháng bất bạo động mặc dù bị đàn áp nghiêm trọng có lúc cũng có thể tạo cả bất ổn trong chính người của đối phương lẫn đối lập với đối phương trong những thành phần thứ ba. Tuy nhiên, để điều này có thể xảy ra, có thể cần phải có một thời gian chịu đựng đau khổ cho đến khi lãnh đạo của đối phương thừa nhận là những bạo tàn đem lại hậu quả phản tác dụng, hoặc cho đến khi chế độ của đối phương suy yếu và tan rã vì sự đói khát chính trị do sự cắt đứt những nguồn sức mạnh gây nên.

Những người đối kháng có thể thực hiện những bước làm suy giảm tác dụng của đàn áp đối với họ và đối với dân chúng. Đôi khi có thể chọn những phương pháp đối kháng ít khiêu khích hơn. Ví dụ, dân có thể được khuyến khích đừng xuống đường ở nơi mà họ có thể bị bắn dễ dàng, và nên biểu tình tại gia, nơi họ hiển nhiên không còn là tiêu đích nữa. Đôi khi, có thể cần phải có những hành động "chớp nhoáng," kêu gọi những người tham gia tụ tập nhanh chóng cho một diễn biến, rồi giải tán hết sức nhanh trước khi cảnh sát và quân đội có thì giờ phản ứng.

Thay đổi chiến lược và chiến thuật, như là sử dụng những phương pháp ít mạo hiểm hơn nhưng vẫn thách thức, có thể thích hợp hơn cho việc làm thuyên giảm tác dụng của đàn áp. Đôi khi, tạm thời rút lui có thể là khôn ngoan, bẻ quặt đối kháng theo một hướng khác. Những nỗ lực dồn dập có thể được tung ra nhằm cải hoá cảnh sát và quân đội, và dân chúng của đối phương. Giúp đỡ những nạn nhận đàn áp và gia đình của

họ, ở những nơi nào có thể thực hiện được, bằng những phương tiện như là hỗ trợ về y tế, tâm lí, tài chánh, và những phương tiện khác tương tự như thế là một điều quan trọng. Cốt yếu, những người đối kháng phải duy trì sự đoàn kết và quyết tâm đối kháng của họ suốt cả thời gian đấu tranh bất bạo động.

Đàn áp khắc nghiệt cũng có thể được phản công bằng cách tăng cái giá mà đối phương phải trả vì đã sử dụng lối đàn áp này. Nếu đàn áp vũ lực cực kì ác liệt sẽ không thể tránh được, thì một số chiến lược gia khuyến cáo là phải làm thế nào để chắc chắn là những bạo tàn đó phải được thực hiện giữa thiên thanh bạch nhựt để công chúng, những quan sát viên, và các nhà báo có thể thấy được. Tin tức về những bạo tàn cần phải được quảng bá để li gián những thành viên và đồng minh của nhóm đối phương, bao gồm những người làm những quyết định, các nhân viên thừa hành, dân chúng nói chung, và, cả những thành viên của thành phần thứ ba nữa. Những cộng tác viên của đối phương đã bị li gián vì bạo lực của đàn áp do đó có thể theo phe đối nghịch. Trong một vài trường hợp, đàn áp cực đoan có thể đưa đến hậu quả trừng phạt kinh tế bởi quốc tế và những áp lực ngoại giao chống lại chế độ đã sử dụng những thứ bạo tàn này.

### Kiên quyết duy trì kỉ luật bất bạo động

Đấu tranh bất bạo động có thể được hữu hiệu xúc tiến chống lại đối phương có khả năng quân sự và cảnh sát rất lớn, bởi vì đấu tranh bất bạo động không có ý đối đầu trực tiếp với loại sức mạnh này. Ngược lại, cuộc đấu tranh được đeo đuổi bằng những phương tiện bất bạo động, điều làm cho đối phương khó kiềm chế hơn. Ngay cả bạo lực giới hạn do những người đối kháng gây nên, hoặc nhân danh những người đối kháng, bao gồm cả bạo lực để phản ứng lại những bạo tàn, cũng có thể có hậu quả phản tác dụng. Đối kháng bạo động giữa lúc đang đấu tranh bất bạo động sẽ tăng viện khả năng của đối phương sử dụng đàn áp chống lại những người đối kháng một cách hữu hiệu.

Trái lại, duy trì được kỉ luật bất bạo động chống lại những đối thủ bạo động sẽ làm cho những phương thức tạo thay đổi của đấu tranh bất bạo động vận hành được dễ dàng hơn, bao gồm cả tiến trình nhu thuật chính trị thỉnh thoảng có thể áp dụng được, như đã được thảo luận ở Chương Ba Mươi Hai. Đây là một tiến trình trong một vài cuộc đấu tranh bất bạo

động mà trong đó sự đối nghịch giữa bạo lực của đối phương và sự đối kháng bất bạo động kiên quyết của những người đối kháng bất bạo động có khuynh hướng làm gia tăng sự hỗ trợ cho, và sự tham gia vào, cuộc đấu tranh bất bạo động, và làm suy giảm sự hỗ trợ cho đối phương.

Điều quan trọng là cần phải lưu ý những phản ứng hỗ trợ phong trào đối kháng như thế không có gì là bảo đảm cả và thường không xảy ra. Tuy nhiên, nếu những người đối kháng duy trì được kỉ luật bất bạo động thì tiến trình này sẽ được dễ dàng hơn rất nhiều.

Kỉ luật bất bạo động gồm có hai phần: (1) theo sát những kế hoạch chiến lược cho cuộc đấu tranh và (2) giữ mình không được bạo động. Việc những người đấu tranh bất bạo động không theo sát kế hoạch chiến lược có thể gây rối loạn và có thể đẩy lệch sức mạnh ra khỏi những điểm cần sự tập trung của sức mạnh. Sự suy sụp về kỉ luật bất bạo động và sự bộc phát của bạo động có thể có những hậu quả tai hại đối với cuộc đấu tranh bất bạo động và có thể giúp đối phương.

Nếu những người đối kháng trở nên quá hăng say tham gia và có hành động không theo phần nào trong kế hoạch chiến lược nguyên thuỷ cả, hoặc là quyết định không thi hành những hành động đã được ấn định trong kế hoạch đó, thì điều này thường có thể rất có hại cho hiệu lực của cuộc đấu tranh. Dù rằng có thể có những lúc sáng kiến mới có thể hữu ích, nhưng cũng có thể nguy hiểm. Những người đối kháng phải có kỉ luật tự giác để thực thi những kế hoạch đã vạch ra một cách cẩn thận; những kế hoạch này đã được thiết kế với mục đích đem lại hành công cho họ.

Dân chúng nói chung và tất cả những người đối kháng phải thông hiểu nhu cầu dấn thân tham gia vào chiến dịch hiện hành. Các phương pháp để giải quyết vấn đề sợ hãi cũng cần phải được hoạch định. Kiến thức về những phản ứng có kỉ luật đối với đàn áp nghiêm trọng, và lí do cơ bản để duy trì đối kháng bất bạo động dù bị khiêu khích và đàn áp, cần phải được thông hiểu và chấp nhận.

Đại chiến lược cho toàn bộ cuộc đấu tranh cần phải cung cấp phương tiện để đưa cuộc đấu tranh đến hồi kết cuộc thành công bằng những hình thức đấu tranh bất bạo động. Đại chiến lược phải loại bỏ khả năng đưa bạo động vào giai đoạn sau của cuộc đấu tranh, lúc mà đối kháng bạo động sẽ hỗ trợ đối phương rất nhiều. Đối kháng bạo động sẽ cho phép đối phương biện minh cho sự đàn áp còn khắc nghiệt hơn nữa và hỗ trợ những nỗ lực làm mất uy tín những người đối kháng như là những tên khủng bố trá hình. Để bạo động có khả năng có thể được sử dụng về sau

này có thể là nguyên nhân của sự bỏ rơi việc hoạch định những hình thức đấu tranh cần có cho những giai đoạn khẩn yếu của cuộc đấu tranh nhằm đạt đến thành công. Đối kháng bạo động cũng có thể tăng cường sự ủng hộ nội bộ của đối phương từ dân chúng, cảnh sát, và quân đội của đối phương. Một cuộc đấu tranh gần như đã thành công thì cần phải tiếp tục trông cậy vào những sức mạnh đã đưa cuộc đấu tranh đến lằn mức này. Nếu không thì tiến trình của cuộc đấu tranh có thể bị xoay ngược trở lại, và đối phương rốt cuộc rồi cũng sẽ thắng mà thôi.

Những hậu quả tiêu cực của sự việc những người đối kháng quay về với vũ lực có thể bao gồm hiện tượng số người tham gia đối kháng bị giảm xuống, đàn áp gia tăng, tổn thất cao, đoàn kết trong nhóm đối phương gia tăng, quân đội và cảnh sát của đối phương lên tinh thần trong lúc thi hành đàn áp, những người đối kháng mất "thế thượng phong đạo đức", và thiện cảm và hỗ trợ của quốc tế bị giảm xuống hay mất hẳn.

Những phương tiện cổ vũ kỉ luật bất bạo động có thể gồm có những chỉ dẫn và kêu gọi bằng lời nói hay bằng cách viết ra; những lời hứa và tuyên thệ; dùng các "trưởng toán" để phụ giúp trật tự trong các cuộc biểu tình; thiết kế những sinh hoạt bất bạo động nhưng thách thức để giữ sáng kiến; tránh những sinh hoạt đặc biệt có chiều hướng trở thành bạo động; tạo những áp lực đối với những người tham gia trước đây đã có hứa là sẽ giữ bất bạo động; tổ chức những lớp "kịch bản xã hội" để diễn xuất trước những hành động dự tính và sự đàn áp trong những hoàn cảnh xung đột trầm trọng; và các nỗ lực nhằm nâng cao tinh thần tham gia vào những sinh hoạt bất bạo động. Những người tham gia biểu tình có thể nên bị cấm mang theo các thứ như là vũ khí, rượu, và ma tuý đến nơi biểu tình.

### Từ chỉ dẫn đến hành động

Những chỉ dẫn trên hết sức quan trọng trong việc làm cho đấu tranh bất bạo động được hữu hiệu. Tuy nhiên, muốn có được tác dụng đến kết quả, thì những kế hoạch đặt trên cơ sở của những chỉ dẫn này, nếu có thể được, phải được chuẩn bị trước khi cuộc đấu tranh xảy ra và sau đó mới đem áp dụng trong thời gian xung đột.

Đường lối của một cuộc đấu tranh bất bạo động có thiết kế chiến lược và được chuẩn bị kĩ lưỡng sẽ là một đường lối năng động. Đường lối này sẽ đòi hỏi phải có những phản ứng khôn ngoan và hành động khéo léo

trước những đổi thay và khó khăn gặp phải, để đưa cuộc đấu tranh đến hồi kết cuộc mĩ mãn.

# Chương Ba Mươi Tám

# Xúc Tiến Cuộc Đấu Tranh

**Vai trò của một kế hoạch chiến lược**

Những trường hợp của đấu tranh bất bạo động mô tả trong các chương trước đây của cuốn sách này bắt đầu bằng nhiều cách khác nhau. Hầu như là không có ngoại lệ, những trường hợp này đều bắt đầu mà không có một kế hoạch chiến lược cho cuộc xung đột chính yếu sắp tới. Trường hợp gần với một kế hoạch chiến lược hơn cả là trường hợp của Ấn Độ năm 1930-1931, mặc dù những yếu tố thiết kế cũng được tìm thấy ở Serbia năm 2000.

Phương thức được trình bày trong sách này là một phương thức có chủ ý hơn. Phương thức này dự kiến phân tích và hoạch định chiến lược kĩ lưỡng trước khi cuộc đấu tranh bắt đầu. Việc khởi động có chủ ý cho một cuộc đấu tranh có thiết kế đi trước sẽ có chiều hướng gia tăng xác suất thành công của cuộc đấu tranh. Lập kế hoạch sẵn trước cũng có thể giảm bớt, nhưng không loại bỏ được, khả năng tổn thất nặng nề.

Một khi cuộc đấu tranh đã bắt đầu, thì nó sẽ không còn ở trạng thái tĩnh nữa. Tương quan lực lượng sẽ biến đổi, đôi khi rất nhanh chóng. Mặc dù nhóm đấu tranh bất bạo động phải luôn luôn cố nắm giữ sáng kiến trong cuộc đấu tranh, nhưng đà tiến có thể thỉnh thoảng tranh thủ được hay bị mất đi. Những khó khăn không tiên đoán trước được và những trở lực có thể, và có lẽ sẽ, xảy ra.

Những người lập kế hoạch và lãnh đạo chiến lược của nhóm đấu tranh bất bạo động phải cố tiên đoán những thay đổi trong hoàn cảnh xung đột và phải được chuẩn bị để xét định những thay đổi này trong suốt thời gian của cuộc đấu tranh. Những thay đổi này có thể đưa đến kết quả là nhu cầu thay đổi chiến thuật cho việc thực thi những chiến lược của những chiến dịch hiện hành. Những thay đổi trong hoàn cảnh xung đột cũng sẽ

quan trọng cho việc tiếp tục hoạch định những kế hoạch chiến lược của những chiến dịch tương lai sắp đến trong phạm vi đại chiến lược. Trong một vài trường hợp hiếm hoi, những chiến lược cho những chiến dịch hiện có cần phải được thay đổi nếu đã được xác quyết là những trở lực trong cuộc đấu tranh là do thiết kế chiến lược yếu kém chứ không phải do sự thực thi thiếu sót gây nên.

Trong chương này, chúng tôi sẽ cống hiến một vài ý nghĩ có thể giúp hướng dẫn những người đối kháng bất bạo động trong những vấn đề này trong khi cuộc đấu tranh đang tiến hành.

## Chuẩn bị dân chúng cho đấu tranh

Hiệu lực của đấu tranh bất bạo động có thể được tăng lên một cách đáng kể nếu một số sinh hoạt được thực hiện trước khi sự xung đột bắt đầu. Những sinh hoạt này có thể bao gồm cải tiến bối cảnh xã hội cho cuộc đấu tranh sắp tới, phổ biến kiến thức về đấu tranh bất bạo động cho những người tham gia trong tương lai, tăng sức mạnh cho những nhóm và cơ chế độc lập, và tăng cường khả năng của những người đối kháng trong việc áp dụng kĩ thuật này cho được khéo léo.

Một bước sơ khởi quan trọng trong việc chuẩn bị tập thể dân chúng cho cuộc đấu tranh sau này là phổ biến quan niệm đơn giản về bất hợp tác, và một ít hiểu biết cơ bản về kĩ thuật đấu tranh bất bạo động. Điều quan trọng là cần xác định kiến thức về đấu tranh bất bạo động của dân chúng của những người đối kháng bất bạo động có thể có sau này, sâu và rộng đến bao nhiêu. Đối với một số thành phần của dân chúng, có thể đòi hỏi cần phải cắt nghĩa đầy đủ về đấu tranh bất bạo động. Ví dụ, cần phải nhấn mạnh thêm về vai trò của bất hợp tác và sự công nhận là bạo động không có một vai trò nào trong cuộc đấu tranh này và cần phải được loại bỏ. Nhiều phương tiện truyền thông có thể được sử dụng cho mục đích này, gồm có truyền thanh, các băng nhựa thính thị, truyền đơn, các tập sách nhỏ, sách, hoạt hoạ, và truyện.

Thẩm định xem những kĩ năng nào sẽ phải được cần đến trong thời gian các chiến dịch cá biệt trong tương lai, và những người đối kháng mong đợi đã có sẵn những kĩ năng này hay chưa. Nếu chưa, thì những chuẩn bị nhằm đào tạo các kĩ năng này sẽ là một công tác cần thiết.

Phổ biến ý niệm về những chiến dịch được chia thành giai đoạn với những mục tiêu giới hạn, được xúc tiến nhằm vừa tranh thủ những mục

tiêu vừa tăng sức mạnh cho dân chúng và xã hội đang bị nô thuộc, đồng thời làm suy yếu những sự kiểm soát của chế độ áp bức, cũng sẽ là một điều quan trọng. Dân chúng cần phải trở nên quen thuộc với nhu cầu cần thực hiện những nỗ lực lặp đi lặp lại liên tục mà không trông đợi phải có kết quả ngay tức khắc.

Trong những chiến dịch được chuẩn bị đàng hoàng, cần phải có những chỉ dẫn rõ ràng phát ra cho tập thể dân chúng, và cho các nhóm đặc biệt được yêu cầu thi hành những hành động đối kháng và thách thức rõ rệt theo những lề lối có kỉ luật. Những hướng dẫn về các loại hành vi đối kháng cụ thể có thể được quyết định trước khi một cơn khủng hoảng xảy ra (như một vụ đảo chánh, chẳng hạn), kèm theo các chỉ dẫn cho những trường hợp phòng hờ. Những chỉ dẫn này có thể bao gồm các vai trò đối kháng của các nhóm khác nhau trong dân chúng và của các cơ chế trong xã hội.

Kinh nghiệm cũng xác định là, ngay cả trong những hệ thống toàn trị cực đoan nhất, các nhà độc tài cũng không thể cắt đứt hoàn toàn tất cả mọi thông tin giữa những người đối kháng và giữa tập thể dân chúng. Những tờ tin tức, những tập sách mỏng, và các sách bất hợp pháp đã từng được ấn hành và phân phát trong các thời chiếm đóng của Đức Quốc Xã và nền cai trị của Cộng Sản.

### Đối diện với khó khăn: chướng ngại hay là thách đố?

Cần phải chờ đợi những khó khăn sẽ xảy ra trong thời gian xung đột. Cách thức những người đối kháng nhìn xem những khó khăn này và phản ứng như thế nào là điều quan trọng. Cả những người đối kháng lẫn những người lãnh đạo cần phải xem những khó khăn được xác định như là những thách đố, chứ không phải là những chướng ngại không thể vượt qua được. Nếu không có được thái độ này, thì không thể nào vượt qua những khó khăn này được.

Do đó học làm sao để xét định những khó khăn nghiêm trọng và hoạch định những phương cách hữu hiệu để giải quyết những khó khăn này rất quan trọng. Làm như vậy, những khó khăn này có thể vượt qua, bỏ băng, hay loại bỏ đi được, và cuộc đấu tranh có thể vẫn tiến hành trong việc tranh thủ mục tiêu. Cho nên khôn ngoan là nên cố tính trước những khó khăn như thế suốt thời gian cuộc đấu tranh và tìm giải pháp cho những khó khăn đó trước khi những khó khăn này xảy ra.

## Duy trì đà tiến và sáng kiến

Việc phong trào đối kháng duy trì được sáng kiến và đà tiến dũng mãnh suốt thời gian xung đột để việc áp dụng các chiến lược đã được chấp thuận có thể tiến hành hữu hiệu và đầy sinh lực là một điều rất quan trọng. Không thực hiện được điều này sẽ làm cho phong trào bị suy yếu một cách trầm trọng. Ví dụ, một cuộc biểu tình dũng cảm, có kỉ luật, và đầy sáng tạo có thể xảy ra vào một ngày nào đó lôi cuốn được nhiều tò mò, chú ý, và hỗ trợ. Tuy nhiên, trong thời gian những tuần, những tháng tiếp theo, nếu không có những hành động đối kháng mới mẽ nào được thi hành, thì sự chú ý của công chúng sẽ tập trung vào giai đoạn thầm lặng và thụ động, chứ không phải vào cuộc biểu tình trước đó. Phần lớn tác dụng của cuộc biểu tình sẽ bị mất đi. Trái lại, duy trì được sáng kiến và sự tiến bộ tiệm tiến của phong trào đối kháng bằng những hành động phản đối hay đối kháng mới, đúng theo chiến lược đã được thiết kế, sẽ tăng sức mạnh cho cuộc đấu tranh và đóng góp vào sự thành công của phong trào.

Phong trào đấu tranh bất bạo động cần phải chủ yếu xúc tiến những hành động tấn công, thi hành sáng kiến và duy trì sáng kiến được chừng nào hay chừng đó. Nếu phong trào giữ được khả năng đối kháng mà không thi hành sáng kiến, thì sẽ có một sự nguy hiểm nghiêm trọng là phong trào sẽ trở nên chủ yếu chỉ phản ứng mà thôi. Sự lựa chọn phải làm điều gì và làm như thế nào lúc bấy giờ sẽ được quyết định bởi những sáng kiến của đối phương, do đó đem lại cho họ những thuận lợi lớn lao. Các hoạt động phòng thủ chỉ nên được giới hạn vào những hoạt động dùng để chặn bước tiến của đối phương trong lúc những hoạt động tấn công đang được chuẩn bị. Trong khi vẫn giữ chiến lược đã được thiết kế trong trí óc, những người lãnh đạo và những chiến lược gia sẽ cần phải xét định những giải pháp nào là những giải pháp dùng để thi hành sáng kiến trong những bước tiếp theo của cuộc đấu tranh.

Ngay cả trong trường hợp của một cuộc đấu tranh chủ yếu là phòng thủ, như là một cuộc đấu tranh chống lại sự chiếm đóng của ngoại bang, hay là một cuộc đảo chánh, những người phòng thủ cần phải có sáng kiến biến cuộc đấu tranh thành một cuộc đấu tranh do chính họ chủ động. Những người phòng thủ sẽ cần phải thiết kế những hành động tấn công nào mà họ có thể thực hiện được để bảo vệ những căn cứ tổ chức,

những nguyên tắc, và khả năng hành động của mình để ép buộc sự sụp đổ hay rút lui của những kẻ tấn công.

Một đại chiến lược khôn ngoan, cũng như những chiến lược cho những chiến dịch cá biệt, phải gồm có những kế hoạch để phát triển một phong trào càng lúc càng mạnh và thành công hơn.

Một cuộc đấu tranh dài hạn vận hành theo một đại chiến lược có thể bao gồm nhiều chiến dịch có những mục tiêu giới hạn. Hiệu lực của cuộc đấu tranh dài hạn có thể được gia tăng, và đà tiến được duy trì, nếu cả những mục đích của chiến dịch lẫn các nhóm dân chúng được đòi hỏi chịu gánh nặng trách nhiệm xúc tiến cuộc đấu tranh được biến đổi giữa những chiến dịch tiếp nối nhau.

Trong vài cuộc đấu tranh dài hạn, những chiến lược của chiến dịch có thể tập trung lúc này vào những vấn đề kinh tế, lúc khác vào những vấn đề tự do phát biểu, và vào lúc khác nữa thì lại vào những vấn đề tôn giáo. Những phương pháp đấu tranh rất khác nhau có thể được sử dụng trong mỗi một chiến dịch này. Mỗi chiến dịch có thể đòi hỏi những mức độ dấn thân và mạo hiểm khác nhau cho những thành phần khác nhau trong phong trào đối kháng. Ví dụ, các giáo sư có thể chịu gánh nặng về trách nhiệm và chịu đựng đàn áp trong một thời gian. Trong những giai đoạn khác, các hàng giáo phẩm, công nhân hoả xa, phóng viên báo chí, các quan toà, hay học sinh/sinh viên có thể chịu trách nhiệm chính trong việc thi hành một số hành động nhằm tranh thủ những mục tiêu rõ rệt. Sau đó, nhóm chính yếu chịu trách nhiệm đối kháng có thể được nghỉ ngơi, khi vấn đề tranh chấp chuyển hướng hay một nhóm ngành nghề hay địa phương khác được yêu cầu đóng một vai trò năng động hơn trong một chiến dịch mới.

Nếu một kế hoạch nhằm phát triển một phong trào đối kháng càng lúc càng mạnh như thế đã được thiết kế, thì điều quan trọng là theo dõi tiến trình của cuộc đấu tranh để quyết định xem phong trào có thực sự trở nên mạnh hơn hay không. Nếu phong trào đã trở nên chủ yếu là phản ứng, hay là phần lớn chỉ hành động phòng thủ, thì cần phải có một sự thay đổi để có những hành động năng nổ hơn. Cần phải lấy những quyết định và những quyết định này phải được thực thi để làm cho cuộc đấu tranh gia tăng nghị lực, sáng kiến, và sức lực để tiến tới khả năng cao hơn trong việc tranh thủ (các) mục tiêu của cuộc đấu tranh.

## Theo dõi tiến trình cuộc xung đột

Trong suốt tiến trình của cuộc xung đột, nhiều thay đổi quan trọng có chiều hướng sẽ xẩy ra trong nhóm đối phương cũng như trong nhóm những người đối kháng, trong những mối quan hệ giữa hai nhóm, và trong những mối quan hệ của họ đối với những thành phần thứ ba. Rất quan trọng là mức độ và loại hỗ trợ mà mỗi phe tranh chấp nhận được từ những "cột trụ chống đỡ" của mình có thể tăng hay giảm. Kết quả có thể là những chuyển đổi trong hoàn cảnh xung đột tổng quát như đã được thẩm định trước kia trong lúc chuẩn bị phỏng định chiến lược, như đã được thảo luận ở Chương Ba Mươi Sáu. Hoàn cảnh nguyên thuỷ sẽ không đứng yên. Nhiều nhân tố khác nhau sẽ can dự vào hoàn cảnh khi những người đối kháng áp dụng một kế hoạch chiến lược hay chiến thuật đã được lựa chọn và khi đối phương phản ứng lại. Do đó, biết được sự hỗ trợ cho mỗi phe đã thay đổi như thế nào, và hiện đang thay đổi như thế nào, và các kế hoạch cho cuộc đấu tranh bất bạo động có thực sự được áp dụng hay không và áp dụng như thế nào là một điều quan trọng.

Những chỉ dấu quan trọng hơn về tác dụng của cuộc đấu tranh cần phải được theo dõi. Những chỉ dấu này bao gồm những thay đổi trong các nhóm đối kháng, trong tổng thể dân chúng, nơi đối phương, và ở các thành phần thứ ba. Một số câu hỏi quan trọng cần phải được đặt ra. Những thay đổi nào thuận lợi? Những thay đổi nào không thuận lợi? Các quan điểm, tinh thần, và sự tin cậy vào quân đội, vào các giới chức, và dân chúng của đối phương đã bị ảnh hưởng bởi cuộc đấu tranh như thế nào? Sự kiên quyết của những người đối kháng cho đến giờ phút này đã bị ảnh hưởng bởi cuộc đấu tranh như thế nào, và số người đối kháng đang tăng hay đang giảm? Điều gì đã xảy ra trong thời gian cuộc đấu tranh đối với khả năng đối phương kiểm soát hoàn cảnh xung đột và dân chúng đối kháng?

Điều quan trọng là phải xác định những lí do tại sao có những thay đổi về các tương quan lực lượng, của cả hai bên. Đang có những khuynh hướng nào? Những nhân tố nào đã đóng góp vào những thay đổi này? Các diễn biến có đem lại bằng chứng là kế hoạch chiến lược nguyên thuỷ vững chãi hay không, hay là cần phải được xét lại? Những biện pháp phản công của đối thủ có được dự tính trước, do đó các phản ứng có được chuẩn bị hay không, hay là đòi hỏi những người đối kháng phải có những hành động mới? Điều này nói lên những gì về các cái lợi có thể có

trong việc bắt đầu những thay đổi về các chiến thuật và các phương pháp sẽ được sử dụng, hay ngay cả về việc đánh giá chiến lược đã được lựa chọn, trong thời gian của một buổi duyệt lại trong tương lai? Cũng có thể thu thập thêm những thông tin về các nhân tố có giá trị và tạo thay đổi trong hoàn cảnh xung đột, như là việc sử dụng tuyên truyền, các nhân viên tình báo và điểm chỉ viên, những động tác của các nhân viên nòng cốt của đối phương, và các nhân tố khác nữa.

Một trong những công tác quan trọng nhất trong việc đánh giá cuộc đấu tranh đang diễn tiến là thẩm định xem các chiến thuật và các phương pháp đối kháng được áp dụng hữu hiệu như thế nào. Điều này đặc biệt cần phải thực hiện nhất là khi những phương pháp lựa chọn đòi hỏi sự tham gia của của một số rất lớn những người đối kháng. Những thí dụ về những phương pháp này bao gồm những vụ tẩy chay kinh tế, đình công lao động, những hình  thức bất hợp tác chính trị khác nhau, và ngay cả một vài hành động có tính biểu tượng như là tuần hành phản đối hay là trưng bày công khai một số màu sắc hoặc kí hiệu biểu tượng. Nếu những phương pháp này đang được rất nhiều người áp dụng, thì chỉ sự kiện này không mà thôi cũng có giá trị truyền thông rất lớn, và có thể tạo nên một tác dụng mạnh cho cuộc đấu tranh. Ngược lại, nếu một lời kêu gọi sử dụng những phương pháp đòi hỏi sự tham gia của nhiều người nhưng chỉ nhận được một sự hưởng ứng rất nhỏ bé, thì nhược điểm của phong trào đối kháng bị phơi bày, đưa đến những hậu quả tiêu cực cho tương lai của cuộc đấu tranh.

Những người lập chiến lược và những người lãnh đạo sẽ cần phải có những cách thức theo dõi các ưu và nhược điểm của chiến dịch đang diễn tiến của mình để thẩm định xem có cần phải có những bước mới nào để gia tăng hiệu lực và xác suất thành công hay không. Sự thẩm định này có thể giúp những người đối kháng có được những biện pháp (1) ngăn chặn, sửa sai, hay bù trừ cho một số biến chuyển tiêu cực, hay là (2) lấy những sáng kiến mới để tăng sức mạnh của cuộc đấu tranh, tăng cường nhóm đấu tranh, làm suy yếu đối phương, và tranh thủ thêm sự hỗ trợ của những thành phần thứ ba.

### Những chuyển đổi về chiến thuật và phương pháp

Một chiến lược khôn ngoan đã được thiết kế để chỉ đạo đường hướng chính của cuộc đấu tranh của nhóm đấu tranh bất bạo động không nên

được xem là có thể loại bỏ dễ dàng để theo một chiến lược khác. Tuy nhiên, những kế hoạch thực thi chiến lược đã được chấp thuận phải chịu sự thay đổi khi có những cơ hội để thúc đẩy đà tiến, hay là khi gặp phải sự chống đối nghiêm trọng không được tính trước.

Trong lúc tình hình thay đổi và cuộc đấu tranh vẫn tiến hành, những người đối kháng có thể có những cơ hội thực hiện những hành động đã được hình dung ra trước đó nhưng chưa từng được sắp xếp vào một thời biểu nào nhất định. Nếu, sau khi thẩm định, những hành động đề nghị mới được xem là khôn ngoan, thì phong trào cần phải được chuẩn bị để tận dụng những cơ hội bất ngờ này. Tuy nhiên, những hành động này phải phù hợp với đại chiến lược đã được chấp thuận và với chiến lược của chiến dịch hiện hành.

Phong trào cũng phải cẩn thận đừng để lệch hướng, chú tâm vào những vấn đề bên lề và có những sinh hoạt không tập trung vào chiến lược nền tảng của cuộc đấu tranh.

Trong phạm vi của một chiến lược, có lúc có thể thực hiện những chuyển đổi theo đó những nhóm dân chúng sẽ được tín nhiệm thi hành những ứng dụng các phương pháp phản đối, bất hợp tác, hay can thiệp. Cũng có thể tạo những thay đổi khác trong việc chọn lựa những phương pháp cụ thể để áp dụng trong ngắn hạn. Những thay đổi như thế về phương pháp, hay những nhóm phương pháp, có thể được sử dụng để chuyển các trách nhiệm và nguy hiểm từ một nhóm người đối kháng này sang một nhóm người đối kháng khác có lẽ ít mệt mỏi hơn hay là có kỉ luật hơn. Những chuyển đổi về phương pháp cũng có thể được thực hiện để thay đổi loại áp lực được áp dụng cho đối phương hay để bù trừ lại các nhược điểm của nhóm đấu tranh bất bạo động. Biến đổi về chiến thuật và về phương pháp cũng có thể tăng thêm phần mới mẻ và thích thú – và thường là thêm giá trị thông tin – cho chiến dịch.

**Lùi hay tiến**

Nếu diễn biến của cuộc đấu tranh cho thấy là sức mạnh và khả năng của những người đối kháng khi đối diện với những hình phạt và khốn khổ không có, thì sự kiện này cần phải được công nhận. Cần phải tìm kiếm những cách thức để sửa sai những khuyết điểm này trong lúc vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh.

Mặt khác, nếu những nhược điểm quan trọng của đối phương được phát lộ, hay là những người đối kháng bất bạo động mạnh thế hơn là dự tính, thì thúc đẩy phong trào đối kháng và thực thi chiến lược đã được thiết kế có thể là điều khôn ngoan.

Việc thực thi chiến lược và các chiến thuật đòi hỏi một sự nhạy cảm về các biến chuyển của tình hình xung đột. Nếu một hành động chiến thuật nào đó thành công, thì tiếp theo đó phải làm gì? Nếu một hành động chiến thuật nào đó thất bại, thì phải làm gì sau đó? Nếu hành động có giới hạn này chỉ thành công phần nào thôi, thì phải làm gì tiếp theo? Khả năng phản ứng trước những diễn biến không thấy trước, hoặc không thể thấy trước được, cần phải được phát triển thật sắc bén. Điều đặc biệt quan trọng là phải giữ vững tinh thần của những người đối kháng và các ủng hộ viên tiềm năng và tiếp tục những hành động đối kháng của họ. Nếu một hành động chiến thuật không thành công, thì cần phải thay đổi các kế hoạch. Trong một vài trường hợp, có lẽ có thể kêu gọi rút lui tạm thời để chuẩn bị cho một nỗ lực mạnh mẽ hơn trong tương lai.

Có thể cần phải đặt thêm một số câu hỏi quan trọng. Khi nào thì nên tiếp tục những hành động hiện tại để tăng sức mạnh của phong trào đối kháng, hay là thay vì tiếp tục thì phải thay đổi những hành động này? Khi nào thì nên khởi sự những hoạt động mới và hành động mới này cần phải nhắm vào những mục tiêu cụ thể nào? Khi nào thì nên, mặc dù gặp phải trở ngại chiến thuật, cố gắng tăng sức mạnh của những người đối kháng và kiên trì với chiến lược đã lựa chọn? Làm thế nào để quyết định là nên hay không nên thẩm định lại và duyệt lại các chiến lược đã được chấp thuận?

## Vẫn tranh thủ được thắng lợi dù bị trở ngại

Không phải tất cả mọi cuộc đấu tranh đều tiến hành được suôn sẻ. Những người lãnh đạo và những chiến lược gia của phong trào đối kháng cần phải được chuẩn bị để hướng dẫn trong những hoàn cảnh khi mà đối phương đã tranh thủ được những thắng lợi quan trọng và đã đạt được một vài hay tất cả các mục tiêu của họ mặc dù bị đối kháng.

Thoái bộ không phải là những thất bại vĩnh viễn. Không dự tính trước những trường hợp phòng hờ như thế, và không có những chuẩn bị bởi những người đối kháng để giải quyết vấn đề, thì những thoái bộ và thất bại trong các chiến dịch trong phạm vi tổng thể của đại chiến lược có thể

đưa đến kết quả là mất tinh thần, rối loạn, và sự sụp đổ của chiến dịch đối kháng. Trái lại, nếu có dự tính trước và có chuẩn bị thích hợp, thì những người đối kháng có thể giải quyết được những thoái bộ và xoay ngược tình hình trước khi các thoái bộ đó trở thành những thảm bại.

Cần nên học những bài học từ các thoái bộ này. Những bài học này có thể bao gồm các cách thức cải tiến thiết kế các chiến lược, gia tăng đoàn kết giữa những người đối kháng, duy trì kỉ luật, cải tiến kĩ năng áp dụng những hành động đối kháng, và tăng khả năng tiếp tục đối kháng mặc dù gặp phải đàn áp và những khó khăn khác.

Xác định, dựa trên cơ sở xét nghiệm những biến chuyển của phong trào và sự phân tách kĩ lưỡng các diễn biến, xem có phải những nguyên nhân của sự thoái bộ nằm trong việc lựa chọn các mục tiêu và chiến lược hay không là một điều quan trọng. Nếu không phải như vậy, và mục tiêu đã được chọn một các khôn ngoan, và chiến lược đã được hoạch định và thiết kế giỏi, thì mục tiêu và chiến lược không nên bị loại bỏ và thay thế một cách nhẹ dạ.

Những khó khăn trên bình diện chiến thuật không khẩn thiết phải là lí do để loại bỏ chiến lược. Ngược lại, những thay đổi có thể thích hợp ở bình diện chiến thuật. Tập thể dân chúng và nhóm đối kháng có thể đã yếu và do đó cần phải được tăng sức mạnh. Việc thực thi chiến lược và các chiến thuật có thể đã được xúc tiến một cách kém cỏi. Có thể đã có những khó khăn về tổ chức và lãnh đạo. Những người đối kháng có thể đã thiếu những phương tiện hữu hiệu để chống lại các sức mạnh và nước bước của đối phương. Trong mọi trường hợp, bản chất đích xác của các nhược điểm của phong trào đối kháng cần phải được xác định, và các sửa sai cần phải được thực hiện ở những bình diện thích hợp.

Trong những trường hợp những mục tiêu của những chiến dịch cá biệt đã đạt được rồi, thì những thắng lợi này phải được công nhận và những người đối kháng phải được nhận lãnh công lao về những thành quả của mình. Việc công nhận và ghi ơn này sẽ giúp những người đối kháng tiếp tục thành công với những thắng lợi mới trong những giai đoạn kế tiếp của cuộc đấu tranh.

### Đưa cuộc đấu tranh đến hồi kết thúc

Không có một kĩ thuật đấu tranh nào, bạo động hay bất bạo động, có thể bảo đảm thành công trong mọi trường hợp, bất kể các điều kiện, sức

mạnh và kĩ năng của những người đối kháng, và bản chất cùng hành động của đối phương. Hẳn là cần phải xét nghiệm quán triệt những điều kiện ngoại tại của cuộc đấu tranh và bản chất cũng như các khả năng của đối phương. Tuy nhiên, những nhân tố quan trọng khác trong việc quyết định kết quả của cuộc đấu tranh thường bị bỏ quên là kĩ năng, sự chuẩn bị, lòng can đảm, các chiến lược, và sự kiên quyết do những người đối kháng biểu lộ. Nếu những phẩm tính này yếu kém hoặc thiếu vắng, thì cuộc đấu tranh sẽ có chiều hướng thất bại. Nhưng nếu những khả năng này hiện hữu và có thể được tăng cường, thì những người đối kháng có cơ may thắng ngay cả những đối thủ tàn ác.

Có ba phương cách căn bản để một cuộc đấu tranh kết thúc: thất bại, kết quả lẫn lộn, hay thành công. Những cuộc xung đột có sử dụng đấu tranh bất bạo động cũng không ngoại lệ.

## Thất bại

Bản chất của thất bại có thể mang từ dạng đơn giản là không đạt được các mục đích của cuộc đấu tranh đã tuyên bố đến sự sụp đổ toàn diện của phong trào đối kháng. Điều này cũng tương tự như thất bại trong chiến tranh quân sự, ngoại trừ sự đánh giá về đấu tranh bất bạo động còn được đo lường bằng một tiêu chuẩn khác nữa thường không được áp dụng cho chiến tranh, đó là, những mục tiêu đã khẳng quyết có thực sự đã đạt được hay chưa.

Thất bại có thể xảy ra vì không đủ sức mạnh, hay yếu kém về tổ chức, về sự kiên quyết, hay về chiến lược. Như chúng tôi đã có nói trước đây. Không có gì có thể thay thế cho sức mạnh đích thực của đấu tranh bất bạo động được.

Những hậu quả của thất bại sẽ biến đổi. Có lúc thì phải chịu những khốn khổ về thể xác, chết chóc, lo âu về tâm thần, những tổn thất về kinh tế, tình huống tệ hại hơn, hay những câu thúc mới về luật pháp. Nếu bị xuống tinh thần và mất niềm tin vào đấu tranh bất bạo động thì những cơ hội để sử dụng kỉ thuật này, một lần nữa, có thể là nhỏ nhoi.

Nếu sự thất bại của một cuộc đấu tranh bất bạo động tỏ ra hầu như đã chắc chắn, hay ít nhất là rất có thể xảy ra, thì những người lãnh đạo và các chiến lược gia bất bạo động sẽ cần phải có những tính toán rất cẩn thận làm thế nào để đương đầu với hoàn cảnh. Ngay cả nếu nhóm đấu tranh không thể tranh thủ được các mục tiêu của mình thì cũng không cần

phải bỏ rơi những mục tiêu ấy, nếu không thì họ sẽ nhượng bộ chính danh lại cho đối phương. Những nước bước có chủ ý phải được thực hiện để bảo đảm khả năng phục hồi cuộc đấu tranh sau khi đã tái phối trí quy mô, tăng cường nội bộ, có phân tích chiến lược mới và được chuẩn bị.

Một phong trào đã chứng tỏ là quá sức yếu để có thể chống lại đối phương và đã tan rã thì lúc đó có rất ít khả năng để cứu vãn tình hình khỏi rơi vào thảm bại.

Tuy nhiên, nếu sự thất bại không phải là quá mức, và mặc dù vậy những người đối kháng và đại bộ phận quần chúng lúc bấy giờ vẫn chưa tái phối trí được sau bao nhiêu là tổn thất, thì cần phải kêu gọi tạm ngưng đấu tranh. Một nỗ lực cần phải được thực hiện để cứu vãn nhiều được chừng nào hay chừng ấy để khỏi bị rơi vào cơn khủng hoảng. Điều quan trọng là phải biết làm thế nào để rút lui một cách trật tự về một vị thế có thể cố thủ được. Vị thế này là gì sẽ biến đổi rất nhiều tuỳ theo từng hoàn cảnh và các sức mạnh của những phe tranh chấp.

Nếu một cuộc đấu tranh nào đó đã bị đánh bại, thì điều quan trọng là phải phân tích những nhân tố nào đã đóng góp vào sự thất bại đó. Một khi các nhân tố này đã được xác định, thì cần phải xét định xem tại sao những nhân tố đó đã xảy ra, và những nhân tố đó có thể sửa đổi được hay không, và nếu được, thì bằng cách nào. Sự phân tích này phải được thực hiện một cách kĩ lưỡng và không nên có những lối cắt nghĩa đơn giản, như là "đối phương quá tàn bạo."

Cần phải có một nỗ lực biến hoàn cảnh khó khăn thành một giai đoạn của tái phối trí và của những chuẩn bị mới. Nếu phần nào khí thế đấu tranh vẫn còn tồn tại trong số những người đối kháng và trong dân chúng, thì điều quan trọng là phải duy trì ít nhất một vài phương tiện phản đối biểu tượng nho nhỏ và tiếp tục một ít công tác tổ chức có giới hạn. Điều này là một thực tại mà triết gia người Na-Uy Arne Næss gọi là "đối kháng vi mô."[1] Khi tình huống được cải thiện, thì những người lãnh đạo và các chiến lược gia còn sót lại cần phải xúc tiến các chuẩn bị cho phong trào đối kháng trong tương lai, khuyến khích dân chúng thực hiện những hành

[1] Arne Næss định nghĩa đối kháng vi mô là "đối kháng bởi những cá nhân và những nhóm rất nhỏ, tạm thời, được xúc tiến theo một phương cách mà sự phát lộ và tiêu diệt của những tổ chức lớn sẽ không ảnh hưởng đến loại đối kháng này, ít nhất cũng không trực tiếp." Xem Adam Robert, ed. *Đối Kháng Dân Sự Như Là Quốc Phòng*, Harrisburg, Pennsylvania: Stackpole Books, 1967 và *Chiến Lược Quốc Phòng* (London: Faber & Faber, 1967), tt. 252 và 270n. Có nhiều thí dụ dẫn chứng.

động nhỏ và ít mạo hiểm, và sau đó ngay cả khởi động những sinh hoạt phản đối và đối kháng địa phương có giới hạn để tranh thủ những mục tiêu nhỏ hơn.

Không phải mọi thất bại đều toàn diện và vĩnh viễn. Ngay cả khi những người đối kháng trông như là đã bị đánh bại, sức mạnh của đối phương, mặc dù họ đã chiến thắng, có thể thực sự đã bị suy yếu một cách đáng kể. Trong chiến tranh quân sự, điều này được biết đến như là "chiến thắng đắt giá" (Pyrrhic victory). Ngay cả những khi mục tiêu không đạt được, những người đối kháng có thể trưởng thành trong sức mạnh tổ chức và trong kĩ năng đối kháng. Những thắng lợi như thế có thể là nền tảng cho sự gia tăng sức mạnh và hiệu lực về sau này. Tuy nhiên, có thể cần phải có một cuộc tái thẩm định cơ bản về tình hình, bao gồm cả một phỏng định chiến lược mới.

## Kết quả lẫn lộn

Trên thực tế, dĩ nhiên, kết quả cuối cùng của những cuộc đấu tranh thường không phải là thành công hoàn toàn mà cũng không phải là thất bại hoàn toàn, nhưng là một sự lẫn lộn của cả hai. Trong những trường hợp như thế, nhóm đấu tranh bất bạo động sẽ phải thẩm định lại tình hình và quyết định xem cần phải làm gì để đạt được toàn bộ các mục tiêu của chiến dịch như đã dự tính từ lúc ban đầu.

Những thắng lợi có giới hạn phải được phúc trình một cách chính xác và thông hiểu. Những thắng lợi này không phải là những thất bại, nhưng cũng không phải là những thành công hoàn toàn. Dù sao trong một hoàn cảnh của những thắng lợi có giới hạn đối với nhóm đấu tranh bất bạo động thì có thể là đối phương cũng đã trải qua những trở ngại tương tự. Họ có thể mất tự tin và trở nên suy yếu và ít có khả năng từ chối những mục tiêu của những người đối kháng trong tương lai hơn.

Nếu những thắng lợi từ cuộc đấu tranh ít hơn là sự mong muốn của những người đối kháng, nhưng nếu không có ai nêu lên những câu hỏi cơ bản chất vấn giá trị của chiến lược đã được lựa chọn, thì điều quan trọng là phải tiếp tục áp dụng chiến lược này, nhưng có lẽ là theo một phương cách khác. Tuy nhiên, nếu có những vấn đề quan trọng đã được khám phá trong lúc đối kháng trước đó, những vấn đề có thể được xác định là những nhân tố cản trở những thắng lợi khác trong tương lai, thì kế hoạch chiến lược trước kia có thể cần phải được xét lại.

Không phải tất cả những thay đổi lớn đều có thể đạt được trong một cuộc đấu tranh duy nhất, và những kết cuộc do thương thảo đem lại đôi lúc cũng khôn ngoan đối với một số chiến dịch. Đôi khi, chính sự kiện thương thảo để giành thắng lợi -- chứ không phải để bị tổn thất – cũng đã là một chiến thắng rồi, bởi vì nó phản ánh một tương quan lực lượng được cải tiến. Đôi khi, một cuộc ngưng chiến, một giải quyết tạm thời có thể được thực hiện mà không cần phải có những thương thảo hay là thoả hiệp.

Những người đối kháng bất bạo động có thể thoả hiệp về những vấn đề thứ yếu, không quan trọng, nhưng không nên thoả hiệp về những vấn đề thiết yếu hay là từ bỏ những nguyên tắc hay yêu cầu căn bản. Những người đối kháng cần phải biết sự khác biệt này và không nên lấy những vấn đề thứ yếu làm những nguyên tắc căn bản hay là những mục tiêu chính yếu. Việc tranh thủ trọn vẹn những nguyên tắc hay những yêu cầu căn bản có thể được triển lại, chứ không thể bị chối bỏ.

Giai đoạn tiếp theo sau một cuộc đình chiến, hay giải quyết tạm thời sẽ khó khăn. Giai đoạn này có thể được sử dụng bởi những người đối kháng để tái phối trí, tăng cường lập trường, hoặc củng cố những thắng lợi. Ta không nên tiếp tục đi theo con đường đã dẫn đến hưu chiến. Những chiến lược và chiến thuật mới rất quan trọng. Những hành động đầu tiên sau khi thất trận cần phải ngắn gọn, nhưng không nên bao giờ để cho đối phương quyết định những hành động tương lai của những người đối kháng. Nhóm đấu tranh không nên để mình trở nên hoàn toàn thụ động và trở lại chịu khuất phục. Những giai đoạn rút lui hay ngay cả thất bại phải được biến thành những cơ hội để phục hồi sức mạnh và chuẩn bị cho đấu tranh thuận lợi hơn. Khi đã tranh thủ được những thành công có giới hạn bằng cách tạo được những thay đổi về thái độ, về vị thế quyền lực, và về các liên hệ xã hội, thì những thành công này có chiều hướng là đích thực và lâu bền, không dễ gì lấy đi được.

Các chiến lược gia và những người lãnh đạo sẽ cần phải thẩm định xem làm thế nào để cuộc đấu tranh của họ có thể được tăng cường để giúp cho họ có thể tiến hành từ một chiến dịch hay một cuộc đấu tranh kết thúc với những kết quả lẫn lộn, đến một chiến dịch mới có khả năng đạt được toàn bộ những mục tiêu của mình. Làm thế nào để những người đối kháng có thể phục hồi từ những mất mát kia, làm thế nào để tái phối trí, tăng sức mạnh cho dân mình, và chuẩn bị để bắt đầu lại một giai đoạn mới của cuộc đấu tranh? Những người đối kháng có thể tập trung vào một mục tiêu cụ thể dễ tấn công hơn hay không? Hay là họ có thể bành

trướng các mục tiêu của mình để tận dụng những sức mạnh và cơ hội của họ vừa mới được xác nhận hay không? Chiến lược và các chiến thuật trong giai đoạn tái phối trí và phục hồi sức lực như thế sẽ thật là đặc biệt quan trọng.

## Thành công

Thành công trong một chiến dịch có giới hạn, hay trong một cuộc đấu tranh bất bạo động chính yếu vận hành trên cơ sở của một đại chiến lược, cần phải được thông hiểu một cách chính xác. Thành công trong những cuộc đấu tranh bất bạo động được định nghĩa như là việc đạt được những mục tiêu quan trọng của nhóm đấu tranh. Những mục đích của những người đấu tranh đã tranh thủ được chưa? Đây là tất cả những gì cần thiết để tuyên bố chiến thắng, dù cho đối phương chưa chịu thừa nhận tình hình đã đổi thay.

Như chúng ta vừa thảo luận, một vài cuộc đấu tranh bất bạo động có thể đem lại những kết quả lẫn lộn thành công và thất bại. Nhưng một cuộc đấu tranh không thể được gọi là thành công hoàn toàn, nếu chỉ có tinh thần của những người đối kháng là được nâng cao, nếu chỉ có tập thể dân chúng là được tổ chức tốt hơn và có kĩ năng đối kháng hơn, hay là nhóm đối phương chỉ bị suy yếu đi mà thôi. Những tình huống này đích thị là những thắng lợi, nhưng chưa phải là những thành công trọn vẹn.

Khi đã có được những bước tiến quan trọng, và chiến thắng đã gần kề, thì cần phải thận trọng. Đây là một giai đoạn trọng yếu và nguy hiểm. Nhóm đấu tranh bất bạo động có thể quá tự tin và bất cẩn. Tại điểm này, đối phương có thể có một nỗ lực tối đa để tránh khỏi phải đầu hàng. Nỗ lực cuối cùng của nhóm đấu tranh bất bạo động là nỗ lực quan trọng nhất và là nỗ lực khó khăn nhất. Các chiến dịch có thể kết thúc một cách thành công bằng nhiều cách khác nhau. Những cách này bao gồm thương thảo, đối phương chấp thuận các đòi hỏi, và sự sụp đổ của chế độ của đối phương.

Trong một vài trường hợp, sự thoả thuận giữa những phe tranh chấp do thương thảo đem lại có thể bao gồm những mục đích do nhóm đấu tranh bất bạo động tranh thủ được. Đôi khi, những mục đích có thể được hợp thức hoá bằng một quyết định được ấn định bởi một cơ chế, một toà án chẳng hạn, không phải là một thành phần của cuộc xung đột, như đã từng xảy ra khi vụ tẩy chay xe buýt ở Montgomery, bang Alabama, năm

1956 kết thúc. Rồi cần phải xét định xem mức độ của quyết định này có phải là do tác dụng trực tiếp hay gián tiếp của đấu tranh bất bạo động hay không. Trong những trường hợp cực đoan, như là một vụ nổi dậy bất bạo động nhằm chấm dứt một nền độc tài quá khích chẳng hạn, thì thành công có thể do sự phân huỷ của chế độ áp bức đem lại. Sự phân huỷ này có thể là hiệu quả của những nguồn sức mạnh của đối phương bị suy giảm hay bị cắt đứt do bất hợp tác tập trung được sử dụng phổ quát bởi những cột trụ chống đỡ trước kia của chế độ.

Thường thường thì đối phương nhất định phủ nhận việc những người đối kháng đạt được mục tiêu là phần nào do tác dụng của đối kháng. Đối phương bị đánh bại đôi khi cố làm hết sức mình để cứu vãn thể diện. Cũng có thể là trường hợp những đối thủ mạnh hiếm khi muốn các nhóm đối lập và tập thể dân chúng ý thức được là tiềm năng sức mạnh của họ, bằng chiến lược và hành động khôn ngoan, có thể được biến thành sức mạnh hữu hiệu. Một lối cắt nghĩa khác về sự thay đổi có thể được cống hiến ở đây. Có lẽ, có thể là đối phương cho là những quan điểm hay chánh sách của họ đã bị hiểu lầm, những khiếu nại bất bình là kết quả của quản trị yếu kém hay là của những sai lầm do cấp thừa hành gây nên, hay sự thay đổi đã được chuẩn bị ngay từ trước rồi. Người ta cũng có thể cho rằng sự thay đổi đã bị trì hoãn bởi những hành động của nhóm đấu tranh bất bạo động.

Những cách thức thành công được thực hiện sẽ biến đổi theo những mục tiêu được lựa chọn, tầm cỡ của cuộc đấu tranh, và bản chất của nhóm đối phương. Trong một cuộc xung đột tầm cỡ chống lại một nền độc tài hùng mạnh sẵn lòng sử dụng đàn áp tàn khốc, nền độc tài có thể bị đánh sập bằng cách bị tập thể dân chúng rút hết uy quyền và bắt phải khuất phục, toàn thể xã hội nhất loạt đóng cửa, tổng đình công, quần chúng biểu tình tại gia, tuần hành thách thức, làm mất quyền kiểm soát kinh tế, hệ thống chuyên chở, và thông tin, trì hoãn công việc và thách thức bởi công chức và cảnh sát, bất tuân trá hình hoặc là nổi loạn bởi quân đội, hay là những sinh hoạt khác nữa. Như là hậu quả của thách thức và bất hợp tác như thế, được thi hành một cách khôn ngoan và với sự tham dự đông đủ của quần chúng trong việc đối kháng trong một thời gian, thì ngay cả những nhà độc tài vẫn phải trở thành bất lực. Các lực lượng dân chủ, không bạo động, sẽ thắng.

Dĩ nhiên, đây không phải là một hoàn cảnh tiêu biểu trong đó đấu tranh bất bạo động được ứng dụng. Hầu hết các trường hợp ít khó khăn hơn là

đối đầu với độc tài quá khích rất nhiều. Để chống lại một nền độc tài hùng mạnh, phong trào đối kháng rất có thể đòi hỏi phải có vài chiến dịch và một thời gian khá dài mới thành công được. Tuy nhiên, trong một vài hoàn cảnh có được những điều kiện thuận lợi và hầu hết công việc nền móng đã được đặt xong, thì sự sụp đổ của nền độc tài có thể xảy ra rất nhanh chóng, như đã từng xảy ra tại Tiệp Khắc và Đông Đức năm 1989.

### Xử lí chuyển tiếp một cách khôn khéo

Các chiến lược gia và những người lãnh đạo bất bạo động phải sớm cung cấp cho những người đối kháng những nhận định để giúp họ đối diện và giải quyết những khó khăn mà họ có thể gặp phải khi phong trào sắp sửa thành công hay đã đạt được những mục tiêu của mình. Những khó khăn này có thể bao gồm những nỗ lực của đối phương nhằm phá vỡ phong trào, phổ biến những rêu rao là sự thành công do công lao của những người đối kháng thực sự đã do một nhóm khác tranh thủ được, hay là những người đối kháng đang cố cướp Chính Quyền bằng đảo chánh.

Trong quá khứ, một vài cuộc đấu tranh bất bạo động hầu như đã thành công hay đã hoàn toàn thành công trong việc đạt được mục tiêu, đã gặp phải sự can thiệp và phá rối thù nghịch phương hại đến những kết quả đã đạt được và đưa đến một chế độ áp bức mới. Ví dụ, cuộc Cách Mạng Nga chống Nga hoàng thành công vào tháng Hai/Ba năm 1917 đã được tiếp nối một vài tháng sau đó bởi việc nhóm Bôn Sơ Vích cướp Chính Quyền vào tháng Mười/Mười Một. Một thí dụ khác là cuộc cách mạng chủ yếu là bất bạo động của Iran năm 1979, đã được tiếp nối bằng sự thiết lập nền độc tài của hàng giáo phẩm. Những diễn biến như thế có thể được làm cho ít xảy ra hơn, nếu được tiên đoán và có những kế hoạch đã được chuẩn bị trước để ngăn chặn và chống lại những nguy hiểm như thế.

Nếu cuộc đấu tranh là một cuộc đấu tranh tầm cỡ có mục đích phân huỷ nền độc tài đã được thiết lập và mục đích này đã đạt được, thì một giai đoạn mập mờ chính trị có chiều hướng sẽ tiếp theo sau đó. Những người đối kháng phải tính toán trước là sự chuyển tiếp từ nền độc tài đến chính quyền lâm thời mới sẽ được xử lí như thế nào khi chấm dứt cuộc đấu tranh để thiết lập một hệ thống chính trị bền vững và cải tiến. Bất cứ những người hay nhóm nào muốn trở thành những nhà độc tài mới cũng phải được chặn lại, mặc dù dĩ nhiên là họ phủ nhận ý đồ này.

Điều rất quan trọng đối với những chiến lược gia và những người lãnh đạo đấu tranh bất bạo động là phải thẩm định tình hình cho chính xác. Họ cũng sẽ cần phải củng cố chiến thắng và quyết định làm thế nào để có cách hay nhất ngăn chặn và đánh bại những tấn công thù nghịch có thể xảy ra. Những tấn công này có thể bao gồm những tấn công quốc tế, như là sự xâm nhập quân sự hay các dịch vụ tình báo ngoại bang và những cộng tác viên của họ. Cần đặc biệt lưu ý đến việc chuẩn bị những kế hoạch nhằm đánh bại các vụ đảo chánh,[2] và lưu ý đến bất cứ những nỗ lực nào khác nhằm thiết lập nền độc tài mới. Cũng cần phải lưu ý đến việc chuẩn bị làm thế nào để đối diện với những nguy hiểm của việc bàn giao giữa nền độc tài và chế độ mới, và tầm quan trọng của việc xây dựng một xã hội tự do có khả năng chịu đựng được những đe doạ mới có thể xảy ra.

Những vấn đề ngắn hạn cần được lưu ý trong giai đoạn chuyển tiếp bao gồm làm thế nào để củng cố và tăng cường nền cai trị dân chủ của nhân dân vừa mới được thiết lập, làm thế nào để khuyến dụ quân đội và cảnh sát chuyển đổi lòng trung thành và chấp nhận hệ thống mới, và làm sao để chống lại những nỗ lực cướp Chính Quyền.

Điều khôn ngoan là công nhận tình hình chính trị và xã hội tiếp theo sau sự sụp đổ của một nền độc tài không phải là một xã hội lí tưởng mà tất cả mọi người và phe nhóm mong ước. Còn có thêm những mục tiêu quan trọng khác sẽ cần phải được tranh thủ trong tương lai. Những mục tiêu này bao gồm tạo nên và phong phú hoá các hình thức kiểm soát dân chủ, tự do chính trị, sự tham dự của dân chúng, và công lí xã hội và kinh tế. Vào thời điểm này thì những mục đích này tốt lắm cũng chỉ sẽ mới đạt được một cách không hoàn hảo và tệ lắm thì cũng sẽ là những vấn đề nghiêm trọng đòi hỏi một sự lưu tâm thích đáng. Tuy nhiên, thực tế sẽ là một bộ mặt trầm trọng của áp bức trong hình dáng của một trật tự chính trị cũ đã bị loại bỏ một cách hữu hiệu như là kết quả của một cuộc đấu tranh bất bạo động khôn ngoan và can đảm do dân chúng thực hiện. Thành công mở đường cho những bước tiến hữu hiệu tiếp theo trong việc cải tiến và phong phú hoá xã hội loài người.

---

[2]Xem Gene Sharp và Bruce Jenkins, *Chống Đảo Chánh* [*The Anti-Coup*], Boston, Massachusetts: Viện Albert Einstein, 2004, và Gene Sharp, *Phòng Thủ trên Cơ Sở Dân Sự* [*Civilian-Base Defense*], Princeton, New Jersey: Princeton University Press, 1999.

## Phát triển tiềm năng tương lai

Trong một thế giới của nhiều xung đột ác liệt, của áp bức tràn lan, và của bạo lực; kĩ thuật đấu tranh bất bạo động có nhiều tiềm năng để được áp dụng thành công hơn bao giờ hết trong rất nhiều tình huống khác nhau, so với trước đây. Phân tích chiến lược, lập kế hoạch, và hành động có thể tăng hiệu lực của việc sử dụng kĩ thuật này trong tương lai rất nhiều.

Những nhận định về tầm quan trọng và về việc hoạch định khôn ngoan của đấu tranh bất bạo động có chiến lược ở đây không phải là phát biểu tối hậu. Những nhận định này cũng không phải là những nghiên cứu duy nhất về chiến lược trong những cuộc đấu tranh bất bạo động mà những người lập kế hoạch và những người lãnh đạo chiến lược phải xét định. Còn có thêm một phân tích rất quan trọng đã được TS. Peter Ackerman và TS. Christopher Kruegler đưa ra trong cuốn sách của họ, *Đấu Tranh Bất Bạo Động Có Chiến Lược: Những Động Năng của Sức Mạnh Nhân Dân trong Thế Kỉ Hai Mươi*[3] [*Strategic Nonviolent Conflict: The Dynamics of People Power in the Twentieth Century*]. Các tác giả này cung cấp những phân tích chi tiết về 12 nguyên tắc tổng quát của đấu tranh bất bạo động có chiến lược.

Một công trình nghiên cứu rất quan trọng khác là cuốn *Về Đấu Tranh Bất Bạo Động Có Chiến Lược*[4] [*On Strategic Nonviolent Conflict*] của Robert Helvey. Nghiên cứu này vừa duyệt lại những nhận định cơ bản về kĩ thuật đấu tranh vừa cung cấp một phân tách cao cấp về nhiều yếu tố trong việc áp dụng kĩ thuật này. Những yếu tố này gồm có phỏng định chiến lược, những vận hành tâm lí, phân tích chiến lược, sự sợ hãi, lãnh đạo, các loại ô nhiễm, và các tham vấn.

---

[3]Peter Ackerman và Christopher Kruegler, *Đấu Tranh Bất Bạo Động Có Chiến Lược: Những Động Năng của Sức Mạnh Nhân Dân trong Thế Kỉ Hai Mươi [Strategic Nonviolent Conflict: The Dynamics of People Power in the Twentieth Century]* (Westport, Connecticut and London: Praeger, 1994), Chương Hai, tt. 21-53.

[4]Robert Helvey, *Về Đấu Tranh Bất Bạo Động Có Chiến Lược: Suy Nghĩ về Những Điều Căn Bản* [*On Strategic Nonviolent Conflict: Thinking About Fundamentals*], Boston: Viện Albert Einstein, 2004.

Bây giờ thì sự chú trọng chính yếu và các tài nguyên phải được khẩn cấp tập trung vào công tác cải tiến đấu tranh bất bạo động, phát huy các cách sử dụng chiến lược khéo léo của kĩ thuật này thay cho bạo động, và tìm hiểu các loại hoàn cảnh xung đột mà kĩ thuật này có thể được áp dụng thay thế cho cả sự thụ động lẫn bạo động.

# Phụ lục A

# Chuẩn Bị Một Phỏng Định Chiến Lược Cho Đấu Tranh Bất Bạo Động

Trước khi thử lập kế hoạch cho một đại chiến lược toàn bộ cho một cuộc đấu tranh bất bạo động dài hạn có phân chia giai đoạn, hay cho những chiến lược có giới hạn cho các chiến dịch cá biệt trong phạm vi đại chiến lược đó, thì trước tiên cần phải thu thập và phân tích nhiều thông tin về bối cảnh trong đó cuộc xung đột sắp tới sẽ xảy ra.

Chỉ làm quen với kĩ thuật đấu tranh bất bạo động và hiểu kĩ thuật này vận hành như thế nào thì không đủ, mặc dù đó là một tiền điều kiện tối quan trọng. Hơn thế nữa, để có thể áp dụng được chiến tranh bất bạo động càng hữu hiệu càng tốt, thiết kế chiến lược cũng thiết yếu.

Hoạch định một chiến lược khôn ngoan cho công việc điều hành một cuộc đấu tranh nào đó mà những người lập kế hoạch không thật tỏ tường "tình huống của cuộc xung đột," hay là bối cảnh trong đó cuộc đấu tranh sẽ xảy ra là một việc làm không thể thực hiện được. Thiết yếu cần phải biết và đối chiếu các đặc tính, các ưu điểm, và các nhược điểm (thực sự và tiềm năng) của những nhóm sẽ tranh chấp trong cuộc xung đột tương lai, cũng như của những nhóm không trực tiếp liên hệ lúc ban đầu. Cũng cần phải xét định các nhân tố địa lí, xã hội, kinh tế, chính trị, văn hoá, khí hậu, và những nhân tố khác nữa.

Soạn thảo một phỏng định chiến lược có thể cung cấp kiến thức cần có này. Và kiến thức này lại sẽ nâng cao khả năng của các chiến lược gia đấu tranh bất bao động trong việc soạn thảo một chiến lược khôn ngoan có thể gia tăng tối đa những cơ hội đạt được mục tiêu của mình.

Mục đích của tiểu luận này là để cung cấp những hướng dẫn cho việc soạn thảo phỏng định chiến lược này. Trước tiên, chúng tôi sẽ cắt nghĩa phỏng định chiến lược là gì. Sau đó, chúng tôi sẽ lược khảo các nhân tố cần phải được xét nghiệm khi thu thập thông tin cần thiết và khi chuẩn bị phân tích. Sau cùng, chúng tôi sẽ bình luận về vai trò của phỏng định chiến lược, các cách sử dụng và những giới hạn của nó.

---

Phụ lục này dựa trên cơ sở công việc của Robert Helvey, Chủ Tịch Viện Albert Einstein.

## Sự quan trọng của phỏng định chiến lược

Các chiến lược gia quân sự thường chuẩn bị một phỏng định chiến lược trước khi hoạch định kế hoạch cho các chiến dịch của mình. Thông tin do tiến trình này đem lại cũng hết sức hữu ích cho những cuộc đấu tranh bất bạo động. Tuy nhiên, theo những gì biết được cho đến nay, thì một sự củ soát có chủ tâm và thấu đáo về tình huống xung đột thuộc loại được đòi hỏi cho việc soạn thảo một phỏng định chiến lược chưa từng được thực hiện cho việc chuẩn bị những cuộc đấu tranh bất bạo động trong quá khứ. Thay vì thế, những người lãnh đạo đấu tranh bất bạo động trong quá khứ, tốt lắm, thì cũng chỉ trông cậy vào những cảm nghiệm ít nghiêm ngặt hơn về tình huống của cuộc xung đột sắp đến mà thôi. Các nhóm đấu tranh trong quá khứ do đó ít được chuẩn bị hơn là họ đã có thể được chuẩn bị cho việc hoạch định một đường lối hoạt động nhằm tăng xác suất thành công. Sử dụng đúng đắn phỏng định chiến lược có thể giúp chuẩn bị những nhóm này một cách đầy đủ hơn, và giúp giảm bớt cơ hội họ bỏ sót những dữ kiện quan trọng khi lập kế hoạch cho cuộc đấu tranh bất bạo động.

Trên bình diện căn bản nhất, phỏng định chiến lược là một sự tính toán và đối chiếu các ưu và nhược điểm của nhóm đấu tranh bất bạo động và của các đối thủ của nhóm này, mà chúng tôi sẽ gọi là “nhóm đối phương.” Trong một vài cuộc đấu tranh, nhóm đối phương có thể là chính quyền, hay là một bộ phận nào đó của chế độ đang cai trị. Trong những trường hợp khác, nhóm đối phương có thể là một cơ quan không phải của chính phủ, như là một cơ sở giáo dục chẳng hạn, một tổ chức tôn giáo, một hệ thống chuyên chở, hay là một loại cơ chế nào khác. Một nhóm đối phương không thuộc chính phủ có thể có hậu thuẫn của chính quyền hiện hành, với những phương tiện kiểm soát và đàn áp, hoặc có thể không có. Xác định đúng đắn những quan hệ như thế, thực ra, là một trong những công tác đầu tiên trong việc chuẩn bị một phỏng định chiến lược.

Những phần có chứa đựng những phân tích về các cột trụ chống đỡ cho nhóm đối phương và cho nhóm đấu tranh bất bạo động, cũng như những phần nói về các xét định về chính trị khác sẽ có giá trị đặc biệt cho những ai liên hệ đến việc hoạch định chiến lược. Và, những người chịu trách nhiệm về tuyên truyền sẽ thấy những xét định về dân số rất hữu ích. Thông tin về các đơn vị quân đội, như là địa điểm và khả năng, sẽ rất hữu ích cho những kế hoạch gia điều hành dự tính trước được các phản ứng

quân sự đối với những áp dụng của phong trào đối kháng bất bạo động. Những phần khác của phỏng định chiến lược sẽ có giá trị đối với những yếu tố khác của chiến lược đã được lựa chọn.

Tuy nhiên, để lấy được thông tin có giá trị cho cuộc phỏng định chiến lược thì phải cần thì giờ và sinh lực. Mặc dù các thông tin này có thể rất có giá trị, nhưng những người lập kế hoạch chiến lược nên nhớ rằng phỏng định chiến lược không phải là nhân tố quan trọng duy nhất trong việc hoạch định các chiến lược và hỗ trợ các kế hoạch cho cuộc đấu tranh tương lai. Do đó, phải có một cái nhìn cho đúng về vị thế của nó. Những kế hoạch gia chiến lược cần phải tránh vùi đầu vào những tiểu tiết của tình huống và cần phải giữ phỏng định chiến lược trong phạm vi bối cảnh của những yếu tố quan trọng khác khi hoạch định các chiến lược và khi thiết lập các kế hoạch để thực thi các chiến lược này. Về điểm này, chúng ta phải nên lưu ý đến khuyến cáo của Carl von Clausewitz là "chiến lược tạo nên lí thuyết sử dụng trận chiến cho những mục đích của chiến tranh." Nói cách khác, sử dụng phần nào sự phân tích thông tin thu lượm được cho công việc phỏng định chiến lược, chiến lược gia quyết định các mục tiêu, các thời điểm và địa điểm cho các chiến dịch của họ, trong khi những người sẽ xúc tiến các trận chiến này chuẩn bị những kế hoạch hỗ trợ của chính họ.[1] Những người này lại có thể nhờ vào phỏng định chiến lược để hoàn tất sự phỏng định tình hình của chính mình. Sự chú trọng vào một vài phần của phỏng định chiến lược là một chỉ dấu về sự quan trọng đối với những người lập kế hoạch trong việc quyết định cả chiến lược lẫn sự kiện thông tin này ảnh hưởng đến những kế hoạch hỗ trợ như thế nào.

Phỏng định chiến lược về tình huống xung đột có lẽ là tài liệu căn bản nhất đối với kế hoạch gia chiến lược. Đó là sản phẩm của một cuộc truy cứu công phu, có cấu trúc, và tập trung trí óc đóng góp vào việc thông hiểu sâu rộng về hoàn cảnh mà trong đó cuộc đấu tranh sẽ được xúc tiến, và vào việc chọn lựa những đường lối hoạt động hữu hiệu nhất nhằm tranh thủ các mục tiêu của cuộc đấu tranh. Bởi vì kế hoạch điều hành chiến lược được dựa nhiều vào cơ sở phỏng định chiến lược, nên cả lượng thông tin được phân tích lẫn phẩm của chính sự phân tích sẽ giúp quyết định phẩm chất của chiến lược được thiết kế. Lí tưởng là tài liệu này cần phải được duyệt lại một cách gắt gao ở dạng bản thảo, để những

[1] *Neue Bellona 9* (1805), t. 271. Trích từ Peter Paret, ed. *Những Người Tạo Ra Chiến Lược Tân Tiến: Từ Machiavelli Đến Thời Đại Hạch Nhân* [*Makers of Modern Strategy: From Machiavelli to Nuclear Age*] (Princeton, New Jersey: Princeton University Press, 1986), t. 19.

người khác có thể thách thức sự chính xác của các dữ kiện và phẩm chất của những phân tích.

Những quan điểm không chính xác hoặc không thực tế về các ưu điểm, các nhược điểm, và các khả năng của những phe tranh chấp sẽ tạo ra những chiến lược không khôn ngoan, và có chiều hướng báo trước thất bại. Dù rằng có lúc cũng cần phải có những giả định về các phe tranh chấp khi không thu thập được dữ kiện, nhưng không có giả định nào lại tốt bằng sự kiện. Do đó, điều quan trọng là giả định càng ít càng tốt. Nếu các giả định được sử dụng, thì phải đặc biệt cẩn trọng để có lòng tin vào tính xác thực có thể có của những giả định này. Dĩ nhiên là sử dụng sự kiện khi nào có thể được thì tốt hơn rất nhiều.

**Thông tin cần có**

Có bảy [sáu?] lãnh vực chủ đề mà những người soạn thảo phỏng định chiến lược cần phải kiếm thông tin chính xác. Những lãnh vực đó là:

1. Hoàn cảnh xung đột tổng quát

2. Những vấn đề tranh chấp và các mục tiêu của cả hai phe trong cuộc xung đột

3. Nhóm đối phương

4. Nhóm đấu tranh bất bạo động (và nhóm khiếu nại rộng lớn hơn)

5. Các thành phần thứ ba (thân thiện, thù nghịch, và trung lập hoặc chưa thiên về bên nào)

6. Các cân bằng lệ thuộc

Trên cơ sở thông tin và sự hiểu biết do một sự xét định như thế đem lại, thì nhóm đấu tranh bất bạo động sẽ được trang bị tốt hơn cho việc soạn thảo những chiến lược khôn ngoan để hướng dẫn sự điều hành của cuộc đấu tranh.

Phỏng định chiến lược phục vụ nhiều mục đích. Tiến trình phỏng định chiến lược sẽ hỗ trợ rất nhiều trong việc tìm ra các giải pháp chiến lược. Hơn nữa, phỏng định chiến lược còn trở thành một tài liệu tham khảo

quan trọng cho việc hoạch định các kế hoạch hỗ trợ để thực thi các chiến lược đã được lựa chọn. Phỏng định chiến lược cũng hữu ích khi hoạch định các chính sách và khi phản ứng lại các khủng hoảng, và trong việc cung ứng cho các tổ chức một nguồn tài liệu về một phân tích vững chắc và sâu sắc và về những dữ kiện đích thực .

Khi các bạn duyệt lại những yêu cầu về thông tin cần có sau đây cho một phỏng định chiến lược, thì công việc này có vẻ làm cho các bạn nản chí – mà đúng là nản chí thật. Nhưng thay vì hình dung chỉ một người cố thu thập và phân tích tất cả bấy nhiêu thông tin, bạn nên nghĩ, **Ai** là người biết về chủ đề này và người đó hay những người đó có cung cấp được thông tin cho tôi hay không? Một khi thông tin đã nhận được từ các chuyên gia về đề tài, thì những thông tin có giá trị cho công việc phỏng định sẽ được đưa vào trong phỏng định chiến lược.

## 1. Tình hình xung đột tổng quát

Điều hữu ích là cần liệt kê ở đây, với phần nào chi tiết, một vài trong số những loại thông tin về tình hình xung đột tổng quát trong đó cuộc đấu tranh bất bạo động sẽ được xúc tiến. Những loại thông tin này có thể đem lại rất nhiều hiểu biết có chiều sâu về hoàn cảnh của cuộc xung đột. Làm quen với tất cả những nhân tố tạo được một tác dụng có thể quan niệm được đối với nhóm đối phương hay đối với nhóm bất bạo động là một điều nên làm. Các nhân tố này bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn vào, những điều sau đây:

- **Địa thế và địa lí**
  (gồm có những hình thể đất đai và những con nước, và chúng hỗ trợ hay cản trở phe này hay phe kia như thế nào)

- **Chuyên chở**
  (bao gồm tất cả những phương tiện chuyên chở có sẵn cho cả hai phe trong cuộc xung đột, hạ tầng kiến trúc về chuyên chở ở cấp địa phương và cấp toàn quốc, những lối đi thay thế khác, và những điều này tác dụng lên các khả năng của mỗi phe như thế nào)

- **Truyền thông**
  (tất cả các loại, khả năng tiếp cận để sử dụng, mức độ kiểm soát, theo dõi, các vấn đề riêng tư, v.v.)

- **Khí hậu và thời tiết**
  (bao gồm những biến chuyển theo mùa và tác dụng có thể có đối với các vấn đề chuyên chở, truyền thông, lương thực và canh nông, và các sinh hoạt của mỗi phe)

- **Hệ thống chính trị và chế độ cai trị**
  (bao gồm những đặc tính và những khả năng của họ ở nhiều giai tầng, từ những cấp cao nhất đến những đơn vị nhỏ nhất; bất cứ biến chuyển nào trong vấn đề kiểm soát trung ương hay các sáng kiến cấp địa phương; và ai kiểm soát Nhà Nước và các vai trò hay chức năng của Nhà Nước, các đảng phái chính trị, và các tổ chức phụ thuộc bị kiềm chế)

- **Hệ thống kinh tế**
  (bao gồm cả loại lẫn tình trạng của nền kinh tế, sức mạnh và mức độ độc lập của các nghiệp đoàn và của các khu vực kinh doanh, và mức độ can dự của Nhà Nước vào nền kinh tế)

- **Hệ thống tư pháp**
  (đặc biệt là mức độ hệ thống tư pháp giữ được sự độc lập đối với sự kiểm soát của Nhà Nước hay của nhóm đối phương)

- **Dân số thống kê**
  (thông tin về cả tổng thể dân chúng lẫn bộ phận dân chúng liên hệ đến cuộc xung đột, bao gồm những phân chia thống kê thành các nhóm tuổi, giới tính, tỉ lệ tăng trưởng và tử suất của dân chúng, mật độ dân chúng trong các địa điểm khác nhau, và tỉ lệ biết chữ)

- **Giai tầng xã hội**
  (bao gồm những giai cấp kinh-tế-xã-hội, các sắc tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, văn hoá, thân phận của dân chúng bản địa và nhập cư, v.v.; phân phối địa lí cho những người này; bất cứ biến đổi hay khác

nhau giữa những nhóm này về sự hài lòng, về trung thành, hay về những sở thích kinh tế; và bất cứ sự xung đột nào giữa hay trong các nhóm dân chúng khác nhau này, dù những lí do của những cuộc xung đột này có liên hệ đến đấu tranh bất bạo động hay không)

- **Kiểm soát các tài nguyên kinh tế và sự hỗ trợ đời sống**
  (nhiên liệu, thực phẩm, nước uống, v.v., và những hậu quả của sự lệ thuộc phe này vào phe kia)

- **Tình trạng xã hội dân sự**
  (mức độ và tình huống của các tổ chức phi chính phủ và của sinh hoạt xã hội, bao gồm mức độ tổ chức và độc lập đối với Nhà Nước; và tình trạng của những lãnh vực khác của đời sống xã hội và của tổ chức nằm ngoài sự kiểm soát của hệ thống chính trị và/hay của chế độ)

Thêm nữa, xét định tình hình chính trị tổng quát lúc bấy giờ là một điều quan trọng. Những loại kiểm soát đặc biệt, như là thiết quân luật hay là những phương tiện đàn áp nghiêm trọng khác, có đang có hiệu lực hay không? Tình hình và khuynh hướng chính trị và kinh tế hiện tại là gì?

## 2. Các vấn đề tranh chấp và những mục tiêu của các nhóm tranh chấp

Điều quan trọng là nên xác định và soạn thảo những khẳng định chính xác và rõ ràng về các vấn đề tranh chấp trong cuộc xung đột theo quan điểm của cả hai phe, của nhóm đối phương và của nhóm đấu tranh bất bạo động dự tính trong tương lai. Các khẳng định này thường được dựa trên những lời tuyên bố của mỗi bên, nhưng đôi khi đòi hỏi cần phải có thêm thông tin từ những nguồn khác, như là những quan sát viên độc lập, hay các nhóm khác chẳng hạn.

Xác định và nhìn nhận những mục tiêu khác nhau của hai nhóm cũng là điều quan trọng. Những mục tiêu này phù hợp hay không phù hợp với nhau tới mức độ nào? Những mục tiêu được khẳng định không phải luôn luôn là toàn thể câu chuyện. Cả hai nhóm đều có thể có không những chỉ những mục tiêu ngắn hạn mà còn có những mục đích dài hạn chưa được

tuyên bố công khai vào lúc đó. Cả hai loại đều quan trọng trong việc soạn thảo các chiến lược cho nhóm đấu tranh bất bạo động.

Những mục tiêu rõ ràng cho nhóm đấu tranh bất bạo động là tiền điều kiện cho việc soạn thảo các chiến lược và các kế hoạch hỗ trợ để thực thi các chiến lược này. Nếu các mục tiêu chưa được tuyên bố lúc thực hiện phỏng định chiến lược, thì thực hiện những thẩm định rất cẩn trọng về các mục đích của cả hai bên, của nhóm đối phương và của nhóm đấu tranh bất bạo động là một việc làm thích đáng.

Những vấn đề tranh cãi và các mục tiêu của hai phe tranh chấp, và sự việc mỗi phe tin tưởng là những vấn đề và mục tiêu này là những vấn đề và mục tiêu căn bản như thế nào, sẽ có chiều hướng đưa đến những hậu quả quan trọng đối với những hành động của hai phe trong cuộc xung đột. Những vấn đề và mục tiêu này có thể sẽ ảnh hưởng đến mức độ nhóm đối phương quyết tâm chống lại hay đàn áp phong trào đối kháng. Những vấn đề và mục tiêu này cũng có thể ảnh hưởng đến sự kiên quyết của nhóm đấu tranh bất bạo động miệt mài đấu tranh dù bị đàp áp. Thêm nữa, mức độ các thành phần thứ ba và tập thể dân chúng sẵn lòng đứng về phe của nhóm đấu tranh bất bạo động cũng sẽ thường tuỳ thuộc phần nào vào cách những nhóm người này nhìn vào những vấn đề tranh chấp được nêu lên trong cuộc xung đột.

### 3. Nhóm đối phương

Hiểu biết đầy đủ và chi tiết về nhóm đối phương mà nhóm đấu tranh bất bạo động sẽ đối đầu trong cuộc xung đột sắp tới cực kì quan trọng. Sự hiểu biết như thế cần phải tập trung vào những khả năng của đối phương, thay vì vào những lời tuyên bố về ý định của họ hay là vào những giả thuyết về những quyền lợi hay dự định của họ. Giải đáp với đầy đủ chi tiết các câu hỏi sau đây là một điều cần thiết:

- Hệ thống chính trị của đối phương là gì?
- Hệ thống xã hội và văn hoá của đối phương là gì?
- Hệ thống kinh tế của đối phương là gì?

- Những hệ thống này có độc lập với nhau hay không, hay là liên hệ chặt chẽ với nhau? Những hệ thống này có lệ thuộc gì vào những hệ thống chính trị, xã hội, và kinh tế của nhóm đấu tranh bất bạo động dự tính trong tương lai hay không?

- Mỗi một hệ thống này chịu sự kiểm soát của cơ cấu Nhà Nước đến mức độ nào?

- Bản chất và tầm quan trọng của những niềm tin tôn giáo, đạo đức, ý thức hệ, hay lý thuyết khác và của những cam kết khác của nhóm đối phương là gì?

- Thống kê dân số của nhóm đối phương như thế nào (tuổi tác, giới tính, tỉ lệ sinh sản và tử suất, biết chữ, trình độ giáo dục, phân phối địa lí, v.v.)

- Tập thể dân chúng và các cơ chế hỗ trợ hệ thống hay chế độ của nhóm đối phương đến mức độ nào?

- Tình hình về ý thức hệ ra sao (mức độ hỗ trợ của chủ thuyết đối với nhóm và/hay chế độ đối phương, hay là đối với phong trào đối kháng về các chánh sách hay kiểm soát của phe mình)?

- Nhóm đối phương lệ thuộc vào mỗi nguồn sức mạnh tiềm năng của mình đến mức độ nào?

    - Uy quyền hay tính hợp pháp
    - Nhân lực
    - Những kĩ năng hay kiến thức đặc biệt
    - Các nhân tố tâm lí và ý thức hệ
    - Vật lực
    - Khả năng áp dụng các chế tài

- Những cột trụ chống đỡ (người, nhóm, và các cơ chế) đang cung cấp các nguồn sức mạnh cần có cho nhóm đối phương là gì? Một vài cột trụ này cần phải được xét định tỉ mỉ. Những cột trụ này có

thể bao gồm, nhưng không chỉ được giới hạn vào, những thứ sau đây:

- Các nhà lãnh đạo và các nhóm đạo đức và tôn giáo
- Các nhóm lao động
- Các nhóm kinh doanh và đầu tư
- Công chức và chuyên viên bàn giấy
- Các nhà quản trị
- Chuyên viên kĩ thuật
- Cảnh sát
- Các nhà tù
- Các lực lượng quân đội
- Những dịch vụ tình báo
- Phương tiện truyền thông đại chúng
- Các nhà đầu tư nước ngoài
- Các tầng lớp nhân dân hay các nhóm sắc tộc

- Những cột trụ chống đỡ chịu ảnh hưởng, hoặc có thể hay thực sự bị chính nhóm đối phương kiểm soát đến mức độ nào? Có những cột trụ nào chịu ảnh hưởng của nhóm khiếu nại quảng đại hay nhóm đấu tranh bất bạo động tiềm năng, hay được những nhóm này kiểm soát hay không? Những cột trụ nào mạnh nhất và bền vững nhất? Những cột trụ nào yếu nhất và dễ bị tấn công nhất?

- Ai là những đồng minh nội bộ (quốc nội) của nhóm đối phương, và mức độ đáng tin cậy của những người này đến đâu?

- Ai là những đồng minh bên ngoài (quốc ngoại) của nhóm đối phương, và mức độ đáng tin cậy của họ đến đâu?

- Có ai trong những đồng minh này có thể được xem như là những "đồng minh tự nhiên" của nhóm đối phương không? (Nếu đối phương là chính quyền hay một chế độ, thì những đồng minh tự nhiên có thể là quân đội, các dịch vụ tình báo, công chức, cộng đồng kinh doanh, dân mới định cư, các chính quyền ngoại bang, một số đảng phái chính trị, v.v.)

- Ai là những "kẻ thù tự nhiên" của nhóm đối phương? (Những thí dụ gồm có các nhóm thiểu số bị áp bức, giới trẻ bất mãn, dân thất nghiệp, công nhân, các đảng phái chính trị, giới hạ lưu, trung lưu, hay thượng lưu, v.v.)

- Có hỗ trợ hoặc thiện cảm tiềm năng hay thực sự đối với nhóm đấu tranh bất bạo động từ những khu vực trong chính nhóm đối phương hay không?

- Cấu trúc tổ chức của đối phương (quản trị, tổ chức các ngành, sự phức tạp, hiệu năng, độ tin cậy, mức độ sáng kiến, mức độ trung ương tập quyền, v.v.) như thế nào?

- Khả năng quân sự của đối phương như thế nào? Thông tin cần thiết bao gồm những điều sau đây:

    - Sức mạnh, số người, tầm cỡ, cấu trúc, và các loại đơn vị.
    - Địa điểm của các đơn vị
    - Những khả năng quân sự của đối phương để chống lại phong trào đối kháng, áp đặt đàn áp và phục hồi kiểm soát, bao gồm khả năng và sự sẵn lòng áp dụng các biện pháp tàn ác.
    - Sự nhanh chóng của lực lượng quân đội khi cần đi đến những địa điểm có thể có những cuộc biểu tình chớp nhoáng xảy ra.
    - Những người chỉ huy những đơn vị quan trọng và những đặc tính của những người này.
    - Lí lịch về nhân cách của các sĩ quan và các vị chỉ huy chọn lọc.
    - Hiệu năng, độ đáng tin cậy, và tinh thần của binh sĩ.
    - Lí lịch tổng quát về các nhân viên quân đội, bao gồm giáo dục, cấp bậc, tôn giáo, chính trị, động lực, nhóm sắc tộc, lứa tuổi, và những lí do có thể có để bất mãn.
    - Công tác hậu cần cho việc chuyển quân và hành quân, địa điểm của các đường tiếp vận, và các phương tiện tái tiếp viện.

- Khả năng cảnh sát của đối phương như thế nào? (Cùng loại thông tin thu thập cho lực lượng quân đội – như đã mô tả trên đây -- cần phải được thu thập cho cảnh sát và cả cho các lực lượng an ninh khác nữa.)

- Nhóm đối phương có sẵn để sử dụng những tổ chức tình báo nào, nếu có ? Những đặc điểm của những nhóm này là gì, bao gồm những sinh hoạt biết được và những tài nguyên của họ?

- Mức độ kĩ năng chiến lược của nhóm đối phương như thế nào?

- Nhóm đối phương có lãnh đạo tài giỏi đến mức độ nào?

- Những phương tiện kiểm soát phi quân sự nào được nhóm đối phương sử dụng? Những thí dụ có thể bao gồm những điều sau đây:

  - Kiểm duyệt
  - Sở hữu đài phát thanh, truyền hình, và các phương tiện ấn loát
  - Kiểm soát giáo dục
  - Các phương tiện tài chánh để ảnh hưởng hành tác
  - Kiểm soát kỉ nghệ tư hay là kinh doanh Nhà Nước
  - Quốc tế thừa nhận
  - Kiểm soát kĩ thuật truyền thông
  - Kiểm soát tư pháp

- Có những rạn nứt chính trị nào, những xung khắc nội bộ nào, và những nhược điểm nào khác trong nhóm đối phương, như trong nhóm lãnh đạo và trong các tổ chức, các cơ chế và các nhóm dân chúng hỗ trợ, chẳng hạn?

- Có những tổ chức hay những cơ chế nào thông thường thì hỗ trợ nhóm đối phương nhưng có thể làm mục tiêu để chuyển đổi lòng trung thành hay để phá vỡ tổ chức hay không?

- Lãnh đạo hiện tại của nhóm đối phương có bị đặt vấn đề hoặc bị tranh chấp từ bên trong, vì cạnh tranh, vì tranh giành quyền lực, hay vì những lí do nào khác hay không?

- Đâu là những chỗ dễ bị tấn công và các nhược điểm khác của đối phương có thể nhận dạng ra được? Những chỗ dễ bị tấn công và

các nhược điểm này có thể bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn vào, những điều sau đây:

- Những chỗ dễ bị tấn công và các xung khắc nội bộ
- Lãnh đạo hay khả năng cai trị yếu kém
- Bị dân chúng khinh bỉ, hay để lại cho dân chúng một ấn tượng đại để không thuận lợi.
- Thiếu những chiến lược gia có huấn luyện
- Sụp đổ về ý thức hệ
- Khủng hoảng kinh tế
- Tham nhũng thối nát
- Thiếu khả năng chịu đựng áp lực ngoại giao và kinh tế
- Lệ thuộc quá nhiều vào đàn áp hay là phương tiện quân sự như là một phương thức kiềm chế.

**4. Nhóm đấu tranh bất bạo động (và nhóm khiếu nại rộng lớn hơn)**

Hiểu biết đầy đủ và chi tiết về nhóm đấu tranh bất bạo động và nhóm "khiếu nại" (được định nghĩa như là tập thể dân chúng rộng lớn hơn đang chịu khốn khổ vì những chánh sách và hành động của nhóm đối phương) và các cảm tình viên tiềm năng hoặc hiện có, cũng quan trọng như hiểu biết về nhóm đối phương vậy. Những quyền lợi và dự định của nhóm đấu tranh bất bạo động không hữu ích nhiều cho phần này của phỏng định chiến lược (tuy nhiên những điểm này cũng cần được ghi chú khi xét định các vấn đề tranh chấp và sự nguy hiểm và những mục tiêu của các bên tranh chấp, như được mô tả trên đây). Tốt hơn là sự chú trọng ở đây chỉ nên tập trung vào tình trạng và các khả năng thực sự của nhóm.

Do đó đòi hỏi cần phải giải đáp một cách chi tiết những câu hỏi sau đây về nhóm đấu tranh bất bạo động:

- Đâu là dân số thống kê về nhóm đấu tranh bất bạo động và về các cảm tình viên tiềm năng hoặc hiện có, gồm cả tập thể nhóm khiếu nại (tuổi tác, giới tính, phân phối địa lí, tỉ lệ biết chữ, và trình độ giáo dục, v.v.)?

- Hệ thống chính trị của nhóm đấu tranh là gì?

- Hệ thống xã hội và văn hoá của nhóm đấu tranh bất bạo động là gì?

- Hệ thống kinh tế của nhóm đấu tranh bất bạo động là gì?

- Những hệ thống này có vận hành độc lập với nhau, hay là liên hệ chặt chẽ với nhau? Những hệ thống này đồng nhất, hội nhập, hay độc lập, với các hệ thống chính trị, xã hội, và kinh tế của nhóm đối phương đến mức độ nào?

- Mỗi hệ thống này bị cơ cấu Nhà Nước kiểm soát đến mức độ nào?

- Bản chất và tầm quan trọng của những niềm tin về tôn giáo, đạo đức, ý thức hệ, và về chủ thuyết nào khác và của những cam kết của nhóm khiếu nại và nhóm đấu tranh bất bạo động là gì?

- Tình hình tổng quát về ý thức hệ như thế nào (mức độ hỗ trợ về chủ thuyết đối với nhóm đấu tranh bất bạo động, và đối với những tư tưởng, lập trường, và cương lĩnh của nhóm)?

- Mức độ hỗ trợ thực sự và tiềm năng của tổng thể dân chúng khiếu nại, của các nhóm đặc biệt, của các cơ chế, và của các mạng lưới liên lạc đối với nhóm đấu tranh bất bạo động như thế nào? Những nhóm nào có thể giúp ích thực sự?

- Những thành phần nào trong dân chúng sẽ có xác suất cao nhất hay có xác suất thấp nhất trong việc cung ứng hỗ trợ hoặc thiện cảm đối với nhóm đấu tranh bất bạo động trong thời gian tiến trình của xung đột?

- Mức độ hỗ trợ thực sự và tiềm năng của những thành phần thứ ba hoặc của những thành phần “trung lập” trước đây đối với nhóm đấu tranh bất bạo động như thế nào?

- Ai là những "đồng minh tự nhiên" của nhóm đấu tranh bất bạo động? (ví dụ, học sinh/sinhviên hay giới trẻ, các đảng phái chính trị và các hiệp hội, các nhóm tôn giáo, sắc tộc, hay dân tộc ít người, v.v.)

- Ai là những đồng minh quốc nội và quốc ngoại hiện có và tiềm năng của nhóm đấu tranh bất bạo động?

- Có những xung khắc nội bộ, những cạnh tranh, những tranh giành quyền lực nào trong cả hai nhóm, nhóm khiếu nại và nhóm đấu tranh bất bạo động? (ví dụ, những nhóm có lập trường về ý thức hệ hay là có những mục tiêu dài hạn khác nhau)? Có có những cạnh tranh nào giữa những thành phần quan trọng của nhóm khiếu nại và nhóm đấu tranh bất bạo động hay không?

- Có có sự hỗ trợ hay thiện cảm thực sự hoặc tiềm năng đối với nhóm đối phương từ trong các thành phần của tổng thể nhóm khiếu nại hay của nhóm đấu tranh bất bạo động hay không?

- Những nguồn sức mạnh đang vận hành hoặc tiềm năng của nhóm bất bạo động là gì? Những nguồn sức mạnh đang vận hành hoặc tiềm năng của tổng thể nhóm khiếu nại là gi?

    - Uy quyền hoặc tính hợp pháp
    - Nhân lực
    - Những kĩ năng hoặc kiến thức đặc biệt
    - Các nhân tố tâm lí hoặc ý thức hệ
    - Vật lực
    - Khả năng áp dụng các chế tài

- Đâu là những cột trụ chống đỡ (Những người, nhóm, và các cơ chế) cung cấp những nguồn sức mạnh nói trên? Một vài trong số những cột trụ này đòi hỏi phải được xem xét tỉ mỉ. Thí vụ có thể gồm có

- Các vị lãnh đạo hay các nhóm đạo đức và tôn giáo
- Các nhóm lao động
- Các nhóm kinh doanh và đầu tư
- Công chức và chuyên viên bàn giấy
- Các nhà quản trị
- Chuyên viên kĩ thuật
- Phương tiện truyền thông đại chúng
- Các tầng lớp bị thống trị hay các nhóm sắc tộc
- Giới trẻ và/hay là các tổ chức học sinh/sinh viên
- Những cơ chế xã hội khác

- Những cột trụ chống đỡ cho nhóm khiếu nại hay nhóm đấu tranh bất bạo động chịu ảnh hưởng, hay bị kiểm soát thực sự hay tiềm năng bởi nhóm đấu tranh bất bạo động, hay nhóm đối phương đến mức độ nào?

- Những cột trụ nào thích hợp để sử dụng trong các sinh hoạt đối kháng? Những cột trụ nào cần được tăng sức mạnh? Có cần phải tạo ra những cột trụ mới không?

- Có thể nào xác định được những chỗ khó phòng thủ và các nhược điểm khác không? Có chỗ nào có thể sửa sai được bằng những nỗ lực có chủ ý không?

- Nhóm đấu tranh bất bạo động hiện có sinh hoạt như một phong trào hay một tổ chức có mạch lạc không? Nếu có, thì cơ cấu tổ chức của nhóm như thế nào (quản trị, các tổ chức ngành, tính phức tạp, hiệu năng, tính đáng tin cậy, mức độ sáng kiến, mức độ trung ương tập quyền, v.v.)? Nhóm có có lãnh đạo có khả năng và tài giỏi không?

- Trình độ kĩ năng chiến lược của nhóm đấu tranh bất bạo động và lãnh đạo của nhóm như thế nào?

- Ai trong nhóm đấu tranh bất bạo động có kiến thức về lí thuyết, các phương pháp, và những động năng thực tiễn của đấu tranh bất bạo động?

- Nhóm khiếu nại, như là một tập thể, các bộ phận của nhóm này, hay là nhóm đấu tranh bất bạo động đã từng có kinh nghiệm trước đây về cách sử dụng đấu tranh bất bạo động chưa?

    - Kinh nghiệm này xảy ra ở đâu trong quá khứ?
    - Những thành phần dân chúng nào tham gia?
    - Những cuộc đấu tranh như thế đã được tiến hành khéo léo như thế nào?
    - Kết quả như thế nào?
    - Những cuộc đấu tranh trong quá khứ đó có thể đem lại những bài học gì cho hoàn cảnh hiện tại?
    - Việc nhớ lại những cuộc đấu tranh này tương đối có chính xác không? Hay là huyền thoại về những cuộc đấu tranh này đã cứ mãi được lưu truyền? Và những hậu quả của huyền thoại sẽ như thế nào?

- Những chuẩn bị nào đã được thực hiện cho việc áp dụng đấu tranh bất bạo động vào cuộc xung đột này?

- Những phương tiện kiểm soát phi quân sự nào, nếu có, đã được nhóm đấu tranh bất bạo động hoặc các cảm tình viên của nhóm có sẵn và sử dụng? Các thí dụ có thể bao gồm các thứ sau đây:

    - Sở hữu đài phát thanh, truyền hình, và các phương tiện ấn loát
    - Sở hữu và kiểm soát các nguồn truyền thông điện tử
    - Kiểm soát giáo dục (qua quản trị học đường, giáo chức, giáo sư đại học, giáo dục không chính quy, v.v.)
    - Kiểm soát kĩ nghệ tư nhân
    - Quốc tế thừa nhận tính hợp pháp

- Khả năng thông tin và tình báo của nhóm đấu tranh bất bạo động như thế nào?

- Những tài nguyên kinh tế trong tay nhóm đấu tranh bất bạo động là gì?

- Những khả năng truyền thông của những người đối kháng là gì?

    - Truyền thông được chuyển đạt như thế nào?
    - Những phương tiện này được bảo mật như thế nào?

Sau cùng, cần phải cung cấp một thẩm định tổng quát về khả năng đấu tranh của cả hai nhóm, nhóm đấu tranh bất bạo động và tập thể nhóm khiếu nại, phần lớn dựa vào thông tin nói trên. Những chiến lược gia khôn ngoan sẽ không lập kế hoạch cho một chiến dịch đòi hỏi một khả năng vượt quá những tài năng hiện có của nhóm đấu tranh bất bạo động. Nếu cần phải có một khả năng đấu tranh lớn mạnh hơn, thì cần phải tận lực chú tâm vào những phương tiện được đòi hỏi cho việc phát huy thêm sức mạnh này.

### 5. Các thành phần thứ ba

Thẩm định vai trò tiềm năng của các thành phần thứ ba đối với cả hai phe tranh chấp trong suốt tiến trình của cuộc xung đột là một điều rất quan trọng. Các "thành phần thứ ba" được định nghĩa ở đây như là bất cứ nhóm nào, cơ chế nào, hay thành phần nào, quốc nội hay quốc ngoại, mà lúc khởi đầu không phải là một phe trực tiếp liên hệ đến cuộc đấu tranh. Những vai trò của các thành phần thứ ba có thể bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn vào, những điều sau đây:

- Hỗ trợ giao tế công cộng (cho phe này hay phe kia)

- Hỗ trợ ngoại giao và thực hiện áp lực ngoại giao (cho phe này hay phe kia)

- Hỗ trợ tài chánh (cho phe này hay phe kia)

- Cung ứng hỗ trợ về cảnh sát hay quân sự (cho nhóm đối phương); (hành động của cảnh sát hay quân đội nhằm hỗ trợ đấu tranh bất bạo động, thay vì giúp đỡ, có thể phá hỏng phong trào đấu tranh)

- Cung ứng hỗ trợ giáo dục và kĩ thuật (cho phe này hay phe kia)

- Cung cấp các khu vực an toàn (thường là cho những người đối kháng nhưng đôi khi cũng cho nhóm đối phương)

- Áp dụng áp lực kinh tế (cho phe này hay phe kia)

- Cung ứng kiến thức về đấu tranh bất bạo động (chính yếu là cho những người đối kháng)

Cũng cần phải thẩm định là những thành phần thứ ba nào có thể sẽ cung ứng những hỗ trợ như thế cho phe này hay phe kia, và cũng cần phải xác định những nhóm nào đã phục vụ như là cột trụ chống đỡ cho phe này hoặc phe kia. Các chiến lược gia sau này sẽ phải quyết định là những thành phần thứ ba nào cần được ve vãn để có được sự hỗ trợ trong tương lai và những thành phần thứ ba nào cần phải đánh phá.

## 6. Cân bằng các lệ thuộc

Trong việc hoạch định chiến lược cho cuộc đấu tranh, thì điều quan trọng là quyết định phe nào trong hai phe đang tranh chấp sẽ là phe lệ thuộc vào phe bên kia, lệ thuộc như thế nào và đến mức độ nào. Những tính toán này phải gồm có những điều sau đây:

- Mức độ lệ thuộc của nhóm đối phương vào số dân đối kháng và vào nhóm khiếu nại rộng lớn để đáp ứng các nhu cầu đã được xác định.

- Mức độ lệ thuộc của dân chúng đối kháng và của nhóm khiếu nại vào nhóm đối phương hầu đáp ứng những nhu cầu đã được xác nhận.

- Mức độ độc lập thực sự và tiềm năng của nhóm đối phương đối với dân chúng đối kháng và tổng thể nhóm khiếu nại trong việc đáp ứng những nhu cầu đã được xác định.

- Mức độ độc lập thực sự và tiềm năng của dân chúng đối kháng và của nhóm khiếu nại đối với nhóm đối phương trong việc đáp ứng những nhu cầu đã được xác định.

## Kết luận

Sau khi soạn thảo xong bản phỏng định chiến lược thì cũng cần phải cập nhật nó khi có những thay đổi trong tình hình xung đột. Một phỏng định chiến lược cho một cuộc đấu tranh nhất định được chuẩn bị cẩn thận dựa trên cơ sở của thông tin chính xác và đầy đủ sẽ giúp người ta suy nghĩ rõ ràng và làm những quyết định khôn ngoan trong việc làm thế nào để hành động, ngay cả khi phải đối diện với những áp lực nghiêm trọng hay những hoàn cảnh khó khăn. Tài liệu này, trong dạng có cấu trúc, giúp độc giả có thể tìm được thông tin vừa tổng quát vừa chi tiết một cách nhanhh chóng.

Phỏng định này sẽ giúp rất nhiều khi chọn những loại phương pháp nhất định nào đó để sử dụng trong cuộc xung đột. Ví dụ, nếu nhóm đối phương lệ thuộc nặng nề vào nhóm khiếu nại để đáp ứng một số nhu cầu nào đó, thì những phương pháp bất hợp tác có thể là rất hữu hiệu. Tuy nhiên nếu không có sự lệ thuộc như thế, thì bất hợp tác có lẽ sẽ không hữu ích.

Nếu phỏng định chiến lược phát hiện là nhóm đấu tranh bất bạo động yếu hơn là đòi hỏi cho một cuộc đấu tranh quan trọng với nhóm đối phương dự tính, thì nhóm đấu tranh bất bạo động lúc đó không nên xúc tiến một cuộc đấu tranh đòi hỏi nhiều sức mạnh. Không có gì thay thế, hay là không có con đường tắt nào, cho sức mạnh của chính phong trào đấu tranh bất bạo động được. Nếu nhóm yếu hơn là cần thiết, thì hành động lúc ban đầu nên có những hình thức giới hạn, có lẽ là những hành động có tính biểu tượng có thể gây được phần nào tác dụng mà không phải cần đến nhiều sức mạnh. Hành động tham vọng hơn lúc đó nên được triển lại cho đến khi nào có được những phương tiện hữu hiệu để tăng sức mạnh cho nhóm đấu tranh bất bạo động trong tương quan với sức mạnh của nhóm đối phương. Rõ ràng là những nỗ lực chính yếu trong hoàn cảnh này phải được tập trung vào việc tăng sức mạnh cho dân chúng và những cơ chế chủ yếu bị ảnh hưởng bởi những khiếu nại và vào việc phát triển khả năng của nhóm để xúc tiến đấu tranh bất bạo động mạnh mẽ hơn trong tương lai.

Có thêm những nhân tố khác cũng đòi hỏi phải được chú trọng trước khi tập trung vào những bước cụ thể có thể hữu ích trong việc soạn thảo chiến lược cho cuộc đấu tranh sắp tới. Một trong những nhân tố quan trọng nhất là kiến thức về kĩ thuật đấu tranh bất bạo động sẽ được sử

dụng. Những bước có chủ ý có thể được thực hiện để thủ đắc và phổ biến kiến thức này.

Tuy nhiên, một khi đã thủ đắc được kiến thức này rồi, thì chính sự hoạch định và thực thi các chiến lược khôn ngoan, chứ không phải chỉ việc sử dụng các phương pháp, làm cho cuộc đấu tranh bất bạo động trở nên càng hữu hiệu càng tốt. Khả năng hoạch định được những kế hoạch như thế dựa vào cơ sở của sự hiểu biết đầy đủ toàn bộ bối cảnh mà trong đó cuộc đấu tranh sẽ được xúc tiến. Mục đích chính yếu của phỏng định chiến lược là cung ứng sự hiểu biết đó.

Với nhiều thông tin chi tiết có sẵn, công việc thiết lập kế hoạch có thể được hoàn tất nhanh chóng để khai thác những cơ hội mới có thể đến trong thời gian diễn biến của các chiến dịch.

 **PHỤ LỤC**